N° 184 Mai 1933

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

VIỆC CẢI-CÁCH TRONG TRIỀU-ĐÌNH HUẾ

Ngày mồng 8 tháng tư năm Bảo-đại thứ 8 (mồng 2 tháng 5 năm 1933) là một ngày đáng kỷ-niệm trên lịch-sử chính-trị nước Nam trong khoảng một phần tư thế-kỷ này.

Triều-đình Huế bấy lâu nay như yêm-trệ, không thay đổi được nữa, ai nói đến cũng lắc đầu mà coi như một cái cổ-vật để yên-trí trong nhà bảo-tàng bác-cổ mà thôi, vậy mà nhất-đán nhờ cái trí quả-quyết của một vị tân-quân, cải-cách canh-tân hết cả, nghiễm-nhiên bày ra một cái quang-cảnh mới, khiến cho cả quốc-dân lâu nay đối với Chính-phủ Nam-triều vẫn dường như thờ-ơ lãnh-đạm mà nay cũng sốt-sắng hoan-nghênh, nhiệt-thành mong-mỏi.

Một việc quan-trọng như vậy, mới-mẻ như vậy, có quan-hệ đến tiền-đồ nước nhà như vậy, đáng phải biên-chép cho tinh-tường để ghi nhớ lấy về sau.

Đây là đứng về phương-diện khách-quan mà thuật về việc cải-cách Triều-đình Huế vừa rồi, toàn căn-cứ ở các công-văn sự-thực, không có lấy ý riêng mà phê-bình phán-đoán gì.

***

Sớm mai ngày mồng 2 tháng 5 năm 1933, quan Cơ-mật viện-trưởng Nguyễn Hữu-Bài tiếp được thư của Ngự-tiền Văn-phòng mời đến 5 giờ rưỡi chiều hôm ấy vào điện Kiến-trung để Hoàng-đế ban chuyện trước mặt quan Toàn-quyền và quan Khâm-sứ, lại xin cho triệu-tập viện Cơ-mật tại nhà Cơ-mật tân-viện vào 6 giờ để quan Toàn-quyền và quan Khâm-sứ ở trong Nội ra sẽ thông-cáo cho các quan Cơ-mật biết về mấy việc cải-cách trong Triều-đình.

Bấy giờ trong Kinh-thành Huế và cả ngoài dân-gian không ai ngờ rằng có việc thay-đổi gì lớn trong Triều-đình cả. Công-việc sắp đặt một cách rất kín-đáo, không tiết-lộ ra ngoài. Cho đến 6 giờ chiều hôm ấy, không ai biết chi hết. Chỉ biết rằng quan Toàn-quyền hiện ở Huế đã mấy bữa rồi, thường hội-diện với Hoàng-đế mà bàn-bạc công-việc. Nhưng việc quan Toàn-quyền qua Huế là sự thường, cũng không ai chú-ý cho lắm.

Vậy đúng 5 giờ rưỡi chiều ngày 2 tháng năm, quan Viện-trưởng Cơ-mật vào chầu Hoàng-đế, tiếp tại phòng khách trong điện Kiến-trung, có quan Toàn-quyền Pasquier, quan quyền Khâm-sứ Thibaudeau, quan Chánh-tòa chính-trị ở phủ Toàn-quyền Marty chứng-kiến. Hoàng-đế ban cho quan Quận-công Nguyễn Hữu-Bài rằng ý Ngài quyết thay đổi trong Triều-chính, thi-hành một cái chính-sách mới cho hợp-thời, tự Ngài thân-hành ra cầm quyền và từ nay bãi chức Cơ-mật Viện-trưởng. Đại-khái Ngài nói rằng:

« Hồi tôi mới ở Tây về, thầy cùng các thầy Cơ-mật có tỏ ý muốn từ-chức, để tôi lựa chọn người mới mà lập chính-phủ khác.

« Bấy giờ tôi mới nhất-sơ lâm-chính, còn muốn lưu các thầy lại để giúp việc ít lâu.

« Vả lại riêng về phần thầy là bậc lão-thần có công to với Nhà-nước, tôi vẫn muốn trước khi thầy về hưu có cách gì biệt-đãi để tỏ ơn với thầy.

« Bởi vậy nên tôi mới có dụ phong cho thầy tước Quận-công, là để thưởng cái công thầy giúp Tiên-đế và giúp tôi trong khi du-học.

« Nay tôi đã về nước được bảy tám tháng nay rồi, đủ thì giờ xem xét tình-hình trong nước. Xét trong quốc-dân một lòng mong-mỏi cho tôi ra thân-chánh để làm những việc cải-cách ích-lợi cho dân. Xét về phần Bảo-hộ cũng sẵn lòng trao lại quyền cho tôi để có đủ thế-lực mà lo việc nước.

« Vậy tôi quả-quyết từ nay tự mình chủ-trương việc nước. Tôi đã tự chủ-trương việc nước thì cái chức Cơ-mật viện-trưởng hay là chức thủ-tướng có lẽ không cần như trước nữa. Chức này là Tiên-đế đặt ra để riêng cho thầy có đủ quyền giúp Ngài trong mấy năm sau Ngài đau yếu, lại trong khi tôi còn nhỏ ở du-học bên Pháp, cần phải có chức ấy để chủ-trương việc nước ở nhà.

« Nay tôi đã trưởng-thành về nước và quyết ra thân-chánh, tôi có đồng-ý với quan Toàn-quyền từ nay bãi chức thủ-tướng Cơ-mật viện-trưởng đi, và đặt các quan Cơ-mật là bằng đẳng nhau cả.

« Thầy là bậc trọng-thần có huân-nghiệp với Nhà-nước, vả lại tuổi đã cao, tước đã lớn, đứng bằng-đẳng với các quan Cơ-mật khác không tiện.

« Vậy nếu thầy muốn về nghỉ để an-nhàn dưỡng-lão, tôi cũng không dám cố lưu như mấy lần trước nữa.

« Nhưng dẫu về nghỉ, tôi cũng muốn cho thầy cứ thời-thường tới lui mà giúp bàn việc nước với tôi cũng như thầy Cần (1) vậy. »

Hoàng-đế ban xong, quan Cơ-mật viện-trưởng Nguyễn Hữu-Bài tâu lại rằng: — « Hai-mươi-lăm năm nay chúng tôi giữ chức trọng trong Triều, thủy-chung một lòng phò vua giúp nước, nay tuổi đã cao, dòi phen xin từ chức để về hưu, bây giờ Hoàng-đế mới cho phép về, thật là lấy làm vui vẻ lắm. Chỉ ước-ao một điều, là viện Cơ-mật sau này sẽ làm trọn được nghĩa-vụ, cũng dốc một lòng thờ vua giúp nước thì may cho tiền-đồ nước nhà lắm. »

Quan Toàn-quyền Pasquier cũng nói tiếp theo, lấy lời úy-lạo, tỏ lòng Chính-phủ Bảo-hộ thỏa-hiệp với Hoàng-đế trong việc thay đổi này, và biết công Thủ-tướng bấy lâu nay đã trung-thành với Bảo-hộ, nay sắp về hưu, sẽ nghĩ thù-lao một cách xứng-đáng hơn nữa.

Cuộc hội-diện này chừng 20 phút đồng-hồ. Đoạn rồi quan Cơ-mật viện-trưởng lui về viện để họp các quan đồng-viện, quan Toàn-quyền, quan Khâm-sứ cũng cáo về phủ để đúng sáu giờ sang dự hội-đồng Cơ-mật.

Bản Dụ cải-cách, Ngự-tiền Văn-phòng soạn dịch đã xong, đúng 6 giờ quan Tổng-lý Văn-phòng Phạm Quỳnh thân đem dụ-bản bằng Hán-văn và Pháp-văn qua viện Cơ-mật. Công việc sắp đặt rất kín-đáo, đến bấy giờ, ngoài quan Tổng-lý Văn-phòng, cũng không ai biết lời Dụ-ngữ thế nào.

---

(1) Quan Cần-chánh Tôn-thất Hân.

6 giờ chiều ngày mồng 2 tháng 5 tây, viện Cơ-mật họp đông-đủ cả.

Có quan Viện-trưởng quản Lại-bộ Nguyễn Hữu-Bài, quan Lễ-bộ Võ Liêm, quan Hình-bộ Tôn-thất Đàn, quan Binh-bộ Phạm Liệu, quan Hộ bộ Thái Văn-Toản, quan Công-bộ Vương Tứ-Đại, quan Ngự-tiền Văn-phòng Phạm Quỳnh. Ông Nghị-trưởng viện Dân-biểu Nguyễn Trác cũng dự hội-đồng. Ông Trần Thanh-Đạt, Thương-tá Cơ-mật, cũng tham-dự làm thư-ký.

Về phần quí-quan thì có quan Toàn-quyền PASQUIER, quan quyền Khâm-sứ THIBAUDEAU, quan Chánh-tòa chánh-trị phủ Toàn-quyền MARTY; quan phó cai-trị DU BASTY, hội-lý Hình làm thư-ký.

Khi an-tọa cả, quan Tổng-lý Văn-phòng đưa cho quan Khâm-sứ cái phong-bì trong có bản dụ bằng chữ Pháp và chữ Hán.

Quan Khâm-sứ cầm lấy bản dụ bằng chữ Pháp, khai hội-đồng nói rằng: — Bảo-đại Hoàng-đế muốn cải-cách trong Triều-đình cho thích-hợp với tình-thế trong nước, vừa mới ban một bản dụ xin tuyên-độc cho các quan Cơ-mật biết.

Quan Khâm đọc bản dụ bằng chữ Pháp như sau này:

Ordonnance Royale n° 29 du 8e jour du 4e mois de la 8e année Bảo-Đại (1)

(2 Mai 1933).

« Dans notre ordonnance du 10 Septembre 1932, Nous avons esquissé un plan de réformes que Nous voulions réaliser dans l'intérêt de Notre Peuple.

« Mais avant de rien entreprendre, Nous avons voulu nous rendre compte par Nous-même de la vraie situation du Pays. C'est ainsi que Nous avons parcouru en trois tournées successives toutes les provinces du Trung-kỳ. Nous avons recueilli les doléances de la population. Nous avons constaté qu'un immense espoir l'anime et Nous avons été profondément touché des marques de sympathie et d'attachement qu'elle manifeste à Notre personne. Au contact de ce peuple laborieux et honnête, Nous avons senti grandir en Nous l'amour que Nous lui portons et Notre ferme résolution de Nous dévouer entièrement à son bien.

« Le moment est donc venu pour nous de réaliser les réformes que Nous avons promises.

---

(1) Dịch nghĩa bản dụ số 29 : Dụ số 29 ngày mồng 8 tháng 4 năm Bảo-Đại thứ 8

(2 Mai 1933).

« Trong dụ ngày mồng 10 tháng 8 năm Bảo-đại thứ 7 (10 Septembre 1932) ta đã lược-trù một cái chương-trình cải-cách muốn đem ra thực-hành để lợi-ích cho dân.

« Nhưng trước khi khởi-hành, còn muốn tự xem-xét cho biết rõ cái tình-trạng thiệt trong nước thế nào: Bởi thế nên kế-tiếp luôn ba lần, đi tuần-hành trong khắp các tỉnh Trung-kỳ. Đi đến đâu cũng thâu-nạp những lời yêu-cầu của dân. Ta thường nghiệm thấy lòng dân kỳ-vọng vô-cùng, đối với ta tỏ ra nhiệt-thành ái-đái, thật là cảm-động biết dường nào! Được gần-gũi với kẻ bình-dân siêng-năng lương-thiện của ta, ta lại càng thấy nặng lòng thương dân, và nguyện quả-quyết đem hết tâm-trí để mưu hạnh phúc cho dân.

« Vậy nay đã đến thời-kỳ phải đem ra thực-hành những việc cải-cách mà ta đã hứa từ trước.

« Mais pour entreprendre des réformes, il faut des hommes dont la tournure d'esprit et les conceptions soient en harmonie avec l'évolution générale des idées et des mœurs, des hommes qui aient une compréhension claire et nette des besoins de leur époque et des aspirations du peuple qu'ils sont appelés à diriger.

« Représentants d'un ancien régime qui ne répond plus aux nécessités de l'évolution moderne, les hauts dignitaires qui composent Notre Gouvernement actuel ont très bien compris, dès Notre retour au Pays, que leur devoir était de céder la place à des éléments plus jeunes. C'est ainsi qu'ils Nous ont à maintes reprises manifesté le désir de se retirer des affaires. Ayant tous parcouru une carrière déjà longue au cours de laquelle plusieurs d'entre eux ont rendu d'éminents services au Pays, ils aspirent à un repos bien mérité. Nous les autorisons à prendre leur retraite tout en les félicitant de leur haut sentiment du devoir et de l'esprit d'abnégation dont ils font preuve.

« L. L. E. E. le Quận-công Nguyễn Hữu-Bài, Président du Conseil, Ministre de l'Intérieur, les Hiệp-tá Võ Liêm, Ministre des Rites, Tôn-thất Đàn, Ministre de la Justice, Phạm Liệu, Ministre de la Guerre et Vương Tứ-Đại, Ministre des Travaux publics, sont donc admis à partir de ce jour à faire valoir leurs droits à la retraite.

« Ce changement dans le haut personnel de Notre Gouvernement Nous amène à envisager une réorganisation de ce Gouvernement même.

« Pour assurer une unité de direction dans cette période de transition, Nous décidons de prendre Nous-même la direction des affaires du pays. Les fonctions de premier Ministre Président du Conseil du Cơ-mật sont donc supprimées.

« Nhưng muốn cải-cách, phải có những người có tư-tưởng, có chính-kiến đúng-hợp với cái phong-trào tiến-hóa trong xã-hội, phải có những người thông-hiểu minh-đạt những điều khẩn-yếu đương-thời và những điều nguyện-vọng của quốc-dân.

« Các quan Đại-thần các bộ bây giờ là tiêu-biểu cho một cái chế-độ đã cũ rồi, không thích-hợp với cái trình-độ tân-thời nữa, nên từ khi ta hồi loan, các quan đã hiểu rõ rằng nghĩa-vụ mình là nên lui về để nhường chỗ lại cho các bậc tân-tiến Bởi thế nên đã từng nhiều lần tỏ ý ra với ta rằng muốn xin từ chức. Kể ra thì các quan Đại-thần ấy tùng-chánh đã lâu năm, có người đã làm nên công-nghiệp to với nhà-nước, bây giờ mong được về nghỉ, cũng là xứng-đáng lắm. Ta bằng lòng để các quan về hưu, và ta khen cho tấm lòng cao-thượng biết nghĩa-vụ, cái bụng hi-sinh biết quên mình.

« Vậy bắt đầu từ ngày nay, quan Quận-công Cơ-mật Viện-trưởng, Lại-bộ Thượng-thư Nguyễn Hữu-Bài, các quan Hiệp-tá Võ Liêm, Lễ-bộ Thượng-thư, Tôn-thất-Đàn Hình-bộ Thượng-thư, Phạm Liệu Binh-bộ Thượng thư và Vương Tứ-Đại Công-bộ Thượng-thư, đều được phép về hưu-trí.

« Nay đã thay đổi các quan Đại-thần trong Triều-đình, ta cũng muốn nhân đó chỉnh-đốn lại việc Triều-chính nữa.

« Trong lúc mới cũ đổi thay này, chính-quyền phải cho thống-nhất, nên ta định tự ta ra cầm quyền chủ-trương việc nước.

« Il y aura désormais cinq ministères :

Ministère de l'Intérieur,
Ministère de l'Education Nationale,
Ministère des Finances et de l'Assistance Sociale,
Ministère de la Justice,
Ministère des Travaux, des Arts et des Rites.

« Le Ministère de la Guerre est supprimé, et les services qui en dépendent seront provisoirement administrés par le Ministère de l'Intérieur.

« Les cinq Ministres réunis formeront le Conseil du Cơ-mật présidé par Nous-même. Il n'y aura pas de hiérarchie entre eux, et ils seront au sein du Conseil nos collaborateurs au même titre.

« Une Ordonnance spéciale prise d'accord avec le Gouvernement du Protectora fixera avec précision les attributions du Cơ-mật, celles du Conseil des Ministres présidé par le Résident Supérieur et celles de chaque Ministère.

« D'accord avec le Gouvernement du Protectorat, les délégations auprès de certains de nos Ministères sont supprimées. Les Délégués seront remplacés par des Conseillers techniques désignés par le Gouvernement du Protectorat avec Notre assentiment.

« Dans le choix des nouveaux Ministres, Nous ne nous préoccupons que de leur valeur personnelle, de leurs qualités intellectuelles et morales, de la bonne réputation dont ils jouissent dans le peuple, sans Nous soucier de leur ancienneté ou de leur grade dans la hiérarchie.

« Nous nommons donc :

S.E. Thái Văn-Toãn, du grade de Hiệp-tá-đại-học-sĩ, Ministre des Travaux, des Arts et des Rites ;

« Vậy chức Cơ-mật Viện-trưởng đình-bãi, và từ rày về sau chỉ đặt có năm bộ :

Bộ Lại,
Bộ Quốc-dân giáo-dục,
Bộ Tài-chánh và Xã-hội cứu-tế.
Bộ Tư-pháp,
Bộ Công-tác, kiêm Mỹ-thuật và Lễ-nghi.

« Bộ Binh thời bãi đi, công việc bộ ấy tạm giao cho bộ Lại kiêm-lý.

« Các quan Thượng-thư năm bộ ấy đều sung làm Cơ-mật đại-thần, không phân-biệt phẩm-cấp gì, đều bằng đẳng như nhau cả, mà viện Cơ-mật thời tự ta chủ-trương.

« Rồi đây sẽ có Dụ thương-đồng với Chính-phủ Bảo-hộ định rõ-ràng chức-trách của viện Cơ-mật, của Hội-đồng Thượng-thư do quan Khâm-sứ Trung-kỳ làm chủ-tọa, và của mỗi bộ phân-biệt thế nào.

« Nay hiệp-ý với Chánh-phủ Bảo-hộ bãi các chức Hội-lý các bộ đi, rồi sẽ do Chính-phủ Bảo-hộ đồng-ý với ta chọn người làm chức Cố-vấn chuyên-môn để thay vào.

« Còn việc lựa chọn các quan Thượng-thư mới, thời ta chỉ cốt chọn lấy người có phẩm-giá, có học-thức, có tinh-hạnh và danh tiếng tốt trong dân-gian, mà bạt-thụ lên, chứ không có câu-nệ về niên-hạn cùng phẩm-trật.

« Vậy ta bổ-dụng những người sau này :

« Quan Thái Văn-Toãn, hàm Hiệp-tá đại-học-sĩ, bổ Thượng-thư bộ Công-tác, kiêm Mỹ-thuật và Lễ-nghi ;

S.E. Phạm Quỳnh, Ministre de l'Education Nationale, fonctions qu'il remplira cumulativement avec ses fonctions actuelles de Directeur de Notre Cabinet ;

S.E. Hồ Đắc-Khải, actuellement Tổng-đốc du Bình-định, Ministre des Finances et de l'Assistance Sociale ;

S.E. Ngô Đình-Diệm, actuellement Tuần-vũ du Bình-thuận, que Nous élevons exceptionnellement au grade de Thượng-thư, Ministre de l'Intérieur ;

S.E. Bùi Bằng-Đoàn, actuellement Tuần-vũ au Tonkin, que Nous élevons également à titre exceptionnel au grade de Thượng-thư, Ministre de la Justice.

« Les nouveaux Ministres sont nommés pour trois ans.

« Ils se réuniront immédiatement en Commission des Réformes pour étudier l'application des principales réformes que Nous avons annoncées dans Notre Ordonnance du 10 Septembre 1932.

« La Commission des Réformes sera présidée par M. le Résident Supérieur en Annam. Le Ministre l'Education Nationale, Directeur de Notre Cabinet, est nommé Rapporteur Général de la Commission.

« Respect à ceci

Vu :

Huế, le 2 Mai 1933.

Le Résident Supérieur p. i. en Annam,

Signé : THIBAUDEAU.

Pour notification conforme :

Huế le 2 Mai 1933.

Le Ministre Directeur, du Cabinet Civil de Sa Majesté,

Signé : PHẠM QUỲNH.

Huế, le 2 Mai 1933.

Vu et Aprpouvé :

Le Gouverneur Général de l'Indochine,

Signé : PASQUIER.

« *Quan Phạm Quỳnh, bổ Thượng-thư bộ Quốc-dân giáo-dục, mà vẫn kiêm sung chức Ngự-tiền Văn-phòng Tổng-lý đại-thần như bây giờ ;*

« *Quan Hồ Đắc-Khải, hiện Tổng-đốc Bình-định, bổ về Thượng-thư bộ Tài-chính và Xã-hội cứu tế ;*

« *Quan Ngô Đình-Diệm, hiện lãnh Tuần-vũ Bình-thuận, nay đặc-cách cho thăng hàm Thượng-thư, bổ Thượng-thư bộ Lại ;*

« *Quan Bùi Bằng-Đoàn, hiện Tuần-vũ ở Bắc-kỳ, cũng đặc-cách cho thăng hàm Thượng-thư, bổ Thượng-thư bộ Tư-pháp.*

« *Các quan Thượng-thư mới đều định hạn bổ dụng là ba năm.*

« *Khi bổ xong liền phải hợp thành hội-đồng cải-cách để nghiên-cứu về cách thi-hành những điều cải-cách đã tuyên-bố trong Dụ ngày mồng 10 tháng 8 năm ngoái (10 Septembre 1932).*

« *Hội đồng cải-cách ấy sẽ do quan Khâm-sứ Trung-kỳ làm chủ-tọa, mà quan Thượng-thư bộ Quốc-dân giáo dục kiêm sung Ngự-tiền Văn-phòng tổng-lý thi chuẩn cho sung chức Điều-tra tổng-ủy-viên* (Rapporteur Général) *của Hội-đồng.*

« *Khâm-thử* »

Quan Khâm-sứ đọc xong bản Dụ số 29, lại đọc tiếp bản Dụ số 30 như sau này :

Ordonnance Royale n° 30 du 8e jour du 4e mois de la 8e année Bảo-Đại (1)
(2 Mai 1933)

« S. E. le Võ-hiển Quận-công Nguyễn Hữu Bài, ancien Président du Conseil du Cơ-mật, qui vient d'être autorisé, à prendre sa retraite conformément à Notre Ordonnance N° 29 en date de ce jour, a été un grand serviteur de l'Etat.

« Nous avons à plusieurs reprises exprimé à ce haut dignitaire, ainsi qu'à S. E, le Cần-chánh Tôn-thất Hân, toute Notre gratitude pour les services éminents qu'ils ont rendus l'un et l'autre au Pays et à la Dynastie.

« Par Ordonnance en date du 1er Novembre 1932 (4e jour du 10e mois de la 7e année BAO DAI) Nous avons élevé S. E. Tôn-thất Hân à la dignité de Cần chánh et S. E. Nguyễn Hữu-Bài au titre de noblesse de Quận-công.

« Par la présente et pour bien montrer les sentiments de haute estime dans lesquels Nous les tenons, Nous les nommons tous les deux « Vénérables Conseillers du Royaume » (Cố-vấn nguyên-lão).

« Dans leur retraite, Nous leur demanderons de venir de temps en temps Nous voir et de faire profiter Notre jeunesse de leur grande expérience et de leur profonde sagesse.

« Quand ils seront invités aux cérémonies du Palais ou de la Cour, ils auront droit aux toutes premières places et passeront avant tous les autres dignitaires de la Cour, quels que soient leurs fonctions, leurs titres ou leurs grades.

« Respect à ceci ! »

Vu :
Huế, le 2 Mai 1933.
Le Résident Supérieur p. i. en Annam,
Signé : THIBAUDEAU.

Pour notification conforme :
Huế, le 2 Mai 1933.
Le Ministre Directeur du Cabinet Civil de Sa Majesté,
Signé : PHẠM QUỲNH.

---

(1) Dịch nghĩa bản dụ số 30 : Dụ ngày mồng 8 tháng 4 năm Bảo-Đại thứ 8
(2 Mai 1933).

« Quan Võ-hiển Quận-công Nguyễn Hữu-Bài nguyên Cơ-mật viện-trưởng, mới được phép về hưu theo lời dụ số 29 ngày nay, là một vị công-thần của nhà nước ta.

« Ta đã từng nhiều lần tỏ lòng cảm ơn những công-nghiệp của quan Võ-hiển Nguyễn Hữu-Bài cùng quan Cần-chánh Tôn-thất Hân đã giúp cho quốc-gia cùng bản-triều.

« Ngày mồng 4 tháng 10 năm Bảo-đại thứ 7 (1er Novembre 1932) ta đã có dụ thăng cho quan Tôn-thất Hân lên chức Cần-chánh và ban cho quan Nguyễn Hữu-Bài được tước Quận-công.

« Nay lại muốn tỏ lòng kính-mến hai bậc Lão-thần đó, nên có dụ này tặng cho cả hai vị ấy chức « Cố-vấn nguyên-lão ».

« Hai vị đã về hưu, ta muốn cho thời-thường được vào chầu ta, mà đem cái tài lịch duyệt, cái trí khôn-ngoan để giúp ta trong lúc thanh-niên sơ-chánh.

« Những khi có lễ-nghi gì trong Triều hay trong Nội, mà hai vị được triệu mời, thời được đứng ngồi trên hết thảy, các quan đại-thần khác trong Triều dù chức-vị thế nào mặc lòng cũng phải đứng dưới cả.

« Khâm-thử »

Quan Khâm đọc xong hai bản Dụ bằng chữ Pháp rồi, quan Thương-tá Cơ-mật liền đọc bản Dụ bằng chữ Hán.

Đoạn rồi quan Khâm nói rằng: — Việc thay đổi trong Triều-chính này là Hoàng-đế xét tình-thế trong nước cần phải làm như vậy, Chính-phủ Bảo-hộ cũng biểu đồng-tình. Các quan Cơ-mật đại-thần là những người đã có lịch-duyệt về việc nước, chắc cũng hiểu thời-thế mà biết việc cải-cách đó là nên. Các ngài đã có công giúp nước, nay sắp về nghỉ, Chính-phủ Bảo-hộ có lời trân-trọng cảm ơn, và ước-ao rằng dù xa nơi triều-chính nhưng cũng vẫn thời-thường đi lại với quan Thủ-hiến Bảo-hộ để giúp bàn công-việc.

Quan Khâm nói xong, quan Toàn-quyền nói tiếp liền:

— Tôi đối với các quan Cơ-mật đây là chỗ quen biết đã lâu cả. Trong cuộc giao-tế, cố-nhiên là có chút cảm-tình. Nhưng các quan cũng vậy, mà tôi cũng vậy, tưởng lúc này không phải là lúc chúng ta cảm-động bùi-ngùi. Ta phải nên nhận chân cái tình-thế trong xứ này mà hiểu cái ý-nghĩa việc cải-cách của đức Bảo-đại đã quả-quyết làm ngày nay. Việc cải-cách này là vượt qua ra ngoài cái phạm-vi cá-nhân, mà là vì thời-thế sử-nhiên, sớm trưa tất phải làm. Các quan đều có công với nước cả; nhưng cái chức-vụ của các quan là duy-trì từ trước tới nay, cái chức-vụ của Chính-phủ sau này là phải suy-khư cho tấn-bộ lên. Công việc của các quan đã hoàn-thành, nay đến công việc của người mới phải kế-tiếp. Vả lại, ở nước Nam từ xưa đến giờ, cái lệ thường là vua chỉ « bị-vị » chớ không có « thực-trị », thực quyền chính-trị là ở đình-thần. Nay đức Bảo-đại muốn thân-hành thực-trị, đem cái trí-não mới mà cải-cách việc triều-chính, phận-sự của các quan là phải hiểu cái ý của Ngài, mà vâng lệnh Ngài, cho Ngài thi-hành được cái chí đó. Các quan là người thông-đạt cả, chắc cũng đã hiểu rõ vậy.

Quan Toàn-quyền nói xong, trong phòng hội-đồng yên lặng như tờ, không có một tiếng động.

Quan Cơ-mật Viện-trưởng Nguyễn Hữu-Bài nói rằng:

— Về phần riêng tôi, Hoàng-đế đã cho triệu vào trong Nội ban các lẽ, tôi cũng đã tâu xin lĩnh ý. Tôi đã già đời phò vua giúp nước, nay được về nghỉ, thật lấy làm vui mừng. Tôi chúc cho bản Thượng-thư mới làm được trọn nghĩa-vụ để khỏi phụ ơn Vua tri-ngộ. Phần chúng ta là người cũ, bấy lâu chỉ chăm về việc trị-an, chưa từng nghĩ đến việc cải-cách. Đó là phần việc các ngài sau này. Nhưng chúng ta bấy lâu cũng đã có thương-thuyết yêu-cầu với Bảo-hộ một vài điều, mong rằng những điều đó, bản Thượng-thư sau này sẽ cố thỉnh-cầu cho được. Phần riêng tôi, thì tôi lui về vẫn lấy làm bằng lòng lắm.

Quan Nguyễn Hữu-Bài nói xong, hồi lâu không ai nói gì cả.

Quan Toàn-quyền, quan Khâm-sứ đã sắp giải-tán hội-đồng, thời quan Hình-bộ Tôn-thất Đàn đứng lên nói rằng:

— Hoàng-đế đã ban cho chúng tôi về hưu, tôi cũng không dám phàn-nàn gì cả. Duy ở các nước quân-chủ, lệ thường bao giờ trong Chính-phủ cũng có một người Hoàng-phái. Nay trong viện Cơ-mật mới, tôi không thấy có ai là đại-biểu cho Hoàng-phái cả. Kể trong hàng Tổng-đốc các tỉnh mà có tư-cách làm Thượng-thư được, tôi tưởng như ông Tôn-thất Quảng Tổng-đốc Thanh, là người bản tân bản cựu, không phải là không xứng-đáng.

Quan Toàn-quyền, quan Khâm-sứ đã đứng dậy, nên cũng không trả lời nữa. Quan Khâm-sứ chỉ nói một câu rằng: — Đại-biểu cho Hoàng-phái đã có Hoàng-đế đó!...

Quan Hộ-bộ Thái Văn-Toản bấy giờ lại đứng lên nói rằng:

— Tôi xin phép các quan bộc-bạch một đôi lời. Tôi vốn là thuộc về bàn Thượng-thư cũ, các ngài nay lui về cả mà duy còn tôi ở lại, kẻ ở người đi, trong bụng thật cũng bùi-ngùi. Nhưng lệnh Hoàng-đế, tôi không dám không tuân....

7 giờ kém 15, hội-đồng giải-tán.

Tối hôm ấy tin truyền đi khắp Kinh-thành Huế như sấm vang, như chớp nhoáng, ai nấy sửng-sốt lạ lùng. Thật là không ai ngờ!...

. . .

Sớm ngày 3 tháng 5 (ngày thứ tư), điện A.R.I.P. truyền đi khắp trong Nam ngoài Bắc lời thông-cáo như sau này: (1)

« Sa Majesté Bảo-Đại a profité du séjour de M. le Gouverneur Général Pasquier à Huế, pour arrêter d'accord avec le Représentant de la France, les bases d'une réorganisation profonde du Gouvernement Annamite.

« Une Ordonnance Royale promulguée à la date du 2 Mai, prononce la mise à la retraite de cinq Ministres, supprime le poste de Président du Conseil du Cơ-mật et institue un nouveau gouvernement composé de cinq départements ministériels.

« L'Ordonnance prévoit la désignation de conseillers techniques français auprès des nouveaux ministres. Ceux-ci, outre l'expédition des affaires de leur Ministère respectif, sont expressément constitués en Commission des Réformes sous la présidence du Résident Supérieur en Annam. Ils auront mission de préparer les textes nécessaires pour réaliser les réformes d'ordre administratif, judiciaire et social promises par Sa Majesté lors de sa prise du pouvoir au mois de Septembre dernier.

« Le choix des nouveaux Ministres a été décidé uniquement, ainsi que l'indique l'Ordonnance Royale, en considération de leur valeur personnelle, de leurs qualités intellectuelles et morales, de la bonne réputation dont ils jouissent dans le peuple, sans égard à leur rang dans la hiérarchie mandarinale.

---

(1) *Dịch ra quốc-ngữ như sau này:*

« *Nhân dịp quan Toàn-quyền* PASQUIER *ở Huế mấy ngày, Đức Bảo-đại có đồng-ý với Ngài mà hiệp định những điều quan-hệ về một cuộc cải-cách lớn trong Nội-các Nam-triều.*

« *Đạo Chỉ-dụ của Kim-thượng ngày hôm nay cho năm quan Thượng-thư về hưu, bãi bỏ chức Viện-trưởng viện Cơ-mật, mà lập một Nội-các mới gồm có năm bộ.*

« *Trong Chỉ-dụ lại định việc cử những quan Cố-vấn chuyên-môn người Pháp giúp việc cho các quan Bộ-trưởng. Các quan Bộ-trưởng, ngoài công việc của bộ mình, còn hợp làm một « Hội-đồng cải-cách » do quan Khâm-sứ Trung-kỳ chủ-tọa. Công-việc của các Bộ-trưởng trong Hội-đồng ấy là thảo những giấy tờ về các vấn-đề cải-cách về hành-chính, tư-pháp và xã-hội mà Kim-thượng đã hứa khi lâm-chánh hồi tháng Septembre vừa rồi.*

« *Theo đạo Chỉ-dụ, thì việc lựa chọn các quan Bộ trưởng mới, chỉ cốt lấy người có phẩm-giá, học-thức, tính-hạnh và danh-tiếng tốt trong dân-gian, mà không theo phẩm-trật nữa.*

« Leurs nomination est faite pour une durée maximum de trois ans afin de marquer la volonté de Sa Majesté de rompre avec le gérontisme qui semble avoir été jusqu'à ce jour, une des principales causes de la stagnation du Gouvernement protégé.

« Les cinq Ministères sont ainsi répartis :

Intérieur. — S. E. Ngô Đình-Diệm, Tuần-vũ de la province de Phan-thiết.

Education. — S. E. Phạm Quỳnh qui conserve les fonctions de Directeur du Cabinet de Sa Majesté et sera également investi de celles de Rapporteur Général de la Commission des Réformes.

Finances. — S. E. Hồ Đắc-Khải, Tổng-đốc de Bình-định.

Justice. — S. E. Bùi Bằng-Đoàn, Tuần-vũ de la province de Ninh-bình au Tonkin.

Travaux, Beaux-arts et Rites. — S. E. Thái Văn-Toản qui était Ministre des Finances dans l'ancien gouvernement.

« Tous ces Ministres appartiennent à la jeune génération des mandarins ayant reçu une bonne instruction occidentale et qui sont réputés pour avoir réagi contre les habitudes de concussion qu'on a si souvent reprochées aux fonctionnaires indigènes.

« Sa Majesté Bảo-Đại éprise de justice et de progrès, est résolue à lutter énergiquement contre les abus de toutes sortres de l'ancienne machine administrative et à faire disparaître progressivement des pratiques surannées d'administration qui sont anachroniques et font encore obstacle à une bonne adaptation de la société indigène aux conditions de la vie moderne.

Lại kỳ-hạn Bộ-trưởng định lâu lắm là ba năm. Ấy cũng là ý Kim-thượng muốn tiệt cái thói dùng những người lão-quyện làm đại-thần, đó chính là một nguyên-nhân cốt-yếu làm cho Chánh-phủ Nam-triều ngưng-trệ bấy lâu.

« *Năm quan Thượng-thư mới là :*

« Thượng-thư bộ Lại : *quan Ngô Đình-Diệm, trước Tuần-vũ Phan-thiết.*

« Thượng-thư bộ Quốc-dân giáo-dục : *quan Phạm Quỳnh, vẫn kiêm Ngự-tiền Văn-phòng Tổng-lý, lại kiêm thêm Tổng-ủy-viên ở « Hội-đồng cải-cách ».*

« Thượng-thư bộ Tài-chính : *quan Hồ Đắc-Khải, trước Tổng-đốc Bình-định.*

« Thượng-thư bộ Tư-pháp : *quan Bùi Bằng-Đoàn, trước Tuần-vũ Ninh-bình (Bắc-kỳ).*

« Thượng-thư bộ Công-tác, kiêm Mĩ-thuật và Lễ-nghi : *quan Thái Văn-Toản, Bộ-trưởng Tài-chánh trong Nội-các trước.*

« *Các quan Thượng này là thuộc về lớp trẻ trong quan-trường đã có hấp-thụ được nhiều tây-học và có tiếng là được khỏi cái tệ tham-nhũng mà quan-lại người Nam thường hay mang tiếng.*

« *Vì lòng nhiệt-thành với công-lý và cuộc tiến-bộ, nên đức Bảo-đại đã quyết lòng trừ các điều tệ của cái máy chánh-trị cũ và làm cho tiêu-diệt lần lần cái lối cai-trị xưa, vì không còn hợp với thời nữa, và làm trở-ngại cho sự biến-cải của xã-hội Việt-Nam theo các điều-kiện ở buổi đời mới.*

« L'acte que vient d'accomplir Sa Majesté Bảo-Đại aura un retentissement profond dans le peuple annamite dont le Souverain a conquis la sympathie en parcourant successivement au cours de ces derniers mois, toutes les provinces de son royaume.

« L'élite moderne déjà nombreuse qui est constituée par les jeunes hommes sortis des écoles supérieures de la Métropole ou de l'Indochine, trouve dans le jeune Monarque, son plus digne représentant. Tous les cœurs des bons patriotes annamites qui sont loyalement confiants dans l'aide tutélaire de la France pour assurer l'avenir et la grandeur de la nation annamite, sont aujourd'hui inclinés vers Sa Majesté Bảo-Đại dont l'autorité morale et le prestige paraissent solidement établis.

« Avant de quitter Huế pour rentrer à Hanoi, le Gouverneur Général PASQUIER a tenu à adresser à Sa Majesté Bảo-Đại, une lettre dans laquelle il la félicite pour l'heureuse et courageuse initiative qu'elle vient de prendre et lui renouvelle l'assurance, déjà donnée solennellement par le Ministre des Colonies ALBERT SARRAUT, qu'elle peut compter sur l'approbation et l'appui du Gouvernement Français pour l'accomplissement de l'œuvre d'assainissement moral auquel elle entend consacrer ses efforts. »

12 giờ trưa ngày mồng 3 tháng 5, quan Toàn-quyền PASQUIER lên xe lửa tốc-hành ra Hà-nội. Trước khi dời kinh thành Huế, Ngài có để lại một bức thư cho đức Bảo-đại, như trong lời thông-cáo trên kia đã nói.

Bức thư ấy nguyên văn chữ Pháp như sau : (1)

« SIRE,

« Je vais quitter Huế tout à l'heure, le cœur empli d'une très vive satisfaction. Ces quelques jours au cours desquels nous avons examiné ensemble le

---

« Việc cải-cách trong quan-trường của đức Bảo-đại làm đó sẽ có ảnh-hưởng rất sâu trong dân-gian mà Ngài đã chiếm được lòng ái-mộ, trong khi tuần-du khắp trong xứ vừa rồi.

« Hạng thượng-lưu mới cũng đã đông người và gồm có các thanh-niên do các trường Cao-đẳng bên Pháp hoặc ở Đông-dương xuất-thân, ngày nay được tìm thấy trong đức Kim-thượng một người thay mặt cho họ một cách rất xứng-đáng. Uy-quyền của đức Kim-thượng ngày nay đã vững bền ; những người Nam có nhiệt-tâm với Tổ-quốc và có tiếng tin cậy ở nước Pháp về tương-lai của nước nhà, thì đều xây đầu lại với đức Bảo-đại.

« Trước khi từ giã Kinh-thành mà ra Bắc, quan Toàn-quyền PASQUIER *có gửi cho đức Bảo-đại một bức thư để khen Ngài về công việc rất hay và rất can-đảm của Ngài, và nhắc lại với Ngài những lời mà quan Thượng-thư Thuộc-địa* ALBERT SARRAUT *đã tuyên-bố một cách rất trọng-thể, là khi nào Ngài cũng có thể tin cậy ở Chánh-phủ Pháp về các công việc sửa đổi mà Ngài đã để ý đến. »*

* * *

(1) Dịch ra quốc-ngữ :

« Tâu Hoàng đế,

« Lát nữa tôi sắp dời Kinh-thành Huế, trong lòng rất khoan-khoái vui vẻ Trong cái đời làm Toàn-quyền của tôi, mấy ngày vừa qua mà chúng ta cùng xem

plus important des problèmes de la politique intérieure de votre Royaume, laisseront dans ma mémoire un des plus agréables souvenirs de ma carrière de Gouverneur Général.

« Vous avez, Sire, avec une admirable conscience de la grandeur de votre tâche, marqué votre volonté d'accomplir un acte qui ne laissât place à aucune critique et qui répondît directement aux plus légitimes aspirations de votre peuple. Je tiens à vous redire combien j'ai été heureux d'avoir pu constater, dès notre première entrevue, l'accord spontané de nos pensées et de nos espoirs touchant l'orientation qu'il convenait de donner désormais à l'activité du Gouvernement Royal.

« Je vous renouvelle mes félicitations et l'assurance que je suivrai avec le plus sympathique intérêt, le développement de la politique que Votre Majesté a si opportunément inaugurée et à laquelle le Gouvernement Français donne sa complète approbation.

« Je vous prie d'agréer, Sire, l'expression affectueuse de ma profonde amitié.

« Signé : P. PASQUIER »

* * *

Ngày mồng 6 tháng 5 tây (12 tháng tư ta), các quan Cơ-mật về hưu làm lễ bái-mạng tại trước điện Cần-chánh, có cả các Hoàng-thân, Tôn-nhân, văn-võ-đình-thần đến thị-lễ.

10 giờ hôm ấy, tại điện Cần-thành, trước mặt quan Khâm cùng các qui-quan Chánh-phủ Bảo-hộ và cả các đình-thần, Hoàng-đế tiếp các quan Cơ-mật về hưu lần cuối cùng, ngài nói mấy lời úy-lạo, rồi gắn huy-chương cho các quan :

Quan Võ-hiển Quận-công Nguyễn Hữu-Bài được tặng nhất-hạng Long-bội-tinh ;

Quan Lễ-bộ Võ Liêm được đặc-hạng Kim-khánh ;

Còn ba quan Hình-bộ Tôn-thất Đàn, Binh-bộ Phạm Liệu và Công-bộ Vương Tứ-Đại đều được nhị-hạng Long-bội-tinh.

Các quan cảm tạ Hoàng-đế rồi cáo lui.

---

xét cái vấn-đề quan trọng nhất về việc nội-chính trong nước này, sẽ lưu lại trong trí nhớ tôi một cái kỷ-niệm rất êm-ái.

« *Hoàng-đế đã đồng-tất cái thiên-chức lớn-lao của Ngài, nên Ngài quả-quyết thi-hành một việc khiến cho không ai đi-nghị được nữa và trực-tiếp thỏa được cái mối hi-vọng rất chánh-đáng của thần-dân Ngài. Tôi xin nói rõ để Hoàng-đế biết cho rằng ngay từ bữa mới hội-diện lần đầu, tôi đã vui vẻ mà nghiệm thấy rằng tình-ý của chúng ta tự-nhiên mà thích-hợp với nhau thuộc về cái phương-châm mới nên định cho Chánh-phủ Nam-triều từ nay.*

« *Tôi xin có lời khen Ngài về việc cải-cách đó, và quyết với Ngài rằng tôi sẽ vui lòng để ý về sự tiến-hành của cái chính-sách mới mà Ngài đã khởi-xướng ra một cách hợp-thời như vậy. Chính-phủ Pháp thật là hoàn-toàn ý-hiệp với Ngài.*

« *Xin Hoàng-đế nhận tấm lòng thân-thiết kính-ái của tôi.*

« *Ký tên* : P. PASQUIER »

Ngay 5 giờ hôm ấy, quan Võ-hiển Nguyễn tư-biệt Đình-thần về nghỉ tại sở khẩn riêng của ngài ở Quảng-trị là sở Phước-môn.

Các quan Thượng-thư khác cũng lần-lượt dời nơi công-thự mà về biệt-thự cả, hai quan Võ và Phạm về nhà riêng ở trong thành, quan Tôn-thất về làng Vi-dã gần đấy, quan Vương thì về trong Bình-định.

* *

Ngay chiều ngày mồng 2 tháng 5, Dụ vừa ra thì có điện triệu các quan Thượng mới về Kinh. Quan Hồ Đắc-Khải ở Bình-định, quan Ngô Đình-Diệm ở Phan-thiết, quan Bùi Bằng-Đoàn ở Ninh-bình, được tin cần-cấp phải về Huế ngay, lúc đầu chưa biết về chuyện gì, có ngài phải đi cả đêm cho kịp tới nơi.

Khi năm quan Thượng mới đã có mặt ở Huế thời vào bệ-kiến Hoàng-đế, và làm lễ bái tân mạng tại điện Cần-chánh. Nhưng tựu-trung có ngài công việc ở bản-tỉnh chưa thu xếp xong, liền lại phải về để xếp việc và bàn-giao cho người đến thay.

Ở bộ thì ngay bữa các quan Thượng cũ bái-mạng về hưu, công việc trong Bộ đã giao cho các quan Tham quan Thị quyền-chưởng.

Mãi đến ngày 17 tháng 5, các quan Cơ-mật mới mới về nhận việc đông đủ cả.

Bữa đó 4 giờ chiều quan quyền Khâm-sứ THIBAUDEAU họp kỳ hội-đồng Thượng-thư lần đầu, để mừng các quan Thượng mới và chỉ vẽ cho đường-lối làm việc cùng thái-độ của Chánh-phủ mới phải thế nào. Ngài nói đại-khái rằng :

— Tôi không có ý chỉ-trích cái thái-độ của Chánh-phủ cũ. Nhưng Chánh-phủ cũ vì quá thủ-cựu nên không khỏi ngăn-trở việc tiến-hóa trong nước. Cứ xem ngay gương Trung-kỳ với Bắc-kỳ thì biết. Bắc-kỳ không có sự ngăn-trở đó, có phải tấn-tới mau hơn Trung-kỳ nhiều không ? Nay Hoàng-đế ban cái Dụ ngày mồng 2 tháng 5 là muốn trừ bỏ cả cái lối chính-trị cổ-hủ từ trước, nên nhất-phiêu canh tân cho Nam-triều bày ra một cái quang-cảnh mới.

« Phận-sự của các quan Cơ-mật mới là phải làm thế nào cho đạt được cái mục-đích cao-xa của Hoàng-đế đó.

« Việc cải-cách này về thực-sự đã đành, mà trọng nhất lại là về phần tinh-thần. Các quan phải cư-xử thế nào cho khỏi mắc những cái thói xấu từ trước : như cái thói siểm-mị người trên, cầu lợi cho mình, ăn tiền của dân, tìm thầy che-chở, v.v .

« Về phần thực-sự, công việc cũng nhiều : nào là sửa đổi luật-pháp, nào là định rõ chức-quyền, nào việc đạc-điền, nào việc trước bạ, nào việc đặt sổ sinh, tử, giá thú, nào việc đặt sổ ngân-sách các làng, v.v..

« Về đường tinh-thần, về đường thực-sự, các quan đều phải gắng-gỏi cho xứng đáng lòng tín-dụng của Hoàng-đế cùng Bảo-hộ ».

Quan Khâm nói xong, quan Thượng Lễ Thái Văn-Toản đứng lên thay mặt cả bàn Thượng-thư mới cảm ơn, xin hết lòng phò vua giúp nước, trung-thành với Bảo-hộ, lại gửi lời kính chào các quan Thượng cũ mới về hưu.

* *

Ngày 26 tháng 5 tây (là ngày mồng 3 tháng 5 ta), tức là ngày sau lễ Hưng-quốc khánh-niệm, nhân quan Toàn-quyền qua Huế, Hoàng-đế định họp hội-đồng Cơ-mật lần đầu, tức là lễ khai-mạc của Chính-phủ mới.

9 giờ mai, Hoàng-thượng ngự ra điện Cần-chánh, chủ-tọa hội-nghị Cơ-mật mới triệu-tập lần đầu.

Vào chầu dự hội, có quan Toàn-quyền Đông-Pháp PASQUIER, quan quyền Khâm-sứ Trung-kỳ THIBAUDEAU, quan Toàn-quyền vinh-hàm CHARLES, các quan Cơ-mật đại-thần :

THÁI VĂN-TOẢN, Thượng-thư bộ Công-tác, Mĩ-thuật và Lễ-nghi ;
PHẠM QUỲNH, Thượng-thư bộ Quốc-dân giáo-dục ;
HỒ ĐẮC-KHẢI, Thượng-thư bộ Tài-chính và Xã-hội cứu-tế ;
NGÔ ĐÌNH-DIỆM, Thượng-thư bộ Lại ;
BÙI BẰNG ĐOÀN, Thượng-thư bộ Tư-pháp ;

và Hoàng-thân-vương, văn, võ đình-thần với ông NGUYỄN TRÁC dân-biểu Thượng-thư, cùng các quí-quan :

NORRE, Đồng-lý Văn-phòng phủ Toàn-quyền ;
BREDA, Giám-đốc chính-trị tòa Khâm-sứ ;
DOUGUET, Quản đốc văn-phòng tòa Khâm-sứ ;
COLLET, Luật-sư, Luật-khoa cố-vấn ;
DELETIE, Chuyên-môn cố-vấn bộ Giáo-dục ;
TAJASQUE, Quản-lý Văn-phòng phủ Toàn-quyền ;
Quan ba BRUSSEAUX, quan hầu quan Toàn-quyền ;
DELAGE, Quản-lý Văn-phòng tòa Khâm-sứ ;
DU BASTY, Cố-vấn bộ Tư-pháp và bộ Tài-chính ;
SURCOUF, Thư-ký riêng của quan Khâm-sứ ;
LAGISQUET, chuyên-môn cố-vấn bộ Công-tác và Mĩ-thuật.

Khi đã an tọa rồi, Hoàng-thượng khai hội đọc lời huấn-thị Sắc-ngữ bằng chữ quốc-ngữ như sau này :

« Bữa nay là hội-đồng Cơ-mật mới họp lần đầu, tôi thân-hành ra chủ-tọa, có quan Đại-diện Chính-phủ Pháp ở Đông-dương và quan Thủ-hiến Chính-phủ Bảo-hộ Trung-kỳ đến chứng-kiến, các thầy Cơ-mật đại-thần mới, là những người trực-tiếp giúp việc tôi trong triều-đình, tôi muốn nhân dịp này nói rõ cho các thầy hiểu cái nghĩa-vụ chức-trách của các thầy thế nào, và lòng tôi kỳ-vọng ở các thầy những gì, đặng cho thi-hành được cái tân chánh-sách tôi đương ban-bố để ích-quốc lợi-dân.

« Tôi bạt-dụng các thầy cho chức Thượng-thư, cho dự Cơ-mật, để bàn-định những việc quốc-gia đại-sự, là tôi tin ở cái tài-năng phẩm-cách của các thầy đã có tiếng tốt trong nước, tin ở cái lòng vị-nghĩa, ở cái bụng công-tâm, ở cái trí am-hiểu những mối lợi-quyền lớn của nước nhà cùng những sự nguyện-vọng xa của quốc-dân.

« Lòng tín-dụng đó, tôi chắc các thầy sẽ gắng-gỏi cho được xứng-đáng, sẽ hết sức làm việc cho khỏi phụ, dốc một lòng trung-thành với Hoàng-triều, với tổ-quốc, bỏ cả cái bụng tư-kỷ mà chỉ chăm về đường công-ích.

« Chỉ tôi là muốn trừ bỏ những cách chính-trị quá cũ không thích-hợp với thời-đại này. Tôi muốn cho nước Nam tấn-bộ theo thời, không chậm kém các nước khác trong thiên-hạ nữa. Làm thế là không phải bạo-động biến-cách, tức là tuần-tự canh-tân, là một việc cần. Nước không đổi mới là nước hỏng. Tôi muốn cho nước này được hoạt-động, nên tôi quyết đem hết quyền-lực giúp cho được tấn-hóa, cho mau bước lên con đường cải-cách văn-minh. Nước Pháp đã có công giáo-dục

cho tôi, nay cũng sẵn lòng tán-trợ cho tôi trong việc cải-cách này. Các ngài thay mặt Đại-Pháp ở bên đó và ở ngay đây, đã từng nhiều lần quả-quyết với tôi như vậy.

« Bởi tôi chắc có qui-quốc giúp đỡ, lại tự tôi tin rằng nước này không thể cứ trầm-trệ trong cái lề-lối cũ được nữa, nên mới rồi tôi đã quả-quyết thay đổi gần hết các đại-thần trong Triều. Việc đó là tự tôi chủ-trương đề-xướng, vì xét ra là việc cần phải làm. Quan Toàn-quyền PASQUIER đối với tôi là người bạn thân, cùng quan Khâm-sứ THIBAUDEAU là người giúp việc của Ngài, giữ cái địa-vị làm đại-diện cho Chính-phủ Bảo-hộ, cũng vui vẻ tán-thành, ra công giúp sức cho làm được mau chóng và hoàn-toàn.

« Các quan đại-thần cũ, về thời buổi xưa cũng đã từng có công với nước nhưng vì tư-tưởng không thích-hợp với sự nhu-yếu thời này, nên tôi quyết đem người mới thay vào. Tôi đã chọn các thầy để sung vào viện Cơ-mật mới. Các thầy nay cờ đã đến tay, phải ra làm việc. Việc tôi kén chọn đó, cũng như việc tôi cải-cách đó, đã được phần nhiều quốc-dân hoan-nghênh, nay quốc-dân trông đợi xem các thầy làm việc thế nào. Các thầy chớ nên để cho quốc-dân phải thất-vọng.

« Các thầy là tiêu-biểu cho một cái tinh-thần mới. Tinh-thần đó là tinh-thần có trật-tự, có phương-châm, có hoạt-bát, có lanh-lợi, có hoài-bão một tấm lòng chánh-trực thanh-liêm, mạnh-bạo tấn-thủ. Tinh-thần đó phải hoán-cải cả trong quan-trường, trong chánh-giới, gây ra một cái nền đạo-đức mới, thâm-trầm cao-thượng, không phải chỉ bó buộc trong cái vòng lễ phép bề ngoài mà thôi, mà thấm-thía đến cả quả tim khối óc, khiến cho siêu-việt lên một cái trình-độ cao hơn.

« Cái đạo-đức cao-thượng đó, có một điều hiển-nhiên rõ-rệt hơn cả, là điều công-ích công-lợi. Điều đó là cốt-yếu, trong nước phàm người nào có dự một phần quan-chức, cũng là phải có bụng công-tâm cả. Dù quan lớn hay quan nhỏ, cũng là chịu mệnh Vua để trị dân, yên dân, mưu sự hạnh-phúc cho dân, thời bao giờ cũng vậy, ở đâu cũng vậy, phải đem hết lòng thành mà giúp nước, chớ không phải chỉ nghĩ đến bản-thân mình, mưu lấy cái kế vinh-thân phì-gia mà thôi.

« Trong hàng các quan thừa mệnh Vua mà mưu việc nước, thì các thầy là đứng đầu, vì cái giá-trị của các thầy mà cũng vì lòng tín-dụng của tôi, được cầm trong tay cái then máy chính-trị của nhà vua nhà nước. Các thầy phải ra tay chủ-động, nhưng trước hết là phải xướng-suất làm gương, tỏ ra cho thiên-hạ biết là mình tận-tâm vì nước, có đủ những công-đức, tư-đức làm cho các xã-hội văn-minh được phú-cường.

« Cái gương tốt đó, tôi chắc là các thầy sẽ nêu lên cho quốc-dân theo. Nếu được như vậy, thì các thầy sẽ được xứng-đáng cái lòng tín-dụng của tôi và cũng không phụ cái chức-trách của các thầy ; chức-trách ấy nặng-nề, cần phải có can-đảm nhiều mới làm được, vì không những là cái chức-trách phải suy-khư cho quốc-dân được tấn-bộ, mà lại là cái chức-trách phải cứu-vãn đồi-phong, phải chấn-chỉnh đạo-đức nữa.

« Tôi khuyên nhủ các thầy có bấy nhiêu điều, chỉ tôi đã quyết như vậy. »

Rồi đức ông Hoàng Tùng-Đệ Vĩnh-Cần, Ty-trưởng Cần-tín, vâng lời Sắc đọc bản dịch chữ Pháp, lục ra sau này :

« *En présidant aujourd'hui pour la première fois le nouveau Co-Mât en présence du Haut Représentant de la France en Indochine et du Chef du Protectorat de l'Annam, je tiens à vous préciser, à vous qui êtes mes collaborateurs immédiats à la tête du Gouvernement, le sens de la mission qui vous est confiée, à vous dire ce que j'attends de vous pour la réalisation de la nouvelle politique que j'inaugure dans l'intérêt de mon peuple.*

« *En faisant de vous mes ministres, en vous admettant dans le Grand Conseil Secret de l'Empire appelé à délibérer sur les affaires les plus importantes de l'État et à en décider, je fais confiance aux hautes qualités intellectuelles et morales qui ont fait votre réputation dans le pays, à votre sentiment du devoir, à votre dévouement, à votre compréhension des intérêts supérieurs de la nation et des aspirations du peuple.*

« *Cette confiance, vous aurez à cœur de la mériter, de la justifier, de vous en rendre dignes à tous égards par votre manière de servir, par votre indéfectible attachement à la cause sacrée de la Patrie et de la Dynastie qui exige de vous un complet désintéressement, une totale abnégation, un souci constant de l'intérêt général et du bien public.*

« *Je suis décidé à rompre avec des méthodes de gouvernement qui ne répondent plus aux nécessités de l'heure présente. Je veux que l'Annam marche avec son temps et ne soit plus en retard sur le reste du monde. Je ne fais pas pour cela œuvre de brutale révolution, mais de nécessaire évolution. Un pays qui n'évolue pas est un pays mort ; je veux que ce pays vive et je suis décidé de tout mon pouvoir à le faire évoluer, de toutes mes forces à le promouvoir dans la voie du progrès et de la civilisation. La France de qui j'ai reçu mon éducation est décidée à m'aider dans cette voie. Les hommes éminents qui la représentent là-bas et ici m'en ont donné à maintes reprises la formelle assurance.*

« *C'est fort de cet appui et de ma conviction que ce pays ne peut plus s'empêtrer davantage dans les ornières du passé que j'ai pris dernièrement la grave décision de renouveler presque entièrement le haut personnel de mon gouvernement. Cette mesure, je l'ai prise en toute conscience et en toute indépendance, parce qu'elle ma paru nécessaire. Mon grand ami M. le Gouverneur Général Pasquier et son collaborateur M. le Résident Supérieur Thibaudeau, fidèles à leur rôle de représentants du Protectorat, m'ont apporté leur généreuse adhésion à cette initiative, et leur concours précieux pour sa prompte et parfaite réalisation.*

« *A l'ancien gouvernement qui a rendu en son temps de signalés services au pays, mais dont les tendances ne s'harmonisent plus avec les besoins de l'époque, j'ai pris sur moi de substituer un personnel plus moderne. Je vous ai choisis pour faire partie du nouveau Co-Mât. Vous êtes maintenant à pied d'œuvre. Le pays qui dans sa grande majorité approuve mon choix comme il accueille avec faveur les mesures que j'ai prises, vous attend à l'œuvre. Ne décevez pas son attente.*

« *Vous incarnez un état d'esprit nouveau. Il faut que cet état d'esprit soit générateur d'ordre, de méthode, d'activité, de progrès et aussi de justice et d'honnêteté. Il faut qu'il apporte dans le gouvernement et l'administration du pays un élément nouveau de haute moralité qui, ne s'arrêtant pas au domaine extérieur des formes et des rites pénètre jusqu'au fond des consciences et des âmes et contribue à les élever au-dessus d'elles-mêmes.*

« *La manifestation la plus tangible de cette haute moralité, c'est la notion de l'intérêt général et du bien public. Cette notion primordiale, essentielle, il faudra l'inculquer à tous ceux qui dans ce pays détiennent une charge publique. Mandataires du pouvoir*

souverain, à quelque degré de la hiérarchie qu'ils appartiennent, pour veiller à la sécurité, à la paix, au bonheur du peuple, ils doivent se montrer partout et toujours zélés serviteurs du pays, et non pas seulement artisans égoïstes de leurs ambitions et de leurs intérêts personnels.

« De tous ces mandataires du pouvoir, vous êtes, vous, les premiers, puisque de par ma confiance basée sur votre valeur et votre réputation, vous êtes appelés à tenir les leviers de commande de la monarchie et de la nation. Vous devez donner l'impulsion ; vous devez surtout donner l'exemple, l'exemple du dévouement à la chose publique, de toutes les qualités et de toutes les vertus civiques qui font la force des sociétés civilisées.

« Cet exemple, je suis sûr que vous le donnerez. Ce faisant vous mériterez ma confiance, et vous ne faillirez pas à votre tâche qui est lourde, qui est difficile, qui demande beaucoup de courage, parce qu'elle n'est pas seulement une œuvre de progrès, mais avant tout une œuvre de redressement, de relèvement de la moralité publique.

« Telles sont mes recommandations, telle est ma volonté. »

Kế đó quan Toàn-quyền PASQUIER đọc bài diễn-văn lục ra sau này : (1)

« Il n'y a pas de plus haute satisfaction pour le Représentant du Gouvernement Français que de vous voir, Sire, répondre si fermement aux desseins pour lesquels la France a pris tant de soin à Vous préparer, en accordant vos décisions aux désirs que la Nation Protectrice nourrit avec Vous pour le bien de votre peuple et en marquant à vos Ministres votre volonté nette et formelle d'inaugurer une ère nouvelle : celle d'un Annam moderne évoluant sous les sages directions d'un Jeune Empereur libéral.

« Excellences,

« Les règles morales qu'il vous faut désormais suivre telles qu'elles ont été définies par Sa Majesté, sont celles-là même que dans leur pureté primitive le Sage a tracées au Prince Un formalisme archaïque en a depuis longtemps faussé les principes, un fallacieux manteau de formes et de rites en a permis impunément et hypocritement le viol. Sa Majesté, avec une grande force de

---

(1) *Dịch ra quốc-ngữ như sau :*

« Người thay mặt của Chính-phủ Pháp không có cái gì khoan-khoái trong lòng hơn là trông thấy Hoàng-đế quả-quyết đáp lại cái lòng kỳ-vọng của Đại-Pháp đã bấy lâu chất-chứa gần-bó cho Ngài, nay Ngài định liệu việc nước thật là thích-hợp với lòng sở-nguyện của nhà-nước Bảo-hộ vẫn muốn cùng Ngài cầu sự hạnh-phúc cho dân, Ngài lại bày tỏ cho các quan quốc-vụ-trưởng biết rõ cái chí cương-quyết của Ngài muốn từ nay khai-trương một cái thời-đại mới : là thời đại một nước Tân-Việt-Nam tiến-hóa dưới quyền chủ trương khôn-ngoan của một đấng Thiếu-quân có tâm-trí rộng-rãi.

« Các quan Cơ-mật,

« Hoàng-đế vừa mới chỉ-thị cho các quan biết những kỷ-cương luân-lý phải theo từ nay, kỷ-cương ấy là những phép-tắc tinh-túy mà nhà hiền-triết đời xưa đã dạy cho bậc đế-vương vậy. Lâu nay chỉ trọng cái hình-thức cổ-hủ mà làm sai lạc mất những phép-tắc ấy đi, lấy cái lễ-phép hão-huyền bề ngoài để che lấp những sự hành-vi trái với các kỷ-cương phép-tắc đó. Hoàng-đế nay đem cái tư-

pensée, a remonté aux sources. Elle vous impose aujourd'hui l'exercice d'antiques et éternelles vertus. Par là Elle espère que votre action réalisera constamment ce perfectionnement moral de la famille et de la société, but suprême de la mission de celui qui a reçu le mandat du Ciel. Evolution et Conservation, vous le voyez, ne sont point des termes inconciliables.

« Le modèle que vous propose le Roi, il vous faut le suivre pour réaliser cette évolution prudente dans ses moyens, hardie dans ses fins que Sa Majesté souhaite pour son royaume. Vous n'aurez, Excellences, qu'à vous façonner sur votre Souverain. Ayez, comme Lui, même loyauté, même amour de l'honnête et du vrai, même fermeté de caractère, même sens des initiatives. Ayez surtout à son exemple cette conviction profonde, inébranlable, que l'amour du peuple se concrétise dans un sentiment national qui ne sépare pas l'idée française de l'idée de progrès du pays d'Annam. Ce nationalisme ne peut s'épanouir librement, donner tous ses fruits, qu'à la faveur de l'ordre, de la sécurité, de la paix, toutes conditions que permet, seul, le soutien de la solide armature de la souveraineté française. La France donnera à votre nationalisme ce caractère humain qui est le propre de son génie. Par son truchement, et dans la mise en œuvre des vertus ancestrales, vous rénoverez l'Empire. Mais pour atteindre ce but, restez obstinément attachés aux ordres de votre Roi. Vous franchirez alors aisément tous les obstacles, vous obtiendrez l'attachement du peuple et le respect des grands.

---

tưởng mạnh-bạo mà suy ngược cho đến tận nguồn sâu. Ngài yêu-cầu các quan ngày nay phải khôi-phục lại những điều đạo-đức thiên-cổ đó mà đem ra thi-hành. Như vậy là Ngài mong rằng cách hành-sự của các quan bao giờ cũng đạt được cái mục-đích tề-gia trị-quốc, là cái mục-đích tối-cao của đấng Thiên-tử, đã chịu mệnh Trời mà trị thiên-hạ. Các quan coi đó, thời biết rằng tiến-thủ với bảo-thủ hai đàng không phải là có phản-trái nhau.

« Hoàng-đế đã vẽ cho các quan cái kiểu-mẫu đó, các quan phải theo để giúp cho công-cuộc tiến-hóa mà Hoàng-đế đương ước-ao cho quốc-dân, cuộc tiến-hóa đó, cái kế-hoạn của nó thì vẫn thận-trọng, mà cái mục-đích của nó thì lại cao-xa vậy. Các quan cứ gắng noi lấy cái gương của Hoàng-đế đó là được rồi. Các quan nên bắt chước Hoàng-đế mà cũng một lòng thành-thực như Ngài, một lòng yêu-mến sự công-minh chính-trực, một lòng cương-quyết quả-cảm, một lòng phấn-phát sáng-khởi. Thứ nhất là các quan phải nên theo gương Ngài mà dốc một lòng tin rằng sự thương dân yêu nước là không bao giờ phân lìa cái tư-tưởng về nước Pháp với cái tư-tưởng về nước Nam nhờ nước Pháp mà tấn-bộ. Lòng ái-quốc, muốn cho phát-triển được tự-do, gây nên kết-quả tốt, thời cần phải có trị-an, có trật-tự, có hòa-bình, bấy nhiêu điều, phải nhờ có cái sức mạnh của Đại-Pháp cầm quyền thời mới bảo-toàn được. Nhờ có nước Pháp mà cái chủ-nghĩa quốc-gia của các quan sẽ có cái tính-cách hòa-đồng với nhân-loại, là tính-cách đặc-biệt của tinh-thần Pháp. Nhờ có nước Pháp mà các quan sẽ khôi-phục được những cái đức-tính cố-hữu của tổ-tiên, nhân đó sẽ cải-cách canh-tân được Tổ-quốc. Nhưng muốn đạt-tới cái mục-đích đó thời bao giờ cũng phải dốc một lòng trung-thành mà tuân theo mệnh-lệnh của Hoàng-đế. Như vậy thời sự trở-ngại gì cũng thắng-đoạt được, dưới

Pour cela, vous ne placerez point le trône de la justice une marche au-dessous de celui de la faveur.

«Vous instaurez aujourd'hui une nouvelle politique, elle ne vaudra que par la méthode, et celle-ci ne sera éprouvée que par l'application que vous en ferez.

« Quand vous aurez obtenu un résultat, vous ne le considérerez pas comme une fin, mais comme un commencement. La vie d'un peuple, d'un Etat, est un perpétuel enfantement.

« Vous devrez toucher aux institutions avec prudence, sans pourtant hésiter à y apporter les modifications exigées par l'évolution des mœurs. Pour reprendre l'expression du grand Cardinal, vous n'emploierez pas la hache mais la lime, non pour user mais pour polir.

« Il vous faut, à ce qu'on attend de vous, beaucoup de courage, beaucoup d'abnégation, passablement d'initiative et une grande activité. On ne vous demande certes pas de faire une révolution, mais d'accomplir une évolution.

« Vous êtes tous au seuil de l'âge mûr, vous êtes encore parés des grâces de la jeunesse. Eveillez avec amour cet Annam nouveau, endormi sur les bords de la Rivière des parfums, afin que nous puissions tous les uns et les autres, reconnaître aux traits charmants de son visage la double influence qui lui donnera la vie : l'Occident et l'Orient.

. . .

Lễ xong vao khoảng 10 giờ, Hoàng-thượng đồng-ý với quan Toàn-quyền và quan Khâm-sứ sắc cho các quan đại-thần Cơ-mật mới, và các qui-quan với Hoàng-thân-vương, Văn, Võ Đình-thần, đều ra nơi Tả-vu chụp ảnh để làm kỷ-niệm.

---

thì được quốc-dân yêu mến, trên thì được kẻ cả kính vì. Muốn được như vậy, thì đừng nên để cái ngôi công-lý thấp kém cái lòng thiên-vị một tầng.

« Ngày nay là các quan khai-trương một cái chánh-sách mới ; chánh-sách có phương pháp mới có giá-trị, mà phương-pháp phải có thực-hành mới biết dở hay.

« Hễ làm được một sự kết-quả chi, thì đừng cho thế là đã tới mục-đích rồi, phải cho thế là mới bắt đầu bước tới vậy. Cái đời một dân-tộc, một quốc-gia là phải sáng-tạo luôn luôn.

« Cái chế-độ cũ trong nước, đả-động đến phải cho thận-trọng lắm, nhưng mà nếu xét ra thời-thế phong-tục khiến cho phải thay-đổi thì cũng không nên ngần-ngại mà sửa-đổi. Theo lời của Tể-tướng trứ-danh nước Pháp đời xưa là Giáo-chủ RICHELIEU *nói rằng : đừng nên dùng cái búa, mà nên dùng cái dũa, không phải là để mài cho mòn đi, nhưng để chuốt cho bóng ra.*

« Thiên-hạ mong mỏi ở các quan nhiều lắm, các quan phải tỏ ra có can-đảm cho nhiều, giàu lòng hi-xả, phải có đủ trí sáng-khởi và nhiều sức hoạt-động mới được. Không ai cầu các quan phải bạo-động cải-cách, chỉ cầu các quan phải tuần-tự canh-tân mà thôi.

« Các quan đều đã xấp-xỉ tới cái tuổi thành-thục cả, mà vẫn còn cái vẻ thanh-tân tuổi thiếu-niên. Các quan nên đem lòng âu-yếm mà đánh thức cho nước Nam tỉnh dậy, cái nước Nam mới kia bấy lâu như mơ-màng giấc-mộng ở trên bờ sông Hương, nay phải tỉnh-thức dậy để cho chúng ta đây được ngắm xem nét mặt mới, nét mặt mĩ-miều khả-ái, trông mà nhận thấy ngay hai cái vẻ đẹp của Đông-phương và Tây-phương. »

. . .

Trở lên là tự-thuật rõ về đầu-đuôi, các thời-khắc cùng các tình-tiết trong việc cải-cách Triều-đình Huế vừa rồi. Việc này hoặc có người mệnh-danh cho là một cuộc « chính-biến » (*un coup d'Etat*), vì cách dự-bị nghiêm-mật, trước khi xảy ra không ai ngờ, mà khi xảy ra thời thiên-hạ đều sửng-sốt, ảnh-hưởng trong quan-trường, trong chính-giới và dần-dần trong khắp dân-gian rất là sâu-xa.

Việc cải-cách này, dư-luận trong nước, nhất là trong phái tân-tiến lấy làm hoan-nghinh lắm. Các báo quốc-ngữ và chữ Pháp trong Nam ngoài Bắc đều bình-phẩm tốt cả dù những báo xưa nay không có cảm-tình với Triều-đình Huế cũng vậy. Chỉ trừ một vài tờ có đôi lời dị-nghị, nhưng thường là xét-đoán lầm, vì cho việc này là khởi-xướng tự quan Toàn-quyền mà Hoàng-đế tán-thành, không biết rằng chính là khởi-xướng tự Hoàng-đế mà quan Toàn-quyền tán-thành vậy. Chính quan Toàn-quyền đã nói với một nhà báo rằng khi ngài ở Hà-nội vào Huế không ngờ rằng Hoàng-đế có chí quả-quyết muốn cải-cách to như vậy. Xem bức thư quan PASQUIER viết cho Hoàng-đế khi dời Kinh-thành Huế thì đủ biết chủ-trương việc này là tự Hoàng-thượng vậy. Đó là một điều quan-hệ đến sự thực về lịch-sử, tưởng phải biện-bạch cho rõ, cho khỏi có người ngộ-nhận : là việc cải-cách tự nhà vua, chứ không phải Bảo-hộ có ý cưỡng-ép vậy.

N.-P.

Cách ngôn

— Những người khéo xử lúc có công, thường hay nhường cái đại-công đi mà chẳng khoe ; những người khéo xử lúc có danh, thường hay nhường cái đại-danh đi mà chẳng nhận. Sắp có sự-biến mà hay dẹp trước đi ; đương lúc sự-biến mà hay cứu chữa lại ; đã gặp sự-biến rồi mà lại hay vãn-hồi ; như thế mới là người hay thông-đạt quyền-biến, mới là người có tài. Lúc việc chưa xảy đến mà hay biết trước nó sắp đến nơi ; lúc việc mới bắt đầu mà quyết làm cho có kết-cục, việc đã yên rồi mà hay biết nó còn biến-đổi, như thế mới là người hay lo nghĩ sâu-xa, mới là người có thức.

— Tiếng khen đã về người cả, thì lời chê sao tránh được ; mối lợi đã về người cả, thì điều hại sao khỏi được ; công to đã về người cả, thì tội sao hay chối được. Gặp việc phải nghĩa nên làm, sức mình có thể làm được, mà tâm mình cũng muốn làm thế mà bị người bạn thân gàn-trở được, vợ con ngăn-trở được, chỉ vì là người ấy vô-chí.

— Nước mà ngăn lại mạnh quá thì nó chảy ngược ; lửa mà rập xuống mạnh quá thì nó bùng lên ; người mà làm khích quá thì tất nó nổi-loạn ; vậy nên đấng quân-tử cẩn-thận những điều khích-bác. Nó là tiểu-nhân mặc dầu, mà khéo răn cho nó biết hổ-thẹn thì có thể hóa thành người quân-tử ; nó là quân-tử mặc dầu, mà mình làm cho nó khích-bác quá, thì có thể trở hóa thành tiểu-nhân.

— Đem cái tâm lãn-nọa yên vui ở chốn lâm-toàn ra mà làm quan, thì không khỏi sinh ra lười-biếng ; đem cái tâm doanh-sinh mưu-lợi ở chốn thị-tỉnh ra mà làm quan, thì không khỏi sinh ra tham-bỉ.

— Xử cuộc lợi thì mình cam chịu tiếng tiểu-nhân, mà để cho người là quân-tử ; xử cuộc danh thì mình lên mặt là quân-tử, mà coi người là tiểu-nhân ; thực là chỗ lầm to lắm vậy.

(Lã Khôn)

Hoàng-thượng duyệt đội tầu bay ở Phú-bài (gần Huế)

Hoàng-thượng xem tập diễn-nghi ở Giao-đàn

Kinh ảnh Ng.-hữu-Tiễn

Mả Mọi ở Kontoum

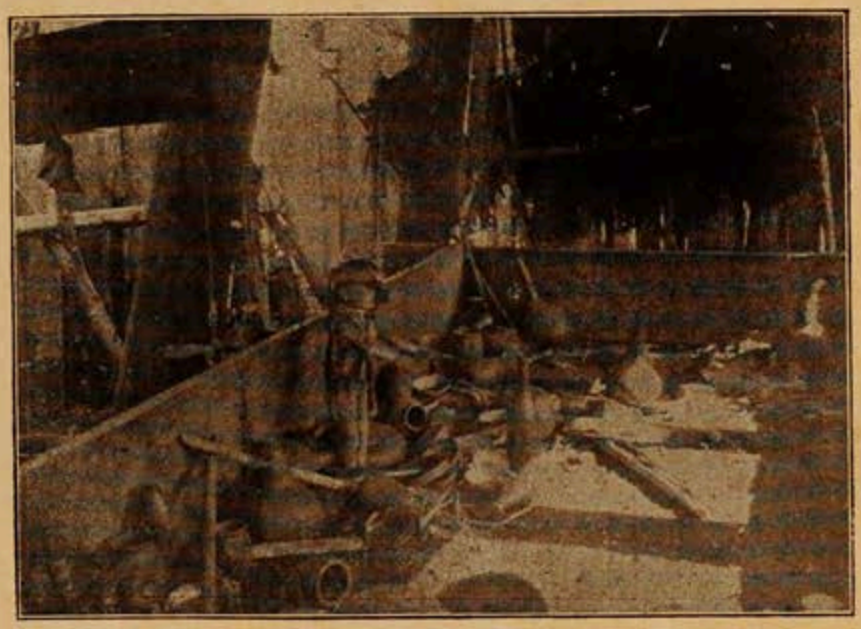

Mả Mọi ở Kontoum

Kinh ảnh Ng.-hữu-Tiền

NAM-DU ĐẾN NGŨ-HÀNH-SƠN

Qua một nơi thành-ấp, hỏi một người thôn-quê, xem một cái cổ-khí, một cái tục cổ-truyền, đối với cái học xã-hội tiến-hóa càng thêm có mối-manh thiết-thực. Đi lượn một bờ bể, một triền sông, trèo lên một ngọn núi cao, một cánh rừng rậm, lòng yêu-mến đất nước càng thêm thấm-thía. Ngắm một bức thành đồ, viếng một bãi cổ chiến-trường ở nơi biên-ải, đối với cái công mở-mang bờ cõi của người xưa, lòng càng thấy thổn-thức. Cho đến tiếp kiến một nhà chí-sĩ, một vị học-giả trong một vài câu chuyện, thì cái chỗ lập-chí của mình càng thấy hăng-hái, mà cái chỗ chủ-trương về học-vấn của mình cũng càng thấy vững-vàng vậy. Thế cho nên đọc sách với đi chơi, hai bên cùng làm giúp ích cho nhau, mếch một bên nào không được.

Bởi vậy mỗi khi có thì-giờ, gặp dịp tốt thì chúng tôi lại rủ nhau đi chơi, trước gần sau xa. Năm nay chúng tôi định thế nào cũng cử-hành một cuộc nam-du. Thì nghe nói trong kinh-đô Huế vào trung-tuần tháng *Mars* (1933) này có lễ « tế Giao ». Tế Giao là một lễ tối-cổ của Á-đông, lâu năm mới có một lần. Về phương-diện khảo-cổ thực là may-mắn cho chúng tôi. Chúng tôi bèn hẹn nhau nhân dịp qua viếng kinh-đô Huế xem tế Giao rồi đi luôn ngoạn cảnh Ngũ-hành sơn sẽ về.

Hẹn nhau rồi, ngày 13 *Mars* tôi ra Hà-nội. Tám giờ rưỡi tối tôi cùng các ông Đông-châu, Cát-thành, Đông-mĩ ra ga Cửa-nam để đi chuyến xe-lửa tốc-hành vô Huế. Chuyến xe này chuyên chở khách vô Huế xem tế Giao, sở Hỏa-xa lợi-dụng ngày trong Kinh-đô có hội, đánh hạ giá tiền cước xuống một nửa cho được đông khách đi xe mà vô xem. Chúng tôi cũng lợi-dụng chuyến xe ấy hạ giá mà đi cho đỡ tốn tiền. Chúng tôi lại còn lợi-dụng lấy vé toa hạng tư cho đỡ tốn tiền hơn nữa, mà lại có chỗ ngả lưng. Vì có ông Đông-mĩ là một nhà buôn-bán ở Hà-nội và Cao-miên, ông đi lại con đường này đã nhiều, ông biết rằng ngồi xe chạy luôn 18 giờ, mà toa hạng ba, mỗi người chỉ có một chỗ ngồi đã ngăn riêng, không ngả lưng vào đâu được. Còn toa hạng tư, mỗi bên có một cái ghế dài, có thể ngả lưng hoặc ngủ cũng được.

Chín giờ hơn thì xe-lửa bắt đầu chạy. Tuy cái quang-cảnh chốn Tràng-an ngày nay khác với ngày xưa, nhưng đường đi Tràng-an ngày nay thì lại rất tiện-lợi hơn thủa nọ, cho nên cái hào-hứng đi thăm nơi dấu cũ thăng-bình của nước, người Bắc lại càng hăng. Năm nay kinh-tế khó-khăn là thế, mà chuyến xe này đông khách lắm. Toa nào toa ấy người ngồi chật ních, già trẻ gái trai đủ cả các phái. Người ở các tỉnh xa Hà-nội cũng nhiều, có nhiều bà nhiều cô cũng đeo bình nước, xách va-li dự cuộc đi chơi hào ấy. Toa chúng tôi ngồi, người ta giải chăn chiếu xuống sàn, đánh tổ-tôm, đánh tam-cúc, chuyện-trò vui-vẻ như ở nhà.

Bạn cùng hội cùng xe với chúng tôi đã cùng một mục-đích là đi xem hội, lại cùng một hạng là phong-lưu nhàn-tản. Cho nên câu chuyện trên xe ngoài sự hào-hoa thể-diện ra không còn có cái gì đáng để cho nhà xã-hội-học phải để ý dò-la như các chuyến xe chuyến tầu khác nó phô-bày ra nhiều những tình-trạng của xã-hội. Chúng tôi lại lợi-dụng được trên ghế dài rộng chỗ, thanh-thản ngả-nghiêng để dưỡng tinh-thần.

1. — Cảnh-vật dân-sinh xứ Huế dọc đường xe-hỏa. — Năm giờ sáng hôm sau xe lửa đến tỉnh-lỵ Nghệ-an, rồi qua Nghệ-an, Hà-tĩnh thì đến Quảng-bình là thuộc về đất xứ Huế. Đây nói xứ Huế là theo cái tên địa-giới cũ từ đời Lê về trước. Tức ngày nay thuộc địa-hạt ba tỉnh Quảng-bình, Quảng-trị và Thừa-thiên vậy. Tôi tiếc không có thì-giờ để được đi bộ và thân vào một đôi làng, một đôi cảnh mà xem-xét tường-tận. Đây tôi chỉ lấy con mắt từ trên xe lửa mà trông ra và nhận thấy những cái ở hai bên đường mà thôi.

Nguyên sự-nghiệp mở-mang cõi Nam của nước ta có bốn thời-kỳ : Thời-kỳ thứ nhất mở từ Đèo-ngang đến Ải-vân tức là xứ Huế, thuộc về công-nghiệp của hai triều Lý, Trần. Thời-kỳ thứ hai mở từ mé nam Ải-vân (Quảng-nam) đến núi Đá-bia (Bình-định), thuộc về công-nghiệp của triều Lê. Thời-kỳ thứ ba mở từ mé nam núi Đá-bia (Phú-an) đến Phan-thiết (Bình-thuận) và thời-kỳ thứ tư mở xứ Nam-kỳ, đều thuộc công-nghiệp của hai chúa Nguyễn: Triết-vương, Minh-vương.

Nay lại nói về xứ Huế. Cứ trong sách *Hoàng-Việt-địa-dư-chí* thì đất xứ Huế về đời Thượng-cổ là bộ Việt-thường của nước ta. Đời Trung-cổ nước ta bị Bắc-thuộc, ngang nhà Tấn bên Tàu, bộ ấy nổi lên độc-lập, quốc-hiệu Lâm-ấp, sau cải là Chiêm-thành, thường vào quấy rối nước ta. Sau nước ta độc-lập, Lý Thái-tôn đem quân đánh Chiêm-thành, vua Chiêm dâng đất ba châu là Địa-ni, Ma-linh và Bố-chính. Lý Thái-tôn sai Thường-Kiệt ra kinh-lý, họa đồ-bản, cải tên Địa-ni làm Lâm-bình, Ma-linh làm Minh-linh. Rồi chiêu-mộ dân ta vào cho lập-ấp khẩn-hoang. Tức là địa-hạt tỉnh Quảng-bình ngày nay.

Đến đời Trần, vua Anh-tôn gả Huyền-chân công-chúa cho vua Chiêm là Chế Bân. Vua Chiêm dâng đất châu Ô, Lý, bên đổi tên làm châu Thuận-hóa. Tức là địa-hạt tỉnh Quảng-trị, phủ Thừa-thiên ngày nay.

Đến đời Lê Hồng-đức hợp ba châu Lâm-bình, Minh-linh và Bố-chính làm phủ Tân-bình, đổi châu Thuận-hóa làm phủ Thiệu-hưng, mà đặt một bộ Thừa-tuyên (Tổng-đốc) để quản-trị cả hai phủ, gọi là Thuận-hóa Thừa-tuyên. Sau lại đổi làm Thuận-hóa-xứ. Ấy cái tên gọi từ Đèo-ngang đến Ải-vân là xứ Huế có từ đó.

Nguyễn Hoàng-công lúc vào trấn xứ Huế, đóng dinh ở xã Ái-tử huyện Đăng-xương mé bắc phủ Thiệu-châu, sau là Quảng-trị-dinh. Đến chúa Chiêu-vương dời dinh vào đóng ở xã Kim-long (Kim-luông) huyện Hương-trà mé nam phủ Thiệu-châu gần sông Hương. Nghĩa-vương lại dời dinh đến áp bờ sông Hương, sau là Quảng-đức-dinh. Từ hồi triều Nguyễn thống-nhất đến nay, Vương-phủ ở Quảng-đức-dinh đổi làm quốc-đô của nước Việt-Nam, hạt sở-tại đổi làm phủ Thừa-thiên, Quảng-trị-dinh thì đổi làm Quảng-trị-tỉnh.

Ấy cái lịch-sử đổi thay về địa-hạt của xứ Huế là thế. Lịch-sử đã hiểu thì xem đến phong-cảnh và dân-sinh mới càng thêm có thú.

Trước tôi chưa qua xứ Huế thì tôi chỉ biết cái đại-khái rằng xứ Huế đất-đai hẹp-hòi, dân-sự nghèo-nàn. Nhưng đến nay thì tôi mới mục-kích mà hiểu được cái chân-tướng của đất-đai và dân-sinh xứ Huế là thế nào.

Xe đi đến ga Bố-trạch gần ngàn núi tức là chỗ phát-nguyên của sông Danh và khởi mạch của Đèo-ngang. Vì đường xe lửa tránh hai nơi gian-hiểm ấy mà đắp lượn lên đây. Từ vùng Đèo-ngang này trở về bắc là bờ cõi nước Cổ-Việt, từ vùng Đèo-ngang này trở về nam là bờ cõi nước Cổ-Chiêm. Hai nước đã

đồng-hóa với nhau làm một đến non một nghìn năm. Thế mà không những vật-chất thiên-nhiên, mà đến hình-thức nhân-sự cũng đều khác hẳn nhau cả, khách ngồi trên xe lửa cũng có thể trông mà biết được.

Vùng Nghệ Tĩnh tuy núi non lẫn-quất với đồng-điền, nhưng đồng đất rộng-rãi mầu mỡ, dân làng đông đúc. Sang đến vùng Quảng-bình, qua ga Bố-trạch đến ga Phúc-tú từ đó trở đi cho đến Ải-vân, một dải chạy dài là một cái bãi cát. Suốt hạt Quảng-bình đến miền bắc tỉnh-lỵ Quảng-trị là cát vàng, suốt từ miền nam tỉnh-lỵ Quảng-trị qua kinh-thành Huế đến Ải-vân là cát trắng. Cát ấy là bởi sóng bể vỗ vào núi đá bờ bể cùng nước mưa trên rừng trút xuống mà bồi lên.

Từ ga Phúc-tú trông xuống bể xa xa thấy những cái cồn cát vàng, rồi cứ theo ven bể mà vào đến Quảng-trị, một sắc vàng-vàng anh-ánh, ngùn-ngụt như núi như thành, đứt thôi lại nối, thấp đà lại cao. Thoạt trông thì thật là đẹp mà nghĩ ra thì mới biết là buồn. Buồn vì những cái cồn cát ấy khó có thể trồng-cây để làm cho sống người được. Bấy giờ tôi mới biết câu thơ *Kiều* :

Bốn bề bát-ngát xa trông,
Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia.

Tả cái cảnh buồn của một người ở gần bể như thế thực là đúng lắm.

Lại nói về cái bãi cát dài lê-thê này, chiều ngang của nó hẹp lắm, trên là núi dưới là bể, trông thấy nhau. Địa-thế chỉ thuộc hạt được có một huyện một mà thôi. Chất đất của nó thì chỗ nào có sông ngòi từ thượng nguồn đem đất sét xuống pha lộn vào, và đem nước để tầm nhuận thì mới thành đồng-điền mà có dân-cư. Có hai khu lớn, đồng đất rộng-rãi phẳng-phiêu và mầu tốt, dân làng ở đông nhất. Một là huyện Đăng-xương, (Quảng-trị dinh) tỉnh-lỵ Quảng-trị, thuộc triền sông Quảng-trị. Một là huyện Hương-trà (Quảng-đức dinh) phủ Thừa-thiên, thuộc triền sông Hương.

Còn những khu nhỏ, chỗ nào có đồng-điền dân làng thì tức là chỗ có đặt ga để đón khách như các ga rải-rắc ở dọc đường xe lửa vậy. Còn ngoài ra toàn là bãi cát, chỗ cao chỗ thấp, chỗ thì thuần cát, cỏ cây không có, chỗ thì chỉ có hạng cây cỏ nhỏ mọc được mà thôi.

Những nơi bãi cát ấy phản-chiếu ánh nắng làm cho không-khí ở đó nóng lắm. Song cứ đến chiều thì lại nhờ có gió bể thổi vào để giải nồng, không thì không thể chịu được. Duy có thứ *cây dương* lấy giống ở bên Tây vì rễ nó ăn sâu xuống đến mạch nước được nên mới chịu nổi ở những bãi cát ấy mà thôi. Nên nay khắp Trung-kỳ chỗ nào có bãi cát bỏ không là người ta trồng thứ *cây dương* ấy nhiều. Trồng theo hàng thành từng nương lớn. Thứ cây đó vừa làm cho không-khí mát, sau lớn sẽ dùng làm gỗ đóng tầu làm nhà, tục gọi là « gỗ thông ».

Coi một việc trồng *cây dương* thì biết sức người có thể thắng được việc trời, chỉ vì dân-trí chưa mở-mang đó mà thôi. Nếu dân-trí đã mở-mang thì cái công cải-tạo hoặc lợi-dụng chất đất tưởng cũng không khó gì.

Đến như cuộc dân-sinh, từ Hà-tĩnh trở về bắc, dân làng ở đông, làng đều trồng tre bao ngoài, kiểu đình miếu, nhà ở cùng cách phục-sức của đàn-ông đàn-bà đều một lối như Bắc-kỳ. Còn từ Quảng-bình trở về nam thì khác cả.

Làng mạc trừ vùng Thừa-thiên gần kinh-thành ra, thì ít có chỗ trồng tre. Kiểu đình-miếu thì bốn góc trái đều cộc, chứ không có cái đao cong lên làm hình đầu rồng đầu phượng như ngoài bắc. Nhà tranh thì che phên nứa phên cỏ, chứ không đắp tường đất hoặc trát vách đất như ngoài bắc. Nhiều thôn-

trang, nhà ở đều bé nhỏ mà trơ-trọi, không có tường, hàng rào, hoặc cổng ngõ để làm cách-ngữ gì cả. Chỗ ga Đông-hà dân ở đông, có nhiều nhà ngói mà cũng không thấy có tường rào cổng ngõ. Có lẽ dân thuần không có trộm-đạo hay sao? Đến Thừa-thiên thì nhà ở có vườn-tược tre-pheo rào giậu cẩn-nghiêm cũng như ngoài bắc.

Có nhiều chỗ, cách nuôi trâu bò không làm chuồng có mái, mà chỉ đóng đóng ở ngoài vườn xa, hoặc bỏ không hoặc phủ vài tàu lá ngang lên trên đóng mà thôi. Phục-sức thì đàn-bà ăn mặc giống đàn ông lắm: búi tóc, quần trắng, áo chùng cài cúc, đội nón chóp, nhất là hồi đàn-ông chưa búi tóc thì càng dễ lẫn. Có thuyết cho rằng từ hồi Trịnh Nguyễn giao tranh, các chúa Nguyễn bắt dân cải tục cho khác với ngoài bắc. Lại một thuyết nói cũng từ hồi đó, bên nam ít quân bèn bắt đàn-bà nam-trang để cho bên bắc trông thấy ngờ là nhiều quân. Không biết thuyết nào đúng. Đàn-bà con gái nhà nghèo ở dân-gian cũng mặc quần trắng áo trắng bằng vải thô để nhọ-nhỉnh. Quảng-trị trở vào thì đàn bà thường chít cái khăn mùi lục.

Cách con gái mặc áo dài cài cúc khiến cho dáng người thành cứng-cỏi. Không phải lạ mắt thì coi ra thế đâu. Bởi vì để cho hai cái vú nó phát-dục tự-nhiên thì ngực thành ưỡn. Thế mà nén đi để cho vóc người óng-ả thì hại sự vệ-sinh mà làm mất cái đẹp tự-nhiên của con gái.

Trong ni kêu « cô » là « o », các « o » trong ni, về những nhà phong-lưu được thanh-nhàn thì cũng không thiếu hạng mặt hoa da phấn. Còn các o nhà quê làm ăn lầm than ở nơi đồng cát, mầu da sạm nắng nhợt nhạt, dáng người uể-oải, ít có cái vẻ đỏ da săn thịt và nhanh-nhảu như các cô nhà quê ngoài Bắc.

Nghề nghiệp thì ngoài việc làm ruộng rồi thì lên rừng kiếm củi, ra bể đánh cá. Song nhiều người Bắc vô mần việc qua ở xứ Huế về ai cũng nói người nhà quê ở đó, phần nhiều còn lười, không chịu cần-cù. Công thương kém cỏi, sinh-nhai khốn cùng. Tuy-nhiên, người Bắc thì cần-cù thực nhưng lại phải cái bệnh xa-xỉ. Thành-thị thì xa-xỉ về ăn chơi, thôn quê thì xa-xỉ về đám sá, mà ăn chơi với đám sá lại chỉ ham ngoại-hóa, nên cái vạ cùng-khốn cũng không kém gì trong ni.

Người ta lại nói « *Dân quê trong ni rất sợ hãi quan-trưởng, đi đường gặp kẻ sang trọng, không biết là ai cũng ngả nón và tránh ra bên đường.* » Cái đó cũng là vì bị nạt-nộ hạch-lạc lắm nên thành quen đi đó thôi, chứ không có gì là lạ.

Nay xét lại cái tính lười vụng trên ấy là vì có hai cái nguyên-nhân. Nguyên-nhân xa là bởi địa-thế hiểm-trở người ít giao-thông, nên cái tập-tục mọi rợ chưa thoát hết. Nguyên-nhân gần là 50 năm về trước, đàn trai Tứ-Quảng chuyên làm lính thân-vệ cho các triều, ăn lương ở trại suốt đời, mà nghề nghiệp sinh-nhai nhãng bỏ. Chứ không thì hai trăm năm chống nhau với quân Bắc rất hăng-hái, không phải trai Tứ-Quảng thì ai? Tàn-diệt quân Thanh ở Đống-đa, không phải trai Tứ-Quảng thì ai? Coi đó thì biết trai Tứ-Quảng há không phải vốn là giòng dũng-cảm lắm ư? Cái dũng-cảm đó ngày nay không dùng ra để phấn đấu với cuộc kinh tế mới mà thắng đoạt ông trời khốc-liệt trên bãi cát nóng khô kia được, là chỉ vì trí-thức chưa khai-hóa, mà tư-cách không phát-đạt ra được đó thôi.

Đến như cảnh-sắc thiên-nhiên thì lại có nhiều nơi tuyệt đẹp. Như một bức tranh sơn-thủy ở giữa quãng đường xe lửa Đồng-hải đến Xuân-dục, khách tựa song xe lửa mà trông với lại. Mấy ngọn núi nhấp-nhô, cỏ cây u-uất; một dòng sông uốn khúc ở giữa, gợn nước xanh-xanh. Dăm ba cái chài

hình dài như cái trải, bơi đi bơi lại trước ghềnh; vài ba cô gái nhà nông quầy sọt đi cắt cỏ thấp thoáng bên đồng lúa. Một cái thú ngư, tiều, canh, mục vui-vẻ êm-đềm ở giữa nơi non nước hữu-tình, như thế thực không bút nào tả hết.

Biết tin chúng tôi vào Huế, quan Thượng-thư Phạm-Quỳnh và ông Nghị-trưởng Nguyễn Trác đều có cho đón. Cụ Đông-châu với tôi thì vào dinh quan Thượng Quỳnh, ông Đông-mĩ với ông Cát-thành thì vào ngụ-xá ông Nghị Trác, và cùng hẹn mai sẽ gặp nhau.

2.—*Đại-thế kinh-thành Huế.*—Huế là một nơi quốc-đô của đế-quốc Việt-Nam trên lịch-sử đại-thống-nhất hơn một trăm năm lại đây. Phàm chính-trị văn-hóa, lễ-văn, mĩ-thuật của giống người Việt-Nam từ hơn một trăm năm lại gần đây, đều từ-giã chốn cố-đô Thăng-long mà tụy-tụ ở đó và lấy đó làm trung-tâm. Cái nguyên-nhân của thời-thế chúng ta ngày nay cũng quan-hệ từ đó. Tuy ngày nay cảnh-sắc theo thế-cục biến dời, nhưng những dấu xưa văn-hiến, chuyện cũ tang-thương, mưa gió chưa đã xóa nhòa hết được. Tiếc thay chúng tôi có ít thì giờ, tính ra lưu lại kinh-đô chỉ được có ba ngày. Nên ba ngày ấy không được nghỉ, phải chia ra làm sáu buổi, lần-lượt đi thăm lược qua cả mọi nơi, cho biết cái đại-thế và khu-vũ của kinh-thành, cho biết những qui-mô của các Tiền-triều khu-hoạch cùng những công-phu khó-nhọc của các tiên-dân khắp trong nước cống-hiến vào đó. Vả ngày nay kinh-thành Huế cũng vẫn y-nhiên là một chốn quốc-đô trên danh-nghĩa của người Việt-Nam, phàm làm quốc-dân Việt-Nam, kẻ ở xa chưa từng qua viếng chốn đó, tất đều vui lòng muốn nghe chuyện. Vậy trước khi mời độc-giả cùng chúng tôi đi chơi trong cuộc «thần-du 神遊», xin phác-họa ra lấy cái đại-thế bức địa-đồ «Xuân-kinh hướng-đạo (*Guide de Huế*)», thì độc-giả tự thu-quát được mà cũng như thân-hành với chúng tôi.

Kinh-đô ở mé nam cánh đồng-bằng huyện Hương-trà, địa-thế phẳng-phiu. Mé tây giáp chân những núi non thuộc dẫy Trường-sơn, đường xe lửa ngày nay đi qua mé tây ấy rồi qua cầu sắt sông Hương sang mé tây-nam kinh-đô là ga Huế. Con sông Hương phát-nguyên ở những núi thuộc dẫy Trường-sơn mé tây ấy rồi chảy xuống mà phân kinh-đô ra làm hai phần, lại xuống ít nữa thì tới bể tức là cửa Thuận-an. Kinh-đô ở về trung-bộ sông Hương, có nhiều cái ngòi đi quanh-co ra hai bên nam-bắc-ngạn. Về bắc-ngạn, trên là hoàng-thành, dưới là phố-xá. Hoàng-thành có hai trùng là ngoại-thành và nội-thành. Ngoại-thành bao-vi ước hơn mười dặm, cao và dầy bội hơn nội-thành, đều xây gạch, trên mặt thành cho voi đi được. Có tám cửa và hào lớn bao chung-quanh. Cửa ra qua hào đều có cầu gạch dài rộng. Các cổng thành ngoài đều to lớn, có ba tầng. Dưới là cửa đi, trên là hai tầng vọng-lâu, đều theo một kiểu kiên-cố giản-phác. Trong ngoại-thành thì nội-thành ở xích về khu mé tây, còn các công-sở thì ở về khu mé đông. Khu mé đông này, do cửa đông-nam, thường gọi là cửa Thượng-tứ, mà đi theo con đường thẳng tuột về mé bắc thì có nhà Quốc-tử-giám, nhà Nội-vụ-bộ, viện Khải-định bảo-tàng, vườn Tĩnh-tâm v. v. đều ở về bên tay trái. Sáu chính-đường và thuộc-nha của Lục-bộ, Đô-sát-viện cùng các phủ các tòa các trại, v. v., đều ở về bên tay phải. Mỗi một viện một tòa đều ở riêng một thửa, có tường hoa bao vuông chung-quanh. Chung-quanh tường hoa là đường thông-cù thẳng và rộng, hai bên đường có cây to rợp mát.

Nội-thành có hai ngăn, ngăn trước là các điện (Triều-đình) và các miếu, ngăn sau là Hoàng-cung (trong Nội) là nơi cung-cấm. Các cửa trong nội-thành, chính trước là Ngọ-môn, hai bên là cửa Tả và cửa Hữu, xa xa tương-đối theo một con đường thẳng ngang trước cửa Kiền-thành-cung. Từ Kiền-thành-cung theo con đường ấy mà đi ra cửa Hữu thì điện Phụng-tiên ở về bên tay phải, Thế-miếu và các miếu khác ở về bên tay trái. Lại từ Kiền-thành-cung cũng theo con đường trên ấy mà đi ra cửa Tả thì Thái-miếu và các miếu khác ở về bên tay phải. Còn Ngự-đạo từ trong Nội đi ra thì qua điện Cần-chính.(Kiền-thành-cung), điện Thái-hòa tới Ngọ-môn; đường trong Nội-thành đều lát gạch Bát-tràng.

Đó là đại-lược về hai khu trong Hoàng-thành, còn thì nhiều nơi tòa sở lắm, không thể hồi tường hết được.

Lại từ thành ra phố, cửa Thượng-tứ ra đi thẳng bờ sông Hương xuống, một dẫy phố trong ra sông Hương gọi là phố *Paul Bert*.Xuống gần tới chợ Đông-ba thì rẽ sang phố Gia-long. Lại tới chợ Đông-ba thì đi quặt về mé bắc là đường Đông-ba. Giữa đường Đông-ba có lối rẽ về mé tây vào cửa Đông ngoại-thành. Còn như cứ theo đường Đông-ba mà đi mãi lên mé bắc thì sẽ đến xã Kim-long (Kim-luông).

Bây giờ quay sang phần nam-ngạn. Chiều dài từ ga Huế, làng Yên-cựu xuống đến phận làng Vi-dã. Trước kia thì quãng ấy chỉ có phủ-lỵ phủ Thừa-thiên, còn các tư-đệ, các biệt-nghiệp của các vương-hầu, quan-liêu đều ở lẫn vào với hai làng Yên-cựu và Vi-dã. Nay từ đường ga đi thẳng thì nhà của dinh thự san-sát cả. Như: viện Dân-biểu,các trường học, phủ-lỵ Thừa-thiên, nhà thương, hàng cơm tây, cửa hàng tây, dinh quan Khâm-sứ cùng các công-sở của chính-phủ Bảo-hộ đều ở về phần nam ngạn này cả. Làm cho bắc-ngạn với nam-ngạn kinh-thành giao-thông liên-lạc với nhau là một cái cầu sắt lớn gọi cầu Thành-thái. (không kể cái cầu sắt của sở xe-hỏa về quãng trên ngoài ô).

Con sông Hương không những phân cách cho địa-thế kinh-thành Huế làm hai phần, mà lại còn làm giới-hạn cho hai cái văn-minh khác nhau cứ cùng nhau cùng khoa-diệu ở góc trời Đông-Á. Mà cầu Thành-thái thực như là một cái cánh tay sắt của một vị thượng-khách hào-hùng từ nam-ngạn đưa sang để tiếp lấy một vị chủ-nhân lễ-độ vậy. Khách du-lịch qua kinh-thành Huế, nếu là người nước khác phương xa, người không có cái cảm về cuộc tiến-hóa của đất này, người chỉ cần biết cho nhiều cái lạ của loài người, thì đồng-thời trong một khoảnh-khắc mà ra vào giong-ruổi qua hai cái thế-giới, thưởng-thức liền hai cái phong-vị văn-minh mới cũ, ôi há không khoái-chí lắm du?

3. — *Cung chiêm điện miếu*. — Bây giờ chúng tôi đã là người đi trước một lần, là người quen đường rồi. Chúng tôi bỏ cái thứ-tự chỗ nào đến xem trước chỗ nào đến xem sau của chúng tôi đi, mà đưa ngay độc-giả tới thăm những chỗ quan-hệ trước cho dễ hiểu.

Vào thăm điện với miếu, thì phải xin giấy phép. Giấy ấy quan Thượng Phạm đã lấy hộ cho. Quan Thượng lại cho một người lính hầu đưa tôi, cụ Đông-châu cùng cụ Phạm Dư, cụ Phạm Kỹ, ông Phạm Hàm là những người họ thân ở ngoài Bắc vào chơi cùng đi. Cậu lính hầu này trước đã hầu trong cung nên dẫn cho chúng tôi biết được nhiều việc. Chúng tôi đi qua ngoại-thành tới cửa nội-thành, đấy là cửa Tả. Cổng ấy có ba cửa đi, cửa giữa thường đóng, chỉ đi hai cửa bên. Trên cổng có lầu xây.

Ở đấy có mấy người lính canh gác và thu giấy phép rồi mới cho vào. Bấy

giờ lại có một người lính khố-vàng nữa cùng đưa đi. Đi thẳng vào đến cửa điện Cần-chánh, ở đấy có một cái đình cao lớn, ván bưng kín dọc giữa đình, mở ván bưng ấy ra thì là những cửa đi. Đình đều sơn son thếp vàng khắp cả từ dui trở xuống. Có cái biển ngạch ba chữ « Kiền-thành cung », thì Kiền-thành cung tức là ngoài điện Cần-chánh, mà đình ấy là cái cổng gỗ của điện Cần-chánh vậy. Qua đình ấy vào tới sân điện, sân rộng lắm. Chính giữa là điện, hai bên có hai cái nhà giải-vũ đối nhau.

Dọc giữa sân là đường Ngự-đạo thì lát đá xanh, còn thì lát gạch Bát-tràng cả. Đầu ngoài sân mỗi bên có một cái vạc đồng đen hun xanh kiểu cực khéo, to bằng cái cót thóc một, dáng cái sanh nấu ăn có hai quai, để lên ba cái chân kiềng, trong đầy nước nung đọng. Hai bên sân đều có những cái « bia bài ban » bằng đá nhỏ thích chữ từ nhất-phẩm đến cửu-phẩm để khi làm lễ chầu, các quan cứ theo phẩm mà đứng.

Thềm điện cao hơn đầu người, lát đá xanh, có từng bậc và rồng bò. Điện là hai cái nhà ngói lớn hình chữ nhật ghép lại thành hình vuông, phần trong rộng hơn phần ngoài, giữa có máng. Hàng cột cái sau, đóng khung và bạo rồi bưng ván kín, sau ván bưng ấy tức là hiên sau để thị-vệ đứng, mở ra thì là cửa để đi. Những khung và bạo đều chạm triện với chỉ đơn-sơ mà nhã, chứ không chạm rồng nổi như cửa võng các đình làng ngoài bắc. Gần nóc lát gỗ làm thùa-trần, ở đầu các cột cái. Hai hàng xà đầu cột cái gần nhau, lồng ván và chạm kiểu « nhất-thi nhất-họa ». Còn các đầu kẻ đều ngậm vào cột cái, chứ không để thò ra mà chạm thành đầu rồng như kiểu đình ngoài bắc. Ngoài chỗ có thùa-trần thì dui đều ghép kín. Trừ ra những bức ván lồng dần cột chạm « nhất-thi nhất-họa » như đã nói trên, còn thì đều để trơn cả. Điện tuy rộng mà cột cao nên đủ ánh sáng, chứ không tối om. Từ dui, kẻ, xà cột đến cửa đều sơn son thếp vàng cả. Mặt nền lát gạch hoa của tây. Điều đó không hợp với phép mĩ-thuật.

Mái điện về các đường bờ đều có đắp rồng mây mặt nguyệt, nhưng không làm những cái đao ở các góc cong vắt như đình ngoài bắc.

Trong điện, giữa kê một cái sập ngự, giải chiếu cạp vóc vàng. Giữa sập để một cái gối xếp bọc vóc vàng. Sập ngự trông lên có một cái bảo-cái vuông không có cán mà buộc đeo vào thùa-trần như cái đình màn. Chung quanh bảo-cái là riềm vóc thêu có chân-chỉ hột-hột. Bên sập ngự có một cái đài-gương, gương lớn lắm, đài chạm rồng thếp vàng nuột. Trước sập ngự và chung-quanh đều có án để đồ ngự-dụng.

Điện rộng như thế, nhưng chỉ là một cái phòng ngự-tọa khi thị-triều mà thôi, nên không có ghế ngồi khác nữa.

Trước cửa mỗi cột quân đều có treo một bức tranh phong-cảnh kính-thành vẽ mùi, lồng kính. Trên mỗi bức tranh lại có một cái khung vuông, trong có một bài ngự-chế chép phong-cảnh và vịnh thơ bằng chữ hán.

Đó là lược-thuật những phần chính trong điện, coi thể-cách thật là thanh-nhã mà tôn-nghiêm. Nay nhân có mấy cái tủ quầy (1) để các đồ bảo-vật thờ ở các lăng, vì sợ sẽ bị mất-mát đi mà đem về chùa ở đây, kê gần xung-quanh sập ngự, nên trông thành bề-bộn không có trật-tự.

---

(1) Chân thôi, trên lồng kính, bốn bên về mặt trong để đồ qui cho người cúi xuống mà xem cho dễ.

Những bảo-vật trong các tủ quầy như: gươm báu, ngọc như-ý, nghiên mực, đài bằng vàng khảm ngọc, khay-trà, lư-hương nhỏ và mấy cái lọ sứ Ăng-lê. v. v..Lại có một cái tủ nhỏ lồng kính, trong để một cái cây bằng vàng độ non thước, lá với hoa bằng các thứ ngọc đủ các mùi. Coi cái cây đó nếu để làm của thì không biết giá đáng bao nhiêu, chứ để mà chơi thì không thấy đẹp, vì không đủ mĩ-thuật.

Đoạn chúng tôi đi xuống xem nhà giải-vũ bên đông. Nhà này năm gian mái chồng như nhà có hiên và cửa thượng-sơ hạ-mật chạm triện và sơn. Hai gian đầu là hai cái phòng kín, ba gian giữa là cái phòng ăn tiệc. Có ba cái tủ buy-phê (*buffet* kiểu Louis XIV), một cái kê áp vách gian giữa, còn hai cái áp hai vách thuận đối nhau. Ba cái tủ ấy đều to lớn, đều chạm đơn-sơ giống nhau, trong để những đồ thìa, rĩa, cốc, bát, đĩa. Có cửa mạch ra hiên sau là chỗ lính hầu ở. Chính giữa nhà đặt một cái bàn ăn và bốn cái ghế kiểu Louis XIV, giải trên bàn một cái khăn bàn trắng có gián nhấm vài chỗ. Bốn vách vôi không có treo tranh liễn gì, nhòm ra hiên sau thì thấy vỏ chai rượu tây để ở dưới gầm ghế ngựa nhiều lắm. Hỏi cậu lính đi đưa thì hai điện Văn-minh và Vũ-hiển cũng ở quanh gần đó. Nhưng có ít thì-giờ, chúng tôi nhờ đưa ra xem điện Thái-hòa với cổng Ngọ-môn.

Điện Cần-chính là thuộc về lối « cung » nên bốn mặt nhà tường vây kín, còn điện Thái-hòa này thì thuộc về lối « đài », nên để lộ ra và có đường đi bốn mặt. Trước cổng điện Cần-chính đi ngang qua con đường lúc mới vào đó thì đến ngay điện Thái-hòa. Chúng tôi đi hiên sau, do cửa bên vào điện. Cửa đó tức là bức vân bưng ở hàng cột cái sau đó. Đại-thế điện cũng vuông, rộng và cao, sơn thếp chạm và lát gạch tây tương-tự như điện Cần-chính. Giữa điện kê một cái sập lớn, trên sập lớn kê một cái sập nhỏ hơn, trên sập nhỏ đặt một cỗ ngai vàng đó là nơi Ngự-tọa. Cỗ ngai vàng tức là cái ghế ngự. Ngai có bốn cột, cột với vành tựa đều ngả xô về đằng sau bệ. Dáng ngai và kiểu chạm đều khéo lắm, sắc hoàng-kim sáng quắc. Trên thừa-trần treo một cái bảo-cái vuông bằng gỗ chạm bong thếp vàng nuột, coi có vẻ nặng-nề, đó cũng là đồ mới chế khoảng năm Khải-định để thay cái cũ bằng vóc thêu.

Trước ngự-tọa là nơi tiếp-kiến. Giữa có một cái ghế chủ-tọa kiểu ghế dựa mua bên tây, nhồi đệm nhung dính liền vào. Trước ghế có một cái bàn nhỏ, hai bên có hai hàng ghế tây độ mươi chiếc. Ghế vuông, mặt và chỗ dựa lát mây, sơn son thếp chỉ vàng.

Thềm với sân chầu cũng như bên Cần-chính, nhưng sân cao hơn đất chung-quanh bằng đầu người, cuối sân mỗi bên có một con kỳ-lân gỗ chạm nét thô mà thếp vàng nuột, to bằng con ngựa thật để ở trong cái nhà con lồng kính, ở miếu với lăng cũng thấy có những con kỳ-lân như thế. Ý-giả là biểu-tượng cái điềm thái-bình. Theo bậc đi xuống thì ra đến con đường Ngọ-môn liền đấy. Đường ấy có hai cái cổng khải-hoàn-môn (cổng nhà chào), một cái gần sân điện, một cái gần Ngọ-môn. Giữa khoảng hai cổng có một cái cầu xây qua một cái hồ nhỏ, cầu-lơn cầu bằng sắt cải triện, cột vuông dày hơn một tấc do thợ rào ta làm, khéo lắm.

Lại nói về hai cái cổng khải-hoàn-môn, mỗi cái bốn cột chia thành ba lối đi, cột to mà cao, đúc bằng đồng chạm rồng nổi. Trên cổng bổ ô nhỏ, lắp những miếng pháp-lam vẽ mùi, hai mặt như nhau. Pháp-lam là thứ cốt bằng đồng hoặc sắt mỏng mà tráng

men sứ. Mỗi mặt có một bức hoành đề bốn chữ trâm-ngôn trong kinh-điển là : « Trung hòa vị dục 中和位育 (*Trung-dung*), Cao minh du cửu 高明悠久 (*Trung-dung*), Chánh-trực đãng bình 正直蕩平 (kinh *Thư*), Cư nhân do nghĩa 居仁由義 », (*Mạnh-tử*). Thật là ra vào một bước không quên đạo nghĩa. Song chỉ hiềm những tấm pháp-lam ấy là vật đặt ở ngoại-quốc. Lối khải-hoàn-môn này trông đẹp hơn lối của Nhật, nếu trên cũng đúc bằng đồng cả, chữ thì rát vàng, lại càng hợp cách. Trông trên đường bờ, nóc cung, nóc miếu, trong thành ngoài lăng, thấy gắn thứ pháp-lam vẽ mùi ấy còn nhiều, cũng là một cái lầm của nhà mĩ-thuật ngày nọ.

Cổng Ngọ-môn liền với thành, có hai phần. Phần dưới xây bằng đá xanh mài nhẵn, vừa dầy vừa cao hơn thân thành. Có ba cửa đều khung vuông, cửa giữa cao hơn. Biển ngạch đề hai chữ Ngọ-môn bằng vàng, tạo từ Minh-mệnh năm thứ 14. Phần trên là hai tầng vọng-lâu bằng gỗ lim. Lầu kiểu chữ vương (王), một cái mà trông thành năm cái liền nhau. Nghĩa là ba cái đứng dọc cách nhau, hai cái đứng ngang nối vào hai khe. Câu-lơn và cửa đều cải triện. Thật cũng là một cái công-trình mĩ-thuật của Việt-Nam về cận-thế. Song lâu ngày mưa gió, sắc gỗ mốc bạc, tưởng nên thường sơn phủ đi để giữ cho bền.

Bây giờ lại mời độc-giả cùng đi sang Thế-miếu. Đi về mé tây điện Thái-hòa, lại đến con đường thẳng ra cửa hữu. Ở đó thấy có mấy cái vườn hoang, ngoài tường gạch cũ, trong cỏ rậm và có mấy cây cau lão-lang. Qua hai bên những bức tường cao của các miếu và cung Phụng-tiên, tới gần cửa hữu thì đến cổng sau Thế-miếu. Thế-miếu là miếu thờ đức Gia-long. Miếu cũng là hai cái nhà lớn làm sát liền nhau, nhưng dài mà nền thấp hơn điện. Trước hiên miếu bày một hàng mấy cái thống sứ Tàu, tôi không hay xem đồ sứ Tàu nên không nhận là chế tự bao giờ. Mỗi thống giồng một cây, có một cây đinh-lăng nhỏ còn các cây khác cũng cùng lèo-khoèo như nhau. Cuối cái sân gạch bát-tràng lớn chỗ gần cổng tiền cửa miếu, bày một hàng chín cái đỉnh đồng lớn. Cổng miếu sát với tường, kiểu tam-quan bằng gỗ mà ba tầng. Tầng dưới năm gian, tầng nhì ba gian, tầng trên một gian. Dá chuông dá trống để ở trong tam-quan ấy, kiểu coi cũng lạ.

Còn chín cái đỉnh thật là tiêu-biểu cho nghề đúc của ta về cận-thế. Chín đỉnh đều đúc năm Minh-mệnh thứ 16, cái nào cũng cao hơn đầu người cả. Mỗi đỉnh đặt một tên, mỗi tên sẽ theo thứ-tự dùng làm thụy-hiệu (tên hèm) một đời vua. Chung quanh đều chạm hình các núi to sông lớn, sản vật cống-phẩm trong nước như : Núi Hoành-sơn, sông Hồng-hà, sông Tiền-giang, con cá voi, cây gỗ lim, con đồi mồi, cái tầu ô, súng đại-bác, v. v.. Tên chín cái đỉnh và trọng-lượng như sau :

1° *Cao-đỉnh* 高鼎 (tức là Cao Hoàng-đế (Gia-long), nặng 4.307 cân.

2° *Nhân-đỉnh* 仁鼎 (tức là Nhân Hoàng-đế Minh-mệnh), nặng 4.161 cân.

3° *Chương-đỉnh* 章鼎 (tức là Chương hoàng-đế (Thiệu-trị), nặng 3.472 cân.

4° *Anh-đỉnh* 英鼎 (tức là Anh Hoàng-đế (Tự-đức), nặng 4.261 cân.

5° *Nghị-đỉnh* 毅鼎 nặng 4.206 cân.

6° *Thuần-đỉnh* 純鼎 nặng 3.229 cân.

7° *Tuyên-đỉnh* 宣鼎 nặng 3.421 cân.

8° *Dụ-đỉnh* 裕鼎 nặng 3.341 cân.

9° *Huyền-đỉnh* 玄鼎 nặng 3.421 cân.

Chúng tôi ra về, về đến đường ra cửa Tả, chúng tôi rẽ vào Thái-miếu.

Thái-miếu là miếu thờ Nguyễn-Hoàng-công, miếu dài mười bảy gian, trong có chín ban thờ, thờ chín ngành.

4. — *Viện Khải-định bảo-tàng và hồ Tĩnh-tâm.* — Ra khỏi cửa Tả thì thấy viện Khải-định bảo-tàng gần đó. Viện này vốn là một cái đài cũ dựng ở giữa vườn. Đài to, nền cao, thềm đá nhiều bậc có rồng bò. Chung-quanh vách đóng đố cải triện bưng ván. Mái đắp rồng, bốn mặt vườn có cây-cối xanh tốt, trông có vẻ mĩ-thuật một cách thanh-quang điền-nhã lắm. Trong đài cũng có máng có trần và sơn thếp như trong các điện. Những cổ-vật bày tuy ít hơn viện bảo-tàng Hà-nội, nhưng có đủ tang-chứng về lịch-sử tiến-hóa (*évolution*) của xứ này từ thái-cổ đến nay. Xem viện bảo-tàng bao giờ cũng có cái ích về sử-học, tăng cái cảm về cuộc thiên-diễn miên-man, về cái dấu ưu-thắng liệt-bại của loài người. Có một bộ xương người đào được ở miền bắc Trung-kỳ, so với các xương đều to hơn xương người đời nay nhiều, thì biết giống người làm chủ ở đây trước ta, to lớn lắm. Còn búa đá búa đồng, tiền bằng vỏ trai mài tròn cũng đều là những vật về hai thời-đại thạch-đao đồng-đao của xứ này. Xuống đến đời cận-cổ thì thấy những cái cung cái tên của người Chiêm, bát đĩa và các đồ sành của người Việt đào được ở Thanh-hóa. Thứ đồ sành này về đời Lý ngang với đời Tống bên Tàu (*époque de Tống*). Thứ đồ sành này có nhiều kiểu và sạch-sẽ dễ coi, kể cũng đã là tiến-bộ mà nay thất-truyền. Lại có mấy cái đỉnh cổ để ở trước hiên, cái thì kiểu cái sanh, cái thì kiểu cái nồi, trông rất ngộ, cũng là vật về thời-đại ấy.

Lại xuống đến cận-thế, súng hỏa-mai, súng cò máy đá là vật hỏa-khí của tây-phương mới bắt đầu thâu-nhập vào hồi Trịnh Nguyễn. Chân-dung ALEXANDRE DE RHODES, tổ-sư vần quốc-ngữ. Chân-dung Bá-đa-lộc, Hoàng-tử Cảnh và Nguyễn Văn-Thắng (CHAIGNEAU) mối nhân-duyên Pháp-Việt. Mấy bức tranh vẽ hai bên các quan Việt-Pháp phụng-mệnh hai nước mà giao-thiệp cùng nhau hồi đầu.

Bên kia đường, đối với viện Khải-định bảo-tàng này lại có một cái đài giữa vườn. Mái có lầu cao, trong có thang lên, hình-thế khéo lắm. Trong đài những bức ván lồng ở giáp thừa-trần đều cần xà-cừ «nhất thi nhất họa» cả. Cần thì kỹ, nhưng nét nhỏ mà ở cao nên khó trông. Xà cột đều gỗ gụ đánh bóng, nhưng bây giờ thì bỏ không. Hiên sau có mấy người thường ở, có đồ ăn thức đựng của họ. Giữa đài có cái sập gỗ chạm không sơn để bụi. Trước sập trông ra có vài hàng ghế lệch của học-trò nhà trường, hỏi thì người ở đó nói để dùng khi thi học-trò. Về tay tả đài này liền đấy là nhà Quốc-tử-giám. Kiểu trường học tây một tầng và cũng học chữ tây cả.

Ta lại rủ nhau đi Tĩnh-tâm-hồ, nghĩa là nơi của vua chơi dó cho yên-tĩnh trong tâm-trí. Hồ ở mé đông-bắc ngoài nội-thành. Hồ này là một cảnh danh-thắng trong hai-mươi cảnh danh-thắng ở Kinh-đô. Mà phần nhiều là cảnh riêng của nhà vua thưởng-ngoạn, tức như hồ Tĩnh-tâm này. Cho nên gọi là « Tĩnh hồ hạ ứng 淨湖夏興». Mùa hạ chơi mát ở hồ Tĩnh-tâm, đó là một cái đầu đề trong hai-mươi cái danh-thắng đó. Hồ rộng ước non mười mẫu. Con đường từ cổng ngoài đi vào phân ra làm đôi, bên tả to bên hữu nhỏ. Hai bên đường có cây cổ-thụ. Giữa đường mỗi bên có một cái cầu gỗ lim to và dài để đi ra hai cái gò giữa hai hồ đối nhau. Nay thì cầu sang gò bên tả còn lành-lặn, có câu-lơn gỗ. Còn cái cầu sang gò bên

hữu thì long hết ván và câu-lơn, mới đan phên tre phủ lên để đi. Gò bên tả có một cái đình bát-giác lớn. Giữa có một cái bàn lim to và hai cái ghế dài. Khách vào được tự-do ngồi chơi. Chung-quanh gò có mấy cây cổ-thụ to, vài đống xếp những hòn đá giả-sơn lồng-chồng. Còn thì không thấy có hoa đẹp cỏ lạ gì. Gò bên kia thì không còn đình-tạ gì, một chú lính áo cộc vải chàm đang dọn cỏ sới đất để trồng hoa, ở đấy cũng có mấy cây cổ-thụ. Dọc hai bên con đường giữa hai hồ ấy, cách quãng đối nhau có những cái tảng đá cao, ý-giả là đôn kê chậu hoa ngày nọ. Bên hồ lớn thì còn ăn dài vào nhiều. Xa xa trông thấy một cái gò nữa có mưỡu rậm ở đầu gần hồ, một đàn chim gì lội ăn trên mặt nước, sắc trắng mà nhỏ hơn con le. Mé nam hồ một dẫy dài cây-cối tre-pheo tốt lắm. Chung-quanh không có tiếng người, thật là tĩnh-mịch.

Lần đi thăm hồ Tĩnh-tâm này có các ông Đông-châu, Đông-mĩ, Phạm Hàm, tôi và cậu Phạm Giao. Chúng tôi ngồi nghỉ trong đình bát-giác cùng nhau thuật lại những câu chuyện thịnh-sự ngày xưa của hồ này mà các cụ đồ ngoài Bắc vào thi hoặc vào làm quan về nói lại. Rồi lại nói cái lúc bọn dân mình được dự cái hân-hạnh «dữ chúng nhạc lạc» như thuyết Mạnh-tử ở đây thì lại là lúc hồ vừa tiêu-sơ, hoa tàn lá rụng, sự đời lắm nỗi éo-le.

5º *Viếng lăng.*— Sáng 17 Mars, quan Thượng cho lấy hai ô-tô đưa hai bọn khách chúng tôi đi viếng lăng. Các lăng đều ở trong rừng núi mạn trên sông Hương. Cách đô-thành khá xa, theo đường Yên-cựu Nam-giao đi lên, qua một cái đò lên bờ thì đến lăng đức Minh-mệnh. Tường gạch cao bao-vi cả một khu rừng suối, ước hơn mười mẫu. Có ba cổng, vào cổng bên qua một cái sân gạch Bát-tràng có người đá, voi đá, ngựa đá, rồi đi đến chỗ khoảng giữa là cái bi-đình. Bia cao và to lắm, ghi tên Tự-quân kỷ-niệm công-đức Hoàng-khảo. Đình sơn chạm «nhất thi nhất họa», ở đấy lại qua một cái sân gạch thì vào nhà chính-tẩm chỗ thờ Ngài. Đường bờ nóc chính-tẩm cũng gắn những tấm họa pháp-lam. Trong ban thờ có hai cái tủ quầy lồng kính để các bảo-vật của Ngài dùng lúc sinh-thời như nghiên, khay, bàn trà, chập trầu, chậu rửa mặt, ống súc, v. v.. Có một cái cây bằng vàng, hoa lá bằng ngọc, để ở trong cái tủ kính nhỏ. Xem có mấy cái trác-tải kiểu giản-dị chạm triện đơn-sơ, sơn son thếp vàng là có vẻ mĩ-thuật hơn. Quan Hộ-lăng-sứ đi vắng, có lính coi lăng; ở đây có mấy mụ già giữ đèn nhang. Trong có một bà «mệ» tuổi ngoài bảy-mươi, tóc bạc phơ, mồm móm-mém, áo vải thâm cũ đi chân không, vóc người yếu đuối lắm. Xưng là cháu nội ba đời của đức Tiên-đế đây. Khách tặng cho «mệ» một đồng bạc. Mệ cung-kính cám ơn và nói là tự xin vào ở thắp hương để kiếm lương mỗi tháng sáu đồng mà độ-hoạt. Ở chính-tẩm đi vào qua cái cầu nhỏ tới một cái các nhỏ, trên các để một cái sập, tưởng như lúc sinh-thời Ngài ngự mà trông xa. Sau các có hai cái hoa-biểu xây kiểu tháp to mà cao. Suối đi quanh-quất cả trong vùng đó, bờ suối xây gạch. Hai bờ suối gần lăng, một bên có một cái đình ngồi câu, một bên có một cái đình hóng mát. Góc núi trong chỗ cây rậm có một cái «thư-lâu» là nơi xem sách. Nghĩa là «sự tử như sự sinh», nên làm những cái đó để thờ như còn sống. Bấy giờ qua một cái cầu xây dài rộng thì tới nơi sơn-lăng. Hai đầu cầu dựng hai cái cổng khải-hoàn, cột đồng rồng nổi, trên gắn pháp-lam. Câu-lơn cầu bằng sắt cải hoa, thợ rào ta làm. Khỏi đầu cầu thì một quả núi khá to, chân núi xây gạch bọc vây. Trên núi

trồng thông xanh tốt, đó là Tôn-lăng vậy. Ông Phạm Hàm có mang theo hòm ảnh chụp mấy cái làm kỷ-niệm.

Nghe nói lăng này làm đến 17 năm mới xong, chỗ nào cũng công-phu có phần hơn nơi miếu trong nội-thành. Thế mà bên lăng vua Tự-đức lại còn đẹp hơn.

Một cái cảnh thiên-nhiên với nhân-xảo hội lại làm một, tốt đẹp như thế. Nếu được ở liền ngay vào chốn đô-thành thì cái giá-trị về văn-hóa, về mĩ-thuật bản-quốc còn tăng lên bội-phần.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

Phương thuốc chữa bệnh buồn gây của một nhà đạo-sĩ

(Câu chuyện thuyết-mộng)

Phương đông kia có một nhà giàu, ăn tất ăn đồ cao-lương, mặc tất mặc đồ cẩm-tú, ở tất ở chốn lâu đài, ra vào tất lên xe xuống ngựa, sắc đẹp trông đã chán mắt, tiếng hay nghe đã chán tai, kẻ hầu người hạ kể có hàng nghìn, sai bảo đã chán miệng. Số là bao nhiêu những sự sướng ở trên đời thì người ấy bao la thu-quát được đủ cả, há những có phần đủ mà thôi, lại có phần thừa nữa. Duy đến lúc ngủ thì thường chiêm bao thấy mình phải khiêng vác những đồ-vật nặng-nề, hoặc khi nắng như lửa mà mồ-hôi nhễ-nhại, hoặc khi mưa gió như bão mà rét mướt căm-căm, hoặc khi miệng khát mà chửa được nhấp, lòng không mà chửa được nếm, chân muốn chạy lên nhanh mà lại dường như có cái vật gì ngăn-trở không bước lên được. Mà bao giờ bên cạnh mình cũng có một vị thần cao lớn, mắt như đuốc, tiếng như chuông, chân tay như sắt, cầm roi trỏ bảo sai-khiến bắt làm việc. Khi nào không làm việc thì vị thần ấy lại dắt bỏ vào trong ngục tối, đối với cảnh-tượng vật-tượng trong thế-gian, u-u minh-minh không thấy gì cả. Cúi xuống hỏi vị thần ấy duệ-hiệu là gì thì vị thần ấy đáp rằng : « Ta chỉ là vị thần kim-tiền đây thôi ».

Lại khốn-nạn nhất là khi chiêm bao thấy xách bị đi vét tiền mà bị người ta sỉ-mắng ; và nguy-hiểm nhất là khi chiêm-bao thấy đi ra chợ cướp vàng mà bị người ta đuổi đánh. Đến khi tỉnh thức dậy thì tinh-thần mỏi-mệt, tâm-trí kinh-hoàng, kết-quả thành ra một cái bệnh, thân-thể gầy-gò, ý-chí buồn-bã, ăn không thấy vật gì là ngon, trông không thấy sắc gì là đẹp, nghe không thấy tiếng gì là hay, nghĩ không thấy sự gì là sướng, uống thuốc gì cũng không thấy công-hiệu.

Gần miền đó lại có một chàng kia đi cày, chồng cày ruộng vợ mang cơm, lấy thửa ruộng làm giang-sơn, lấy con trâu làm tri-kỷ, lấy vầng mặt trời làm trình-độ cho sự sinh-hoạt, hễ mặt trời mọc thì đi ra làm việc, hễ mặt trời lặn thì về nghỉ-ngơi, ba gian vách cỏ, bốn mùa gió trăng, vô-tư vô-lự, nghiễm-nhiên là một người dân chất-phác thái-cổ. Duy đến lúc ngủ thì thường chiêm-bao thấy lên cái đài cao hóng gió xuân, ngồi mâm cỗ to mà uống rượu say, hoặc khi cưỡi trên mình voi đi vào rừng săn đàn hươu, hoặc khi tung vàng bạc xuống đất cho người đi

đường nhặt. Lại sung-sướng nhất là chiếm-bao thấy mình làm một chức quan to thay mặt vua cai-trị một nước, nước thịnh dân giàu, đi đến đâu hết thảy người nước đều náo-nhiệt hoan-nghênh. Kịp khi tỉnh-thức dậy, thì tinh-thần khoan-khoái, chí-khí vui-thích, kết-quả thành ra hạng người chẳng cao-lương mà béo, chẳng thuốc-thang mà khỏe, chẳng xe ngựa gấm vóc lâu-đài mà tiên.

Một hôm ông nhà giàu với chàng đi cày ngẫu-nhiên gặp nhau, nhân cùng tiếp chuyện. Ông nhà giàu hỏi chàng đi cày rằng :

– Tôi sao gầy? Chàng sao béo? Tôi sao buồn? Chàng sao sướng? Chàng tu về đường gì mà được hạnh-phúc thế ru?

Chàng đi cày chỉ cười mà chẳng đáp, vì chàng bình sinh cũng chẳng có tu về đường gì, mà cái lý-do sở-dĩ gầy sở-dĩ béo, sở-dĩ buồn sở dĩ sướng, chàng cũng tự mình không hiểu biết được.

Về sau ông nhà giàu lại gặp một người đạo-sĩ, nhân lại đem cái lý-do ấy ra hỏi. Người đạo-sĩ đáp rằng :

— Người ta muốn cầu hạnh phúc, chẳng nên cầu ở chốn vật-chất mà nên cầu ở chốn tinh-thần, chẳng nên cầu ở cái thế-giới hiện-tại, mà nên cầu ở cái thế-giới chiêm-bao.

Ông nhà giàu mới đem những sự chiêm-bao của mình thuật cho người đạo-sĩ nghe. Người đạo-sĩ cũng cười mà nói rằng :

— Cái chiêm-bao của ông có cái thế-giới đáng buồn như vậy, thì cái chiêm-bao của chàng đi cày kia tất-nhiên cũng có cái thế-giới đáng vui, không phải hỏi cũng khá biết. Nay ông muốn chữa cái bệnh buồn gầy ấy đi, để cầu lấy cái hạnh-phúc vui thích thì tưởng cũng không khó gì. Ôi! Bệnh có thứ chữa mười năm không có hiệu, mà thuốc có thứ chỉ một ngày là có hiệu đấy thôi. Ông phải biết rằng chàng kia tuy là một kẻ nông-phu, nhưng họ không làm nô lệ cho thần kim-tiền, cho nên thần kim-tiền không sai-sử được họ, giam-cầm được họ. Ông tuy là một kẻ phú-gia, nhưng ông đã làm nô-lệ cho thần kim-tiền, cho nên thần kim-tiền nó sẽ làm mất cái tự-do của ông. Nay ông với thần kim-tiền sự-thế tất-nhiên chẳng lưỡng-lập, thần kim-tiền mà đắc chí thì ông tất-nhiên bị thống-khổ nguy-hiểm. Ông mà muốn tránh sự thống-khổ nguy-hiểm, thì tất-nhiên phải đuổi thần kim-tiền ấy cho xa đi, ấy là cái phương thuốc cứu khổ cho ông vậy.

Người đạo-sĩ nói xong từ-giã ra đi, hẹn đến ba ngày nữa thì lại đến thăm. Kịp ba ngày, người đạo-sĩ lại đến, thì thấy ông nhà giàu nét mặt vẫn còn buồn-rầu, vẻ người vẫn còn hốc-hác. Ông nhà giàu lại tỏ lời tự than rằng :

— Tôi nhất-sinh chỉ những khổ. Bao giờ sướng?

Người đạo-sĩ đáp rằng :

— Ông tan hết của cho cả họ ăn thì ông sướng vậy.

Ông nhà giàu lại than rằng :

— Nhưng khốn thay của nhà tôi còn nhiều, cả họ ăn cũng không hết. Tôi bao giờ béo?

Người đạo-sĩ lại đáp rằng :

— Ông tan hết của cho cả làng ăn thì ông béo vậy.

Ông nhà giàu lại than rằng :

– Nhưng khốn thay của nhà tôi còn nhiều, cả làng ăn cũng không hết. Tôi bao giờ khỏi buồn khỏi gầy mà sống lâu được như ông Bành-tổ?

Người đạo-sĩ lại đáp rằng :

— Bành-tổ chẳng qua chỉ sống lâu có 800 năm đấy thôi. Ông nếu tan của cho cả nước ăn, thì tiếng thơm ông kiếp-kiếp đời-đời, có lẽ sống lâu hơn ông Bành-tổ.

TÙNG-VÂN

NGUYỄN-TRIỀU TRONG THỜI-KỲ SƠ KHỞI

Bản-chí tiếp được bài diễn-thuyết của ông Ngô Ngọc-Kha đọc tại hội Trí-tri Nam-định ngày 5 Avril 1933. Nói về một đoạn lịch-sử triều Nguyễn, vậy cứ y nguyên-văn đăng báo, để công đồng-lãm.

N. P.

Mới đây ông Hội-trưởng hội Trí-tri có viết thư mời tôi diễn-thuyết. Tôi ngần-ngại mãi chưa nhận lời, vì tự xét kiến-thức còn thiển-cận, dám đâu đương một việc mà chưa chắc mình sẽ làm được châu-đáo. Diễn-thuyết không phải là một khoa-học phổ-thông có thể truyền dạy được, mà là một nghệ-thuật cũng như văn-chương và âm-nhạc, phải cần có tài-năng và tư-cách riêng.

Tôi thời thường vẫn lưu-tâm về môn nghệ-thuật ấy, song chưa từng dám ra trước một nơi công-hội mà khoa-trương những điều sở-học, sở-kiến của mình bao giờ. Hồi còn cắp sách đi học ở đất Hà-nội, ngoài những giờ cặm-cụi trong trường cử-nghiệp, cái tập-quán yêu-quí nhất của tôi là hay lui tới nhà các bậc danh-sĩ và các hội văn-học. Mỗi khi thấy nói ở đâu có tổ-chức cuộc diễn-thuyết là thế nào cũng đến nghe, vì tôi biết diễn-thuyết là một cái lợi-khí của văn-minh để truyền-bá học-thuật, tư-tưởng, rất cần cho thời-đại này. Cái kiến-văn ở thế-giới một ngày một quảng bác thì sự sinh-hoạt của người ta cũng một ngày một phiền-phức, mà sự sinh-hoạt càng phiền-phức thì những dịp ta phải dùng ngôn-từ để thông-đạt tư-tưởng lại càng nhiều. Người ta kì ông cứ phải làm nhà chính-trị tranh-luận ở nghị-trường, làm thầy luật-sư biện-hộ trước tòa án, hay làm ông giáo-sư giảng-thuyết trong học-đường, ai là chẳng có khi phải ra nói ở chỗ trù-nhân quảng-chúng, dầu không là tay hùng-biện thì cũng phải đủ tư-cách ngôn-luận để đối-phó với những cơ-hội thông-thường.

Nghề diễn-thuyết là khó, song tôi nghĩ khó mà chịu học-tập mãi, biết đâu có một ngày ta chẳng đạt được ý-nguyện. Vả mình nợ xã-hội đã nhiều, mỗi lần nghe diễn-thuyết ở một hội nào là mang nợ với hội ấy. Có nợ thì phải trả, dù không trả đủ gốc thì phải trả ít lãi. Nghĩ thế nên tôi đánh liều nhận lời với ông Hội-trưởng hôm nay đến đây hầu chuyện các ngài.

Tôi không dám bàn đến những vấn-đề cao-xa phiền-phức, mà cũng không có ý đến đây để ngâm-phong vịnh-nguyệt, mong được người khen có tài tú-khẩu cẩm-tâm. Không. Tôi chỉ xin cùng các ngài trong buổi xuân-thiên hưu-hạ này, nhắc lại một đoạn lịch-sử quang-vinh của nước nhà. Tôi muốn nói về Hoàng-triều trong thời-kỳ sơ-khởi và thuật lại những bước đường gian-nan của đức Thế-tổ-cao-hoàng trong 27 năm chinh-phạt Tây-sơn.

Cho được vui câu chuyện, tôi xin phép các Ngài dẫn thêm những sự-tích lấy trong các tạp-ký, hoặc có hoặc không, xin tùy các Ngài lấy nghĩa-lý mà đoán,

Nhà Nguyễn là một giòng họ có đã lâu đời. Thủy-tổ có lẽ là ông Nguyễn Bặc, một người đã từng lập nên chiến-công về đời vua Đinh Tiên-hoàng lúc khởi-nghĩa đánh Thập-nhị-sứ-quân. Song chính-sử thì chỉ chép từ đời đức Nguyễn Kim làm bầy-tôi nhà Lê.

Bấy giờ trong triều Lê, Mạc Đăng-Dung đang lộng-hành, thế-lực ngày thêm bành-trướng, một tay lũng-đoạn cả quyền vua. Các bậc trung-thần nhà Lê thấy vận nước suy-vi lấy làm buồn

lòng chán-nản, người thì giả ẩn từ quan, người thì xa lánh triều-đình. Trong bọn trung-nghĩa ấy có đức Nguyễn Kim là người lỗi lạc nhất, ngài sang Ai-lao-quốc tìm phương khôi-phục quyền-thế cho nhà vua. Vua Lào cũng khí-trọng, giao cho ngài một châu để cai-trị. Ở đấy, may sao lòng trời xui-khiến, ngài gặp được một nhân-tài là Trịnh Kiểm. Ngài gả con gái cho Kiểm, rồi hai người hiệp-lực về đánh Mạc, dựng lại ngôi vua. Sau đức Nguyễn Kim bị một viên bầy tôi nhà Mạc đầu độc mà thác. Ngài đã 78 tuổi. Tương truyền vua Lê Trang-tôn sai làm lễ quốc-táng rất là trọng-thể. Khi quan-tài đã hạ huyệt rồi, trời bỗng nổi một cơn phong-ba dữ dội, người chạy tan-tác, huyệt tự-nhiên lấp lại như đất bằng, sau cơn gió loạn không ai nhớ đích là ở chỗ nào, chỉ biết phỏng chừng là ở trong địa-phận làng Gia-miêu, ngày nay là làng Quí-hương, thuộc tỉnh Thanh-hóa, gần ga Bỉm-sơn.

Đức Nguyễn Kim có hai người con trai tên là Nguyễn Uông và Nguyễn Hoàng, và một người con gái là Ngọc-Bảo lấy Trịnh Kiểm. Kiểm chuyên-quyền, tàn-ác, có hai em vợ giết một (Nguyễn-Uông). Còn một người nữa là Nguyễn Hoàng thấy thế sợ-hãi, nhờ chị xin giúp cho đi trấn-thủ Thuận-hóa. Trịnh Kiểm cũng ưng vì có ý muốn đầy em vợ vào đấy cho chết đi. Châu Thuận, châu Hóa bấy giờ là một miền lam-chướng độc-địa của nước Chiêm-thành. Đức Nguyễn Hoàng ở đấy là ông tổ cầm cái đô-thành Huế ngày nay, Ngài thi-ân cho nhiều dân thổ-trước, thanh-thế ngày thêm lừng-lẫy, chẳng bao lâu chiêu-mộ được một đội nghĩa-binh, ngọn lửa chiến-tranh của hai nhà Nguyễn, Trịnh bắt đầu phát từ đấy, rồi cháy mãi trong hơn hai thế-kỷ mới tắt.

Hai trăm mười bảy năm sau khi đức Nguyễn Kim mất ở làng Gia-miêu, thì cũng ở làng ấy, cũng giòng họ ấy, đức Thế-tổ Cao-hoàng ra đời. Ngài húy danh là Nguyễn Ánh, sau này sẽ là một bậc anh hùng khai-quốc, một vị đế-vương thống-trị suốt cõi đất Việt từ Bắc đến Nam. Ngài là con trai thứ ba đức Chương-võ. Khi ngài mới lên ba tuổi thì đức Hoàng-phụ băng. Chú là đức Duệ-tôn đang giữ nghiệp chúa ở Thuận hóa, nhưng quyền binh thì vào tay quan Phụ-chính Trương Phúc-Loan cả.

Năm một nghìn bảy trăm bảy mươi năm (1775) quân Trịnh ở Bắc-kỳ theo Hoàng Ngũ-Phúc vào chiếm-lĩnh Thuận-hóa. Đức Duệ-tôn phải bỏ kinh-thành chạy xuống Quảng-nam để lo vượt bể vào Gia-định, Cao-Hoàng khi ấy mới 13 tuổi, cùng hai vị vương-thân là Dương và Phúc-Đông theo hộ-giá (Phúc-Đông là anh ruột ngài). Ngài hiếu-nghĩa lắm, tư-chất lại thông-minh, nên đức Duệ-tôn yêu-quí vô-cùng, cho làm Trưởng-sử coi một đạo quân Tả-dực. Có một lần giặc đuổi gần đến nơi, trong cơn nguy-cấp, đức Duệ-tôn nhường ngựa cho ngài và giục phải phóng lên trước. Ngựa chạy một quãng, nhìn lại không thấy chú, ngài dừng cương đứng lại bên đường để đợi. Khi đức Duệ-tôn theo kịp, lấy làm cảm-động về tấm lòng trung-nghĩa của ngài.

Trong mấy năm tị-nạn, ngài đã trải nhiều nỗi gian-nguy, nào trèo đèo lội suối, nào dãi gió dầu sương lúc trốn tránh trong rừng sâu, khi lênh-đênh ngoài biển cả. Than ôi! bốn phương non nước tuy đâu cũng là nhà, nhưng kia cái cảnh nguy-vong nó đã phô bày ra trước mắt, nghĩ cũng thảm sầu thay! Song dù đường đời hiểm trở đến đâu, ngài vẫn thản-nhiên mà coi như không, trong lòng như bao giờ cũng chan-chứa một cái khí hạo nhiên của trời đất. Ngài thật đã treo cao trong thanh-sử một tấm gương nhẫn-nại cho muôn đời soi chung vậy.

Từ Phú-xuân đến Gia-định, từ Gia-định xuống Cà-mâu, người trong cung-quyến, kẻ ngoài quân-nhân, ngài đã trông thấy rõ biết bao huyết-hãn. Mỗi giọt máu rơi ở chiến-trường là một vết thương để lại trong lòng ngài. Vết thương ấy, những sự vinh-dự, chiến-thắng sau này chưa chắc đã hàn-gắn được.

Những lúc nước mây man-mác, gió thổi đìu-hiu, ở chốn lữ-đình trông về cố-đô là nơi bao nhiêu đấng Tiên-tổ đã mở-mang bồi-đắp nên, thì nay kẻ thù là Trịnh-chúa đã chiếm-đoạt rồi. Ngảnh về Nam-phương thì ôi thôi! Giang-sơn nhà mình cũng vào tay người thao-túng, thành Quy-nhơn đã đổi làm Đại-bản-doanh của mấy anh em Tây-sơn rồi. Đau lòng thay!

Tháng hai năm 1778, ở Sài-gòn các tùng-thần, tôn ngài lên làm Đại-Nguyên-soái, nhiếp quốc-chính. Khi ấy ngài mới 16 tuổi. Tục truyền có một đêm ngài nằm mộng thấy người cắt mất thủ-cấp. Sáng hôm sau, hội quần-thần đoán mộng, thì có người tâu đó là một điềm hay, thế nào sau này ngài cũng lên ngôi Cửu-ngũ. (Ngài đương làm chúa, chữ *chủ* 主 là chúa, bỏ cái chấm đầu là chữ *vương* 王 vương là vua).

Từ đấy ngài gặp nhiều phen tỏa-chiết mà cái chí vẫn cương-cường. Ngài có hy-vọng mà không quá tin ở sự hy-vọng, có hăng-hái mà vẫn sáng-suốt, có sốt-sắng mà không khinh-suất.

Cái nhuệ-khí, cái can-đảm, cái lòng danh-dự, cái chí quyết chiến, từng ấy cái khí-giới sẽ giúp ngài sau này thắng-trận thành-công.

Đến đây tôi xin nói qua về mấy anh em Tây-sơn.

Họ Tây-sơn phát-tích ở Nghệ-an, di-cư vào Bình-định đã lâu đời. Ông tổ thứ tư mới đến lập-nghiệp ở Tây-sơn là một làng thuộc miền An-khê. Vì thế mà ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ khởi lên ở đấy, người ta gọi là giặc Tây-sơn. Nhạc là anh cả, xuất-thân chỉ là chủ lái buôn, giao-dịch với các dân Mọi ở vùng ấy.

Sau làm chức biện-lại ở Vân-đồn. Cờ bạc thua, Nhạc lấy tiền kho ra tiêu, sợ mang tội, bèn trốn vào núi ở, rồi chiêu-dụ đồ-đảng trong những bọn võ nghệ và những tội-nhân đào ngục. Chẳng bao lâu, đồng-đảng đã có đến ba nghìn người. Nhạc nhớ lại lúc còn đi học, nghe thầy đọc lời sấm rằng: « Tây khởi nghĩa Bắc thu công », lại thấy em thứ hai là Huệ võ-nghệ cao-cường, tiếng vang như chuông, mắt sáng như gương, nên cái chí quấy nước trọc trời lại càng phấn-khởi. Cái mộng làm chúa cả giang-sơn nước Nam Nhạc cũng có từ đấy. Nhưng còn thiếu một cái khí-giới mạnh nhất: lòng dân. Sự thành-bại của ông võ-tướng cũng như của nhà chính-trị, một phần to là ở đấy.

Nhạc có tính nghĩa-hiệp, thường ăn cướp của nhà giàu cho nhà nghèo, lại nhân khi dân-chúng đang qui-oán vị quyền-thần Trương Phúc-Loan, nên ba anh em Tây-sơn quyết khởi-sự. Nhạc định lấy thành Qui-nhơn làm bản-doanh, bèn dùng một chước như sau này: sai quân đóng cũi rồi đem mình lên nộp cho quan bản-tỉnh. Nửa đêm, thừa lúc quân lính canh-phòng không nghiêm-mật, Nhạc tháo cái chốt làm ở dưới cũi từ trước, rồi ra nổi hiệu cho gia-tướng vào đoạt thành.

Được tin ấy đức Duệ-tôn sai quân xuống dẹp, nhưng đánh không lại.

Khi đã lấy thành Qui-nhơn rồi, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ mang binh vào Nam-kỳ truy-tầm chúa Nguyễn. Nhạc thì xưng vương ở nam-bộ Trung-kỳ, lấy hiệu là Thái-đức.

Hồi này đức Duệ-tôn và hai ông Hoàng Dương và Phúc-Đông đều bị quân Tây-sơn bại, chỉ còn một mình Cao-hoàng trốn thoát. Ngài bôn-ba khi

Gia-định, lúc Vĩnh-long, qua Cần-thơ, Cà-mâu, rồi đáp thuyền ra cù-lao Thổ-châu ở trong vịnh Xiêm-la, cách bờ biển 200 cây-số. Trước khi ra được đến đấy, ngài bị quân Tây-sơn đuổi riết lắm. Có một lần ngài đang đêm muốn đáp thuyền ra bể. Thuyền vừa quay mũi khỏi bến thì có con cá sấu cản lại. Sáng hôm sau, quân do-thám về báo rằng đêm ấy có thuyền giặc đón ở ngoài cửa bể.

Ngài ở Thổ-châu ít lâu, lại về Long-xuyên cử nghĩa-binh qua đoanh Long-hồ (bây giờ là Vĩnh-long) cự-chiến cùng quân Tây-sơn, thu-phục được thành Sài-gòn.

Ngày mồng 5 tháng hai năm 1780 ngài lên ngôi vua ở Sài-gòn, mở tiệc khao-thưởng ba quân và ban tước-vị cho các tướng-sĩ. Đỗ Thanh-Nhân, chủ tướng quân Đông-sơn là một vị huân-thần đã nhiều phen cứu giá và có công bình giặc Cao-man ở Trà-vinh, từ đấy phải thần-phục Nam-triều.

Đáng lẽ Cao-hoàng còn thắng nhiều trận, song vì năm sau ngài xuống lệnh giết Đỗ Thanh-Nhân, nên trong hàng quân-sĩ có nhiều người oán giận và quay lại phản ngài. Cái tin Đỗ Thanh-Nhân chết giặc Tây-sơn lại khởi binh vào quấy Gia-định.

Một trăm chiếc binh-thuyền nhờ gió lặng sóng yên kéo thẳng đến Sài-gòn. Thủy-quân của chúa Nguyễn đại-bại, Gia-định, Sài-gòn thế là lại thất-thủ lần thứ hai. Ông Hoàng Dụ tiết-chế trấn Bình-thuận, dẫn một đạo binh về cứu viện, trong có nhiều quân Tàu của Tây-sơn qua đầu Nguyễn. Hai bên giáp chiến ở cầu Tham-lương, thuộc tổng Dương-hòa-thượng, hạt Gia-định. Nhạc thấy trận này mất một viên hồ-tướng là Phạm Ngạn. Lại thấy quân Tàu của mình làm phản, giận lắm, bèn nỗ-lực tảo-trừ quân địch, bao nhiêu người Tàu, bất cứ già trẻ, trai gái giết hết. Từ trận có đến một vạn người, thây nằm chật đất, máu chảy tràn sông. Suốt một tháng người ở gần đấy không ai dám ăn tôm cá và uống nước sông.

Cao-hoàng bại trận, phải chạy đến Hà-tiên ngự thuyền ra đảo Phú-quốc.

Tháng tám năm ấy, tướng Chu Văn-Tiếp kéo cờ hiệu « Lương sơn-tá quốc » đánh nhau với Tây-sơn ở Long-hồ. Nhạc, Huệ ở Trung-kỳ, xuống lệnh cho quân cử-trại về Qui-nhơn.

Chu Văn-Tiếp thông-báo ra Phú-quốc thỉnh-giá về Sài-gòn. Tôi chúa một mặt sai sứ qua Xiêm-la thông-hiếu, một mặt sửa lại đoàn chiến-thuyền, xây đắp đồn lũy theo dọc sông Sài-gòn. Dưới sông thì giăng thiết-thảo-long để ngăn-ngừa thuyền giặc.

Tháng hai năm sau (1782), Huệ và Lữ cùng 200 chiến-thuyền vào đánh phá cửa Cần-thơ. Quân Nguyễn dùng hỏa-công đốt, chẳng may gặp khi nước cả, gió đông-bắc thổi, ngọn lửa không bạt về phía thuyền giặc nên lại thất-trận. Cao-hoàng bị quân Tây-sơn theo gấp quá, đến bờ sông Lật-giang, thế cùng, nước chảy xiết, đò không có, phải bơi qua sông mới thoát nạn. Đi đến Đăng-giang gặp khúc sông rộng quá, lại có nhiều cá sấu, ngài chắc hẳn đành gửi thân dưới dòng nước vô-tình. Thấy gần đấy có một con trâu, ngài bèn cưỡi lên mình nó để qua sông. Đến giữa dòng, nước triều lên to quá, trâu chìm, may đâu một con cá sấu nổi lên mặt nước đưa ngài sang đến bờ bên kia. Ngài đến Mỹ-tho cùng Quốc-mẫu và cung-quyến xuống thuyền ra Phú-quốc. Tưởng rằng thôi chẳng được thảnh-thơi trên gác khói đài mây thì cũng tạm-trú yên nơi chân trời góc biển, nào hay cái đảo cùng-tịch kia chưa là nơi bảo-hộ Hoàng-gia, chẳng bao lâu quân địch đã bổ vây bốn phía.

Lê Phước-Điền, một tiểu-thần, nặng lòng quân-quốc, trong lúc cùng-đồ, tâu

vua trao ngự-bảo cho mặc rồi tự ra cho giặc bắt. Nhờ mưu ấy, ngự-thuyền mới ra khỏi Phú-quốc, thuận nước giương buồm chạy về đảo Côn-lôn. Bể gươm vẫn chưa lặng sóng, trên đường chinh-chiến, Cao-hoàng còn qua nhiều đoạn chông gai. Tây-sơn đến vây đảo Côn-lôn, may trời nổi cơn giông tố, làm cho thuyền vây phiêu tán, ngài vượt trùng-vi trốn thoát, thuyền ngự bạt-phong đến cù-lao Cổ-cốt, sau lại về Phú-quốc. Về đấy lương-thực khánh-tận, quân lính phải đào củ mài và đẽ cây để ăn.

Hồi này Cao-hoàng gặp ở Phú-quốc một vị giáo-sĩ người Pháp tên là PIERRE PIGNEAU DE BÉHAINE (sử ta dịch là Bá-Đa-Lộc). Ông này sang truyền đạo ở Nam-kỳ từ năm 1765 lập trường dạy học ở tỉnh Biên-hòa, sau vì có lệnh cấm người Âu-châu không được giảng-đạo Gia-tô trong nước, nên ông phải ra ở đảo Phú-quốc. Ông khuyên Cao-hoàng nên xin binh cứu-viện của Đại-Pháp. Ngài còn ngần-ngại chưa quyết bề nào. Tháng sáu năm 1783, ngài được vua Xiêm cấp cho 20.000 binh và 300 chiến-thuyền đánh lấy lại Rạch-giá, Ba-vac, Trà-ôn. Trong trận này, hao binh tổn tướng nhiều lắm, tướng Chu Văn-Tiếp bị thương tử trận, Ngài đau xót như mất một cánh tay. Từ đấy, quân Xiêm không có ai quản-suất nổi, chúng giở thói bạo-tàn, quấy nhiễu lương-dân, bị quân Tây-sơn đuổi đánh, trốn về nước gần hết.

Cao-hoàng lại ngự ra Phú-quốc tìm ông Bá-Đa-Lộc, và lần này nhất-định cầu cứu Pháp-đình. Ngài định rằng, nếu nước Pháp chịu giúp binh thì ngài sẽ nhường cho một hải-cảng và đảo Côn-lôn, lại để độc-quyền thông-thương với xứ Nam-kỳ. Đông-cung Anh-duệ hoàng-thái-tử (Hoàng-tử Cảnh) mới lên năm tuổi mang theo quốc-ấn sẽ cùng đi với Giám-mục Bá-Đa-Lộc sang Đại-Pháp để làm tin. Cao-hoàng viết cho vua nước Pháp một bức thư đại-ý như sau này :

« Quí-quốc và tiện-bang tuy lớn nhỏ « khác nhau và xa-cách ngoài muôn « dặm, nhưng tôi chắc Hoàng-đế tin ở « tấm lòng thành-thực của tôi nên theo « lời giáo-sĩ Bá-Đa-Lộc, tôi quyết-định « cầu-cứu đến Hoàng-đế. Tôi đã giao « con tôi tên là Cảnh cho giáo-sĩ và « giao cả quốc-ấn cho ông ấy để tâu « xin Hoàng-đế cứu giúp cho tôi được « thu-hồi lĩnh-thổ. Tôi biết Hoàng-đế « có đại đức, nên tôi chắc rằng ngài « sẽ nhận lời tâu khẩn của con tôi và rủ « lòng thương đến tôi. Tôi mong chẳng « bao lâu nữa sẽ trông thấy con trở về « nước với binh cứu-viện. »

Hoàng-tử đi rồi ngài gọi nguyên-phi (mẹ sinh của Đông-cung) ra, tay cầm hai-mươi lạng vàng đưa cho một nửa và dặn rằng: « Phi ở lại phụng-dưỡng quốc-mẫu thay ta, ngày nay tương-biệt chưa biết ngày nào lại đoàn-viên, xin phi cứ giữ của này làm tin ». Nói rồi ngài bái-biệt quốc-mẫu, xuống thuyền ngự vào cửa Ma-ly, định về Bình-thuận thám-thính tình-trạng. Chẳng may gặp thuyền giặc đuổi bắt, thuyền ngự lênh-đênh bảy đêm ngày ngoài khơi, hết cả nước ngọt cho quân-gia uống. Cao-hoàng ra đứng mũi thuyền vái trời mà khấn rằng: « Nếu quả trời đất không phù-hộ để tôi phục phù cho tôn-xã, thì xin làm đắm thuyền đi cho rồi ».

Ngài vừa khấn xong, một tên lính khát quá, nằm lả bên mạn thuyền, trông thấy dòng nước bỗng nhiên rẽ làm đôi, bên đục bên trong, múc thử uống thấy ngọt, bèn reo lên : « Nước ngọt! nước ngọt! » Quan quân uống no đủ, lại vợi thêm đầy các chĩnh xong, thì nước lại đổi mầu và mặn như trước. Thuyền ngự trông xa không

thấy bóng tăm quân giặc lại quay về Phú-quốc. Ngày mồng 9 tháng 4 năm 1785 Cao-hoàng biệt cù-lao Thổ-châu sang Xiêm-la lánh nạn. Các tướng Tôn-thất Huy, Tôn-thất Hội, Lê Văn-Quân, Nguyễn Văn-Thành và 50 tên quân theo hộ-giá, xuống năm chiếc thuyền, chúa tôi rẽ sóng tìm đường lên Vọng-các thành. Ròng-rã một tháng trong cảnh mênh-mông trời biển, thuyền mới đến nơi. Ở Xiêm-la Cao-hoàng một mặt sai người về Thổ-châu rước quốc-mẫu, một mặt phái người về Gia-định mộ thêm nghĩa-binh. Năm sau ngài giúp Xiêm-hoàng đánh đuổi quân Diến-điện và Mã-lai. Lê Văn-Quân và Nguyễn Văn-Thành dùng chước hỏa-công chém giết và bắt sống rất nhiều địch-quân. Xiêm-hoàng cảm-tạ, muốn giúp binh ta một phen nữa, song các tùng-thần tâu Cao-hoàng nên dưỡng sức chờ thời sẽ động binh, nên ngài nấn-ná ở lại Vọng-các ít ngày nữa.

Hồi này anh em Tây-sơn đã nhất-thống Nam Bắc. Sau khi chiếm-cứ Thuận-hóa, Huệ ra đoạt thành Nghệ-an và Thanh-hóa, chỉ trong vòng một tháng, ngọn cờ Tây-sơn đã phấp-phới bay trên mặt thành Nam-định. Quân Tây-sơn vẫn tiến. Đến cửa Luộc, gặp trời tối đen như mực, Huệ dùng mưu cho sáu bảy chiếc thuyền chở quân gỗ đi trước, quân bên Trịnh bắn xuống như mưa, đến sang vừa hết đạn, cứ thế bỏ thủy-đồn mà chạy. Trịnh Khải thua trận đã cửa cổ tự-sát, thành Hà-nội thế là mất nốt. Huệ xuống lệnh cấm quân lính không được nhũng-hại lương-dân, rồi xin vào cung bái-yết vua Lê Hiển-tôn để tỏ lòng muốn phù Lê diệt Trịnh. Vua Lê thoát vòng lung-lạc, xiết nỗi vui mừng, phong cho Huệ chức Đại-nguyên-soái và gả công-chúa cho.

Nhạc ở Quy-nhân nghe tin em đã ra đến Bắc-hà, e người cùng máu với mình mang lòng phản-bội, liền thân ra dụ Huệ về. Khi Nhạc ra đến Bắc, Lê-hoàng sai đặt cuộc nghênh-tiếp rất là trọng-thể. Nhạc làm lễ triều-yết, ở lại ít ngày rồi lại cùng Huệ trở về Trung-kỳ, chia đất cho hai em cai-trị. Huệ thì đóng đô ở Thuận-hóa, lấy hiệu là Bắc-bình-vương. Lữ thì hùng-cứ ở Gia-định lấy hiệu là Đông-định-vương. Còn Nhạc thì cai-trị từ Quảng-nam đến Bình-định, lấy Quy-nhân làm quốc-đô và tự-xưng là «Trung-ương hoàng-đế».

Bấy giờ triều Lê đã đến lúc tàn, cơ-đồ khôi-phục lại mất về tay Trịnh Bồng là người nối nghiệp chúa cuối cùng về giòng họ Trịnh. Ở Trung-kỳ thì anh em Tây-sơn sinh lòng ghen ghét nhau. Sự bất-hòa ấy là một cơ-hội tốt cho nhà Nguyễn. Cao-hoàng ở Xiêm-la thu quân dự-bị trở về Nam-kỳ. Ngài sợ Xiêm-hoàng lưu-luyến thì lỡ mất dịp, nên nửa đêm viết thư từ-tạ để lại, rồi xuống thuyền từ-biệt thành Vọng-các. Còn quốc mẫu và cung-quyến thì ngài đã nhờ Hà Hỉ-Văn là một tướng giặc người Tàu hộ-tống về Phú-quốc.

Nhân có tin báo quân Tây-sơn ở Gia-định đã kéo về Quy-nhân nhiều, Cao-hoàng mới ngự thuyền về Hà-tiên, qua Long-xuyên, Cần-thơ, rồi lên Sài-gòn. Ngự-giá đến đâu nhân-dân hoan-hô và tình-nguyện tùng-chinh nhiều lắm. Đi gần đến Sài-gòn, ngài có ý lo ngại vì viên trấn-thủ thành Gia-định Phạm Văn-Sâm là một hùng-tướng, địch khó nổi. Ngài nghĩ nên dùng cơ-mưu làm cho Sâm bất-bình với chủ. Ngài bắt giam hai vợ chồng một viên tiểu-tướng của Tây-sơn, rồi giả thảo một bức mật-chỉ Nhạc viết cho Lữ, trong nói Thái-bảo Phạm Văn-Sâm không có lòng trung-nghĩa, phải kíp trừ đi, kẻo sau này sinh mối hậu-họa. Mật-chỉ ấy bắt Thị-Lộc là vợ viên tướng bị giam mang xuống Gia-định đưa cho quan Thái-bảo. Được thế thì hai vợ chồng mới khỏi tội chết.

Thị-Lộc về đến Sài-gòn bị quân canh khám xét, lấy bức mật-thư dâng lên quan Trấn-thủ. Sâm cả giận, sai kéo cờ bạch lên mặt thành. Lữ được tin ấy, tưởng Sâm đã dầu chúa Nguyễn, liền kéo quân về Quy-nhân. Sâm ở lại Gia-định, thế cô, trong 10 tháng đánh nhiều trận huyết-chiến với Lê Văn-Quân và Lê Văn-Duyệt, khi ở Long-xuyên, khi ở Vĩnh-long, Sa-đéc.

Binh nhà Nguyễn có thêm được một viên dũng-tướng là ông Vũ Tính. Ông này quê ở huyện Bình-dương (Gia-định), sau xuống Khổng-tước-nguyên, chiêu-tập hào-kiệt được hơn một vạn người, xưng-hùng ở đất Gò-công. Quân Tây-sơn đi qua đấy bị giết hại nhiều, nên chúng dặn nhau rằng: « Gia-định có tam-hùng, phải tránh xa kẻo chết ». Ba người ấy là: Đỗ Thanh-Nhân, Chu Văn-Tiếp và Vũ Tính.

Vũ Tính đem một đoàn ứng-nghĩa xuống Nước-soáy là nơi hành-tại bái-yết Cao-hoàng, ngài phong làm chức Tiên-phong Khâm-sai Tổng-nhung chưởng-cơ, sau lại gả em gái là Công-chúa Ngọc-Du cho.

Quân Nguyễn sau một trận thủy-chiến ở trên sông Ba-lai, ngày mồng 7 tháng 9 năm 1788 đại-thắng, lấy lại hẳn thành Sài-gòn.

Hồi này ở ngoài Bắc vua Lê Chiêu-thống cùng mấy quan tùng-vong qua Trung-quốc lo phục vương-quyền. Vua Càn-long nhà Thanh xuống chiếu sai Tôn Sĩ-Nghị, Tổng-đốc Lưỡng-Quảng điều-bát 20.000 quân sang đánh giúp vua Lê. Huệ mải lo khu-trục quân Tàu ở Bắc-kỳ, Nhạc không dám bỏ thành Quy-nhân, nên đất Nam-kỳ đành chịu mất về nhà Nguyễn.

Nói về Đông-cung Hoàng-thái-tử và ông Bá-Đa-Lộc biệt đảo Thổ-châu tháng chạp năm 1784, qua Ấn-độ ở lại tỉnh *Pondichéry* mãi đến 3 năm sau mới sang Pháp. Tới cửa *Lorient* vào tháng hai năm 1787. Hai người lên *Versailles* vào cung yết-kiến vua Louis XVI. Vua tiếp đãi Đông-cung theo phẩm-vị Thái-tử. Lúc này trong nước Pháp phong-trào cách-mệnh đang nổi lên như lửa reo sấm động.

Hoàng-tử Pháp là công-tước NORMANDIE kém Đông-cung một tuổi, hai ông hoàng tỏ tình yêu thương nhau lắm. Ở triều-đình, các quan thấy Đông-cung diện-mạo khôi-ngô, tính-tình thuần-hậu, tuổi còn thơ đã gặp cảnh loạn-ly, ai nấy cũng sinh lòng cảm mến.

Hoàng-hậu và mấy phu-nhân có đặt bài tuồng ca hát tặng Đông-cung. Trong các cuộc yến-hội, Hoàng-hậu thường vận y-phục bắt-chước hoàng-tử An-Nam, các bà quan thì bới tóc giả làm đàn bà Nam-kỳ. Vua Louis thường cùng Đông-cung ngự đi coi hát, mấy lần đầu Đông-cung giả bộ thản-nhiên không nói gì, nhưng dù ngồi trong bí-trường mà trong lòng Đông-cung bao giờ cũng bồi-hồi nghĩ đến việc nhà việc nước. Có một lần dương ngồi nghe hát, Đông-cung nét mặt rầu-rầu khẽ tâu vua Louis rằng: « Muôn tâu Bệ-hạ, ở nước Nam tôi ngày nay trăm họ lầm-than, giặc-giã bốn phương tung-hoành, tôi còn lòng nào mà ngồi đây nghe ca hát cho đành ». Nói rồi cáo biệt về trước.

Một ngày khác, vua Louis ban cho Đông-cung một thanh bảo-kiếm, ở cán chạm nhiều châu ngọc rất đẹp. Trông mặt Đông-cung không có vẻ vui cười, vua hỏi tại sao buồn thì Đông-cung trả lời rằng: « Tôi thấy chung quanh tôi nhiều người nghèo-khổ, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, nên tôi chẳng muốn trông thấy những quí-vật này ».

Nói đến việc giúp binh thì Pháp-đình khó nghĩ lắm, vì trong nước đương gặp hồi loạn-lạc, nhà vua không đủ tiền chi về việc quân-phòng còn thừa

đâu mà giúp ngoài. Ông Bá-Đa-Lộc đã hiểu rõ thời-cơ, nên ông nghĩ cần phải vận-động với các nhân-vật trọng-yếu ở Kinh-thành và nhất là với những thương-gia hào-phú ở mấy tỉnh lớn như *Ile-de-France*, *Lorient* và *Nantes*, xin trợ-lực nhà vua, và nhân gây mối lợi về sự thông-thương với xứ Nam-kỳ.

Kết-cục vua nước Pháp nhận giúp Cao-hoàng, ngày 28 tháng 11 năm 1787, ký tờ minh-ước như sau này:

« Nguyễn Ánh, vua xứ Nam-kỳ mất nước, phải dùng binh-lực để khôi-phục giang-sơn, nên có phái viên giáo-sĩ Bá-Đa-Lộc sang Đại-Pháp cầu-cứu. Vua sùng đạo Thiên-chúa, vốn trọng công-lý, muốn tỏ lòng nghĩa-hiệp cùng người trong khi lâm-nạn, đã nhận lời thỉnh-cầu, ngài cử Bá-tước DE MONTMORIN, thống-chế Cơ-mật-viện đại-thần, hộ-bộ kiêm ngoại-vụ-bộ thượng-thư lập tờ minh-ước với viên giám-mục Bá-Đa-Lộc. Hai sứ-thần, sau khi trao đổi ý-kiến đã quyết-nghị 10 điều theo đây:

Điều thứ nhất. — Vua sùng đạo Thiên-chúa, hứa nguyện hết sức giúp vua Nam-kỳ lấy lại xã-tắc.

Điều thứ hai. — Vua sùng đạo Thiên-chúa chịu hết các nhu-phí phái sang Nam-kỳ bốn chiếc chiến-thuyền với một đạo lục-quân có 1.200 người, 200 binh pháo-thủ và 250 quân hắc-chủng mang theo đủ chiến-cụ.

Điều thứ ba. — Trong khi đợi binh cứu-viện thì vua Nam-kỳ tạm nhường cho vua sùng đạo Thiên-chúa cái cửa bể chính Hội-an (người Âu-châu thường gọi là *Tourane*); khi binh cứu-viện đã đến chiếm cứ đấy rồi thì cái hải-cảng ấy sẽ thuộc quyền hoàn-toàn sở-hữu và thống-trị của vua sùng đạo Thiên-chúa.

Điều thứ tư. — Không những vua sùng đạo Thiên-chúa cùng làm chủ cái hải-cảng nói trên đây với vua Nam-kỳ, mà người Pháp còn được thiết-lập suốt dải lục-địa những hãng buôn có lợi-ích về đường hàng-hải và thương-mại. Về việc tuần-phòng cửa bể thì sau này ở đấy sẽ đặt ước-lệ riêng.

Điều thứ năm. — Vua sùng đạo Thiên-chúa sẽ được quyền sở-hữu và thống-trị cả đảo Côn-lôn.

Điều thứ sáu. — Trong các người Âu-châu đến ngụ trong nước, chỉ có người Pháp là được tự-do buôn bán, tự-do đi lại, người nào có giấy thông-hành của quan Trưởng-binh coi cửa bể Hội-an cấp cho thì được miễn hết các thứ sưu thuế. Người Pháp lại có quyền nhập-cảng những hàng-hóa buôn ở các nước ngoài, chỉ trừ những thứ mà trong nước có luật cấm. Thuế thì đóng theo như sản-vật bản-quốc, không được vì một lẽ gì mà đánh nặng hơn. Sau nữa những tầu của ngoại-quốc, bất cứ là tầu chiến hay là tầu buôn, nếu không kéo cờ Pháp và không có giấy thông-hành của người Pháp, thì không được phép vào đỗ trong hải-phận xứ Nam-kỳ.

Điều thứ bảy. — Chính-phủ Nam-kỳ sẽ hết sức bảo-hộ tính mệnh và tài-sản những thần dân của vua sùng đạo Thiên-chúa, và nếu có xảy ra sự gì khó-khăn tranh-cạnh thì sẽ lấy công-lý mà minh-xử ngay.

Điều thứ tám. — Gặp khi một nước nào bất-cứ ở Á-châu hay Âu-châu, gây cuộc chiến-tranh với vua sùng đạo Thiên-chúa thì vua Nam-kỳ, sau ba tháng nhận được giấy xin cứu-viện, sẽ cho thủy-bộ quân đủ lương-thực khí-giới và binh-thuyền đến trợ-chiến, nhưng cứu-binh không ra ngoài giới-hạn Nam-dương quần-đảo (đảo *Moluques de la Sonde*) và eo bể Mã-lai. Vua Nam-kỳ sẽ chịu hết các quân-phí.

Điều thứ chín. — Về phần vua sùng đạo Thiên-chúa, nếu thấy trong lĩnh-thổ của vua Nam-kỳ có loạn thì cũng tùy theo cơ-hội mà cứu-trợ, nhưng sự cứu-trợ không bao giờ quá những khoản kê trong tờ minh-ước này.

Điều thứ mười. — Tờ minh-ước này sẽ dâng lên vua hai nước chuẩn-y và trong hạn một năm hoặc sớm hơn nếu có thể sẽ thi-hành.

Trên kia tôi đã nói tháng chín năm 1788, Cao-hoàng khu-trừ hẳn quân Tây-sơn ở Sài-gòn. Cũng tháng ấy năm ấy thì binh cứu-viện ở Pháp sang đến nơi. Bốn chiếc tầu lớn đến đỗ ở gần đảo Côn-lôn, rồi lục-tục nối sau mấy chiếc nữa, chở nhiều quân-sĩ và khí-giới. Tháng bảy năm sau, Đông-cung và ông Bá-Đa-Lộc cũng về đến nơi. Bấy giờ ở Sài-gòn mới đóng thêm chiến thuyền, xây thêm đồn-lũy và thao-luyện thủy-quân.

Năm 1793 Cao-hoàng cử đại-binh bắt đầu khởi thế-công. Tây-sơn hồi này kém sức lắm rồi Huệ chết giữa lúc sự-nghiệp đang oanh-liệt. Con là Nguyễn Quang-Toản mới 10 tuổi kế vị, quyền-nhiếp ở phụ-đạo Bùi Đắc-Tuyên. Cao-hoàng giao thành Sài-gòn cho ông Hoàng-tử Cảnh rồi cùng quan phò-mã Vũ Tính ngự thuyền theo duyên-hải thẳng đường lên Nha-trang. Bộ-binh thì Tôn-thất Hội chỉ-huy. Khi thủy-binh chúa Nguyễn kéo đến cửa bể Phan-rang, quân Tây-sơn núng thế bỏ đồn chạy tán-loạn. Đội quân Tôn-thất Hội đã hạ được Bình-thuận, Phú-yên. Trong khi ấy thì thuyền ngự thuận chiều gió từ vịnh Xuân-đài chạy ra cửa bể Thi-nại.

Trận đánh ở Thi-nại kịch-liệt lắm. Con Nhạc là Bảo thống-suất một đội dũng-binh có nhiều voi ngựa, hết sức phòng-thủ thành Quy-nhân.

Cao-hoàng biết thế Tây-sơn ở đấy còn mạnh, lại ngự về vinh Xuân-đài. Khi ngài đã biệt cửa Thi-nại thì quân cứu-viện của Nguyễn Quang-Toản ở Thuận-hóa kéo đến Quy-nhân rất nhiều, thấy cửa thành đóng kín, liền lên tiếng gọi xin Nhạc cho vào. Nhạc biết mình đã già yếu, chẳng còn uy-quyền gì nữa, cháu là Nguyễn Quang-Toản xem ý lại khinh-miệt, nên phẫn-uất mà chết. Thế mới biết hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn.

Bùi Đắc-Tuyên từ đó làm trụ cột cho nhà Tây-sơn, Toản chỉ chơi bời phóng-túng, không lo gì đến quân-sự. Nhưng Nhạc tuy đã mất rồi mà ngọn lửa chiến-tranh vẫn còn đỏ rọi một góc trời Phú-yên.

Năm sau, 1794, Tây-sơn quyết lấy lại thành Diên-khánh, chặn cả đường thủy bộ không cho quân Nguyễn có lối đến ứng-viện. Trong thành hết cả lương-thực, tình cảnh rất là khốn-quẫn. Quan thủ-thành Vũ Tính lấy lời trung-nghĩa khuyến-khích tướng-sĩ nên ai nấy đều thề cùng nhau sống chết không chịu bỏ thành.

Đến mùa hạ nước thuận gió yên, Cao-hoàng cùng hai tướng Lê Văn-Duyệt và Nguyễn Văn-Thành đem thủy-binh đến giải vây thành Diên-khánh. Khi ngự giá đến nơi, bắn mấy tiếng đại-bác làm lệnh. Vũ Tính biết hiệu, đang đêm mở cửa thành ra đánh; trong ngoài đánh úp lại, quân Tây-sơn ở giữa tan chạy. Cao-hoàng vào thành ủy-lạo tướng-sĩ, rồi cùng các tùng-thần ngự về Gia-định, để Tôn-thất Hội ở lại Diên-khánh. Mùa xuân năm 1799, mới cử binh đánh Quy-nhân. Bên Tây-sơn bao nhiêu binh-dũng tướng-tài hội cả ở đấy, xây đắp đồn lũy rất là kiên-cố ở chung quanh thành. Tháng sáu, Vũ Văn-Dũng mang thêm quân lần đường núi ở Thuận-hóa xuống cứu viện. Khi đi đến gần Quy-nhân, quân mới ra khỏi rừng, sắp qua một con sông, có một tên trông thấy con nai chạy gần đấy, liền kêu « con nai! con nai! » Bọn đi sau tưởng hiệu báo quân Đồng-

nai của chúa Nguyễn đến đánh, chạy tán-loạn bỏ cả voi ngựa, khí giới, lương-thực. Đó là cái điềm thất-bại của Tây-sơn. Tháng bảy thì Cao-hoàng thu-phục được thành Quy-nhân, đổi tên là Bình-định, cử quan phò-mã Chưởng-hậu-quân Vũ Tính trấn-thủ, và quan Lễ-bộ thượng-thư Ngô Tòng-Châu hiệp-trấn, sau ngài lại thu binh do đường bộ qua Phú-yên, Diên-khánh trở về Sài-gòn.

Hồi này ngài đương hân-hạnh về sự thắng-trận thì được tin buồn ông bạn trung-thành của ngài là giám-mục Bá-Đa-Lộc thụ bệnh ở Quy-nhân. Ngự-y đêm ngày hết sức điều chữa mà bệnh-tình ngày thêm trầm-trọng. Đến ngày mồng 9 tháng 10 năm 1799 thì ông Bá-Đa-Lộc mất. Trước khi tỵ-trần, ông có nói rằng: « Tôi vui lòng từ giã cõi đời này là nơi mà ai cũng tưởng tôi sung-sướng. Sinh-bình tôi được dân yêu, chúa mến, những cái vinh-dự ấy tôi chẳng tiếc chút nào, vì đó chẳng qua là cái kiêu-khí của người đời, nghĩ đến thêm buồn lòng. Tôi chết đi linh-hồn sẽ được nghỉ ngơi yên tĩnh, ấy lòng tôi chỉ sở-cầu có thế thôi ». Ông lại nói với Ngự-y rằng: « Ngự-y đừng thấy không chữa được bệnh tôi mà lo phiền. Ngự-y đã làm tròn bổn-phận, tôi xin trân-trọng cảm ơn. Ngự-y về tâu cho thánh-hoàng hay rằng tôi không lo sợ gì đâu để ngài hiểu người phương tây chúng tôi biết tham sinh mà lại không úy tử. » Ông mất vào hồi 10 giờ rưỡi sáng, thọ 57 tuổi.

Di-hài đưa xuống thuyền chở về Gia-định. Ngày 16 tháng chạp, nhà vua làm lễ quốc-táng. Đám tang cử-hành rất trọng-thể, có đến 40.000 người đi đưa. Trong hoàng-gia đủ mặt từ quốc-mẫu, Cao-hoàng, Hoàng-hậu. Đông-cung, Hoàng-muội cho đến các Cung-phi thể-nữ đều đưa đến tận mộ.

Mộ ông Bá-Đa-Lộc hiện giờ ở tỉnh Gia-định, phủ Tân-bình, huyện Bình-dương, làng Tân-sơn-nhật, tục gọi là lăng Cha. Cả.

Cao-hoàng bấy giờ đang dự-bị cuộc bắc-phạt. Ngày 26 tháng ba năm Canh-thân (1800), trong một cuộc duyệt-binh ở Gia-định, ngài có ban lời chỉ-dụ cho quân-sĩ như sau này:

« Cơn bát-loạn chẳng lo sao được, năm sáu phen dẫng-định, dễ muốn chi qua-giáp biên-đề; hội trùng-hưng phải quyết mới xong, muôn nghìn dặm thu công, bao nỡ để sanh-linh đồ-thán. Thời dĩ-chi khá rằng vội tưởng, cơ khả-thừa vậy phải sớm toan.

Ta nay: Gặp hội trung-vi; dựng nền tái-tạo. Tám chín phủ giang-sơn đồ-sộ, được chỗ này lo chỗ khác, thù tổ-tôn đâu dám nguôi lòng; mười ba thu tướng-sĩ nhọc-nhằn, đánh trận nọ qua trận kia, đạo thần-tử trước đà gắng sức. Vậy năm ngoái thu thành Bình-định rất đỗi cần-lao; tưởng năm nay nghỉ chốn Đồng-nai, yên bề hưu-tức. Song liệu chừng thế nó, tướng phẫn binh tàn, hạ lăng thượng phế, dù chẳng đánh cũng hư; nhân tình lại việc ta, đồn quân tích hướng, chú súng tăng thuyền, phải sắm thêm mới mạnh.

Nên nỗi, theo đường phú-liễm: nặng việc công-sưu. Dân thời cung-cống lương tiền, nhịn mặc nhịn ăn, tật-khổ ta đâu không rõ; quân thời tân-cần chinh địch, gắng công gắng sức, huân-lao ta vốn không quên.

Trước tuy nhật sức kinh-doanh; rầy đã sẵn rồi chiến-cụ, cũng muốn dưỡng-uy súc-thuế, trời Gia-định nghỉ-ngơi cho khỏe, ngõ chư-quân đều được lạc-sinh; nào ngờ cùng-khấu sường-cuồng, lũy Bàn-xà đến dấn vào vây, bởi nghịch-tặc tự lai tống-tử.

Huống nó em phản anh, tôi phản chúa, lại thêm ngoại-viện tăng-sư, trường-thành thất-hiểm, tai phần-sào đã quyết từ nay; mà ta lương thì đủ, quân thì dòng, sẵn có tướng-tài qui-

phụ, chư-quốc liên-binh, thế phá trúc chẻ bao thủa nữa.

Cứ ấy, vội vàng trục bắc; hăm-hở bình tây. Trước lo tôn-xã mà phục-thù, kẻo làng lầm một trời man-mác; sau là vị thần-dân mà tiết phẫn, kẻo thương-sanh khắp chốn than-van. Cơ-hội này ai nỡ được thôi; công-danh ấy người âu phải gắng.

Rày mới: vui lòng sư-lữ; mở tiệc cảo-lao. Muốn cho được tấm lòng chung, tôn-ty nhất thể; vậy phải phô-bày lời thật, minh-thệ tam-quân. Quan thời nợ nước lo đền, khoán thiết thơ son đành tạc đó; quân thời thù trai dốc trả, cung dâu tên cỏ phỉ nguyền xưa.

Liễng (những) người tiên-kiến hướng-minh, chớt đã lập công, chớ để Trần Bình riêng thủa Hán; những kẻ hậu-lai qui-thuận, đều cho báo-hiệu, mựa nhường Kính Đức ngợi đời Đường. Phép vô-tư chẳng khuất một ai, dẫn bộ-khúc thiên-tỷ, có công ắt thưởng; quyền tất phạt không riêng nửa mảy, tuy huân-thần qui-thích, phạm tội nào dung.

Trên dưới tua đốc-chí cần-vương; tướng-hiệu cùng một lòng địch-khái. Thành Qui-nhơn chỉ bác đạp phá trùng-vi; đô Thuận-hóa rung cờ dẹp yên đẳng ngụy. Công tru-bạo gẳng rồi một thủa; phúc thái-bình đều hưởng nghìn năm. Ai tưởng câu chủ qui thần vinh, mà phụng-thị tại triều, quan ắt được tên đề trúc-bạch; ai muốn chữ công thành thân thoái, mà qui-hưu tại dã, quân thời xá thuế linh chinh-diêu.

Trên đã bày lời; dưới tua tỏ ý. Khâm-tai đặc dụ.»

(Trích ở bài khảo về quốc-văn ta hồi triều Gia-long của ông Au-khê).

Mùa đông năm ấy hai tướng Tây-sơn Trần Quang-Diệu và Vũ Văn-Dũng lại thống-suất thủy bộ quân đến vây thành Bình-định. Vũ Tính sai người về Sài-gòn dâng biểu xin cứu-binh thì nhận được dụ-chỉ đáp rằng: « Ngươi còn đủ lương-thực trong 12 tháng nữa, mùa xuân sang năm ta sẽ tiếp ứng cũng không muộn nào. »

Nỗi gian-lao chẳng sờn lòng tráng-sĩ, Vũ Tính vẫn đêm ngày khích-lệ ba quân. Có người khuyên ông vượt vòng vây mà ra, ông đáp rằng: « Ta vâng mệnh giữ thành. Thành còn thì ta còn, thành mất thì ta mất. Nếu bỏ mà ra thoát lấy một mình, thì còn mặt nào trông thấy chúa nữa. »

Quân lính hết lương phải giết voi ngựa mà ăn. Khi quân cứu-viện đến thì thế giặc đã mạnh lắm rồi. Cao-hoàng sai người lặn nước vào thành bảo Vũ Tính bỏ mà ra hội-nghị cùng các tướng. Ông viết mật-biểu phúc-đáp rằng: « Nay quân Tây-sơn tụ cả ở đây, xin Thánh-thượng kịp thừa-cơ ra lấy Phú-xuân. Đổi một mạng tôi mà thu-phục được thành Phú-xuân thì dù tôi có phải xuống tuyền-đài cũng cam lòng. »

Cao-hoàng thương người trung-nghĩa, dùng-dằng chưa nỡ cất-binh, nhưng sau ngài cũng phải nghe theo lời biểu, ra đánh Phú-xuân.

Vũ Tính ở trong thành, thấy quân-sĩ cùng-khổ, đứng ngồi chẳng yên. Một hôm ông Hiệp-trấn Ngô Tòng-Châu đến hỏi ông định kế gì. Ông trỏ lầu Bát-giác mà rằng: « Tôi chẳng có kế gì nữa, đành chịu thác ở đó mà thôi. »

Ông Châu cáo biệt về dinh uống thuốc độc chết trước. Hai hôm sau, ông Vũ Tính sai người chất củi và bỏ thuốc súng ở dưới lầu Bát-giác. Ông mặc triều-phục, quay mặt lạy về Kinh-khuyết, rồi lên lầu hội các tướng-tá mà bảo rằng: « Ta nhờ có các tướng tận trung báo quốc, nên mới giữ được thành đến ngày nay. Bây giờ trong thành lương thiếu, lực cùng, ta đành liều, thác cho xong, không nỡ để quân-nhân đồ-thán mãi... » Quan-quân đứng chung quanh lầu thương khóc thảm-thiết, ông khoa tay bảo ai nấy

lui ra, rồi vứt xuống một phong thư truyền đưa cho địch-tướng, trong nói xin đừng giết hại ai. Ông cúi chào các chiến-hữu lần cuối cùng, rồi sai phó-tướng Nguyễn Văn-Biện châm lửa đốt lầu. Biện khóc, run sợ mà chạy. Ông liền gạt tàn thuốc lá đương hút dở, lửa bốc lên mà chết. Một viên cai-cơ tên là Nguyễn Tấn-Huyên cũng nhảy vào đống lửa chết theo. Tướng Tây-sơn là Trần Quang-Diệu vào thành trông thấy cũng phải rơi lụy, sai người liệm táng tử-tế. Còn quân-sĩ không giết hại ai, họ trốn về hết không ai chịu đầu Tây-tướng.

Cao-hoàng nghe tin Vũ Tinh và Ngô Tòng-Châu đã tử-tiết, thương xót vô cùng. Nhân gặp tiết thu ngài sai làm lễ tế hai ông và cử quan Tiến-sĩ Lễ-bộ thượng-thư Đặng Đức-Siêu làm bài văn-tế như sau này: (Cứ câu trên nói về ông Vũ Tinh, câu dưới nói về ông Ngô Tòng-Châu).

Than rằng:

« Đạo thần-tử hết lòng thờ chúa, gian-nan từng dãi dạ trung-thành; đấng anh-hùng vì nước quyên-sinh, điên-bái chẳng sai lòng tiết-nghĩa. Ngọc dầu tan vẻ trắng nào phai; trúc dầu cháy tiết ngay vẫn để.

Nhớ hai người xưa:

Thao-lược ấy tài; kinh-luân là chí. Phù vạc Hán thủa ngôi trời chếch-lệch, chém gai đuổi lũ hung-tàn; với xe Đường khi thế nước chông-chênh, cầm bút ra tay kinh-tế.

Mối nghĩa sánh duyên gác tía, bước gian-truân từng cậy dạ khuông-phù; màn kinh giúp sức cung xanh, công mông-dưỡng đã đành lòng ủy-ký.

Hậu-quân thủa trao quyền tứ-trụ, chữ ân-uy nhớn nhỏ đều phu; Lễ-bộ phen làm việc chính-khanh, bề trung-ái sớm khuya chẳng trễ.

Ngoài cõi vuốt nanh ra sức, chí tiêm-cừu đành dãi xuống ba quân; trong thành then khóa chia lo, lòng ưu-quốc đã thấu lên chín bệ.

Miền biên-khổn đôi năm chia sức giặc, vững lòng tôi bao quản thế là nguy; cõi Phú-xuân một trận thét uy trời, nặng việc nước phải lấy mình làm nhẹ.

Sửa mũ áo lay về Bắc-khuyết, ngọn quanh-minh hun mát tấm trung-can; chỉ non sông giã với cô-thành, chén tân-khổ nhắp ngon mùi chính-khí.

Há rằng ngại một phen thỉ-thạch, giải trùng-vi mà theo tới quân-vương; bởi vì thương muôn mạng tì-hưu, thà nhất-tử cho toàn tướng-sĩ.

Tiếng hiệu-lệnh mơ-màng trước gió, ân-tín xưa người bộ-khúc thương tâm; bóng tinh-trung thấp-thoáng dưới đèn, phong-nghi cũ kẻ liêu-bằng sái-lệ.

Cơ đãng-định kíp chầy đành hẹn buổi, xót tướng-doanh sao vắng mặt thân-huân; phận truy-tùy gang tấc cũng đền công, tiếc nhung-mạc bỗng thiệt tay trung-trí.

Nay gặp tiết-thu; bảy tuần ủy-tế. Hai chữ cương-thường nghĩa nặng, rõ cồn-hoa cũng thỏa chốn u-minh; nghìn thu hà-nhạc khí thiêng, sắp mao-việt mở nền bình-trị.»

Cao-hoàng nghe lời ông Vũ Tinh, ngự chiến-thuyền thừa hư ra đánh Phú-xuân quả được toàn-thắng, lấy lại Kinh-thành. Hai-mươi-sáu năm trời li-biệt, ngày nay ngài mới lại trông thấy cố-đô. Kia bốn mặt sơn-hà cảnh sắc vẫn còn như cũ, mà cuộc cờ thế-sự thì đã bao độ phế-hưng.

Nguyễn Quang-Toản thua chạy, bỏ cả sắc ấn; ngày ấy là rằm tháng sáu năm 1801.

Toản ra Hà-nội, sai người sang Tàu xin binh trợ-chiến, nhưng Cao-hoàng đã biết trước, nên ngài cử ông Trịnh Hoài-Đức mang ấn tin của Toản bỏ quên ở Phú-xuân sang giả quan Tổng đốc Lưỡng-Quảng và nhân dẫn nạp

những tên giặc Tây-sơn bắt được trong khi quấy rối biên-thùy.

Tháng hai năm 1802, Cao-hoàng thân-chinh thống-suất bộ binh ra đánh Đồng-hới. Còn Nguyễn Văn-Trương thì phục thủy-binh ở cửa sông Nhật-lệ. Toản bĩ thế lại chạy ra Bắc. Còn em là Thùy thì trốn về phía tây, đi bộ luồn rừng núi 10 đêm ngày mới gặp anh ở Nghệ-an.

Cao-hoàng thắng-trận lại trở về Phú-xuân. Ngài ban chỉ-dụ cho quân chúng biết rằng ngự ý là lo dựng lại nền hòa-bình trong nước và mưu sự hạnh-phúc cho dân, trong hàng binh ai không tuân thượng-lệnh hoặc tham-nhũng điều gì sẽ phải tử-tội.

Ngày 20 tháng sáu, bộ-binh và thủy-binh do hai tướng Lê Văn-Duyệt và Nguyễn Văn-Trương làm Tổng-lệnh khởi-hành ở Phú-xuân, ngày 25 đến Đồng-hới. Trận đầu đánh ở cửa Ròn, phía nam tỉnh Hà-tĩnh. Trong mấy ngày, suốt miền Hà-trung và sông Gianh bao nhiêu thành lũy của Tây-sơn đều bị tàn-phá hết. Lê Văn-Duyệt tiến lấy Nghệ-an rồi thẳng đường quan-lộ ra Thanh-hóa.

Ngày 13 tháng bảy Cao hoàng ngự đến tỉnh ấy. Thủy-quân đồng thời cũng tiến hành ra Bắc, theo dọc sông Nhị-hà qua Vị-hoàng, đoạt nhiều thuyền chiến và kho lương của quân địch. Ngày 20, ngự giá đến Hà-nội, Toản và hai em chạy lên miền bắc chẳng may giữa đường bị bắt đóng cũi giải về Hà-nội.

Cao-hoàng ngự vào nhà Kính-thiên để thần-dân làm lễ bái yết. Sau ngài lại trở về Phú-xuân; triệu quan tiền-quân Nguyễn Văn-Thành cho làm Tổng-trấn Bắc-thành. Quan tiền-quân nhớ đến những tướng-sĩ theo minh đánh đông dẹp bắc mà chẳng may xấu số đã bỏ thân ở chiến-trường, mới sửa một tuần rượu tế để tỏ mối ai-tình và an-ủi linh-hồn người quá-vãng. Lúc hành lễ ông có đọc một bài văn-tế, lời lẽ rất thống-thiết hùng-hồn. Bài này thật là một thiên giai-tác trong nền quốc-âm ta, chắc các ngài ai cũng biết, tôi xin đọc lại để ta cùng thưởng-thức áng văn-chương ấy một lần nữa.

« Than ôi! Trời Đông-phố vận ra Sóc-cảnh, trải bao phen gian-hiểm mới có ngày nay; nước Lô-hà chảy xuống Lương-giang, nghĩ mấy kẻ điêu-linh những từ thủa nọ. Cho hay sinh là ký mà tử là quy; mới biết mệnh ấy yểu, mà danh ấy thọ.

Xót thay: tinh dưới viên-mao; phận trong giới-trụ. Ba nghìn họp con em đất Bái, cung tên ngang dọc chí nam-nhi; hai trăm vây bờ cõi non Kỳ, cơm áo năng dày ơn cựu chủ.

Dấn thân cho nước, son sắt một lòng; nối nghĩa cùng thầy, tuyết sương mấy độ.

Kẻ thời theo cơ-đích chạy sang miền khách-địa, hăm-hở mài nanh rũa vuốt, chỉ non tây thề chẳng đội trời chung; kẻ thời đón việt-mao trở lại chốn cơ-sơ, dập-dìu vén cánh nương vây, trông cõi bắc quyết thu về đất cũ.

Nằm gai nếm mật, chung nỗi ân-ưu; mở suối bắc cầu, riêng phần lao-khổ.

Trước từng trải Xiêm-la, Cao-miên về Gia-định mới dần ra Khánh-thuận, đã mấy buổi sơn-phong hải-lễ, trời Cao Quang soi tỏ tấm kiên-trinh; rồi lại từ Đồ-bàn, Nam-ngãi lấy Phú-xuân mà thẳng tới Thăng-long, biết bao phen vũ-pháo vân-thê, đất Lũng Thục lăn vào nơi hiểm-cố.

Phận truy-tùy gẫm lại cũng cơ-duyên; trường tranh-đấu biết đâu là mệnh-số.

Kẻ thời chen chân ngựa quyết giật cờ trong trận, xót nhẽ gan vàng mà mệnh bạc, nằm lông hồng theo đạn lạc tên bay; kẻ thời bắt mũi thuyền, toan cướp giáo giữa dòng, thương thay phép trọng để thân-khinh, phong da ngựa mặc bèo trôi sóng vỗ.

Hồn tráng-sĩ biết đâu miền minh-mạc, mịt-mù gió lốc, thổi dấu tha-hương; mặt chinh-phu khôn vẽ nét gian-nan, lấp-ló lửa trời soi chừng cô-độ.

Ôi! cùng lòng trung nghĩa, khác số đoản tu; nửa cuộc công danh, chia phần kim cổ.

Đoái là tiếc xương đồng da sắt, thanh bảo-kiếm đã trăm rèn mới có, nợ áo cơm phải trả đến hình-hài; những là khen dạ đá gan vàng, bóng bạch-câu xem nửa phút như không, ơn dày dội cũng cam trong phế phủ.

Phận dù không gác khói đài mây; danh đã dậy ngàn cây nội cỏ. Thiết vì thủa theo cờ trước gió, thân chả quản màn sương đêm giá, những chờ xem cao thấp bức cân-thường; tiếc cho khi lỡ bước giữa dòng, kiếp đã về cõi suối làng mây, nào kịp thấy ít nhiều ơn vũ-lộ.

Vâng thượng đức mới hồi-loan tháng trước, đoàn ứng-nghĩa dẫu Quảng, Thuận, Nghệ, Thanh cũng vậy, giọi ân-quang gieo khắp xuống đèo Ngang; mà những người từng theo trận ngày xưa, rắp tâu công từ ngọ, vị, thân, dậu đến giờ, treo tin thư để nằm trong lá sổ.

Ngọn cỏ giúc nguyệt, nơi tẻ nơi vui; dịp trống dồn hoa, chốn tươi chốn ủ. Đã biết rằng anh-hùng thì chẳng quản, trăm trận một trường oanh-liệt, cái sinh không cái tử cũng là không; nhưng tiếc cho tạo-hóa khéo vô-tình, ngàn năm một hội tao-phùng, phận thủy có phận chung sao chẳng có?

Bản-chức nay, vâng việc biên-phòng; tranh niềm viễn-thú. Dưới trướng nức mùi chung-đỉnh, sực nhớ khi chén rượu rót đầu ghềnh; trong nhà rõ vẻ áo xiêm, trạnh nghĩ buổi tấm cừu vung trước gió. Bâng-khuâng kẻ khuất với người còn, tưởng-tượng thầy đâu thì tớ đó.

Nên phủ-đình tới đây còn sốc-nổi, vụ lòng một lễ, chén rượu thoi vàng; chữ tương-đồng ngẫm lại vốn đinh-ninh khắp mặt ba quân cờ đào nón đỏ. Có cảm-thông thì tới đó khuyên mời; dù linh-thính hãy nghe lời dặn dỗ.

Buổi chinh-chiến hoặc là oan hay chẳng, cũng chớ nể kẻ trước người sau, hàng trên lớp dưới, khao thưởng rồi sẽ tâu biểu-dương cho; hội thăng-bình đừng có nghĩ rằng không, dù ai còn cha già mẹ yếu, vợ góa con côi, an-tập hết cũng ban tồn-tuất đủ.

Hồn-phách đâu đều ngày tháng Thuận, Nghiêu; hài-cốt đó cũng nước non Thang, Vũ.

Cơ huyền-diệu hoặc thăng trầm chưa rõ, thiêng thời về cố-quận, để hương thơm lửa sáng, kiếp tái-sinh lại nhận cửa tiền-quân; niềm tôn-thân dù sinh-tử chớ nề, linh thời hộ Hoàng-triều, cho bề lặng sóng trong, duy vạn-kỷ chẳng đời ngôi bảo-tộ.»

Tục truyền quan Tiền-quân đọc bài văn-tế ấy, cảm-động đến âm-hồn chiến-sĩ, làm cho trời đất u-ám lại, gió thổi ào-ào, nghe như có tiếng quân reo.

Cuộc chiến-tranh hai nhà Nguyễn và Tây-sơn thế là kết-liễu.

Bấy giờ dòng Tôn-thất chính-thống nhà Lê không còn ai nữa. Vua Chiêu-Thống sang Tàu lần thứ hai đã mất ở bên ấy. Còn con cháu chúa Trịnh cũng ly-tán, không có người nào ở Kinh-thành. Còn nhà Tây-sơn thì người nối nghiệp cuối cùng là Nguyễn Quang-Toản đã chịu cái số-phận làm con chim nhốt trong lồng, con cá nằm trên thớt rồi. Ngai vàng bỏ khuyết, ắt cử-quốc phải để đền công người đã từng ngoài 20 năm lao-khổ, mới làm quang được cái bầu không-khí chiến-tranh vẩn-đục trong cõi trời Nam.

Cao-hoàng lên ngôi hoàng-đế ngày mồng 1 tháng 6 năm 1802, lấy niên-

hiệu là Gia-long, định quốc-hiệu là Nam-Việt.

Nước Nam-Việt gồm cả đất An-Nam của chúa Trịnh và đất Việt - Thường là nơi phong-ấp của chúa Nguyễn từ năm 1558. Quốc-đô lập ở Phú-xuân, tức là kinh-thành Huế bây giờ. Có người chê sao ngài không đóng đô ở Hà-nội, thủ-phủ xứ Bắc-kỳ là xứ trù-phú nhất trong nước bấy giờ, lại là cựu-đô của mấy tiền-triều. Kìa Tây-hồ, Hoàn-kiếm, nọ Nhị-thủy, Nùng-sơn, từng ấy cái danh-thắng của Hóa-công mà không gợi được lòng lưu-luyến của Hoàng-đế. Ngài trở về Huế có lẽ vì nhớ lời cụ Trạng Nguyễn Bỉnh-Khiêm nói : « *Hoành-sơn nhất đới, vạn đại dung thân* » chăng ! Vả Huế ở xa biên-giới Xiêm-la và Trung-quốc là nơi hay có giặc cướp nhiễu loạn. Ngày xưa thành Thăng-long là trung-tâm-điểm nước ta, nhưng quốc-thổ ta nay đã có thêm xứ Nam-kỳ thì Thừa-thiên phải coi là đất trung-ương. Một lẽ nữa : mai sau hoặc dòng Tây-sơn có người nào muốn nối cuộc can-qua, thì Kinh-thành đã có dẫy Trường-sơn làm cái thành-lũy tự-nhiên để phòng-ngự.

Trong nước đã xây vững nền bình-trị, Cao-hoàng nay mới lo đến việc cải-lương chính-trị : nào sáng-lập chế-độ, chỉnh-lý quân-lữ, chấn-hưng nghệ-nghiệp, khuếch-trương giáo-dục, nào khai-khẩn hoang-điền và di-dân vào xứ Nam-kỳ. Ngài trị-vì 18 năm, một lòng yêu nước thương dân. Nhưng bản-tính ngài rất là nghiêm-khắc, nghiêm-khắc đến nỗi ngự-giá đến đâu, thần-dân khiếp-sợ, không ai dám chiêm-ngưỡng long-nhan.

Có một lần Hoàng-đế đi chơi ngoại-thành, gặp bão, vào ẩn ở dưới một cái nhà cồ. Gió thổi mạnh quá, nhà đồ. Trong lúc nguy-cấp như thế mà những người trông thấy không ai dám lại gần, vì sợ động đến Thánh-thể sẽ phải tội chết. Sau Hoàng-đế phát nộ-khí phải lên tiếng gọi mới có người đến cứu giá. Một lần khác, Hoàng-đế trông thấy một cái sọ người trong lưới của một anh thuyền chài đánh cá. Ngài ngỡ là thủ-cốt của đức Tiên Hoàng-khảo khi xưa bị quân Tây-sơn hại. bèn tự cắt ngón tay lấy máu giỏ một giọt xuống cái sọ ấy thì thấy giọt máu tan ngay. Ngài liền sai quân chém đầu anh thuyền chài rồi truy-tặng phẩm hàm cho anh ta, và cho toàn-gia thụ Hoàng-ân.

Ngài mất năm 1819, thọ 58 tuổi.

Thế là tôi đã kể xong cái lịch-sử của đức Cao-hoàng. Bây giờ tôi muốn cùng các ngài đi cung-chiêm lăng đức Tiên-đế ở gần kinh-thành Huế, là một nơi thắng-tích đệ-nhất của nước Nam ta. Lăng đây không phải là một cái nhà mồ cỏn-con, một cái nấm đất bé nhỏ ở trong một thửa ruộng rãm ba sào. Lăng đây là gồm cả một bầu trời đất bao la, có núi, có rừng, có hoa cỏ, có nước mây, có suối chảy, cây reo, có chim kêu vượn hót. Lăng đây là một bức phong-cảnh tuyệt đẹp, vừa thiên-nhiên vừa nhân-tạo, đầy những thơ những mộng, khiến khách du-quan phải man-mác trong lòng bâng-khuâng trong dạ, tưởng như có một cái sức vô-hình gì nó bàng-bạc phiêu-dương đâu đó, làm cho hồn mình như não-nùng, như thương nhớ, như yêu-cảm, như ngẩn-ngơ.

Thoạt mới đến ta đi qua một cái sân rộng, trên trồng mấy cây đại, rồi trèo bệ đá lên cửa điện. Điện còn ở cách một cái sân rộng nữa trong bày mấy cái thống bằng sứ cực lớn, hai bên là Tả-vu, Hữu-vu, giữa là chính-điện. Trong ấy có các mệ coi, phải xin phép trước mới được vào. Trong điện lăng Thiên-thụ (tên lăng đức Gia-long) bài-trí có vẻ đơn-sơ hơn các điện khác. Ngoài là một cái sập, trên có giải chiếu,

bày những đồ ngự-dụng khi xưa, như cái tráp giầu, bộ đồ trà, cái khăn mặt, cái thau, vân vân, trong cùng có cái khám để bài-vị đức Cao-hoàng.

Xem điện xong ta ra xem ngoài lăng. Ba mặt thành xây như hình cái ngai bao bọc một tấm sân đá rộng mênh-mông, giữa có hai nấm đá hình chữ nhật : đó là mộ đức Thế-tổ Cao-hoàng-đế và đức Thừa-thiên Cao-hoàng-hậu. Hình-thế có vẻ giản-dị lắm, song giản-dị mà hùng-tráng, biểu được cái chí-khí tot-tát của một ông tướng, một ông vua có sự-nghiệp lớn, lúc chết không phải nằm trong lâu-đài trang-lệ, đình-tạ nguy-nga, mới được người đời sau kính-sùng. Ta đứng trước lăng, cúi đầu im-lặng, giữa khoảng trời rộng, núi cao, trang-nghiêm tịch-mịch mà hồi-tưởng đến cái công-nghiệp vĩ-đại của đức Tiên-đế, ta sẽ thấy tâm-thần như bị tiêu-trầm mê-li trong cảnh-vật.

Thưa các ngài,

Bài diễn-thuyết của tôi đã dài, tôi xin kết luận.

Ngày nay chúng ta mở đến địa-đồ quốc-thổ, thấy một dải đất chạy dài từ cương-giới Trung-quốc cho đến vịnh Xiêm-la, diện-tích có đến 31 vạn 2 nghìn thước vuông, cũng nên tư-niệm đến cái công khai-thác của đức Cao-hoàng.

Chúng ta đi du-lịch đến xứ Trung-kỳ, qua núi Hoành-sơn và núi Hải-vân, còn thấy di-tích hai cái hùng-quan đứng trơ-trơ giữa khoảng rừng rậm non cao như để chỉ cho khách qua đường biết : nơi này khi xưa ông vua sáng-nghiệp nhà Nguyễn đã từng nhiều phen giong ruổi bô-quân chiến đấu cùng Tây-sơn đây !

Thẳng đường thiên-lý vào Nam-kỳ ta bơi thuyền ra chơi cửa bể Cần-giờ, cù lao Phú-quốc, tuy thấy cuộc đời đã trải mấy tang thương, nhưng mắt trông thấy quang-cảnh một dải bình-nguyên, muôn thôn khói lửa thì ắt ta không thể không nhớ lại cái công người đã mở-mang ra bầu trời đất mới ấy, và dựng nên cái nền thống-nhất của nước Đại-Việt này.

Thỉnh-thoảng, ta nên đọc lại những đoạn lịch-sử quang-vinh của Tổ-quốc để tỏ lòng lưu-luyến với hồn nước và để tâm trí mình được trực-tiếp với tinh thần của thời-đại quá-khứ.

Cái tinh-thần ấy có thể chữa sửa những cái chí khí ủy-mỵ của ta và gây cho ta một cái ý-niệm chính-đáng về đường xử-thế vậy.

Một cái ký-vãng vẻ-vang của những đấng hào-kiệt xưa nay, đó chẳng phải là ngọn đèn soi sáng cho ta đi trên con đường đời man-mác, nhờ đó mà ta tránh những nơi vực thẳm ghềnh sâu đó ru !

Chung-tử NGÔ NGỌC-KHA

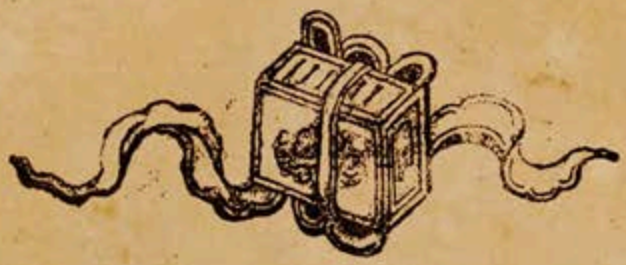

QUẢNG-NGÃI TỈNH CHÍ (1)

廣 義 省 誌

IV

B. — Chính-trị

Về việc chính-trị thì tỉnh Quảng-ngãi cũng như các tỉnh khác ở Trung-kỳ, nhưng có thể tóm tắt như sau này :

I. — Địa-thế chia làm hai miền : Trung-châu và Thượng-du

Trung-châu

Miền Trung-châu chia làm bốn phủ : Bình-sơn, Sơn-tịnh. Tư-nghĩa, Mộ-đức, và hai huyện : Đức-phổ, Nghĩa-hành.

Sơn-tịnh và Mộ-đức nguyên trước là hai huyện, đến ngày 23 tháng tư năm 1932 (Sơn-tịnh và ngày 1 tháng chạp năm 1932, (Mộ-đức) đều mới cải phủ.

Phủ, huyện chia làm 21 tổng và 403 làng (xã, thôn, trại vạn, Tân-Minh-hương và Cựu-Minh-hương).

Các tổng đều lấy một chữ tên của phu huyện mà đặt ra như ở Bình-sơn thì có tổng Bình-điền, ở Sơn-tịnh có Tịnh-châu, ở Tư-nghĩa có Nghĩa-điền.

Tên trại để gọi các làng ở gần miền Mọi mà khi trước có làm trại ở đó để ngự Mọi.

Tên vạn để trỏ các làng ở gần sông. Chữ Vạn nghĩa là một bầy ghe đậu một chỗ với nhau, sau các ghe ấy cũng hiệp làm làng, nên gọi là Vạn.

Tên Cựu-Minh-hương để gọi các làng người Khách mà đã nhập-tịch từ niên-hiệu Minh-mệnh về trước.

Tên Tân-Minh-hương để gọi các làng người Khách ở nhập-tịch từ niên-hiệu Minh-mệnh về sau.

Thượng-du

Miền Thượng-du chia ra làm bốn đồn : Minh-long, Sơn-hà, Trà-bồng và Ba-tơ. Lại chia ra 17 tổng và 121 sách (sách là làng Mọi).

Cù-lao Lý-sơn tục gọi là cù-lao Ré, có hai phường An-hải và An-vĩnh biệt-lập một đồn có viên Bang-tá cai-trị.

Tóm lại có cái biểu sau này :

Phủ hay huyện	Tổng	Làng
Bình-sơn	Bình-trung Bình-thượng Bình-điền Bình-hà	78 làng
Sơn-tịnh	Tịnh-châu Tịnh-trung Tịnh-thượng Tịnh-hòa	72 làng
Tư-nghĩa	Nghĩa-điền Nghĩa-ha Nghĩa-hà Nghĩa-an	64 làng
Mộ-đức	Ca-đức Lại-đức Qui-đức	62 làng
Huyện Nghĩa-hành	Hành-cận Hành-trung Hành-thượng	47 làng
Huyện Đức-phổ	Phổ-vân Phổ-tri Phổ-cảm	78 làng

Đồn	Tổng	Làng
Sơn-hà	Sơn-hạ Sơn-trung Sơn-thượng Sơn-nham Sơn-thạch	47 sách
Ba-tơ	Phổ-an Phổ-thuận Phổ-bình Phổ-triêm	63 sách
Minh-long	Thuận-hành Hóa-hành An-hành Lợi-hành Lạc-hành	65 sách
Trà-bồng	Sơn-bồng Sơn-thuận Sơn-thọ	34 sách
Lý-sơn	Lý-sơn	2 phường

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 181.

ĐỊA-ĐỒ CHÍNH-TRỊ QUẢNG-NGÃI

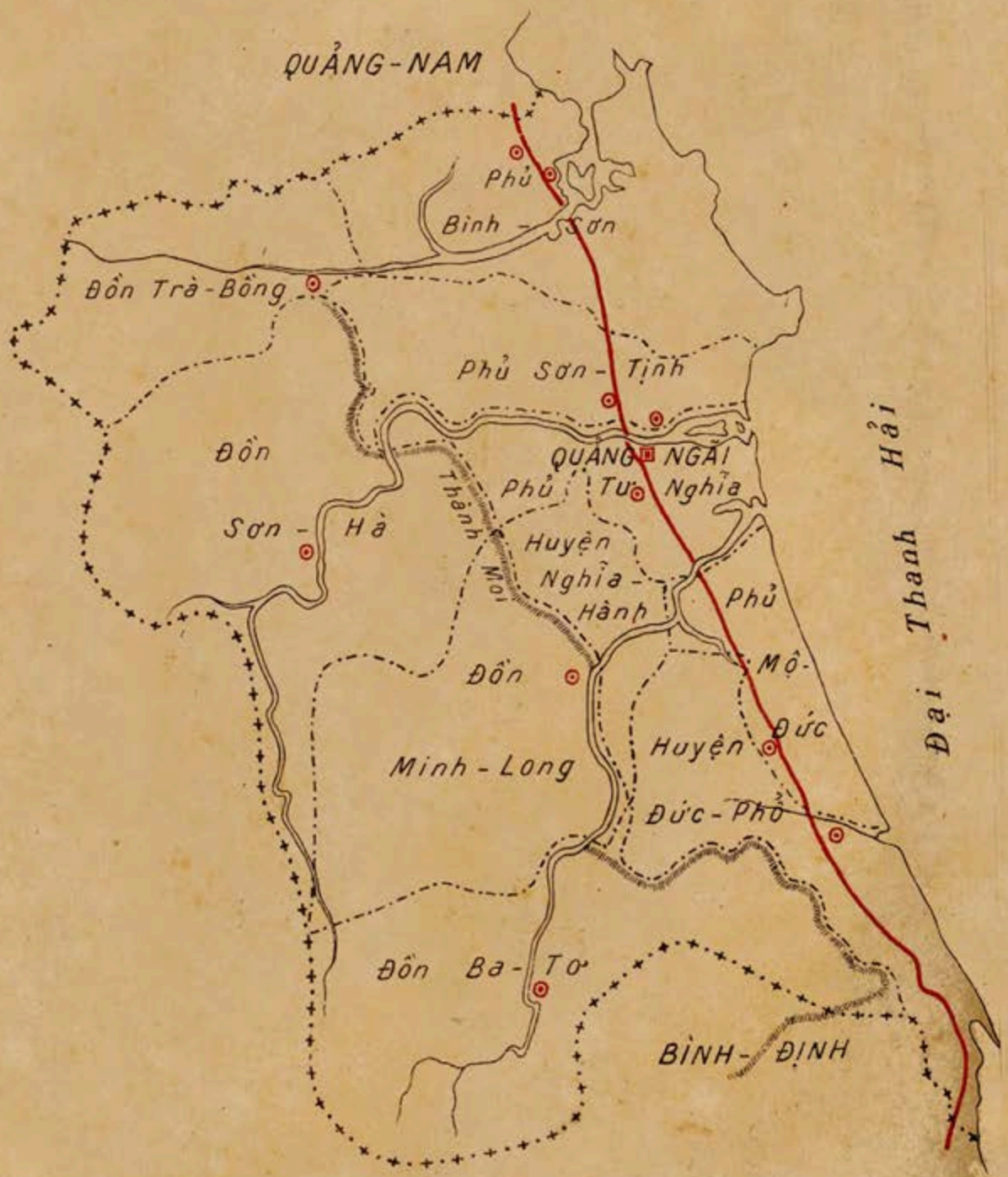

Về chính-thể Nam-triều, ở tỉnh-thành trên có quan Tuần-vũ thủ-hiến, và quan Án-sát chuyên về hình-vụ. Dưới có hai ti làm việc.

1. — Ti Phiên bên dinh quan Tuần-vũ, hiện nay có 9 thừa-phái và chia ra 6 tào : Lại, Hộ, Binh, Công, Học và Lễ.

2. — Ti Niết về bên dinh quan Án-sát, hiện nay có 5 thừa-phái chỉ làm việc hình thôi.

Hai ti đều có ti-trưởng : ti Phiên thì Thông-phán, ti Niết thì Kinh-lịch.

Về bên quan võ thì trên có quan Lãnh-binh, dưới có chánh-phó quản-cơ và suất-đội để coi lính.

Chính-thể bảo-hộ có quan Công-sứ, thay mặt có quan Phó-sứ, quan Kho-bạc và các phán-sự làm việc.

Ở Quảng-nam và Bình-định thời tỉnh-thành và tòa Công-sứ ở xa nhau đến 9 và 20 cây-số.

Ở Quảng-ngãi tỉnh và tòa đều ở trong thành, và đối diện nhau, nên việc quan thuận-tiện.

Tỉnh thành. — Thành tỉnh bắt đầu xây năm Gia-long 1807 tại làng Chánh-lộ (Tư-nghĩa) đến năm 1815 mới xong, theo kiểu của các quan binh Pháp trong lúc sang giúp đức Thế-tổ dẹp giặc Tây-sơn. Theo Nam-sử thì vuông tượng đo được 500 trượng 2 thước, tức là 2.000 thước 8 tấc tây, cao một trượng (4 thước tây), bốn phía có đào hồ rộng 5 trượng (20 thước tây). Hiện nay hồ ấy cạn lần, có chỗ con nhà nông cày bừa dâm rau tỉa bắp ; có trổ bốn cửa thành ngay theo bốn hướng, nên gọi là cửa đông, cửa tây, cửa nam và cửa bắc. Cửa nam nay đã lấp rồi, chỉ còn ba cửa. Trước khi chưa xây thành này thì tỉnh-lỵ ở tại làng Phú-nhân, phủ Sơn-tịnh, sau dời qua làng Phú-đăng phủ Tư-nghĩa. Còn trước về đời Lê thời ở Châu-sa như đã nói trong chương lịch-sử.

Trừ ra các công-sở thì nhà tư của các người làm việc ở đông-đúc kể được 87 nóc và 584 người (lớn, nhỏ, đàn bà con nít) ; vì gần hết là nhà tranh mà làm kề nhau, nên mùa hạ nắng ráo cũng sợ cho ngọn lửa bất ngờ.

Con đường cái từ cửa tây thẳng đến cửa đông chia làm hai dẫy đất. Dẫy phía nam ở giữa thì có Hành-cung, phía dưới có tòa Công-sứ và Công-quán của quan Sứ, làm trên thành, cao ráo, mát mẻ, có vườn hoa cây cối trồng thật đẹp ; phía trên có trường học lợp tranh mới làm vì các trường ngói trong thành ngoài thành, từ khi có cộng-sản đồi làm đồn lính, hiện nay có lính thuộc-địa ở ; trên nữa có xưởng công-chánh; sau xưởng có sở máy điện nhỏ để thắp trong thành và ngoài phố, nhưng thường chạy đến 11 giờ đêm là nghỉ. Trên nữa lại đồn lính khố xanh.

Bên dẫy phía bắc, ngang Hành-cung thì có dinh quan Tuần-vũ, ti Phiên một bên ; phía dưới có dinh quan Lãnh-binh, rồi đến sở Công-chánh, phía trên có nhà Bưu-điện rồi đến dinh quan Án, một bên ti Niết, một bên tạm-lao.

Nhà thương ở góc thành phía dưới cửa bắc. Đối diện có cơ lính-dõng. Lao tù ở góc thành phía trên gần bên có sở Kiểm-lâm. Trong thành có đào nhiều giếng đá để uống và giặt rửa. Nói tóm lại là gần hết các công-sở đều ở trong thành, chỉ có sở Nông-khố ngân-hàng và sở căn-cước ở ngoài thành thôi.

Thành-phố Quảng-ngãi. — Thành-phố Quảng-ngãi số nhà đếm được 331 cái và số người 1978 vừa lớn, nhỏ, đàn-ông, đàn bà Nam-triều có lập một sở Phòng-thành ở kề chợ Chánh-lộ, do tỉnh phái quân hoặc đội để kiêm làm chức phòng-thành ; về phía Nam có nhà công-quán *Bangalouw* của nhà-nước lập ra cho tiện qui-quan nghỉ chân. Nói tóm lại thành-phố này có ra không phải vì kinh-tế, mà vì chính-trị, nghĩa là vì có tỉnh tòa đóng ở đó, nên sinh ra tụ-hội. Nhưng bây giờ đàng xe-hỏa khởi đắp, sự giao-thông sẽ

tiện-lợi hơn trước ; cứ như dạn-bản của sở Lục-lộ thì thành-phố này sẽ mở rộng về mặt tây giáp tới ga Thu-phồ, bề dài ước hai cây-số, bề ngang non một cây-số và sẽ có các con đường mới thông-thương. Chỉ có một điều địa-thế thành-phố Quảng-ngãi đất thấp thường hay bị lụt ; cứ như cái lụt mùa đông năm 1932 vừa rồi thì trên đường phố có chỗ ước cao đến một thước tây và nước ngọn sông Trà-khúc chảy rất mạnh, có nhiều điều nguy-hiểm, ước gì sở Lục-lộ trù đắp được một con đê từ Miếu-ông làng Thu-phồ, măng dựa bờ sông xuống đến làng Ba-la, thời thành-phố Quảng-ngãi mới tránh khỏi cái hại bị lụt.

Việc chính-trị các phủ huyện đồn. — Ở mỗi phủ, trên có quan Tri-phủ cai-trị, dưới có một đề-lại và ba thừa-phái, thông-lại. Mỗi huyện trên có quan tri-huyện cai-trị, dưới có một đề-lại và hai thừa-phái thông-lại. Chức đề-lại cũng như chức Thừa-phái, nhưng địa-vị trọng hơn, thường gọi là tá-nhị, nghĩa là người giúp quan phủ hay quan huyện, các giấy mực việc quan phải có viên đề-lại đứng phụng-khảo cả. Lại có một lệ-mục coi mười tên tính lệ để canh gác tù-phạm giam tại trại lệ và sai đi trát phiếu. Các đồn Thượng-du đều có kiểm-lý hàm thuộc quan cai-trị, một thừa-phái giúp việc và một lệ-mục coi bốn tên lính lệ, đồn Lý-sơn có một Bang-tá cai-trị không có thừa-phái.

Ở tổng có đặt chánh, phó-tổng do hương-chức trong tổng bầu lên. Chánh-tổng để coi các làng trong tổng, trên thừa mệnh của quan phủ huyện mà truyền xuống cho các làng, dưới thì khẩu-phân khẩu-xử những việc vặt của dân các làng. Nếu phân-xử không được thì trình báo lên phủ huyện. Các tổng Mọi thì đặt một chánh-tổng An-Nam (vì Mọi chưa quen việc quan, phải có người An-Nam giúp) và một phó-tổng Mọi.

Chánh phó-tổng ở Trung-châu thì do dân bầu, chánh-tổng Mọi thì do quan cử, phó-tổng Mọi thì do các sách cử lên.

Cách công-cử Chánh phó-tổng. — Trước hết phủ huyện lựa trong tổng ít nữa là ba người có đủ tư-cách, bút toán thông, công-việc cần-mẫn, nhà cửa vững-vàng và đã có làm việc làng như lý-trưởng hương-bộ, v.v ; rồi kê tên bẩm lên quan tỉnh xét. Đến ngày công-cử các hương-chức trong tổng tựu đến phủ huyện-lỵ mà đầu tiêm có tòa tỉnh thị cử, người nào thắng tiêm là được.

Mỗi làng có đặt chánh phó-tổng lý-trưởng và các hạng hào-mục. Sách Mọi thì có sách-trưởng người Mọi.

Cách bầu lý-trưởng gần như cách bầu chánh phó-tổng. Trước hết làng chọn đôi ba người hoặc đã làm việc làng, hoặc là dân thường đủ tư-cách nói trên rồi kê tên trình phủ huyện. Đến ngày cử, các hạng chức-sắc hào-mục và dân-tráng trong làng đều tựu đến đình mà đầu tiêm, có quan phủ huyện thị-cử ; tỉnh tòa không cần phải dự, chỉ duyệt-y mà thôi. Phó-lý-trưởng và các hương-chức thì do làng đặt ra, trình với chánh-tổng, rồi chánh-tổng trình lên quan phủ huyện phóng bằng. Chánh phó-tổng và lý-trưởng đều lĩnh bằng tại tỉnh.

Lý-trưởng là người thay mặt của làng mà đối với quan chịu trách-nhiệm về một làng. Nhà nước có phát cho một cái triện đồng để cầm mà làm việc.

Lãnh bài-chỉ, khai căn-cước, nhận thực vào văn-khế, bảo-nhận các người tù-phạm được tha, chức-trách rất là quan-hệ. Tuy lý-trưởng là một cái địa-vị chót trong chính trị ; nhưng lý-trưởng mà chọn người tốt thì sự thừa-hành chính-trị, đối với dân mới có ích-lợi.

Trừ lý-trưởng ra có các hạng hào-mục sau này :

Hương-bộ coi về sổ đinh-điền, hiện nay lại kiêm chức tư-bộ coi về sổ sinh tử giá thú.

Hương-kiểm coi về việc cấm-phòng.

Hương-mục coi về cầu đường.

Hương-bổn giữ tiền trong làng.

Hương-dịch coi về sự tạp-dịch trong làng.

Từ khi có việc cộng-sản, viện Cơ-mật lại có thông-sức cho các làng đặt đội đoàn-kết để chuyên lo sự cấm-phòng : mỗi tổng có chánh phó tổng-đoàn, trong mỗi làng chánh phó xã-đoàn. Dưới chánh phó xã-đoàn có đặt nhiều đoàn-thập, mỗi đoàn-thập coi mười đoàn-phu. Còn số đoàn-phu thì tùy theo số dân làng, cứ mười người dân thì có hai đoàn-phu. Cũng đồng trong một thời-kỳ ấy viện Cơ-mật thông-sức các làng đặt chức đại-hào-mục để chỉnh-đốn trật-tự trong làng và khuyên răn tử-đệ về phần luân-lý. Số đại-hào-mục của các làng hoặc một hoặc hai người làm đầu. Dưới đại-hào-mục các họ có tộc-biểu ; số tộc-biểu tùy theo số họ trong làng mà định. Làng nào có trường học thì có đặt thêm chức hương-hào-trường để coi sự vệ-sinh của trường, làng nào có chợ lại đặt chức trùm-thị để coi sự vệ-sinh của chợ.

Tuy số việc làng như thế, nhưng trên này là nói số đương-chức, ba năm có thể thay đổi một lần, những người đã làm mà thôi cũng có quyền ăn nói trong làng, hạng này gọi là kỳ-cựu.

Lý-trưởng và tất cả hào-mục trong làng ăn cơm nhà mà làm việc quan, vì thế cho nên thường có tệ nhũng-lạm, nhưng cũng có một hạng người vì danh dự đối với xã-hội, vì nghĩa-vụ trên đối với quan, dưới đối với dân, nên công-việc làm được hẳn-hoi, dân tình đều phục. Ôi ! Không có lương-bổng mà làm hết chức-trách, thế mới là một người có công với xã-hội.

Để cho dễ hiểu chức-việc kể trên, ta nên lấy cái ví-dụ sau này :

Trong làng có một đám đánh lộn, v. v., thì mời lý-trưởng tới, nghe bên nào phải bên nào trái rồi phân-giải cho nghe ; nếu hai bên chịu nghe lời lý-trưởng mà hòa-hưu hay là chiếu theo lệ làng mà thu phạt thì thôi. Nếu lý-trưởng hòa-giải không được, hay là sự đánh lộn ấy có thương-tích, lý-trưởng phải báo quan phủ huyện, việc ấy chỉ do phủ huyện xử, lý-trưởng làm chứng ; còn có việc án-mạng, hoặc trộm cướp thì lý-trưởng phải bắt dân canh giữ rồi nhất-diện đi báo quan.

Sự canh-gác trong làng. — Canh gác trong làng để phòng-vệ trộm cướp trong làng, mỗi làng có làm nhiều điểm canh, dân-số trong làng, trừ chức-sắc và hào-mục ra, còn thì chia ban gác giữ. Dân canh phải có gậy, đuốc và dây ; mỗi ban có người đốc-suất gọi là đầu ban hay là đốc canh. Tối lại người đầu ban đến điểm canh đánh mõ nhóm dân, đến đông đủ thay phiên thức giữ, ai đi qua phải hỏi và phải đánh mõ khắc canh.

Có nhiều làng đặt ra lệ tuần-túc, nghĩa là nhân sự canh ấy mà cắt dân đi tuần giữ trong mùa lúa chín để các nhà điền-hộ khỏi bị đứa gian gặt trộm lúa. Sự tuần-túc ấy có làm khoán ước. Điền-hộ phải chịu cho tuần-đinh mỗi mùa là bao nhiêu lúa ; lúa thâu về việc tuần-túc thì làng lấy một phần bỏ vào làm công-dụng, còn trích ra mấy phần để chia đều cho bọn tuần phu. Nếu điền-hộ đã ký khoán giao cho giữ lúa rồi mà bị mất lúa thì tuần-phu phải bị bồi, nghĩa là lấy những lúa thâu về sự tuần-túc ấy, trích ra mà bồi cho người mất lúa. Cái lệ tuần-túc này rất hay, nhưng có làng thực-hành mà cũng có làng hư-ứng.

Các giai-cấp trong làng — Dân-số mỗi làng chia làm ba hạng :

1°) Hạng chức-sắc gồm các người có hàm-phẩm, từ các quan về hưu đến các bậc cửu-phẩm lính. Ai vào hạng này lấy làm danh-dự lắm, vì ra làng được ăn trên ngồi trước, không ai được sai, không đi canh gác, khỏi đi xâu. Người hàm phẩm lớn hơn nhất làm thủ-chỉ trong làng, nghĩa là có giấy-mực gì thì ông đứng trước hết.

2.) Hạng hào-mục gồm tất cả người đương làm việc làng hay người đã làm rồi thôi đã kể trên.

3.) Hạng bình-dân gồm tất cả dân-tráng trong làng mà không có chức-việc hàm phẩm gì.

Chức-sắc phần nhiều có học-thức không nói gì, hào-mục cũng có hạng học-thức, còn bình-dân thì phần nhiều không có học-thức.

Chức-sắc ít khi dự việc làng, như các quan về hưu, hành-chánh đã lâu năm, khi về dưỡng-lão chỉ ưa lạc-thú ở gia-đình, việc làng cũng ít dự tới. Nhưng ở Quảng-ngãi dân-tình còn nghe lời các ông có danh-dự, có phẩm-vọng trong làng, ông nào không có lòng tư-lợi thời dân-tình đều phục, mà chỉnh-đốn việc làng rất mau chóng

Việc chính-trị của quan cũng nhờ các ông ấy giúp sức thực nhiều, nhưng tiếc thay, các làng không có hạng người đàn anh hay là có mà người ta không dự tới thì việc làng đều về tay hào-mục, hào-mục mà được tốt không khác gì quan hưu. Nếu gặp những tay hào-mục sinh-sự thì việc làng lung-tung suốt năm kêu kiện. Có nhiều người lấy sự kiện làm nghề sinh-nhai. Còn hạng bình-dân thì bị bọn hào-mục trong làng khu-sách, phần nhiều chỉ lo làm lo ăn không biết gì đến việc làng.

Cách thu thuế ở Mọi. — Cứ mỗi bếp nạp 1$00 thuế thân, một đồng bạc công-ích, không nộp bạc phải đi xâu năm ngày; còn thuế ruộng cứ phỏng một mẫu nộp một học lúa bán được chừng 1$50 hay 2$00. Chúng nó chỉ dùng sản-vật như lúa chè quế trâu hay là heo nồi, cần-nạp cho chánh-tổng, rồi chánh-tổng phải đi bán lấy bạc nạp. Quan trên cũng tùy theo thời-giá mà định cho Mọi nạp để khỏi sự phù-lạm của chánh-tổng.

II. — Nhân-số

Năm 1921 nhà-nước có sức qui-tính tất cả nhân-số trong Đông-Pháp, về phần Quảng-ngãi được 423.000 người. Nhưng thật số của các hương-lý kê-trình thì không đến số ấy, sau nhà-nước phải gia thêm mấy phần trăm, tuy thế mặc dầu, người ta còn bảo rằng chưa kịp với số thật.

Bây giờ cứ lấy số 423.000 năm 1921 làm số gần đúng với số thật, và số 1.369 của số sinh thắng số tử năm nay làm gốc, thì ta có thể phỏng-đoán dân-số hiện tại Quảng-ngãi là 438.059 người. Trong đó phỏng có 30.000 người Mọi, nghĩa là người Mọi một phần mười người An-Nam. Chiếu theo diện-tích thì dân tỉnh Quảng-ngãi đông-đúc hơn các tỉnh ở Trung-kỳ, cứ một ngàn thước vuông tây tính được 101 người ở. Về phần người An-Nam tổng-cộng được 1.573 chức-sắc, 1.535 miễn-sai, 1.736 miễn-dao và 55.213 chánh-nạp. Trong số chức-sắc miễn-sai miễn-dao lại có số trợ-cấp thuế 3.005 người và số miễn-thuế, 2.689 người.

Về phần Mọi thời được 6158 chánh-nạp và 150 miễn thuế.

Cộng tất cả được 62.215 người vào dân-tịch. Lại có người Hoa-kiều sang trú-ngụ buôn bán rải-rắc, chỗ nào có chợ-búa là có ít nữa cũng một vài nhà hàng khách. Số khách-trú năm 1929 tính được 500 người. Đến năm nay e cũng chẳng sai đổi là bao nhiêu. Lại có các quan Pháp năm 1929 cộng được 42 người.

III. — Người An-Nam

Người An-Nam ở miền trung-châu, phần nhiều chuyên nghề cày-cấy làm ăn. Các làng ở gần núi lại có nghề săn-bắn, làm củi, đốt than; còn các làng ở gần bể, thời lo đánh cá làm sinh-nghiệp; nhưng cũng có nhiều người đi xa như vào Nam-kỳ, Đa-lạt làm mướn trong các xưởng, các sở trồng cây hay là buôn-bán.

Ở dồn Sơn-hà người An-Nam lập thành hai thôn: Hà-tân và Hà-thành. Hai sách: Y-ky ở tổng Sơn-tân và sách Ta-ma ở tổng Sơn-thượng, cũng có người An-Nam ở, có thể lập thành hai ấp. Số

người An-Nam ở bốn nơi ấy cộng được 90 người, phát rẫy làm ăn không khai phá mở-mang gì.

Ở đồn Minh-long cũng có người An-Nam ở, đã xin lập hai làng : Tăng-long và Minh-thành, nhưng chưa phúc. Rải-rác cũng có người buôn-bán nhưng số không bao nhiêu.

Ở đồn Ba-tơ người An-Nam làm nhà-cửa chung quanh đồn rất đông, có thể lập làng được, đã có lập một ấp An-Nam là ấp Tân-an, còn ở xóm Mang-đốc, tổng Phổ-thành và sách Băng-xa cũng có người An-Nam tụ-tập đông có thể lập thành làng.

Phong-tục

Cứ thông-thường mà nói thời dân Quảng-ngãi tính ưa ca-xướng, nên mỗi khi có tế-tự, khánh-hỉ hay bày ra hát bội. Việc quan hôn tang tế cũng như các nơi khác, gần đây có phong-hóa Âu-Tây, mọi việc đã gần giảm-tiện lắm.

Người đông đất ít nên dân-gian chăm lo cày-cấy, và có tính cần-kiệm, có câu tục rằng : « Quảng-ngãi đãi ra sạn », tưởng có hơi quá chăng ? Chẳng qua là thấy một vài người mọn-mạy mà bắt vần nói vậy thôi ; học trò ham học, tân cựu đều có người khá.

Nhà cửa làm vững-vàng, trên thì lợp tranh hay rạ, dưới thì tô phên đất, tiêu-biểu rằng dân Quảng-ngãi có lòng quyến-luyến nơi sinh-trưởng.

Dân chăm lo làm việc, chúng ta thử xét một cái chứng-cớ rõ-ràng, gặp khi bão-lụt, cây-cối ngã, nhà cửa sập, nhưng họ tức thì dọn dẹp ngay, trong một ngày thì đường cái đã thông-hành được, còn nhà-cửa thì trong một tuần-lễ không thấy sập ngã nữa, nếu quan trên muốn đi khám cho biết quang-cảnh bão-lụt mà đi chậm-trễ thì không thể thấy được cái chân-cảnh.

Dân-khí

Dân-khí Quảng-ngãi cứng-cỏi hùng-dũng, đó cũng là một cái ảnh-hưởng của giang-sơn.

Người thượng-lưu ưng lĩnh, ưa làm điều nghĩa, đến lúc cơ-biến xuất tiền trăm bạc ngàn mà không tiếc ; nếu có tai-biến gì như nạn đói, nạn phong-lạo, hỏa-tai mà quyên để cứu giúp thì dân Quảng-ngãi trừ ra khi bất-đắc-dĩ họ không giúp được không kể, còn phần nhiều là họ sẵn lòng xuất tiền cứu giúp ; chăm lo làm giàu, hay tập thể-thao, và cầm cương cho bọn bình-dân.

Kẻ hạ-lưu hảo-tụng, hảo-thắng, nên có khi vì một lời nói mà sinh ra kiện nhau. Số người tranh-tụng, tỉnh nào cũng có, nhưng ở Quảng-ngãi thường nhiều hơn, có câu ngạn-ngữ rằng : « Làm đơn Quảng-ngãi; thơ-lại Quảng-nam ». Lại có câu ca : « Quảng-nam hay cãi ; Quảng-ngãi hay co. » Cãi co cũng đều là tính-chất hay kiện, nhưng cãi không bằng co, cãi mà biết sự-lý thua thì thôi ; co thì có ý hảo-thắng và cố-chấp, vậy nên xét sự kiện-cáo của dân Quảng-ngãi ít khi xử một lần mà rồi việc. Tuy vậy dân biết kính lời quan trên, nếu quan không thiên-vị mà phân-giải sự-lý cho rõ-ràng thì dễ xử hòa.

Dân Quảng-ngãi lại có tính táo-cấp, vì tính táo-cấp ấy, nên hay sinh ra có tính nóng giận, không biết mà dụ-dỗ an-ủi, thường gây ra nhiều sự không hay. Trong quyển « *Địa-dư Quảng-ngãi* », quan Sứ LABORDE có nói :

« Khi thì một người đàn-ông đến treo trong vườn một người hảo-mục, vì người này nhũng-lạm nó ; khi thì một người đàn-bà đến trước cửa Tòa lấy mảnh sành đập đầu cho quan trên trị kẻ hiếp nó ; khi thì một ông già đến nằm vạ rồi chết trước cửa người khác... »

Quan Sứ lại nói rằng các hạng người ấy ở Quảng-ngãi thật nhiều hơn các nơi. Mà quả vậy, dân coi sự sống chết làm thường, nếu có sự cãi-cọ gì thường hay xung-đột nhau bằng cây đủi và cũng có khi đem dao mác chém giết nhau không gớm. Mỗi năm số án-mạng, ẩu-tử chẳng phải là ít ; nhất là khi dân-tình có bất-bình điều gì thời dễ nghe lời củ-dụ của mấy tay đầu đảng.

Quan Công-sứ LABORDE có nói bình-dân Quảng rằng : « Người ta đồn dân Quảng-ngãi có não xấu », nhưng thiệt ra là không đáng gọi như vậy ; dẫu có nhiều lần phiến-loạn thì chỉ vì một hai người xui khiến lên mà thôi.. Cái tiếng ấy chỉ riêng về một hai người không thể đổ cho toàn-dân được».

Thật vậy, dân Quảng-ngãi vì có tính háo-thắng, táo-cấp, hễ có ai xui giục rủ-rê gì cũng nghe, nên có nhiều khi bị kẻ xui giục đánh lừa. Lại có khi người xui giục lại nguy với dân Quảng-ngãi, nếu xui giục cho họ làm mà mình thoái chỉ thì họ hại mình, nên người đã lỡ xui giục họ thời tuy biết thế không được cũng phải miễn-cưỡng mà làm liều.

Nhân-vật

Nhân-vật tỉnh Quảng-ngãi đời nào cũng có người danh-vọng to ở trong nước, mà trong đời bát-loạn thời thường sinh ra các tướng có tài, cũng nhiều người ra làm quan có công với nước, có tiếng thanh-liêm có tài kinh-tế, và làm quan to có phẩm-vọng khiến cho vua yêu, bạn chuộng, dân mến, có danh-giá trong hiện-thời. Về đường văn-học : Nho-học ngày trước thì Quảng-ngãi cũng có nhiều người giỏi, thi trường Bình-định thường được giải khôi-nguyên, nên có câu ca rằng : « Tiếc thay Bình-định xây thành, để cho Quảng-ngãi vô giành thủ-khoa. » Dân-gian cũng có lắm hiếu-tử tứ-tôn, nghĩa-phu liệt-phụ đã ghi chép trong lịch-sử và bia truyền ở miệng người, vì giang-sơn chung-dục nên nhân-vật có giá-trị, không cứ thời-đại nào, nhân-vật Quảng-ngãi có thể góp phần quang-vinh cho nước, cho dân-tộc. Tuy vậy tỉnh Quảng-ngãi cũng như các tỉnh khác, về thời-đại nào cũng có hạng người khuấy rối cho việc chính-trị, hoặc vì nghe lầm hoặc vì tính háo-thắng mà sinh ra, những hạng người ấy tuy làm việc lỗi lầm, nhưng cũng hăng-hái, cũng gây nên sự biến mà đứng đầu trong số bạn-nghịch.

Nói tóm lại nhân-vật Quảng-ngãi là nhân vật có tên trong nước, chúng ta chỉ mong rằng nhân-vật ấy đều theo một xu-hướng giúp nước cho được trị-an, cường-thịnh.

Tôn-giáo

Ngoài sự thờ-phụng ông bà, còn có năm tôn-giáo, sau này : Khổng-giáo. Phật-giáo, Lão-giáo, Thiên-chúa-giáo và Gia-tô-giáo.

Các người nho-học đều ưa đạo Khổng, Triều-đình có lập bên kia sông Trà-khúc một cái văn-miếu để thờ đức Khổng-tử mỗi năm trong tuần tháng hai, quan tỉnh ra đó tế xuân-thủ.

Bình-dân thời ưa đạo Phật, mỗi khi có lễ tang thì rước thầy tu tụng kinh, làm tuần. Trong tỉnh có nhiều chùa, nhưng cái chùa cổ nhất và danh-tiếng nhất là chùa Thiên-ấn. Chùa này do ông Hòa-thượng Pháp-hòa lập năm 1716 trên đỉnh núi Thiên-ấn, nên gọi tên như vậy ; sau bị Tây-sơn phá mới làm lại năm 1830 lại đẹp hơn trước. Ở bên cạnh chùa có một cái giếng sâu mười sải dây, tục truyền ông Hòa-thượng đào 20 năm mới tới mạch, khi tới mạch rồi ông đi đâu mất. Chùa ngó mặt ra sông Trà-khúc, cây cối xanh tốt, đến ngày rằm mồng một có nhiều người đến cúng. Ở trong hương-thôn phần nhiều người theo đạo Lão. nay tuy không phiền-phức như xưa, nhưng tục rước thầy pháp cúng ém cũng hãy còn giữ. Còn các miếu-vũ đình chùa, thì năm phong-trào duy-tân nổi lên có đốt phá nhiều, từ ấy đến nay có giản-tiện bớt. Mỗi làng có một cái đình để thờ thần và phối-hưởng tiền-hiền, một vài nhà thờ để thờ các vị thần trong làng, mỗi xóm có một miếu và phần nhiều nhà còn lập am để thờ thổ-thần, trước mỗi năm lệ cúng hai lần, từ năm Khải-định thứ tư có dụ cho xuân-thu hiệp-tế để bớt số tiền xa-phí, một năm một làng nhỏ cũng ít nữa là mười đồng. Ở tỉnh lại có miếu Thành-hoàng, miếu Quan-thánh, miếu Hội-đồng và Nghĩa-tự, có một điều khác hơn các tỉnh là dân Quảng-ngãi

hay lập nghĩa-trủng, thường có một xóm đến hai ba sở nghĩa-trủng, có sở xây đắp đến trên dưới 100 $ 00.

IV. — Giáo-dục

Ở Quảng-ngãi cũng như ở các tỉnh khác, có hai bậc giáo-dục :

Bậc tiểu-học Pháp-Việt và bậc sơ-học bản-xứ.

Bậc tiểu-học Pháp-Việt dạy trong ba trường bị-thể, bậc sơ-học bản-xứ dạy trong tám trường sơ-đẳng và chín-mươi-mốt trường dự-bị.

Cách phân-phối các trường trong tỉnh-hạt, số giáo-viên và số học-sinh như sau này :

Trường Bị-thể : tỉnh thành 1.
Bình-sơn 1.
Mộ-đức 1.

Trường bị-thể tỉnh-thành có đủ năm lớp kể từ năm 1918.

Trường bị-thể Bình-sơn có đủ năm lớp kể từ năm 1931.

Trường bị-thể Mộ-đức có đủ năm lớp kể từ năm 1929.

Số giáo-viên trong ba trường ấy là :

1 viên Kiểm-giáo.
12 viên Tư-học.
8 viên Trợ-giáo.
6 viên phụ-giáo hán-tự.

Số học-sinh nhập-học năm 1932-1933 cộng là 663 tên, trong số ấy có 31 nữ-học-sinh để hạch bằng cấp tiểu-học Pháp-Việt.

Các trường sơ-đẳng tiểu-học đều lập tại các phủ huyện từ năm 1921.

Bình-sơn 2 trường.
Sơn-tịnh 1 trường.
Tư-nghĩa 2 trường.
Đức-phổ 1 trường.
Nghĩa-hành 1 trường.

Tỉnh-thành một trường Nữ-học-sinh lập năm 1920.

Số giáo-viên trong tám trường ấy là :

1 viên Tư-học.
15 viên Trợ-giáo.
1 viên Nữ-tư-học.
2 viên Nữ-trợ-giáo.
7 viên phụ-giáo hán-tự.

Số Nam-học-sinh trong các trường ấy là 361 người.

Số nữ-học-sinh trong các trường ấy là 68 người.

Cộng tất cả được 429 người học để hạch bằng cấp Sơ-học yếu-lược bản-xứ.

Các trường dự-bị thì rải-rắc trong các tổng :

Bình-sơn 15 trường.
Sơn-tịnh 19 »
Tư-nghĩa 11 »
Đức-phổ 17 »
Nghĩa-hành 8 »
Mộ-đức 15 »
Đồn Ba-tơ 1 »
Đồn Sơn-hà 2 »
Đồn Trà-bồng 1 »
Đồn Minh-long 1 »
Đồn Lý-sơn 1 »
Cộng cả là 91 trường.

Các trường này thì có các viên giáo-sư dạy. Trong các viên ấy có :

23 người đỗ bằng cấp lớp sư-phạm,
31 người đỗ bằng-cấp tiểu-học Pháp-Việt.
56 người cựu-ban.
55 phụ-giáo hán-tự.

Các viên giáo-sư cựu-ban này sẽ lần-lượt có những người thanh-niên tân-học thế vào dạy.

Số học-sinh là 2875 tên, trong số ấy hết 284 nữ-học-sinh đều được phép hạch bằng cấp sơ-học yếu-lược bản-xứ trái với thể-lệ chung.

Các hạng giáo-viên trong tỉnh cộng tất cả là 229 người để dạy 3967 học-sinh.

Ngoài các trường công ấy lại có bốn trường tư-thục có bốn giáo-sư và 71 học sinh. Tổng-cộng là 233 giáo-viên và 4.038 học sinh.

Mỗi năm số bạc chi-phí trong các trường công lên đến 66.774 $, trích một phần ở ngân-sách tỉnh-bạt ra, một phần là bạc học-phí, từ năm 1933 về sau, các xã-thôn phải chịu bạc học-phí trong các trường dự-bị mỗi năm đến chừng 21.500 $.

Các trường dự-bị và sơ-đẳng thì làm bằng gạch và lợp ngói. Từ khi có cộng-sản đến nay, trường bị-thể và trường nữ-học tỉnh-thành đều để cho lính đóng, nên phải lập hai cái trường tranh mà dạy.

Các trường dự-bị trừ ra sáu cái trường ngói, còn thì tất cả là trường tranh. Các trường này xây dựng lên là nhờ bạc học-phí, hoặc là bạc của xã-thôn hay là các nhà tư-bản có lòng hiếu-thiện cho.

Cứ xem các biểu sau này thì thấy rõ việc giáo-dục trong mười năm gần đây.

Số trường

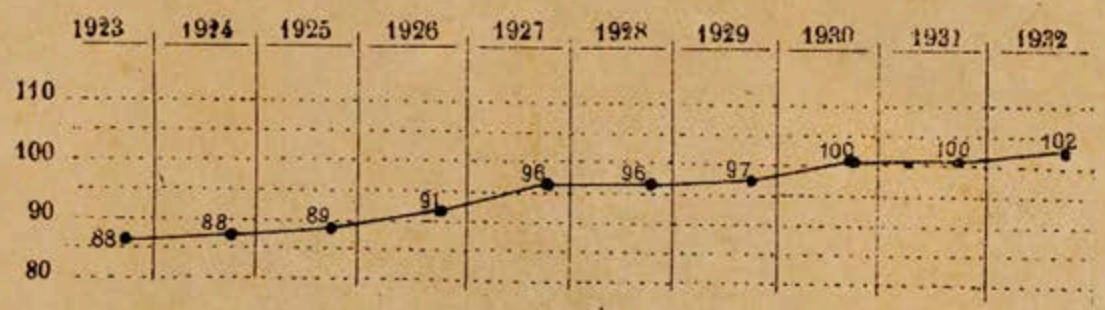

Số giáo-viên

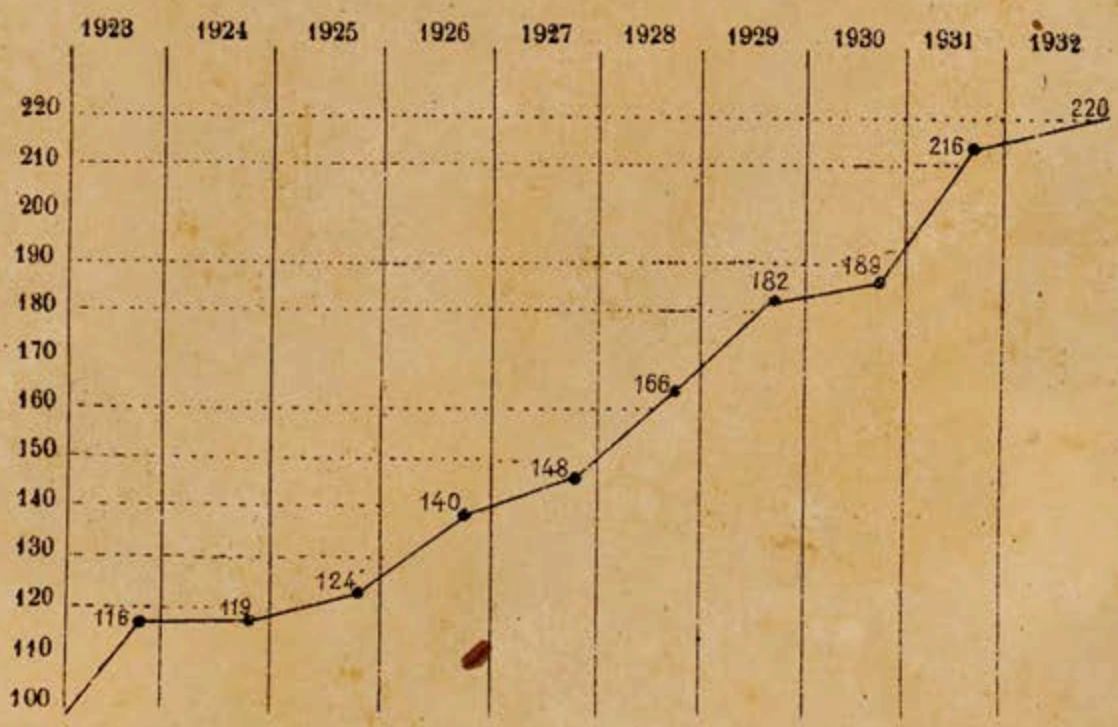

Số học-sinh

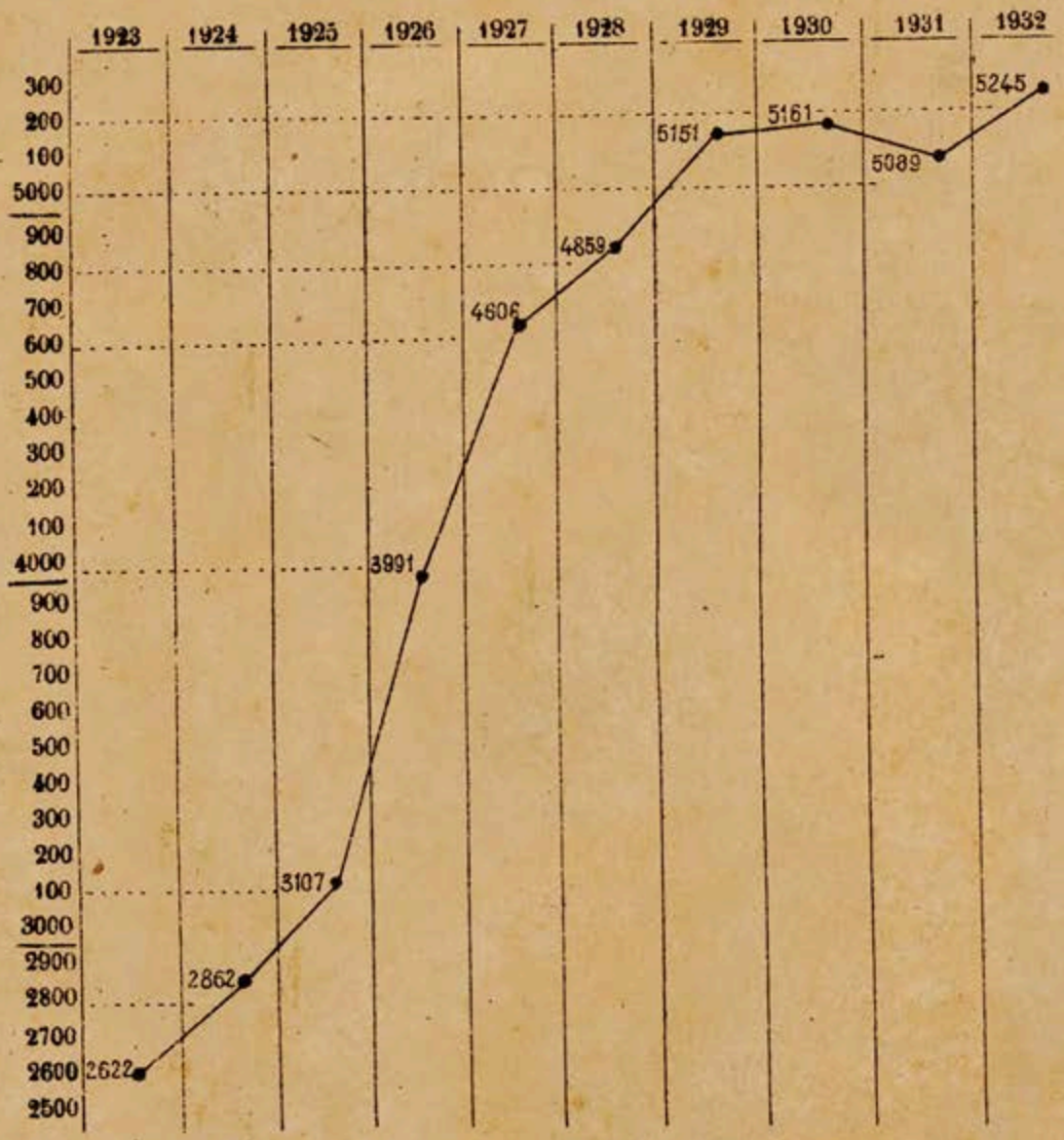

Kỳ hạch bằng cấp tiểu-học Pháp-Việt

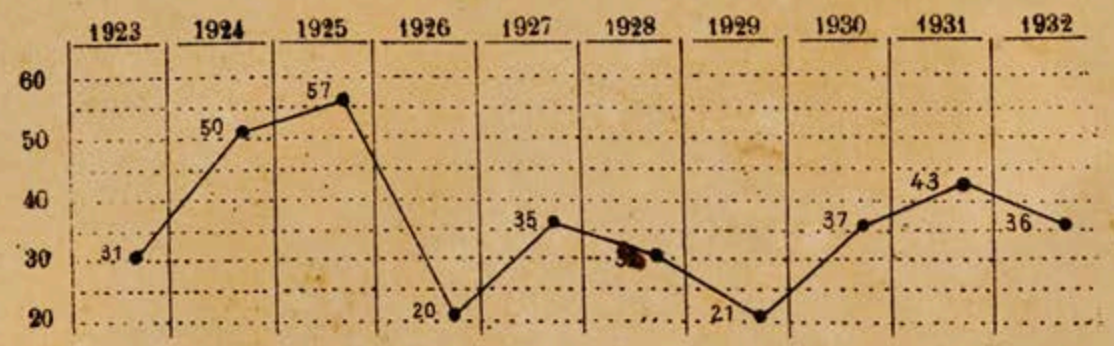

Kỳ hạch bằng Sơ-học yếu-lược bản-xứ (đặt ra từ năm 1925)

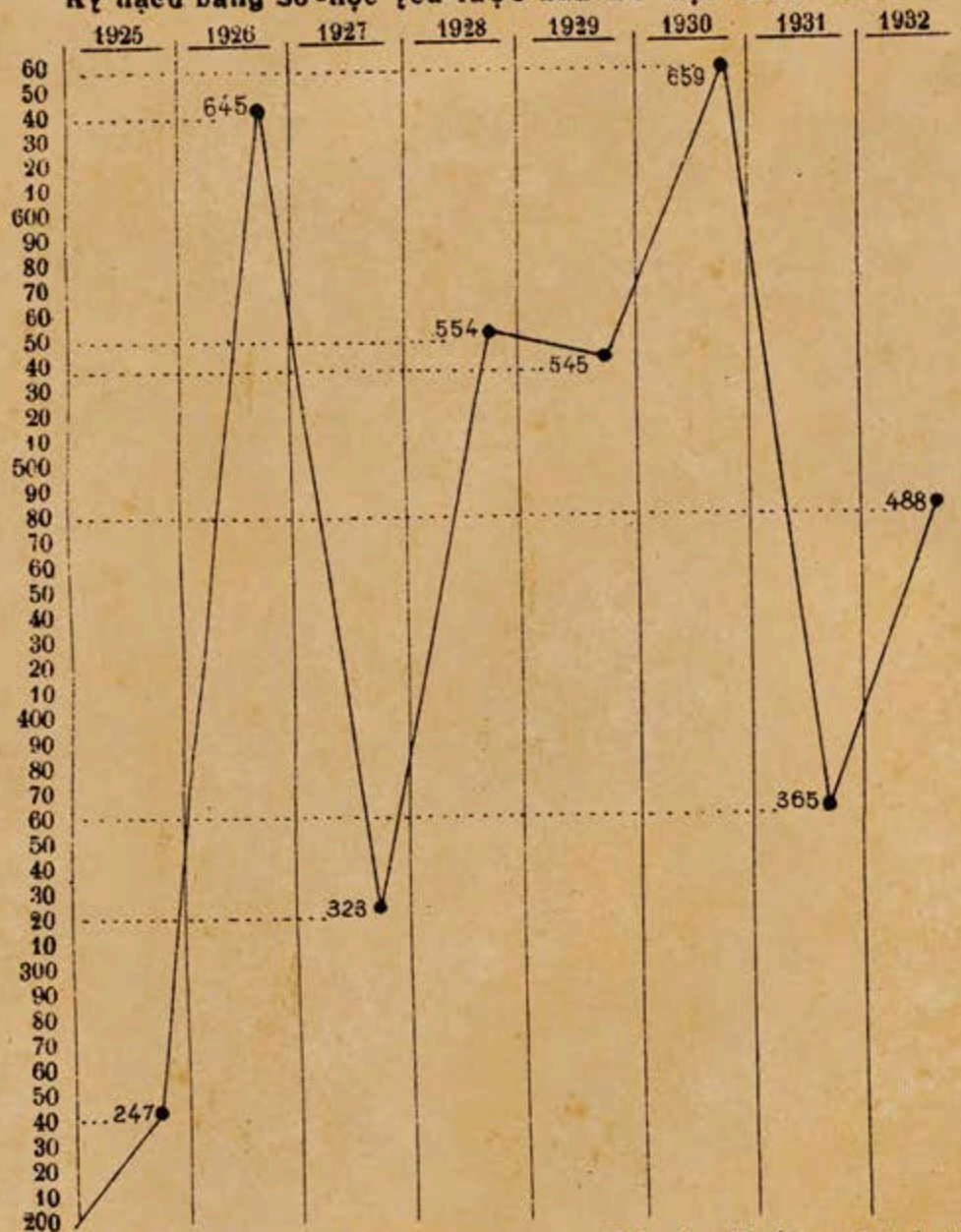

Xét biểu trên này thì số nhà trường mỗi ngày mỗi tăng, nhưng có điều đáng suy xét là hai năm trước đương cơn rộn-rập, mà số học-trò nhập-học lại đông hơn năm nay. Năm 1930-1931 số nhà trường 100 cái, số học-sinh nhập-học 4394 người.

Năm 1931-1932 số trường 100 cái, số học-sinh nhập-học 4270 người.

Năm 1932-1933, số trường 102 cái, mà số học-sinh nhập-học chỉ 3.967 người. Thành ra sánh với năm ngoái sụt đến 303 người, không hiểu vì nguyên-do gì ?

Trên là nói số học-sinh ở các trường, trong tỉnh. Còn các người đã đỗ được bằng cấp tiểu-học Pháp-Việt, phải thi vào trường Cu-thề, Qui-nhơn hay là trường Quốc-học ở Huế để theo đòi học-tập Hiện-thời số học-sinh đi học các nơi khác : Huế, Qui-nhơn, trong các trường Cu-thề hay Hà-nội, trong các trường Cao-đẳng, Y-tế, Lục-lộ, v. v., cũng khá. Lại cũng có một ít đương học-tập tại Pháp, hoặc chịu tiền nhà, hoặc nhờ hội Du-học cấp lương cho.

(Còn-nữa)

PHÊ-BÌNH VĂN-CHƯƠNG CA-DAO

Bây giờ còn nói đến ca-dao, không khỏi có người cho là cổ. Song một vấn-đề to-tát, trọng-đại như vấn-đề sưu-tập ca-dao, tôi thiển-nghĩ dù bàn đi tán lại mãi cũng không phải là thừa.

Ca-dao có quan-hệ mật-thiết với văn-chương tổ-quốc thế nào, các bậc cao-minh đã nhiều lần nói tới, tưởng bất-tất phải nhắc nữa. Duy về phương-diện văn-chương ca-dao, chưa mấy ai đã để tâm bình-luận.

Ca-dao có thể cho là một áng văn-chương được không? Xưa kia nhiều người cho ca-dao là nôm-na, mộc-mạc. Lời phẩm-bình ấy quá ư nghiêm-khắc. Mộc-mạc, vì ca-dao xuất ư tâm-tính mộc-mạc của người mình; nôm-na vì nghĩ sao nói vậy, chứ không gọt dũa như văn các thi-gia. Nhưng ca-dao không vì thế mà mất văn-vẻ đi đâu.

Nếu thơ ca của các bậc thi-bá có thể ví như đóa hoa trong vườn Thượng-uyển thì ca-dao có thể ví như đám hoa ngàn cỏ nội. Hương không nồng-nàn sực-nức, nhưng phảng-phất dịu-dàng, mà có sức làm say người vô-hạn, cảm người rất sâu-xa. Đọc lên nghe dịu-dàng êm ái, như ngọn gió buổi mai, như tiếng tiêu canh vắng; trong-trẻo như tiếng nhạc chốn Giao-trì, giọng oanh nói nhành liễu, du-dương ngọt-ngào muốn đưa người vào cõi mộng-ảo mê-ly. Càng đọc càng thấy khoái-trá, càng ngâm-nga càng thấy hay. Ngâm đi ngâm lại mãi không chán được.

Còn gì thanh-tao, êm ái bằng những câu ca dao này:

— Ai ơi, trời chẳng trao quyền,
Tái thơ đủng-đỉnh dạo miền thú-quê.

— Ngồi đêm trông bóng trăng tàn,
Muốn đoan với nguyệt mà than một lời.
Nguyệt rằng: vật đổi sao dời,
Thân này vẫn để cho người soi chung.

Cô kia má đỏ hồng hồng,
Cô chửa lấy chồng, còn đợi chờ ai?
Buồng không lần lữa hôm mai,
Đầu xanh mấy chốc da mồi tóc sương.

Còn gì hùng dũng, mạnh-mẽ như những câu sau này:

— Làm trai quyết trí tang bồng,
Sao cho tỏ mặt anh-hùng mới cam,

— Nên ra tay kiếm tay cờ,
Chẳng nên thì chớ chẳng nhờ tay ai.

Những câu như đã kể trên trong rừng ca-dao của ta, hằng-hà sa-số, không sao kể cho xiết được. Lại còn lắm câu dùng ngoại-vật để tiếp-tục mà giải ý riêng rất khó, hay những câu trong có một chữ lấy đi lấy lại, đọc lên có âm-điệu rất hay.

Em là con gái đường trong,
Em đi thuyền dưới mất lòng thuyền [trên.
Ba năm ăn ở thuyền trên,
Bởi anh hàng muối cho nên mặn-mà.
Bước xuống thuyền chân dận dịp ba,
Bởi anh hàng trứng hóa ra hai lòng.

— Đầu năm ăn quả thanh-yên,
Cuối năm ăn bưởi cho nên đèo-bòng.
Vì cam cho quýt đèo-bòng,
Vì em nhan-sắc cho lòng anh thương.

— Mình ơi thức ngủ hỡi mình,
Lại đây anh kể mười tình cho nghe:
Một tình thức suốt đêm hè,
Hai tình chờ đợi canh khuya lạnh-lùng.
Ba tình tạc đá ghi vàng,
Bốn tình khấn nguyện xích-thằng xe [cho.
Năm tình một hẹn hai hò,
Sáu tình kết tóc xe tơ với tình.

Bảy tình nên phải tìm tình..... (1)
— Trầu này trầu quế trầu hồi,
Trầu loan, trầu phượng, trầu tôi, trầu [minh.
Trầu này trầu tình, trầu tình,
Trầu loan, trầu phượng, trầu minh,
Trầu này tém tối hôm qua, [trầu ta.
Giấu thầy giấu mẹ đem ra cho chàng.
Trầu này không phải trầu hàng,
Không bùa không thuốc sao chàng
Hay là chê khó chê khăn? [không ăn?
Xin chàng đứng lại mà ăn miếng trầu.

Các độc-giả xem qua mấy câu ca-dao tôi đã kể trên làm tỉ-dụ, hẳn cũng đồng-ý với tôi rằng ca-dao có văn-vẻ lắm. Vậy ta xét xem ca-dao có đủ các lối văn không? Văn xuôi cũng như văn vần có bốn lối.

1º— Lối tả-cảnh.
2º— Lối tả-tình.
3º— Lối vấn-đáp.
4º— Lối trào phúng.

Các lối văn này, ca-dao ta có đủ cả. Không những đủ mà thôi, về lối văn nào, xem ra cũng phong-phú lắm nữa :

Văn tả-cảnh

Về lối văn tả-cảnh, trong ca-dao không thấy nhiều như các lối văn khác. Song không phải vì ít mà kém hay. Sau này xin chép một vài bài để làm tỉ-dụ, các độc-giả sẽ biết về lối văn này, ca-dao cũng xuất-sản được lắm bài tuyệt-bút. Bài sau này là bài tả-cảnh một ngôi chùa, chùa quan Thượng Nguyễn Đăng-Giai ở trên hồ Hoàn-kiếm. Chùa này đã đổ nát, hiện chỉ còn cây tháp là di-tích.

Gần xa nô-nức tưng-bừng,
Vào chùa quan Thượng, xem bằng động-
Lầu chuông gác trống đôi bên, [tiên.
Trông ra chợ Mới Tràng-tiền kinh-đô.
Khen ai khéo họa địa-đồ,
Trước sông Nhị-thủy sau hồ Hoàn- [gươm.
Phong-quang cảnh-trí trăm đường,
Trong xây chín giếng ngoài tường lục-
Rõ mười cửa động tầng-tầng, [lăng.
Đền vàng nhà ngọc chất bằng như nêm.
Đức-trí phơi tỏ màu sen,
Thập phương chư Phật ngồi trên đủ
Qua xem tam-bảo xong rồi, [mười.
Hành-lang nhà hậu các nơi rõ ràng.
Kẻ thanh-lịch, khách quyền-sang,
Vào chùa lễ bái mọi đường vui xem.
Ai ai mộ cảnh vui thiền,
Lòng trần rũ sạch nhơn-nhơn ra về.
Bước lên hòn đá xanh rì,
Nhìn xem phong-cảnh chẳng muốn về [nữa đâu.

Tả cảnh chùa mà tả đến thế, tưởng cũng là hoàn-toàn vậy. Tuy văn có hơi non, chữ có nhiều chữ dùng ép, song cách xếp đặt kể đã có thứ-tự lắm và tài tả-cảnh kể cũng đã khéo-léo lắm vậy.

Bài sau này, là tả lúc phân-kỳ của hai vợ chồng một người lính đi viễn-thú.

Mồ hôi gió đượm,
Thiếp thương chồng thiếp phải chạy [theo.
Con ơi ! Mẹ dắt lên đèo,
Chim kêu bên nọ, vượn trèo bên kia.

Còn gì đoạn-trường cho bằng lúc phân-kỳ ấy nữa. Chồng thì đi viễn-thú, đi nào biết có về ; vợ thì tay dắt con, lếch-thếch trèo đèo lặn suối, giọt dài giọt ngắn chạy theo. Mồ hôi đượm, nước mắt rơi, hai bên thì rừng rậm chập-chùng, chim kêu thảm-đạm, vượn hót thê-lương. Cảnh ấy, tình ấy, ai là không đứt từng khúc ruột. Một cảnh-ngộ đau-đớn, tan hồn như thế, mà chỉ có bốn câu thơ đủ tả được cả tình lẫn cảnh, thì thật là khéo vậy.

---

(1) Tôi tiếc rằng không nhớ được mấy câu dưới, xin chất-vấn độc-giả.

Văn tả tình

Lối văn tả-tình, trong ca-dao thật là phong-phú. Suy nguyên ra thì lối văn này giàu là phải. Vì ca-dao là gì? Ca-dao chỉ là những câu đàm-thoại có vần của đôi bên nam-nữ tình-tự với nhau khi rồng mây gặp gỡ; hay than thở cùng nhau lúc dứt áo chia-phôi. Hay hoặc là tâm-sự một cô sen ngó đào tơ chưa gặp được người xứng đôi vừa lứa. Hay hoặc là khổ-tâm của khách khuê-phòng, khi bóng đã xế vai, mà buồng hương còn chưa người chung chăn chung gối. Tâm-sự mỗi người tuy mỗi khác, những chỗ đoạn-trường ai cũng như ai. Cho nên thứ văn tả-tình trong phong-dao chỉ là văn sầu, văn thảm, thứ văn « lãng-mạn » đọc lên nghe nó thiết-tha ai-oán, khiến sắt đá cũng phải rỏ lụy tuôn châu.

Còn gì thảm-thiết cho bằng tâm-sự người con gái chưa chồng, lo cho cái thân-thế như giọt mưa sa, rùng mình cho cái bước tương-lai mù-mịt, biết ai là người quân-tử mà gửi thịt trao xương.

— Tiếc thay cây quế giữa rừng,
Thơm-tho ai biết ngát lừng ai hay?
Canh một canh hai mê-mần tỉnh say,
Mồ hôi má phấn đượm đầy áo thâm.
— Thân em như tấm lụa đào,
Phất-phơ giữa chợ, biết vào tay ai.
Em ngồi cành trúc, em tựa cành mai,
Đông đào tây liễu lấy ai bạn cùng.

Ôi, chiếc lá giữa dòng, lưng khoang sóng gió, thân-thế kẻ liễu-bồ thật cũng lênh-đênh lắm vậy. Tuy vậy cảnh-ngộ ấy cũng không đáng ngao-ngán, vì còn hi-vọng có một ngày kia tìm được kẻ mắt xanh, rồi trao tơ phải lứa, gieo cầu xứng đôi. Chứ không đến nỗi đoạn-trường như cảnh-ngộ người con gái sau này:

Bớ thảm ơi! Bớ thiết ơi!
Bớ bạn tình-nhân ơi!
Thân em như cái quả soài trên cây,
Gió đông, gió tây, gió nam, gió bắc,
Nó đánh lúc-la lúc-lắc trên cành,
Một mai vô-tình rụng xuống biết vào
Kìa khóm trúc, nọ khóm mai, [tay ai!
Ông tơ bà nguyệt xe hoài chẳng thương.
Một lần chờ, hai lần đợi,
Sớm lần nhớ, tối lần thương.
Anh thương em nhưng bác mẹ họ-hàng
chẳng thương.

Lại đến cảnh chia phôi của đôi trai tài gái sắc thì lại càng đoạn-trường lắm. Hương đang đượm lửa đang nồng, mà bỗng khuôn xanh độc-địa bắt nhạn bắc én nam, bắt loan chia thủy rẽ, thì thật là «lệ rơi thấm đá tơ chia rũ tằm».

Ai làm cho bướm lìa hoa,
Cho chim xanh nỡ bay qua vườn hồng.
Ai đi muôn dặm non sông,
Để ai chứa chất sầu đong vơi đầy.

Lúc đưa nhau đã đau đớn, thì lúc gối chiếc chăn đơn, một mình đối ngọn đèn tàn, vọng-tưởng đến người xông pha nơi sương tuyết, ai là không « đau đòi đoạn, ngất đòi hồi ».

Áo xông hương của chàng vắt mắc,
Đêm em nằm, em đắp lấy hơi;
Gửi chăn, gửi túi, gửi lời,
Gửi đôi chàng-mạng cho người đường
Vì mây cho núi nên xa, [xa.
Mây bay mù-mịt, núi nhòa xanh-xanh.

Cụ Tiên-điền rất sở-trường về lối văn tả tình. Song tôi thiển-nghĩ những đoạn văn như « Kim Trọng tương-tư » hay « Kim, Kiều tiễn-biệt » vị tất đã hay gì hơn mấy câu ca-dao trên này. Có khác gì là một đàng có chải chuốt đẽo gọt, còn một đàng chân-thật, mộc-mạc. Lấy những tư-tưởng thiết-thực, không phù-phiếm, mà làm thành những câu văn ảo não, mỗi chữ là một hạt châu, mỗi lời là một giọt huyết, khiến cho người đọc phải chau mày rơi lụy, thế mới thật là tài-tình.

Bài tả tâm-sự người con gái muộn chồng dưới này, tuy có pha giọng trào-

phúng, nhưng xét cho cùng, không phải là không chi-tình.

Chồng rồi! Chồng rồi!
Nghĩ rằng em đã có chồng rồi.
Sao em chửa có đứng ngồi vân-vi.
Ới thầy mẹ ơi! Cấm đoán em chi,
Mười-lăm, mười-tám sao chả cho em đi lấy chồng?
Ới ông trời ơi! Sao ông ở không công,
Duyên em đã lỗi, em trách ông tơ-hồng,
sao ông khéo trêu-ngươi.
Cứ đêm đêm em nằm em vuốt bụng em gọi trời:
« Xin ông thì bỏ cho tôi chút chồng;
« Tôi về tôi làm lễ tôi tế ông,
« Mổ con bò béo, ông cho tôi lấy đức anh chồng cho nó to to.
« Bỏ công tôi mượn chú lái mò bò. »

Văn vấn-đáp

Thể văn vấn-đáp trong ca-dao lại càng hay lắm nữa. Còn gì khó khăn bằng lúc trai gái mới bắt đầu chuyện trò cùng nhau nữa! Những « tay » có tài hùng-biện nhiều khi cũng phải « chịu tho » trước những trường-hợp ấy. Cho đến các nhà cầm bút, mấy ai đã tả được một thiên đàm-thoại cho được lưu-loát, linh-hoạt. Duy chỉ ca-dao là có sẵn hằng-hà sa-số những câu « phong-tình » rất hay. Những câu này ý-tứ rất thanh-tao, lời-lẽ rất linh-động, mà đạt được ý, được tình. Tưởng ít tìm được những câu vấn-đáp hay như vậy:

Bây giờ mận mới hỏi đào:
« Vườn xuân đã có ai vào hay chưa? »
Mận hỏi thì đào xin thưa:
« Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào. »
— Đêm khuya anh mới hỏi nàng:
« Tre non đủ lá đan sàng nên chăng? »
« Đan sàng thiếp cũng xin vâng,
Tre vừa đủ lá non chăng hỡi chàng. »

Êm-ái thay! thanh-tao thay! thật là du-dương, uyển-chuyển, ai nghe thấy chả phải xiêu lòng. Đến gan vàng dạ sắt cũng phải mềm, huống-chi đôi lứa thiếu-niên đã say nhau ở trong lòng, chỉ còn e lệ nơi ngoài mặt.

Lại đến câu này mới lại khéo nữa:

— Chim khôn mắc phải lưới hồng,
Hễ anh gỡ được đền công lạng vàng.
— Đền vàng anh chẳng lấy vàng,
Hễ anh gỡ được thì nàng lấy anh.

Lại đến câu này thì linh-động biết bao:

Sáng ngày em đi hái dâu,
Gặp hai anh ấy ngồi câu thạch-bàn.
Hai anh đứng dậy hỏi han,
Hỏi rằng: « Cô ấy vội vàng đi đâu? »
Thưa rằng: « Tôi đi hái dâu, »
Hai anh mở túi đưa trầu cho ăn.
Thưa rằng: « Bác mẹ đã răn,
« Làm thân con gái chớ ăn trầu người. »

Đọc lên ta có thể tưởng-tượng được như việc đã xảy ra trước mắt ta vậy: Một người con gái đi qua, hai người con trai đang ngồi câu trên phiến đá. Trên bờ cỏ mọc xanh rì, dưới dòng nước trong suốt đáy. Thấy người con gái, hai cậu con trai đứng dậy, mở túi đưa trầu ra mời. Thật là một thiên kịch, chứ không phải là một câu văn nữa.

Văn trào-phúng

Về lối văn trào-phúng, không mấy ai đã viết được lưu-loát, bóng-bẩy và chua-chát như văn trào-phúng trong ca-dao. Cụ Tú Xương rất sở-trường về lối văn này, chưa hồ-dễ đã viết được bài nào chua-chát, khiến người đọc phải cười lên tiếng khóc.

Xin chép nguyên-văn một bài thơ của cụ làm thí-dụ:

Em giận rằng em chửa có chồng,
Ngày năm bảy mối tối nằm không;
Thiếu gì chốn nọ sắp trần vỏ.
Mà lại nơi kia tết cốm hồng;
Hầu-tố khách đà năm bảy chú,
Mét-sì tây cũng bốn năm ông;

Ép dầu, ép mỡ duyên ai ép,
Có mắn thì ra đã bế bồng.

Một cô con gái hay kén chọn, hết chê cậu này lệch mũi, lại cười anh nọ sứt môi, dương-dương tự-đắc, đóng cửa làm cao, để đến nỗi ngày xanh mòn-mỏi, lúc bóng dáu đã xế ngang đầu mà còn buồng hương lạnh-lẽo, kể cũng đã buồn cho cô, mà đáng cho ta mai-mỉa thật. Bài thơ trào-phúng của cụ Vị-xuyên trên kia thật đã hay. Nhưng toàn bài không được câu nào có thể khiến cho ta phải «mỉm kỳ môi», phải « vỗ kỳ đùi » như câu ca-dao sau này:

Đi đâu mà chẳng lấy chồng?
Người ta lấy hết chồng mông mà gào.
Gào rằng: « Đất hỡi! Trời ơi!
Sao không thì bỏ cho tôi chút chồng! »
Ông trời ngoảnh lại mà trông:
« Mày hay kén chọn ông không cho mày. »

Bộ-tịch của mấy cô già kén kẹn hom đã đáng cho ta giễu-cợt, thì thủ-đoạn đê-hèn, xấu-xa của phường ngoan-phu nọa-phu, của tuồng trên Bộc trong Dâu, lại chả đáng cho ta đàm-tiếu, thóa-mạ dư?

Chính-chuyên lấy được chín chồng,
Về viên bỏ lọ gánh gồng đi chơi;
Không ngờ quang đứt lọ rơi,
Bò ra lồm ngồm chín nơi chín chồng.

Giễu một người đàn-bà không được chính-chuyên mà tả đến thế thật là tuyệt-diệu. Không phải là một câu văn, chính là một bức họa vậy.

Lại đến câu sau này, nghe mới đau đớn lắm sao:

Chữ trinh đáng giá nghìn vàng,
Kể từ chồng trước đến chàng là năm.
Còn như yêu vụng giấu thầm,
Họp chợ trên bụng đến trăm con người.

Những cô gái ngoan chỉ biết sớm đào tối mận, chỉ biết có cái vui-thú đê-hèn, coi rẻ chữ trinh-tiết, nếu còn chút lương-tâm, đọc đến sao cho khỏi chau mày, mà rồi biết đâu chả khởi bồ-đề-tâm, đọc kinh sám-hối.

Đem hai bài ca-dao trên này đối-chiếu với bài « Chào bà Hai » của cụ Tú-Xương sau này, thì một bên « nửa cân » với một bên « tám lạng », dễ bên nào đã nhường bên nào.

Ai đây ai ơi, khéo hợm mình,
Giàu thì ai trọng khó ai khinh;
Thằng Ngô mất gánh đay câu chuyện,
Sác lái nghiêng thoi mắc giọng tình;
Có khéo có khôn thì có của,
Càng giàu càng trẻ lại càng xinh;
Xuống chân lên mặt ta đây nhỉ,
Chẳng biết rằng dơ dáng dại hình.

Tôi đã lần-lượt phô bày các lối văn trong rừng ca-dao, tưởng các độc-giả cũng đã lĩnh-hội được đôi chút cái hay cái khéo. Trước khi hạ dấu chấm hết bài, tôi xin bàn qua về cách dùng chữ trong ca-dao.

Ca-dao như trên đã nói, chỉ là những lời đàm-luận có vần; như vậy thì chữ dùng trong ca-dao vị-tất đã kén chọn được kỹ-càng, vì trong khi nói chuyện thì nghĩ sao nói vậy, chứ ai còn có thì-giờ mà cân nhắc từng câu, từng chữ. Ca-dao tuy không dẽo gọt, chải-chuốt, nhưng nhiều câu hình như đã bị điêu-luyện rất công-phu, vì chữ dùng rất khéo. Có một điều đặc-sắc là những chữ dùng ấy, không phải là những chữ khó-khăn, cầu-kỳ gì, mà chỉ là những chữ thông-thường, giản-dị, xin lấy vài câu làm thí-dụ:

Ai về đường ấy hôm mai,
Gửi dăm điều nhớ, gửi vài điều thương.
Gửi cho đến chiếu, đến giường,
Gửi cho đến chốn buồng hương em nằm.

Câu « *gửi dăm điều nhớ gửi vài điều thương* » hay biết bao nhiêu.

Cái cốc mày lặn ao chà,
Bay lên rũ cánh làm nhà chị nương.
Yếm thắm mà nhuộm hoa nương,
Cái răng hột đỗ làm tương anh đồ.

Chữ « *làm tương anh đồ* » dùng khéo biết là bao.

Một năm một tuổi như đuổi xuân đi,
Cái già sồng-sộc nó thì theo sau.
Vì sương cho núi bạc đầu,
Vì đâu mưa nắng cho rầu-rĩ hoa.

Những chữ «*đuổi, sồng-sộc, bạc đầu*» hay biết bao. Lại đến như câu :

..... Còn như yêu vụng giấu thầm,
Họp chợ trên bụng đến trăm con người.

thì chữ «*họp chợ*» hay biết bao nhiêu. Còn chữ gì đặt thay vào mà hay hơn được nữa. Những chữ dùng khéo như thế, kể ra biết mấy trang giấy cho hết được. Mà có chữ nào là khó. Dù đàn bà con trẻ ai còn không biết những chữ ấy nữa.

Chỗ hơn của ca-dao là ở chỗ ấy. Ca-dao không phải là những bài thơ hoa thêu gấm dệt. Ca-dao chỉ là những câu nói thường, câu nói có vần có điệu, mà đọc lên nghe thánh-thót tiêu-tao, như ngọn gió lúc chiều hè, hay tiếng đàn khi đêm vắng. Ca-dao không như văn-thơ đầy những tư-tưởng phù-phiếm ; ca-dao tức là bức họa linh-hồn, hỉ, lạc, ai, thương đều phô bày bằng những nét bút đơn-sơ mộc-mạc. Thơ ca dụng ở chỗ điêu-luyện, còn phong-dao dụng ở chỗ chi-tình.

Một áng văn diệu-tuyệt đến như thế, phong-phú đến như thế, mà mấy ngàn năm nay chỉ sống vất-vưởng trong ký-ức những hạng ngu-phu ngu-phụ, —còn bậc tri-thức thì hắt-hủi không nhìn nhận — để đến nỗi thất-lạc gần hết, phỏng có đáng ngao-ngán không? Sưu-tầm lấy áng văn kiệt-tác ấy, tức là gọi hồn tổ-quốc ngàn năm dậy, tức là bảo-vệ cho cái tương-lai tổ-quốc mai sau. Ai là người có lòng với quốc-văn, ai là người hữu-tâm với tiền-đồ tổ-quốc, chả nên lưu-ý đến vấn-đề này du ?

HOÀNG MINH

LUẬN-NGỮ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH

論語國文解釋

IX

XXV

子曰。聖人吾得見不可。則斯之謂。子曰。善人吾得見不可。則斯之謂。子曰。亡而爲有。虛而爲盈。約而爲泰。難乎有恆矣。

Dịch âm.— *Tử viết : « Thánh-nhân ngô bất đắc nhi kiến chi hĩ, đắc kiến quân-tử giả, tư khả hĩ. Tử-viết: Thiện-nhân ngô bất đắc nhi kiến chi hĩ, đắc kiến hữu-hằng giả, tư khả hĩ. Vô nhi vi hữu, hư nhi vi doanh, ước nhi vi thái, nam hồ hữu hằng hĩ ».*

DỊCH-NGHĨA.— Đức Khổng nói rằng : « Bậc thánh-nhân ta đành chẳng được thấy rồi, mong được thấy người quân-tử thì cũng khá vậy. Bậc thiện-nhân ta đành chẳng được thấy rồi, mong được thấy bậc hữu-hằng thì cũng khá vậy. Nếu không mà làm ra có, vơi mà làm ra đầy, ít mà làm ra nhiều, kẻ kia cái hạnh đã giả dối, thì khó là hữu-hằng được vậy ».

Chú-giải.—Thánh-nhân = Bậc người thông-minh như thần. *Quân-tử* = Bậc người tài đức hơn người. *Tử viết thiện nhân....* = Chữ *tử viết* 子曰 này có lẽ

là thừa. *Thiện-nhân* = Hạng người tư-chất thuần-túy, chỉ ở điều nhân mà không ác. *Hữu-hằng* = *Hằng* là thường mà được lâu; *hữu-hằng* là hạng người thủy-chung một lòng phác-thực mà chẳng biến-đổi. *Vô* = Không có điều thiện điều hay. *Hư* = không thực có điều thiện. *Doanh* = Đầy đủ có thừa. *Ước* = Có được một chút điều thiện. *Thái* = khoe-khoang làm ra nhiều.

Đây là mong thấy được bậc người hữu-hằng, mà răn những kẻ vô-hằng. Vì hữu-hằng thì chất-thực mà không khoe-khoang, là cái cơ-sở làm người, có thể do bậc ấy mà tiến lên bậc thiện-nhân quân-tử và bậc thánh-nhân được.

XXVI

宿。不 綱。而 子
射 弋 不 釣

Dịch-âm.— *Tử điếu nhi bất cương, dặc bất xạ túc.*

Dịch-nghĩa.— Đức Khổng câu cá mà chẳng đánh lưới vét; bắn thì chẳng bắn chim ngủ.

Chú-giải.— Cương = Cái dây lớn mắc ngoài vành lưới, để ngăn dòng nước mà vét cá. *Dặc* = Dây tơ buộc vào cái tên mà bắn ra khiến cho chim vướng.

Đây là tỏ ra đức của thánh-nhân dẫu chơi nghề nhỏ mà vẫn có lòng nhân, đối với loài cá, thì chẳng bắt hết cả giống, đối với loài chim thì chẳng thừa-cơ khi nó bất-ý, để rõ ra cái nhân-tâm của bậc nhân-nhân đối đãi muôn vật.

XXVII

知 見 而 擇 是 之 不 子
之 而 從 其 也。者。知 曰。
次 識 之。善 多 我 而 蓋
也。之。多 者 聞 無 作 有

Dịch-âm.— *Tử viết: « Cái hữu bất tri nhi tác chi giả, ngã vô thị dã. Đa văn trạch kỳ thiện giả nhi tùng chi; đa kiến nhi chí chi, tri chi thứ dã ».*

Dịch-nghĩa.— Đức Khổng nói rằng: « Đời chừng cũng có kẻ chẳng biết lẽ mà làm càn, ta thì không thế. Nghe cho nhiều rồi chọn lấy điều thiện mà theo; thấy cho nhiều mà ghi lấy; tuy chửa phải là bậc sinh ra đã biết, cũng là bậc biết thứ hai vậy ».

Chú giải.— Đa văn đa kiến = Nhiều nghe, nhiều thấy là học-vấn rộng-rãi. *Chí* = Ghi nhớ, điều thiện điều ác, đều ghi nhớ ở trong tâm, để rồi sau tham-khảo.

Đây là đức Khổng tự nói ra mình không phải là hạng bất-tri, mà cũng không phải là bậc sinh-tri, chỉ là bậc học-tri đấy thôi, để bảo người lấy cái phương-pháp cầu đến bậc tri; chớ nên tự dụng thông-minh mà cậy là đã biết cả mọi lẽ vậy.

XXVIII

也。也。往 潔 已 惑。童 互
唯 不 也。也。以 子 子 鄉
何 與 與 不 進。曰。見。難
甚。其 其 保 與 人 門 與
退 進 其 其 潔 人 言。

Dịch-âm.— *Hỗ-hương nam dữ ngôn, đồng-tử kiến, môn-nhân hoặc. Tử viết: « Nhân khiết kỷ dĩ tiến, dữ kỳ khiết dã, bất bảo kỳ vãng dã. Dữ kỳ tiến dã, bất dữ kỳ thoái dã, duy hà thậm ».* (1)

Dịch-nghĩa.— Người làng Hỗ-hương vốn khó cùng nói điều thiện, kẻ đồng-tử làng ấy cầu vào yết kiến, kẻ môn-nhân ngờ rằng không nên cho vào yết-kiến. Đức Khổng nói rằng: « Người nào hay sửa mình trong sạch để tiến-kiến, hãy khen cho người ấy lúc trong sạch, chẳng kể chi người ấy lúc trước kia thế nào vậy. Hãy khen cho người

(1) Chương này các bản đều nghi có sai lầm, đây là theo như bản bị-chỉ đã sửa lại.

ấy lúc tới đây, chứ chẳng kể chi người ấy lúc lui về; chỉ cự-tuyệt chi cho nghiêm lắm ».

Chú-giải. — *Hồ-hương* = Tên làng, người làng ấy quen làm điều bất-thiện. *Môn-nhân* = Học-trò. *Khiết* = Sửa trị mình cho trong sạch. *Bất bảo* = Ý là chẳng quản chi. *Dữ* = Khen cho. *Vãng* = Khi trước.

Đây là tỏ ra cái độ-lượng khoan-hồng của đức Khổng đối-đãi với người, không truy-trách lúc kỳ-vãng, mà cũng chẳng nghịnh-liệu lúc tương-lai, chỉ cốt rộng dung để thành-tựu cho kẻ hậu-học.

XXIX

矣。仁 仁。我 乎 仁 子
至 斯 欲 哉。遠 曰。

Dịch-âm.— *Tử viết* : « *Nhân viễn hồ tai ! Ngã dục nhân, tư nhân chi hĩ* ».

Dịch-nghĩa.— Đức Khổng nói rằng : « Điều nhân có xa gì đâu ; tâm mình đã muốn điều nhân thì điều nhân tức ở đó rồi ».

Chú-giải.— *Nhân* = Là cái đức tốt của bản-tâm, hoàn-toàn thiên-lý mà tuyệt không nhân-dục ; nếu tâm mình nghĩ sao cho át-dục tồn-lý, thì tức là nhân ở đó rồi, có xa gì đâu.

Đây là vì người đời cho đức nhân là xa mà nản lòng không nghĩ đến, nên ngài khuyên người chỉ trở lại bản-tâm mà cầu lấy điều nhân là được.

XXX

必 子 不 之 乎。聞 揖 孔 陳
知 曰。知 吳 君 君 巫 子 司
之。丘 禮。孟 取 子 馬 曰。敗
也 子。於 不 期 知 問
幸。巫 君 吳 黨。而 禮。昭
苟 馬 而 爲 君 進 公
有 期 知 同 子 之 孔 知
過。以 禮。姓。亦 黨 曰。子 禮
人 告。孰 謂 黨 吾 退。乎。

Dịch-âm.— *Trần Tư-bại vấn*: « *Chiêu-công tri lễ hồ?*» *Khổng-tử viết*: «*Tri lễ*».

Khổng-tử thoái, ấp Vu-Mã Kỳ nhi tiến chi viết : « *Ngô văn quân-tử bất đảng, quân-tử diệc đảng hồ? Quân thú ư Ngô vi đồng-tính, vị chi Ngô Mạnh-Tử, quân nhi tri lễ, thục bất tri lễ* ».

Vu-Mã Kỳ dĩ cáo. Tử viết : « *Khưu dã hạnh, cẩu hữu quá, nhân tất tri chi*».

Dịch-nghĩa.— Quan Tư-bại nước Trần hỏi : « Vua Chiêu-công biết lễ không ?» Đức Khổng đáp rằng : « Biết lễ ».

Đức Khổng lui đi chỗ khác, quan Tư-bại vái Vu-Mã Kỳ mà tiến lên nói rằng : « Ta nghe đấng quân-tử chẳng a-đảng, nay đấng quân-tử cũng a-đảng đấy ư ? Vua nước Lỗ lấy vợ ở nước Ngô là lấy người cùng họ, lại gọi chạnh ra rằng nàng Mạnh-Tử nước Ngô. Vua Lỗ mà biết lễ, thì ai chẳng biết lễ ? »

Vu-Mã Kỳ đem lời quan Tư-bại bảo đức Khổng. Đức Khổng nói rằng : « Khưu này vậy thực là may, vì dù có lỗi, người ắt biết ngay ».

Chú-giải. — *Tư-bại* = Tên quan, cũng như quan Tư-khấu. *Chiêu-công* = Vua nước Lỗ, tên là Trù 稠, học tập uy-nghi lễ phép có tiếng là người biết lễ. *Vu-Mã Kỳ* = Học trò đức Khổng tên là Thi 施. *Đảng* = A-đảng, là ý che chở điều lỗi cho nhau, làm mất lòng công đạo thẳng. *Đồng tính* = Cùng họ. Nước Lỗ với nước Ngô cùng là họ Cơ 姬, trong lễ không được lấy vợ người cùng họ, Chiêu-công lại lấy con gái nước Ngô là thất-lễ. *Ngô Mạnh-tử* = *Tử* 子 là họ nước Tống, vì Chiêu-công muốn giấu cái lỗi lấy vợ cùng họ, cho nên gọi ra rằng Ngô Mạnh-Tử, chớ kỳ thực là Ngô Mạnh-Cơ.

Xem toàn chương này thì biết đức Khổng-tử không tỏ cái lỗi của vua, là không mất cái lễ vua tôi ; lại tự nhận

là lỗi của mình, vẫn là không vu được lời công-luận trong thiên-hạ, dụng ý rất là trung-hậu.

XXXI

和 而 反 必 而 人 子
之。後 之。便 善。歌 與

Dịch-âm.— *Tử dữ nhân ca nhi thiện, tất sử phản chi, nhi hậu họa chi.*

Dịch-nghĩa.— Đức Khổng cùng người ca-ngâm mà người ấy ca-ngâm hay; tất là khiến người ấy đọc lên lần nữa, rồi sau mình mới đọc theo để họa lại.

Chú-giải. — *Phản* = Trở lại, nghĩa là ca lại lần nữa. *Họa* = Y theo thanh-âm người ta đọc mà hòa ca lại.

Đây là tỏ ra cái tâm đấng thánh-nhân cùng người vui điều thiện. Dẫu nhỏ như việc ca-ngâm, mà ngài cũng không che mất cái hay của người; lại thung-dung khiêm-tốn mà họa theo, để tán-dương cái hay cho người.

XXXII

有 未 則 君 躬 人 吾 文 子
得。之 吾 子、行 也。猶 莫 曰。

Dịch-âm.— *Tử viết: « Văn mạc ngô do nhân dã, cung hành quân tử, tắc ngô vị chi hữu đắc ».*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng: « Văn-từ, họa-chăng ta cũng như người vậy; chứ như quân-tử thực-hành đạo-đức ở mình, thì ta chưa được chút nào ».

Chú-giải. — *Văn* = Văn-từ, ngôn-luận. *Mạc* = Chẳng, còn ngờ mà chưa chắc hẳn. *Cung hành* = Thực-hành đạo-đức ở mình.

Đây là lời đức Khổng nói nhún mình, để khiến cho người ta biết rằng ngôn từ là thuộc về văn-chương, là dễ còn khả-hoãn, đức-hạnh là thuộc về thực-hành, rất là khó mà phải nên cần kíp.

XXXIII

能 正 矣。可 誨 抑 仁。子
學 唯 公 謂 人 爲 則 曰。
也。弟 西 云 不 之 吾 若
子 華 爾 倦。不 豈 聖
不 曰。己 則 厭。敢。與

Dịch-âm.— *Tử viết: « Nhược thánh dữ nhân, tắc ngô khởi cảm; ức vi chi bất yếm, hối nhân bất quyện, tắc khả vị vân nhĩ dĩ hĩ ». Công-Tây Hoa viết: « Chính duy đệ-tử bất năng học dã ».*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng: « Như bậc thánh và bậc nhân, thì ta há dám đương; họa-là làm theo cái đạo nhân, thánh mà chẳng chán, dem cái đạo nhân, thánh dạy người mà chẳng mỏi, chỉ gọi là như thế mà thôi vậy. » Công-Tây Hoa nghe mà than rằng: « Chính là kẻ đệ-tử, chẳng thể học được vậy ».

Chú-giải. — *Thánh* = Là bậc bao-hàm rộng lớn mà hỗn-hóa cả. *Nhân* = Là bậc hoàn-toàn tâm-đức mà gồm đủ cả nhân-đạo. *Đệ-tử bất năng học* = Đệ-tử chẳng thể học được; là nói cái điều làm chẳng chán dạy chẳng mỏi, chính là bậc chí-thánh chí-nhân, học-trò không thể học được.

Đây là đức Khổng-tử không dám tự-nhiệm là bậc thánh bậc nhân, mà chỉ nhận là mình muốn hi-thánh cầu-nhân mà làm chẳng chán, dạy chẳng mỏi đó mà thôi; đó cũng là lời nói nhún mình.

XXXIV

矣。丘 神 爾 之。路 曰。路 子
之 祇。于 誄 對 有 請 疾
禱 子 上 曰。曰。誄。禱。病。
久 曰。下 禱 有 子 子 子

Dịch-âm.— *Tử tật bệnh, Tử-Lộ thỉnh đảo, tử viết: « Hữu chư?» Tử-Lộ đối viết: « Hữu chi; lũy viết: « Đảo nhĩ vu thượng hạ thần kỳ ». Tử viết: « Khưu chi đảo cửu hĩ ».*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng đau ngặt. Tử-Lộ xin làm lễ cầu-đảo. Đức Khổng hỏi rằng: « Có lẽ ấy không? » Tử-Lộ

thưa rằng: « Có lẽ, lời lũy có câu rằng: «Cầu-đảo ngươi với đấng thần-kỳ trên dưới ». Đức Khổng nói rằng: « Khưu này cầu-đảo đã lâu rồi ».

Chú-giải. — *Tật* = Đau. *Tật bệnh* = Đau lắm. *Lũy* = Lời viếng thương người chết mà thuật lại cái tính hạnh. Có nghĩa là lời cầu-đảo nữa. *Thần kỳ* = Thiên-thần, địa-kỳ. *Đảo* = Cầu-đảo, xin răn chừa điều lỗi mà đổi theo điều thiện, để cầu thần giúp cho. *Khưu chi đảo cửu hĩ* = Khưu này cầu đảo đã lâu, là nói tự mình tu-chỉnh cái lâm-sự lúc bình-nhật, để đối với thần-minh đã lâu rồi.

Đây là đức Khổng nhân cái chí-tình xin cầu-đảo của thầy Tử-Lộ mà nói rõ ra cái tâm-thuật chính-đang của mình, bình-nhật vẫn khá đối với thần-minh, cốt là tu tấy đức-hạnh để thờ trời, chứ không cần chi kỳ-đảo để cầu phúc, cự-tuyệt lời thỉnh-đảo của thầy Tử-Lộ một cách dịu-dàng.

XXXV

奢 孫 其 固。儉 不 奢 子
固。也 不 與 則 孫。則 曰。

Dịch-âm. — *Tử viết: « Xa tắc bất tốn, kiệm tắc cố, dữ kỳ bất tốn dã ninh cố ».*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng: « Phàm việc lễ qui ở thích-trung, xa-xỉ thì có cái tệ bất-tốn, kiệm-ước thì có cái tệ cố-lậu; đem hai cái tệ ấy mà so ra, nếu mà bất-tốn, thì thà rằng cố-lậu còn hại vừa ».

Chú-giải. — *Bất-tốn* = Chẳng thuận, là ý tiếm-lễ quá-phận chẳng thuận hợp với lễ. *Cố* = Cố-lậu, là ý chất-phác hẹp-hòi.

Đây là nói ra cái hại kiệm-ước còn nhỏ, chứ như xa-xỉ thì hại lớn, để cứu-vãn lấy thời-tệ cho khỏi sự về đường quá xa.

XXXVI

戚 人 蕩。坦 君 子
戚。長 小 蕩 子 曰。

Dịch-âm. — *Tử viết: « Quân-tử thản đãng-đãng, tiểu-nhân trường thích-thích ».*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng: « Đấng quân-tử trong tâm thản-nhiên rộng-rãi; kẻ tiểu-nhân trong tâm thường-thường lo-lắng. »

Chú-giải. — *Thản* = Bằng-phẳng. *Đãng* = Khoan thư rộng rãi. *Trường* = Thường-luôn mãi.

Đây là nói rõ ra cái tâm-thể của hai hạng người, một bên noi về đường nghĩa-lý, nên tâm-thể khoan-thư; một bên theo về đường vật-dục, cho nên tâm-thể bận-bịu lo-lắng.

XXXVII

安。恭 不 威 而 子
而 猛。而 厲。溫

Dịch-âm. — *Tử ôn nhi lệ, uy nhi bất mãnh, cung nhi an.*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng ôn-hòa mà nghiêm-lệ, oai-nghiêm mà chẳng mãnh-liệt, cung-kính mà an-thư.

Chú giải. — *Ôn* = Hòa-nhã khá gần. *Lệ* = Nghiêm-túc chẳng khá nhờn. *Uy* = Oai-nghiêm chẳng khá phạm. *Mãnh* = Dữ-tợn mãnh-liệt. *Cung* = Trang kính giữ gìn. *An* = Thư-thái tự-nhiên.

Đây là kẻ môn-nhân xét kỹ mà kể ra cái đức tính của thánh-nhân toàn-thể hồn-nhiên hợp với đức âm-dương, mà chẳng thiên-lệch, cho nên có cái khí-tượng trung-hòa hiện ra dung-mạo như vậy.

THIÊN THÁI-BÁ THỨ TÁM

泰 伯 第 八

(Gồm 22 chương)

凡 二 十 一 章

I

謂 無 下 三 也 謂 伯 子
焉。得 讓。以 已 至 其 曰。
而 民 天 矣。德 可 泰

Dịch-âm.— *Tử viết : « Thái-Bá kỳ khả vị chí đức dã dĩ hĩ, tám dĩ thiên-hạ nhượng, dân vô đắc nhi xưng yên».*

Dịch-nghĩa.— Đức Khổng nói rằng : « Ông Thái-Bá thực khá rằng bậc chí-đức vậy thôi vậy, hai ba lần đem thiên-hạ nhường lại nhà Thương, dân không được lấy dấu vết gì mà khen vậy ».

Chú-giải.— Thái-Bá = Con trưởng vua Thái-vương nhà Châu. Đương đời Thái-vương, nhà Thương đã suy dần mà nhà Châu thì càng ngày càng mạnh lớn, Thái-vương có cái chí diệt nhà Thương, Thái Bá thì một lòng trung với nhà Thương, chẳng theo chí cha, nhưng không tiện nói ra, mới cùng với người em thứ hai là Trọng-Ung trốn đi ở đất Kinh-man, để cho ẩn tung-tích mình đi. Thái-vương ở nhà mới lập người con thứ ba là Qui-Lịch làm vua. Qui-Lịch truyền cho con là Xương (Văn-vương) Văn-vương truyền cho con là Phát (Vũ-vương , Vũ-vương mới đánh nhà Thương định thiên-hạ. Thái-Bá về sau làm ông tổ nước Ngô đời Xuân-thu. *Chí-đức* = Cái đức chí cực không gì hơn được. *Tam dĩ thiên-hạ nhượng* = Nghĩa là cố ý nhường thiên-hạ thực. Khi ấy thiên-hạ tuy vẫn là của nhà Thương. Nhưng lấy chí-đức như Thái-Bá cũng có thể triều chư-hầu có thiên-hạ được. Thế nhà Thái-Bá không tranh lấy làm gì, đó tức là nhường thiên-hạ cho nhà Thương vậy.

Đây là đức Khổng biểu-dương cái đức u-ẩn của Thái-Bá để mà lập-định cái đạo làm tôi cho muôn đời.

II

則 而 則 而 則 而 則 而 子
絞。無 亂。無 葸。無 勞。無 曰。
禮 直 禮 勇 禮 愼 禮 恭

Dịch-âm.— *Tử viết : « Cung nhi vô lễ tắc lao, thận nhi vô lễ tắc tỉ, dũng nhi vô lễ tắc loạn, trực nhi vô lễ tắc giảo ».*

Dịch-nghĩa. Đức Khổng nói rằng : « Cung-kính mà không vừa phải lễ thì phiền nhọc ; cẩn-thận mà không vừa phải lễ thì dút-dát ; dũng quá mà không vừa phải lễ thì loạn ; trực quá mà không vừa phải lễ thì cấp-bách.

Chú-giải. — Tỉ = Sợ-hãi dút-dát. *Lễ* = Là cái lẽ phải thích-trung để làm tiết-văn cho mọi việc, làm chuẩn-đích cho mọi đức. *Giảo* = Cấp-thiết quá đáng.

Đây là nói cung, thận, dũng, trực, tuy là bốn cái đức tốt, nhưng không có lễ-văn tiết-chế thì lại sinh ra bốn cái tệ : Lao, tỉ, loạn, giảo ; vậy phải có lễ để làm tiết-văn cho thích-đáng, thì mới không quá không bất-cập, mới hay thành được đức tốt vậy.

III

不 則 不 故 於 民 親。萬 君
偷。民 遺 落 仁。興 則 於 子

Dịch âm.— « *Quân-tử đốc ư thân, tắc dân hưng ư nhân ; cố-cựu bất di, tắc dân bất thâu* ».

Dịch-nghĩa. — « Người trên hậu với kẻ thân-thuộc, thì dân cũng cảm-hóa mà hưng-khởi về đạo nhân-hậu ; người trên chẳng bỏ sót kẻ cố-cựu, thì dân cũng cảm-hóa mà chẳng có thói bạc ».

Chú-giải.— Quân-tử = Bậc người trên. *Thân* = Thân-thuộc, người tộc-thuộc trong nhà *Cố-cựu* = Người cũ, những bậc kỳ-cựu lão-thành hoặc người cựu-giao.

Chương này ngờ là lời thầy Tăng-tử nói. Cổ-vũ dân-phong cốt tại người trên, dân vốn có cái lòng nhân-hậu, nếu người trên lấy đạo nhân-hậu cảm-hóa, thì dân ứng theo ngay.

IV

免 今 如 兢。詩 子 門 曾
夫。而 履 如 云。足。弟 子
小 後。薄 臨 戰 啓 子 有
子。吾 冰。深 戰 予 曰。疾。
知 而 淵。兢 手。啓 召

Dịch âm.— *Tăng-tử hữu tật, triệu môn đệ-tử viết : « Khải dư túc, khải dư thủ,* Thi *vân : «Chiến-chiến căng căng», như lâm thâm uyên, như lý bạc băng, nhi kim nhi hậu, ngô tri miễn phù, tiểu tử ».*

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Tăng-tử có bệnh sắp-sửa mất, với kẻ đệ-tử trong môn-đồ mà bảo rằng : « Mở chân ta mở tay ta mà xem, có hủy-hoại tổn-thương chỗ nào không? Kinh *Thi* có nói rằng: « Năm nắm nơm-nớp, như tới vực sâu, như dẫy vảng mỏng. » Ấy bảo-toàn cái thân là phải sợ-hãi như thế. Tự nay về sau, ta mới biết rằng tránh khỏi chăng. Hỡi tiểu-tử !

Chú-giải. — *Thi* = Thơ Tiểu-mân. *Chiến-chiến* = Sợ-hãi. *Căng căng* = Cẩn-thận giữ-gìn. *Lâm-thâm-uyên* = Tới chỗ vực sâu, là ý sợ ngã. *Lý bạc băng* = Đi trên vảng mỏng là ý sợ sụt. *Miễn* = Khỏi, là nói thân-thể của mình chịu ở cha mẹ, mà mình giữ gìn khỏi hủy-hoại tổn-thương. *Tiểu-tử* = Học-trò.

Thầy Tăng-tử nhất-sinh giữ đạo hiếu, lấy thân-thể của mình, là chịu ở cha mẹ, phải nên bảo-toàn cho khỏi hủy-thương. Nên đến lúc gần mất gọi bảo học-trò để tỏ ra rằng bảo-toàn được thân là rất khó.

Song còn nghĩa rộng nữa là người con nên tu lấy đức-hạnh, phàm sự phải nên thủ-thân cẩn-thận, không nên để nhục đến cha mẹ, nghĩa ấy bao hàm ở trong, kẻ học không nên coi thiển.

V

曾子有疾。孟敬子問之。曾子言曰。鳥之將死。其鳴也哀。人之將死。其言也善。君子所貴乎道者三。動容貌。斯遠暴慢矣。正顏色。斯近信矣。出辭氣。斯遠鄙倍矣。籩豆之事。則有司存。

Dịch âm.— *Tăng tử hữu tật, Mạnh Kinh-tử vấn chi.*

Tăng-tử ngôn viết : « Điểu chi tương tử, kỳ minh dã ai, nhân chi tương tử, kỳ ngôn dã thiện.

Quân-tử sở quí hồ đạo giả tam : Động dung mao, tư viễn bạo mạn hĩ ; chính nhan sắc, tư cận tín hĩ ; xuất từ khí, tư viễn bỉ bội hĩ ; biên đậu chi sự, tắc hữu tư tồn ».

DỊCH-NGHĨA.— Thầy Tăng-tử có bệnh, Mạnh Kinh-tử đến hỏi thăm.

Thầy Tăng-tử nói nhủn rằng : « Loài chim sắp-sửa chết, nó kêu vậy thương, loài người sắp-sửa chết, lời nói vậy thiện.

« Người quân-tử trọng về đạo có ba điều : Cử-động dung-mạo thì phải tránh xa điều thô-bạo khinh-mạn ; tu-chính nhan-sắc, thì phải gần về điều tín-thực; phát ra từ-khí, thì phải tránh xa điều bỉ-lậu bội-bạn. Đến như mọi việc cái biên cái đậu, thì đã có kẻ hữu-tư giữ».

Chú-giải. — *Mạnh Kinh-tử* — Quan Đại-phu nước Lỗ, họ Trọng-Tôn 仲孫 tên là Tiệp 捷. *Ai* = Thương, chim sợ chết cho nên kêu thương. *Thiện* = Phải, người đến lúc cuối cùng mới biết nghĩ đến căn-bản, cho nên nói phải. *Quân-tử* — Bậc người trên cầm quyền chính. *Dung mạo* = Dáng-dấp, nói chung về thân-thể. *Viễn* = Tránh xa, trừa bỏ đi. *Bạo* = Thô-suất. *Mạn* = Phóng-túng không giữ-gìn. *Nhan-sắc* = Sắc mặt, nói riêng về nét mặt. *Tín* = Thực, thực có ở trong mà hiện ra, chẳng phải là giả dối trang-sức bề ngoài. *Từ khí* = Lời nói và thanh-khí. *Bỉ* = Phàm-phũ thô-tục. *Bội* = Trái, chẳng hợp lẽ. *Biên đậu* = Biên là cái đồ đan bằng trúc, đậu là cái đồ tiện bằng gỗ, là nói những cái đồ vật nhỏ nhặt. *Hữu tư* = Kẻ có chức-trách coi giữ mọi việc. *Tồn* = Coi giữ.

Đây là thầy Tăng-tử nhân Mạnh Kinh-tử đến thăm, mà lấy lời nói phải cảm-

động bảo cho biết rằng : Làm người trên trước phải tu-thân để làm gốc cho sự hành-chính, cốt cái đại-thể chứ chẳng cần chi những việc vặt.

VI

斯 嘗 昔 犯 無。於 能。能 曾
矣。從 者 而 實 寡。以 問 子
事 吾 不 若 有 多 於 曰。
於 友 校。虛。若 問 不 以

Dịch âm.— *Tăng tử viết: « Dĩ năng vấn ư bất năng, dĩ đa vấn ư quả, hữu nhược vô, thực nhược hư, phạm nhi bất hiệu, tích giả ngô hữu thường tùng sự ư tư hĩ ».*

Dịch-nghĩa. — Thầy Tăng-tử nói rằng : « Lấy mình biết mà hỏi người chẳng biết, lấy mình biết nhiều mà hỏi người biết ít, mình có biết mà coi mình dường không, mình thực biết mà coi mình dường suông; kẻ khác xâm-phạm mà mình chẳng so kè, xưa kia người bạn ta từng làm những điều ấy vậy ».

Chú-giải.— Năng = Hay biết được nghĩa-lý. *Đa* = Nhiều, biết nhiều nghĩa-lý. *Ngô hữu* = Bạn ta, chẳng là thầy Nhan Hồi,

Đây là truy-thuật thầy Nhan Hồi hay chăm học khắc-kỷ, biết rằng nghĩa-lý vô cùng, dẫu biết được hay biết nhiều rồi, mà vẫn tự-khiêm hình như không, hình như chưa đủ ; mà lại có cái độ-lượng rộng-rãi hay bao dung người.

VII

也。與。也。而 命。寄 之 以 曾
君 君 不 踰 百 孤 託 子
子 子 可 大 里 可 六 曰。
人 人 奪 節 之 以 尺 可

Dịch âm. - *Tăng-tử viết : « Khả dĩ thác lục xích chi cô, khả dĩ ký bách lý chi mệnh, lâm đại tiết nhi bất khả đoạt dã quân tử nhân dư? quân tử nhân dã ».*

Dịch-nghĩa — Thầy Tăng-tử nói rằng : « Cái tài khả-dĩ phó-thác người con côi sáu thước, khả-dĩ ủy giao cho cái mệnh-lệnh trăm dặm ; lâm khi đại-tiết, quan-hệ đến thế nào cũng chẳng thể đoạt được ; người như thế là người quân-tử dư ? Thực là người quân-tử vậy ».

Chú giải. — Thác = Phó-thác, giao cho giúp đỡ. *Lục xích chi cô* = Người con côi sáu thước. Cổ-giả cho hai tuổi rưỡi là một thước, sáu thước là 15 tuổi, là nói ông vua còn bé. *Ký* = Gửi, ủy cho tổng-nhiếp cả. *Bách lý chi mệnh* = Mệnh lệnh quyền-chính trong một nước lớn trăm dặm đất. *Lâm đại-tiết* = Tới khi tiết lớn, là trỏ khi trong nước gặp sự biến quan-hệ lớn-lao.

Đây là kể ra một hạng người quân-tử toàn-đức có tài năng, mà lại có đủ cả tiết-tháo, để kỳ-vọng cho mọi người trong thiên-hạ.

VIII

乎。已。乎。任。仁 而 弘 不 曾
不 死 不 以 道 毅 可 子
亦 而 亦 爲 遠。任 以 曰。
遠 後 重 已 重 不 士

Dịch âm. - *Tăng-tử viết : « Sĩ bất khả dĩ bất hoằng nghị, nhiệm trọng nhi đạo viễn.*

« Nhân dĩ vi kỷ nhiệm, bất diệc trọng hồ ; tử nhi hậu dĩ, bất diệc viễn hồ ».

Dịch-nghĩa. — Thầy Tăng-tử nói rằng : « Kẻ sĩ chẳng nên chẳng có đức hoằng đức nghị vì gánh vác nặng mà đường đi xa.

« Nhân điều nhân làm gánh vác của mình, chẳng cũng nặng đấy ư? Chết rồi sau mới thôi, chẳng cũng xa đấy ư » ?

Chú giải. — Hoằng = Rộng - rãi khoan-hoằng. *Nghị* = Mạnh-mẽ nhẫn-nại. *Nhiệm* = Đảm-nhiệm, gánh vác lấy. *Nhân* = Tâm-đức hoàn-toàn. Nay muốn thể theo đức nhân, mà cố sức làm, thì thực là gánh vác nặng nề.

Đây là khuyến-miễn kẻ sĩ phải nên có đức khoan-hoằng cương-nghị, thì mới hay thể-nhân lấy đức nhân mà làm cho trọn vẹn.

IX

樂。成 禮。立 詩。興 子
於 於 於 曰。

Dịch âm.— *Tử viết : « Hưng ư Thi, lập ư Lễ, thành ư Nhạc ».*

DỊCH-NGHĨA.— Đức Khổng nói rằng : « Kẻ đi học hưng-khởi ở học *Thi* ; kiên-lập ở về học *Lễ* ; thành-thực ở học *Nhạc* ».

Chú-giải.— Hưng = Hưng-khởi cái tâm hiếu-thiện ố-ác. Kinh *Thi* là lời khen kẻ chính chê kẻ tà, ngâm-vịnh dễ cảm-động lòng người ; cho nên hay hưng-khởi lòng hiếu-thiện ố-ác. *Lập* = Trác-nhiên kiên-lập, vật ngoài không lay động được. Kinh *Lễ* cốt ở cung kính tử-tốn mà lại có tiết-văn, học tập mãi nó tự hay kiên-lập được tâm-chí. *Thành* = Thuần-thúy thành-thực *Nhạc* vốn có thanh-âm tiết tấu hay dung-hòa được nhân-tâm, hòa nuôi được tình tính ; học đến Nhạc thì đạo-đức đã ôn-hòa, mà sở-đắc đã thuần-thúy thành-thục lắm rồi.

Đây là nói cái thành-hiệu sở-đắc về kinh-học ; cổ-giả về kinh *Thi*, kinh *Lễ*, kinh *Nhạc* đều có học cả, mà trước sau đều có tâm-đắc, cho nên thành tài mới dễ.

X

知 可 之。使 民 子
之。使 不 由 可 曰。

Dịch âm.— *Tử viết : « Dân khả sử do chi, bất khả sử tri chi ».*

DỊCH-NGHĨA.— Đức Khổng nói rằng : « Kẻ phàm-dân, có thể khiến họ noi theo về cái đạo đương-nhiên, chẳng có thể khiến họ biết thấu đến cái lẽ sở-dĩ-nhiên. »

Chú-giải. — Đây là nói về cái cách dạy dân phải nên lựa theo dân mà dạy cho những điều dễ noi theo, chứ không nên cưỡng-bách dân những điều khó hiểu. Đạo đương-nhiên đại-khái như là cha nên từ, con nên hiếu, thì dạy cho dân noi theo ; còn như cha sở-dĩ thế nào mà nên từ, con sở-dĩ thế nào mà nên hiếu, là cái lẽ sở-dĩ-nhiên, thì khó giảng cho dân hiểu biết được hết. Thánh-nhân dạy dân, cũng muốn cho dân đều hiểu biết cả. Nhưng cũng phải lựa theo cái trình-độ dân, chứ không thể cưỡng-bách được. Không phải là dùng cái thuật làm ngu dân như đời sau vậy.

XI

亂 已 疾 不 人 亂 疾 好 子
也。甚。之 仁。而 也。貧。勇 曰。

Dịch âm.— *Tử viết : « Hiếu dũng tật bần, loạn dã ; nhân nhi bất nhân, tật chi dĩ thậm loạn dã ».*

DỊCH-NGHĨA.— Đức Khổng nói rằng : « Những kẻ hay ưa sự hăng-hái, ghét cảnh nghèo-cùng, tất là sinh ra làm loạn ; người kia bất-nhân mà mình ghét họ quá lắm, tất là gây ra mối loạn ».

Chú-giải.— Hiếu-dũng = Ưa thích sự dũng-cảm hăng-hái. *Tật-bần* = Ghét nghèo, là bức tức cảnh nghèo chẳng yên phận. *Bất-nhân* = Kẻ tàn-ác. *Tật-chi dĩ-thậm* = Ghét họ thái-quá, khiến cho nó không có chỗ dung thân.

Đây là nói về hai cái mối sinh ra loạn : Một là mình ghét nghèo mà hăng lên dám làm loạn ; hai là bị người ghét quá mà tức lên gây ra loạn. Thế thì xử mình phải nên an phận, trách người chớ nên quá khích, thì mới hay chỉ loạn được.

XII

觀 餘 且 美。之 有 子
也 不 吝。使 才 周 曰。
己。足 其 驕 之 公 如

Dịch âm. — *Tử viết* : « *Như hữu Châu-công chi tài chi mĩ sử kiêu thả lận, kỳ dư bất túc quan dã dĩ* ».

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng : « Phỏng có cái tài tốt như Châu-công, nếu mà lại kiêu và lận, thì những tài-nghệ kia cũng là thừa chẳng đủ xem đấy vậy ».

Chú-giải. — *Châu-công* = Bậc người tài đức kiêm-toàn ở đời nhà Châu. *Tài* = Nghề khéo tri khôn. *Kiêu thả lận* = *Kiêu* là kiêu-căng, tự-đắc khoe-khoang. *Lận* là thô-bỉ hẹp hòi bủn-xỉn ; kiêu và lận đều là cái nết xấu.

Người đời hễ hơi có cái tài nhỏ, thì hay có cái nết kiêu là sinh tài mình để tự khoe-khoang, cái nết lận là cậy tài mình để tự tư-túi, thế là không có đức hạnh tốt, thì dẫu có cái tài nghệ kia tốt đến đâu cũng chẳng kể làm gì ; vậy thì người ta có tài tốt lại phải nên có đức tốt mới được.

XIII

也。易 穀。至 學。三 子
得 不 於 不 年 曰。

Dịch âm. — *Tử viết* : « *Tam niên học, bất chí ư cốc, bất dị đắc dã* ».

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng : « Học lâu đến ba năm chẳng để chí về đường bổng-lộc, hạng người ấy chẳng dễ được vậy ».

Chú giải. — *Tam niên học* = Ý là nói học lâu đến ba năm, chứ không phải hạn định hẳn như thế, là trỏ về cái thời-kỳ học đã thành tài ra ứng-dụng được. *Chí* 至 = Nghĩ là chữ *chí* 志 nghĩa là để tâm mưu cầu đến. *Cốc* = Thóc gạo, tức là bổng-lộc.

Đây là tiêu-biểu lên một hạng người thuần tâm về sự học vấn, chỉ mưu đạo chứ chẳng mưu thực, để khuyên kẻ đi học, phải nên kiên-chí chứ không nên vội phân-tâm.

XIV

富 焉。邦 見。居。邦 守 子
且 恥 有 無 天 不 死 曰。
貴 也。道 道 下 人。善 篤
焉。邦 貧 則 有 亂 道。信
恥 無 且 隱。道 邦 好
也。道。賤 則 不 危 學。

Dịch âm. — *Tử viết* : « *Đốc tín hiếu học, thủ tử thiện đạo.*

« *Nguy bang bất nhập, loạn bang bất cư, thiên-hạ hữu đạo tắc hiện, vô đạo tắc ẩn.*

« *Bang hữu đạo bần thả tiện yên, sỉ dã ; bang vô đạo phú thả quí yên, sỉ dã* ».

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng : « Nay có hạng người, đốc lòng tự-tín mà lại chăm học cho hiểu lẽ ; cố chết tự-thủ mà lại không sai đạo phải.

« Nước nào nguy đã biết trước thì chẳng cầu-thả dự vào làm quan, nước nào loạn nên tránh đi thì chẳng yêm-lưu ở mãi ngôi quan. Thiên-hạ có đạo thì thân hiện ra mà hành-đạo, không đạo thì thân ẩn đi.

« Lúc thiên hạ có đạo mà mình lại nghèo và hèn, đáng xấu hổ vậy ; lúc thiên hạ không đạo mà mình lại giàu và sang, đáng xấu hổ vậy ».

Chú-giải. — *Đốc* = Dốc lòng hết sức. *Hiếu-học* = Ham học để xét cho biết lẽ phải lẽ trái. *Thủ tử* = Bền lòng cố giữ dẫu chết cũng chẳng biến đổi. *Thiện-đạo* = Việc làm hợp với đạo-lý chính-đáng. *Bang* = Nước, nói về một nước ngoài, không phải nước mình ; nên lúc nguy loạn không nên ra làm quan ở nước ấy. *Thiên-hạ* = Là nói trong một cuộc đời. *Hữu đạo* = Là nói khi trị-an có đạo-lý trật-tự. *Bang hữu đạo* = *Bang* là gồm cả quốc-gia với thiên-hạ ; *Hữu đạo* = Cũng là nói khi trị-an, như nghĩa trên. *Bần thả tiện* = Nghèo và hèn, là nói mình không có học-thức gì khả thi-thố ra với đời trị, mà cam chịu nghèo hèn. *Phú thả qui* = Giàu và sang, là nói mình không có tiết-

tháo gì tự-thủ, chỉ ham lợi-lộc ở đời loạn, mà hãnh-cầu lấy giàu sang.

Toàn chương này là nói người ta cốt có học-thức để xét cho biết lẽ, lại phải có tháo-thủ để giữ cho đáng lẽ. Nên mới hay tri-cơ tiến-thoái, mà không hãm vào nơi nguy loạn. Chỉ tùy thời xuất xử, khi hiện khi ẩn, đều là chính-đáng cả. Nếu gặp đời trị mà mình không có học-thức gì khá thi-thố với đời, đành chịu bần tiện ; gặp đời loạn mà mình không có tiết-tháo gì tự-thủ ở đời, mà chỉ cầu-an phú quí ; đó là hạng người tầm-thường, vô học-thức, vô tháo-thủ, thực đáng xấu hổ lắm thay !

(Còn nữa)

TỪNG-VÂN và ĐÔNG-CHÂU
dịch thuật.

HÁT TUỒNG

VĂN-PHÒNG TỨ BẢO (1)

III

HỒI THỨ BA

Phụng chiếu-chỉ anh-tài thảo bạn
奉 詔 旨 英 才 討 叛
Yến can-qua di-địch lai hàng
偃 干 戈 夷 狄 來 降

Đời thái-bình chẳng động can-qua ; nhà thịnh-trị thêm bền vũ-trụ. Xứ xứ kẻ no người đủ ; nơi nơi gió thuận mưa hòa. Dõi Nghiên-thiên chúc-tụng tam-đa ; theo Thuấn-đức ca-ngâm ngũ-phước. Phụng tuần-biên tiểu-tước ; đáo giới-khẩu quan-phòng. Rày xem bắc-địch hung-nung ; quyết tới đông-thiên xâm-thổ. Như tôi : Chi nài mộc-vũ ; nào nệ chất-phong. Về thượng biểu triều-trung ; đặng sai người trấn-thủ.

Nam-xướng :

Đặng sai người trấn-thủ,
Phải hết lòng thần-tử sự quân ;
Muốn cho bình-định phong-trần,
Liều công khuyển-mã ân cần sớm khuya.

(Hạ).

Thượng-lại chủng-tề đồng khảo-thí :

Đôi ta vâng thánh-chỉ tay phê ; một lệnh dạy chư-nho tựu-thí.

Quân nói :

Tràng trung hạ chỉ ; chư sĩ nhập tràng.

Minh-châu, Hàn-Tùng, Lý-Vị cùng vào tràng.

Thề-loát Mật-loát nói :

Thề-loát Mật-loát thật hai tên ; tràng-ngoại tràng-trung phòng ba sĩ. Quân : Xét áo xét quần cho kỹ ; coi khăn coi tráp cho tường. Tinh-bạch đặng vào trường ; bằng huề dầu văn-thư : ắt khổ-sai ba tháng.

Thượng-lại nói :

Thưa anh : Văn định để phân hạng ; vũ định thức nhi truyền, cho học-trò người ta làm.

Chủng-tề nói :

Thưa anh : Thi khoa này nhiều mặt có tiền ; sao họ chẳng tính danh để thẻ bạc. Mấy khoa trước tôi đi chấm trường Vâng sắc-chỉ ra chưa tới hạt ; đến thầm-

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 182.

thì tính-toán đã quen. Dám đâu đánh lộn con đen; thì đã tráo vì năm đỏ. Khoa này họ chẳng lo đề chi, thì anh ra lấy.

Thượng-lại nói :

Tôi ra : Văn xuất đề « ngư dược Vũ-môn 魚躍禹門 »; võ đinh thức « tam liên quán cốc 三連貫鵠 ». Văn ưu bình nhập-cách, võ nhị tam liên nhập cách. Quân : Ban đề cho học-trò.

Minh-Châu, Hàn-Tùng cùng nộp quyển.

Chủng-tề xem thơ Minh-Châu ngâm rằng :

Khứ lưu hồ hải khẳng tùy ba,
去留湖海肯隨波
Nhất dược Vũ-môn thắng lực đa ;
一躍禹門勝力多
Bất cửu trì-trung như đắc vũ,
不久池中如得雨
Cao xung bích-hán tại sa-nga,
高衝碧漢在蹉峨

Thượng-lại xem thơ Hàn-Tùng ngâm rằng :

Cự ngư bỉ như hà,
巨魚彼如何
Xuất một bản tùy ba,
出沒本隨波
Trạo vĩ lăng tiêu-hán ;
掉尾凌霄漢
Bái-nhiên cam-vũ đa
沛然甘雨多

Thượng-lại nói :

Quân ban cung mã.

Minh-Châu bắc xướng :

Thủ trương cung nỗ lịch niên thâm.
手張弓弩歷年深
Thỉ phát như phong báo hảo âm.
矢發如風報好音
Bách bộ trì khu đô ngụ mục,
百步馳驅都寓目
Tam liên quán cách phá hồng-tâm.
三連貫革破紅心

Hàn-Tùng bắc xướng :

Nhất sơ nỗ-lực bả thần cung,
一初努力把神弓
Mục đồ xuyên dương bách bộ trung.
目視穿楊百步中
Quán cổ phương-danh đồng Hậu-Nghệ
冠古芳名同后羿
Tinh trì song thỉ chính nguyên-hồng.
星馳雙矢正元紅

Thượng-lại nói :

Hai sĩ giỏi thiệt : Tác văn như lưu thủy hành vân 作文如流水行雲, phát thỉ tự lưu tinh yểm nguyệt 發矢似流星掩月. Còn một sĩ sao văn vũ không thì ?

Lý Vị nói :

Thưa hương-quan, tôi nguyện cử thạch-lân, miệng ngâm thơ làm vận.

Ngâm rằng :

Thạch lân tỉ giả trọng thiên-cân,
石鱗比價重千斤
Lưỡng thủ châu toàn tại thử-thân.
兩手遇旋在此身
Kham địch cổ-nhân tài cử đỉnh,
堪敵古人才舉鼎
Hiền lương tế thế tá minh quân.
賢良濟世佐明君

Chủng-tề nói :

Sĩ này hay thiệt giỏi thiệt thưa anh. Hai sĩ trước tưởng coi như nhạn ; một trò sau sức mạnh hơn voi. Chức thủ-khoa thì đã rõ rồi ; anh nghiệm lại như tôi mới đáng, chớ.

Hàn-Tùng nói :

Nghe lời phân quá ngán ; tưởng ra lẽ không công. Vậy thì : Đó đây quyết thư hùng ; sống thác đua tài trước.

Chủng-tề nói :

Lập tràng thi đề cho hai trò đánh lộn mà chơi hay sao ? Có chữ rằng : Tướng tướng bất hòa, phi triều-đình chi phúc 相將不和, 非朝廷之福.

Thượng-lại nói :

Số là lập tràng thi là : Dùng những người thao-lược ; chọn những bậc tài-hoa. Vậy thì : Họ Minh họ Lý không xa ; nhất bại nhất thành vi quĩ, ước nên chăng?

Chẳng-tề nói :

A này anh, Nghĩa đệ-huynh đã có lòng vì ; dòng tướng tướng dễ nào dam phạm. Ba sĩ đã đáng tài dũng-cảm ; một lệnh thì nhờ lễ định phân.

(Hạ).

Chẳng-tề Thượng-lại cùng nói :

Hai tôi đã ân-cần ; một lệnh vâng khảo-thí. Đã đặng ba người hiền-sĩ ; xin phân một lễ cao đề.

Tống-vương nói :

Hảo a ! Khán văn-lý mấy hàng ; thật đáng tài hữu-dụng. Họ Minh đã nên trang lương-đống, sắc phong vi quốc-trạng tay phê, họ Hàn ưng tháp nhận danh đề, sắc phong vi bảng-nhỡn ; họ Lý cũng thực tài hùng-tráng, sắc tứ trúng thám-hoa. Nội-thị : Ban y mạo nhập triều ; tứ yến diên hậu đãi.

Lại nói :

Bá quan : Rày hai chỗ cùng-mạnh viễn-tái ; rằng nam-man bắc-địch dậy loàn. Lời phán hỏi bá-quan ; luận hà mưu nhất định.

Chẳng-tề nói

Muôn tâu : Trên muốn cho ninh-tĩnh ; dưới phải chịu gian-nan. Muốn trừ đàng nam-man ; bảng-nhỡn với trạng-nguyên xuất trấn. Loài bắc-địch còn hòng thừa-hấn ; thì thượng-tướng hưng sư. Như vậy thì hỗn-nhất xa thư ; dường ấy ắt tam-đồng hải-vũ.

Thượng-tướng nói :

Anh Chẳng-tề dừng xuống bậc thứ ba, tôi nói anh một lời vậy chứ : Sĩ khoa danh vốn đủ ba người ; cơn chinh-chiến thiếu sai một gã, vậy anh.

Chẳng-tề nói :

Thưa anh, còn một tướng ở nhà, thời chầu thời hầu, có ở không đâu mà phòng ngạnh nào ?

Tống-vương nói :

Dẹp bắc-địch Thám-hoa cùng Thượng-tướng ; ngự Nam-man Bảng-nhỡn với Trạng-nguyên. Khá hết lòng bảo-hộ giang-biên ; mới rất mực đạo làm thần-tử.

Thượng tướng, Trạng-nguyên, Bảng-nhỡn, Thám-hoa cùng nói :

Chúng tôi vâng sắc tứ ; ra chăn giữ dân lành. Quyết triền chí bình-sinh ; thề khu-trừ Hồ-lỗ.

(Hạ)

Loan-Dung nói :

Như tôi : Phiệt-duyệt gia-truyền kim cổ ; Loan-Dung biền-tự tính-danh. Nhọc lòng hai chữ trung-trinh ; giữ dạ một câu thanh-tĩnh.

Tam-công nói :

Con, trên vua rày sở định ; dạy cha tới bình man. Phó ấu nhi gìn-giữ gia-đường ; phần khuê-khổn tập rèn dung hạnh, nghe con :

Loan-Dung nói :

Thưa cha : Sao chẳng sai kẻ mạnh ; mà lại khiến người già ? Như cha là : Mỏi gối chùng da ; ở nhà với con, đặng cho trẻ : rày thăm tối viếng.

Tam-công nói :

Như cha là : Lão đương ích tráng, cùng thả ích kiên 老當益壯。窮且益堅. Họa kích tài chẳng kém Phụng-Tiên ; quắc-thước sức chi nhường Mã-Viện.

Quân báo rằng :

Dạ, có đại-tướng xin vào gửi chuyện ; vậy tiểu-quân phải tớn thưa qua.

Thượng-tướng nói :

Con, Ấu-nhi kíp vào nhà ; thân phụ ra tiếp bạn. Thưa mừng anh : Việc chi độc bộ bôn-ba ; dường thấy đồng tâm đối thoại vậy.

Thượng-lại nói :

Thưa anh : Sao anh không tâu lại ; mà cố ý chỉnh qua. Rằng người tuổi-tác đã già ; sai họ thanh-xuân còn trẻ.

Thượng-tướng nói :

Việc ấy chẳng cao chi : Có họ Lý tùng thiên quân-lữ ; thì Lý-lâm chích-dực

nan phi. Như tại triều vận loạn lẽ chi ; tịnh quan-ải ưu-tư giúp với.

Thượng-lại nói :

Một lời đà tưởng tới, muôn việc cũng bằng lòng. Thưa anh Cổ-nhân tống-nhân dĩ-ngôn, ngôn tắc hữu-lý ; tống nhân dĩ tài, tài tự kiến-sơ. Chi bằng ; đưa anh bốn câu thơ : cầm bằng vài lạng bạc.

Thượng-tướng ngâm :

Vạn lý vân phi phấn dực bằng,
萬里雲飛奮翼鵬
Ninh dân ký ngữ đáo Lam-quan ;
寧民寄語到藍關
Khuyến quân tận lực an biên thủ,
勸君盡力安邊戍
Nhất lộ phúc tinh tấu khải hoàn.
一路福星奏凱還

Thượng-lại ngâm :

Tam thiên cửu vạn nhất tâm bằng,
三千九萬一心鵬
Phó địch hoàn-tương đáo ải-quan ;
赴敵還將到隘關
Sa-mạc tảo thanh bằng tố-chí,
沙漠早清憑素志
Vị thư nhạn trạch cảm khinh hoàn.
未舒鴈澤敢輕還

Thượng-lại bắc-xướng :

Như tôi cùng anh là : Vạn hải thiên-sơn, mục-vọng thần-trì tả hữu 萬海千山。目望神馳左右 ; tam canh ngũ dạ, tâm-giao mộng tưởng hình dung 三更五夜。心交夢想形容.

Thượng-thướng bắc xướng :

Như tôi là : Vị quốc tận trung, mã cách khỏa thi hà túc-úy 爲國盡忠馬革裹尸何足畏 ; còn tôi với anh là : dữ bằng chỉ tín, đa thời huyền tháp diệc hoan-tình 與朋止信。多時懸榻亦歡情.

Thượng-lại bắc xướng :

Dị vực chướng lam thâm, nhất phiến trung thành ưng bất tử 異域障嵐深一片忠誠應不死 ; thiên biên sơn hải cố, nhất môn trung nghĩa thượng lưu danh 天邊山海固，一門忠義尚留名.

Thượng-tướng nói :

Thưa anh có câu thơ rằng : Túy ngọa sa tràng quân mạc tiếu 醉臥沙場君莫笑, cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi 古來征戰幾人回.

Bắc xướng :

Như anh là : Quân tại triều - đình, phượng-uyển lân du bồi đế khuyết 君在朝廷鳳苑鱗遊陪帝闕 ; còn như tôi : Ngã cư phiên trấn, hồ tiềm thử phục khiếp thiên uy 我居藩鎮。狐潛鼠伏怯天威.

Thượng-lại nói :

Làm vậy, nay là : Thái mai phùng dịch sử 采梅逢驛使 ; chiết liễu tặng hành-nhân 折柳贈行人. Nhân-huynh a.

Nam-xướng :

Hành nhân nghìn trùng diệu vợi,
Vượt dặm cù đoái lại càng thương.

Thượng-lại nam xướng :

Tràng kinh mấy khúc sầu trường,
Kẻ ra biên-thủ người nương kinh-thành.

Thượng-tướng nói :

Làm vậy, nay là : Nguyệt lạc ốc lương, tương tư nhan sắc 月落屋樑。相思顏色 ; mộ vân xuân thụ, tưởng tượng dung nghi 暮雲春樹想像容儀.

Nam xướng :

Đó đây là nghĩa cố-tri,
Non sông cách bóng còn ghi dạ này.

Thượng-lại nam xướng :

Nay tôi cách trở đường mây,
Ngày sau cũng đặng xum vầy trúc mai.

Thượng-tướng nói :

Nhân-huynh đà trở lại cung giai, truyền chúng tướng nhặt giong vó kỵ.

Bắc-xướng :

Tùy hành thiên lý tự bằng phi,
隨行千里似鵬飛

Khuất khúc na từ lộ hiểm nguy ;
屈曲那辭路險危
Ngã vũ duy dương, đốn tức nam xâm chi khấu lỗ,
我武惟揚頓息南侵之寇虜
Thần uy hướng xứ, tráng khu bắc địch chi hùng sư.
神威向處長驅北狄之雄師

Lại nói :

Tốt a ! Địa-thế lạc hữu dư 地勢樂有餘; phong-thổ chân phồn phụ 風土眞蕃阜. Truyền chư đội ngũ 傳諸隊伍; tốc lập dinh giai 速立營堦. Điều luật các bài khai, 條律各排開; nhân dân giai án đồ 人民皆案堦.

(*Hạ*)

Trạng nguyên Bảng-nhỡn cùng ra nói :

Chúng tướng : Truyền chư hổ lữ 傳諸虎旅; bá liệt loan hàng 布列鸞行. Chỉ Bắc-địa khai quan 指北地開關; đáo Nam-man tiến phát 到南蠻進發

Cùng bắc-xướng :

Huynh đệ đồng tâm đáo ải quan 兄弟同心到隘關, tiễu trừ man mạch điện dân an 勦除蠻貊奠民安. Sơ chiếm ngao đầu, hiền ngã đồng đăng khoa-giáp 初占鰲頭顯我同登科甲; tái chinh hồ-lỗ, duy dư bình-phục nhung-khương 再征狐虜維予平服戎羌.

Bảng-nhỡn nói :

Lịch mục dĩ khan tường 歷目已看詳; thử địa chân tối hảo 此地眞最好. Vậy thì : Thành trì nghi tạo 城池宜造; thể thức thi-hành 體式施行. Khả tuân thử luật hình 可遵此律刑; khỏi sai tư pháp độ 豈差斯法度.

Hoài-Xuân hoàn hồn nói :

A ! Mộng tại bán kim bán cổ 夢在半今半古; giác lai xạ túy xạ tinh 覺來乍醉乍醒. Vị tằng trần thế tái-sinh 未曾塵世再生; thủy thức tiền-duyên vị đoạn 始識前緣未斷. Chẳng biết chỗ ni là chỗ mô ? Tứ cố mịch tầm vô hương quán 四顧覓尋無鄉貫; bán thiên bằng tạ hữu phong hoa 半天傍藉有風花. Bây giờ tôi mới nhớ lại : Nơi âm-cung đã có lời phê ; cho cờ cuộc thiệt là báu lạ. Duyên nợ với Minh-châu một gã ; ái ân là quan-ải ngàn trùng. Kịp tới chàng tỏ nỗi thủy chung; kẻo phận thiếp còn đeo sầu thảm.

Nam xướng :

Còn đeo sầu thảm.
Căn duyên đà ai dám cho chăng.
Trách lòng con tạo lăng-nhăng,
Đầy voi như cái bóng trăng kia là.
Nương theo dấu thỏ đường hoa,
Ve kêu thánh-thót canh gà nhặt khoan.
Khôn lường hai lẽ hợp tan,
Gẫm câu phu-phụ tạo-đoan ở trời.

(*Hạ*)

Hoài-Xuân lại ra nói :

Đây là dinh ông Trạng phải không chú ! Xin chú vào thưa với ông Trạng rằng : Có bạn ở phương xa ; rằng người xin tới viếng.

Quân nói :

Có một vị phụ-nhân cầu kiến ; rằng là người thiên-lý nhi lai.

Trạng-nguyên nói :

Cho vào : Hình-dung thiệt khách Chương-đài; diện mạo phải trang thục-nữ. Đó phân tình-tự, đây tỏ căn-nguyên.

Hoài-Xuân nói :

Nay ông thi đỗ trạng, nhớ tới bạn mà làm chi ?

Trạng nguyên nói :

Ta quên thiệt mà !

Hoài-Xuân nói : Thính bẩm.

Phủ xướng :

Thuở coi hội Linh-sơn : Di bộ lâu tiền, trang tác nam-nhân chi dạng 移步樓前。裝作男人之樣; hốt lai tự nội, ai ngờ gặp chàng : Kết vi bằng-hữu chi giao 忽來寺內結爲朋友之交. Khi ấy tôi thỉnh người về, người chịu tới, xin hỏi.

Trạng nguyên nói :

Truyện ấy thời có, nhưng vậy mà kỉ-ông, số là :

Phú xướng :

Khoa mục cận kỳ, bạt thiệp tiền lai Kinh-địa, 科目近期拔涉前來京地; bởi vậy chớ nên ; tá tha Dần-thị, lai âm hậu hội hữu-thì 借他寅氏來晉後會有時.

Hoài-Xuân phú xướng :

Khi ấy mụ Dần lên lầu, tôi trao cho chiếc hài : Giao dữ lang-quân, vi tín-tích dạ lai lâu viện 交與郎君爲信跡夜來樓院; ai ngờ mụ gặp con mụ là cái thằng Hợi : phùng tha ngốc-tử, đoạt kim-hài tâm khởi dâm phong 逢他呆子奪金鞋心起淫風.

Trạng-nguyên nói :

Khi thầy trò ta xuống kinh-sư :

Phú xướng :

Ngã tại Kinh-đô, dữ chúng hồ-long tranh thượng-hạ 我在京都與衆虎龍爭上下; khanh cư thư viện, dữ nhân tước giốc vị tằng tri 卿居書院與人雀角未曾知.

Hoài-Xuân nói :

Bởi vậy tôi mới chết, không để địa-phủ hoàn-hồn lại cho tôi, người lại dặn rằng :

Phú xướng :

Giá nữ thiện-lương, viên bút tần thư nguyên bất tử 這女善良援筆頻書原不死; dữ quân túc trái, vi kỳ tứ bửu hựu hồi sinh 與君夙債圍棋賜寶又回生.

Trạng-nguyên phú xướng :

Nếu vậy : Tử khứ sinh lai, kim-cổ định bình hi khả kiến 死去生來今古定評希可見; vạn vô nhất đắc, địa thiên dong dữ hứa đa-tình 萬無一得地天容與許多情.

Trạng-nguyên nói :

Thị liệt-nữ phương danh 是烈女芳名; chân vi kỳ chi bửu 眞圍棋至寶. Bấy lâu những Tấn Tần xa dấu ; đến nay đà loan-phượng gặp bày. Giang tay lại phòng tây ; họp mặt vào song bắc. (Hạ).

Nam kim Nguyên-soái bạch :

Oai như hùng hổ chúng tâm kinh,
威如熊虎衆心驚
Hà nhĩ văn phong khiếp ngã danh ;
遐邇聞風怯我名
Diệu-pháp phi đằng, mục kích vân hôn vũ tán,
妙法飛騰目擊雲昏雨散
Thần câu hướng xứ, phiến thời hải đảo sơn khuynh.
神駒向處片晷海倒山傾

Lại nói :

Trấn Nam-triều Mặc Đặc thị danh; 鎮南朝冒頓是名; quyền Nguyên-soái vinh phong đại tước 權元帥榮封大爵.

Nam Hiệt lợi-vương bạch :

Nhất bang khiếp phục kiều tai cường 一邦怯服矯哉強, thuận dã sinh hề nghịch dã vương 順也生兮逆也亡. Thổ vũ bản chương qui nhất chưởng 土宇版章歸一掌, oai phong viễn bá tráng biên cương 威風遠播壯邊疆.

Lại nói :

Trấn Nam-triều độc ngã xưng vương 鎮南朝獨我稱王; hiệu Hiệt-Lợi thừa thiên sở tích 號頡利承天所錫. A Nguyên-súy ơi ! Nhà Tống khinh rể ta hoài kêu những là mọi, những là rợ mà thôi, chớ như : Đất Chu-phùng Đại-Thuấn sở sinh ; Kỳ-tây ấp Văn-vương sở xuất. Không phải là thánh chớ là chi ? Bởi tại Tống không nhân không đức ; chớ trách Liêu rằng oán rằng cừu. Rày ta lăm chiếm đoạt Tống-đồ ; phiền Nguyên-súy thi công trợ lực.

Nam Nguyên súy nói :

Trên chúa đà quyết nhất ; dưới tôi phải tận tâm. Dựng Liêu-triều một

mỗi tay cầm ; chia Tống-tộ ba giềng chân vạc.

Nam Liêu-vương nói :

Hảo a ! Ngnyên-súy dã ưng lòng gia phạt ; cô-gia đâu không dạ hưng nhung. Quân-thần đồng nhất cử chi công 君臣同一舉之功 ; duy trù quyết vạn toàn chi sách 惟籌決萬全之策. Chúng tướng ! Na từ thỉ thạch ; mạc nại bỏa thang 那辭矢石, 莫奈火湯. Trực chỉ Tống-bang ; phục hồi Liêu-địa 直指宋邦復回遼地.

Nam-quân hát ban :

Binh đáo xứ mãn sơn tắc dã 兵到處滿山塞野 ; tướng lai thời tầu thạch phi sa 將來時走石飛沙. Quyết thu Tống-thất sơn hà 決收宋室山河 ; khôi thác Liêu triều thổ vũ 恢拓遼朝土宇.

Nam Nguyên-súy bắc xướng :

Phụng mệnh Kim-bang ác đại quyền,
奉命金邦握大權
Na từ phong vũ lộ đương tiên.
那辭風雨路當先
Trực chỉ đông bang, nhất cổ quyết thu đồ-bản,
直指東邦一鼓決收圖板
Khâm thừa Kim-vận, thiên thu dũ tráng căn-cơ.
欽承金運千秋愈壯根基 (Hạ)

Nam Kim-vương quân ban :

Binh lai như hổ bộ 兵來如虎步 ; tướng đáo tự long hành 將到似龍行. Quyết triển chí bình-sinh 決展志平生 ; thệ đạp binh Tống tặc 誓踏平宋賊.

Liêu-vương bắc xướng :

Trực chỉ đông bang khí tự hào 直指東邦氣自豪, yêu hoành thu thủy nhạn linh đao 腰橫秋水雁鈴刀. Phấn lữ hưng nhung, tự khởi long tranh hổ đấu 奮旅興戎自起龍爭虎鬪 ; đăng vân yểm vụ, triển khai hoàng việt bạch-mao 騰雲掩霧展開黃鉞白旄. (Hạ).

Tống tuần-quân nói :

Như tôi : Đã chịu mệnh Tống-triều ; qua thăm tường Liêu-tặc. Rày nó dã động di côn-bác, ta phải về bầm-báo trấn-quan. Chi nài vượt dặm băng ngàn ; dễ sợ mang sao đội nguyệt.

Nam xướng :

Mang sao đội nguyệt,
Dặm bao nài bải giốc thiên-nha.
Muốn cho rạng vẻ sơn hà,
Công lao hãn-mã nhọc nào dám than.
(Hạ)

Bắc Kim-thái-tử Hoàn-Nhan bạch :

Kim chi đĩnh xuất tự thiên-quan 金枝挺出自天官, thiệu thuật tiền du tráng miễu đường 紹述前猷壯廟堂. Công tộc công tôn, dẫn cơ cửu vu phất thế 公族公孫。凱箕裘于弗替. Năng văn năng vũ, tự mô liệt chi khắc xương 能文能武。圖謨烈之克昌.

Lại nói :

Bảo Kim-bang nhất quận danh-phương ; 保金邦一郡名芳, ngã thái-tử Hoàn-Nhan chính-thị 我太子完顏正是.

Bắc Kim Cao-ly-vương bạch :

Ân uy kiêm bị tứ phương chu 恩威兼備四方週, độc ngã xưng vương tráng cửu chu ; 獨我稱王壯九州. Diệu vận thần-cơ thi hoạt pháp 妙運神机施活法, bát hoang cửu trạch nhất tâm thu 八荒九澤一心收.

Lại nói :

Ngự bắc-thành vĩnh điện kim-âu 禦北城永奠金瓯 ; Cao-ly tự xưng vi chúa-tể 高麗自稱爲主宰. Như trẫm : Thụy ứng phượng-mao tề-tề 瑞應鳳毛濟濟 ; tường trưng lân-chỉ chân-chân 祥徵麟趾振振. Trong dẹp dạ thần dân ; ngoài lại yên biên-bỉ. Rày Liêu-quốc cử đồ đại sự ; phạt Tống-

bang tường vấn tiểu-sinh. Luận hai lẽ phân-minh, có một lòng su-phụ, chẳng con.

Thái-tử nói ;

Dạ : Cận điện cung thân khể thủ 近殿躬身稽首, trực trần tú khẩu cẩm tâm 直陳繡口錦心. Trước Tống-bang dã muốn thù thâm ; sau Liêu-chúa mới cài oán trọng. Trên phụ-hoàng phấn dũng ; dưới ấu-tử hưng sư. Trừ Tống-tặc chi nghịch-cừ 除宋賊之逆渠 ; tiêu Kim-bang chi đại-hạn 消金邦之大限.

Bắc Kim-vương nói :

Hay hay : Con lòng đã khứng ; cha ý thêm đành. Lăm thu Tống-thất ngọn ngành ; dốc đắp Liêu-triều cỗi rễ. Chúng tướng : Lệnh truyền : Phấn thần lực kinh phao đáy bể ; chấn uy phong rồng dậy áng mây. Hỗn xa thư một cảnh dòng tây ; dựng vũ-trụ một nền nam bắc. Chúng tướng : Một lệnh trên đã nghiêm-nhặt ; ba quân dưới phải hết lòng. Tiến nhất quan thưởng tứ thiên-chung 進一關賞賜千鍾 ; thoái bán lý toàn tru nhất đạo 退半里全誅一道 ; quân hành hữu thể-tháo 軍行有體操 ; quốc pháp thậm nghiêm-minh 國法甚嚴明. Ân là : Trực chỉ Tống-thành 直指宋城 ; bất phân kỳ khắc 不分期刻. (*hạ*)

Tống tuần-quân nói :

Rày bắc phiên nghịch tặc, qua Tống địa xâm-cương. Hồi phi-báo trấn quan ; xin tường-kỳ tình thế.

Nam-xướng :

Tường-kỳ tình thế.
Đặng liệu dùng nhất kế công thu
Dốc đền tấc đất ngọn rau,
Phận hèn phải chịu hiểm-sâu nài gì.

Quân nói ;

Dạ, Gối thân quá đan-trì ; rày nam phiên phấn lữ Nó toan làm dữ ; binh đến chẳng lành. Tôi bảo trước cẩm-đình, ông tường chưng sự-thế,

Trạng-nguyên nói ;

Quái Hồ-nhung bội nghịch, qua Tống-địa lăng cương, Cái loài làm sao mà : Trục chi tự khuyển dương 逐之似犬羊 ; độn chi như xà thỉ 遯之如蛇豕 : Bảng-nhỡn quan thính lệnh.

Bắc xướng ;

Phó tha thảo tặc ấn đương tiên,
付他討賊印當先
Khẳng khái chinh man tráng viễn biên ;
慷慨征蠻壯遠邊
Còn ta : Hậu tiếp nhất chi trần diệu toán.
後接一枝陳妙算
Du ngư mạc thoát võng la huyền
游魚莫脫網羅懸 (Hạ)

Bảng-nhỡn nói :

Thừa tướng lệnh chỉ truyền 承將令指傳 ; khoái ngô tâm tiến lữ 快吾心進旅.

Bắc xướng :

Trảm tướng hưng nhung tại thử thì,
斬將興戎在此時
Nam-nhi kiến nghĩa dũng đương vi ;
男兒見義勇當爲
Ngã hướng tranh tiên trừ phản bối,
我向爭先除反背
Công binh phục hậu trảm Hồ-nhung.
公兵伏後斬胡戎

Chúng tướng nghe tá dặn : Mỗi dội đái nỗ cung ; mỗi toán trần pháo trượng. Văn cổ thanh hướng lượng 聞鼓聲響亮 ; thính hiệu lệnh nghiêm minh 聽號令嚴明. Ly ngoại thập lý thành 離外十里城 ; truyền tam quân hạ trại 傳三軍下寨. (Hạ).

Bảng-nhỡn quân ban :

Binh lai đáo hụng tâm khẳng-khái 兵來到雄心慷慨 ; tướng lệnh tiêu nhạn trận bài khai 相令標鴈陣排開. Cổ bề động địa, tam xuân hân trập chấn chi lôi 鼓鼙動地三春欣蟄振之雷 ; qua giáp liên thiên, vạn lý tán

long phi chi tuyết, 戈甲連天。萬里散龍飛之雪。 (Hạ).

Quân báo rằng :

Dạ : Rày bắc-phiên quả-quyết ; qua Tống-thổ xâm-lăng. Phải phi báo tướng-công ; đặng lượng trên xin tỏ.

Tống tam-công nói :

Căm bấy cáo bày chuột lũ ; giận thay đám kiến chòm ong. Thám hoa : Phó Thám-hoa lĩnh ấn tiên-phong ; đặng lão-hủ ngăn ngừa hậu-lộ. Chúng tướng : Nghiêm bày đội ngũ ; bá liệt đao sang. Quyết phấn dũng hưng dương ; khai thành-môn đối địch.

Tống quân hát ban .

Hưng binh mã an thiên hạ 興兵馬安天下 ; Trấn oai-phong động quốc-trung 振威風動國中. Tiễu trừ Bắc-địch Hồ-nhung 勦除北狄胡戎 ; bình định Tống-thiên cương-kỷ 平定宋天綱紀. (Hạ).

Nam Kim Nguyên-súy nói :

Tống-tướng hà danh ?

Tống Bảng-nhỡn nói :

Như ta : chiếm khôi khoa Bảng-nhỡn ; phù Tống thất đại-thần. Ngươi tên chi ?

Nam Nguyên-súy nói :

Đó Bảng-nhỡn Tống-triều ; đây Nguyên-nhung Liêu-quốc. Đó dà đệ nhất ; đây cũng tranh tiên. Ta thử quyết một phen ; bại thành vô lưỡng lập (*Đánh nhau*).

Bảng-nhỡn nói :

Hảo a ! Tuy vân man-mạch 雖云蠻貊 ; diệc thiện đao sang 亦善刀鎗. Các thổ tận can tràng 各吐盡肝腸, giai tranh phi tài lực 皆爭披才力.

Bắc xướng :

Thủ huy nhất trịch sơn-hà động 手揮一擲山河動 ; đao bạt thiên sơn nhật nguyệt tàn 刀拔千山日月殘.

Nam-Kim Nguyên-súy bắc xướng :

Mã phi nam bắc bình sơn lĩnh,
馬飛南北平山嶺
Vân ủng tinh kỳ chấn địa lôi.
雲擁旌旗振地雷

Bảng nhỡn bắc xướng :

Nhập trận xung đồ, huy địa khử chiên cừu chi bạn nghịch 入陣衝圖揮地去氈裘之叛逆; khoát vân đẳng vũ, thệ thiên trừ lân giốc chi bằng lăng 括雲騰雨誓天除鱗角之憑凌.

Kim Nguyên-súy bắc xướng :

Lạc-tử khinh sinh, thân tại biên-cương diệc hạnh; 樂死輕生。身在邊疆亦幸 ; vị quân báo quốc, tâm ư thành bại hề quan 爲君報國。心於成敗奚關. (*Chạy về phía đông*).

Bảng-nhỡn nói :

Chúng tướng : Liêu-tặc đà viễn tẩu tha-phương ; Tống-quân khá gia tâm truy hãn. (*Hạ*)

Kim-vương tập ban ;

Ta hỏi ! Hệ Tống-tướng hà danh, hà danh 係宋將何名, cảm dữ ngã lược hành 敢與我掠衝. Nhẫn vong thần xỉ nghĩa 忍忘唇齒義, hà bội ước tiền minh, tiền minh 何倍約前盟.

Tống trạng-nguyên lập ban :

Ngươi hỏi tên ta : Ngã quốc-trạng Tống-thành, Tống-thành 我國狀宋城, phụng vương-mệnh tổ chinh 奉王命徂征. Tuyệt cống trân-châu vật 絕貢珍珠物, đương tru bất vị tình, vị tình 當誅不爲情.

Kim-vương lập ban :

Tuy tính mệnh phỉ khinh, phỉ khinh, 雖性命匪輕, cô-gia hà úy tử 孤家何畏死. Anh hùng đối nhận tranh tranh 英雄對刃錚錚; nhất thời liệt liệt oanh oanh, oanh oanh 一時烈烈轟轟.

Trạng-nguyên lập ban :

Hưu sinh bỉ hùng anh, hùng anh 休逞彼雄英, hồ bất thức phong thanh 胡不識風聲. Nhất cử quyết công thành 一舉決功成, thiên thu danh đối nhật tinh, nhật tinh 千秋名對日星, (*man-vương chạy về phía đông* .

Trạng-nguyên lại nói:

Chúng-tướng, Man-vương đã nhất lộ đào sinh; Tống quân khả tứ phương truy nã. (*Hạ*)

Tống Thám-hoa nói:

Liêu-tướng bà-danh!

Bắc Thái-tử nói:

Như ta: Ngã cư Liêu địa 我居遼地; thái-tử sắc phong 太子敕封. Vu kim xuất lữ hưng nhung 于今出旅興戎; biểu cho: nghi khả thẳng thân thụ tội 宜可繩身受罪.

Thám-hoa nói:

Tiếu tha cuồng bối 笑他狂輩, khoa bỉ thần đồng 誇彼神童. Nếu vậy: Ngươi chưa biết mặt anh hùng; ta phải ra tay hào kiệt đây.

Bắc Thái-tử nói:

Dũng dược chân dũng dược 踴躍眞踴躍; tài nhân thị tài nhân 才人是才人. Nhất trường hồ đấu nan phân 一場虎鬬難分; bách hợp long giao vị dĩ 百合龍交未已.

Bắc xướng;

Thành bại mục tiền, xuất tử nhập sinh vô thoái xúc 成敗目前, 出死入生無退縮; tung hoành trận nội, kiền toàn khôn chuyển vị kinh tâm 縱橫陣內, 乾旋坤轉未驚心.

Thám-hoa bắc xướng:

Bạch nhận phương giao, binh đáo tướng đăng bài điều trận 白刃方交, 兵到將登排鳥陣; vạn kỳ chỉ xứ, thủy lai thổ yểm lập xà đồ 萬旗指處, 水來土掩立蛇圖.

Thái-tử bắc xướng:

Lẫm-liệt qua mâu, khảng-khái nhược phụ ngung chi hổ 凜烈戈矛, 慷慨若負隅之虎; sậu trì xung đột, hoang mang như quá hải chi long 驟馳衝突, 慌忙如過海之龍.

Thám-hoa bắc xướng:

Linh phủ khống thiên, thuấn tức nội doanh thâu chi vị biện 靈斧控天瞬息內贏輸之未辨; thần côn động địa, khoảnh khắc gian tính mệnh chi nan sinh 神棍動地, 頃刻間性命之難生. (*Thái-tử chạy đàng phía tây*).

Thái-tử nói:

Ngã bất tài thụ hại nhất môn 我不才受害一門; ngô thiều lực nan khai vạn nhận 吾少力難開萬刃. Tống-tướng nên trang hảo-hán; Liêu-bang đâu kém oai-phong. Ấu là: Dụ gã tới lâm-tùng; cho quỉ-binh hoạt-tróc.

Thám-hoa bắc xướng:

Bôn nam trục bắc đáo lâm sơn 奔南逐北到林山; nguyện diệt phiên bang tróc tử-hoàng 願滅番邦捉子皇. Lực bạt côn cương như phá trúc 力拔崑崗如破竹; thân thừa ô mã thướng điêu yên 身承烏馬上雕鞍.

Thái-tử nói

Tống-tướng: Kim dĩ đáo lâm tuyền 今已到林泉; nan phùng khai sinh lộ 難逢開生路. Ấu là: Hóa ác vân mật bố 化惡雲密布; thi hắc vụ phủ vi 施黑霧撫圍. Phó âm binh bất khả khiên trì 付陰兵不可牽遲; tróc Tống-tướng tức thì đầu nạp 捉宋將卽時投納. (*Ra âm-binh...*)

Lại nói:

Trận chiến hà lao ất giáp 陣戰何勞乙甲; phiến thời bất động mâu qua 片時不動矛戈. Dĩ hoạt tróc Thám-hoa 已活捉探花; truyền điệu hồi Liêu-chúa 傳調回遼主.

(*Hạ*)

Tống quân báo rằng:

Dạ, Cấp điện báo nhất trương; đặng cho ông khán quá.

Thượng-tướng nói:

Khán điện-báo chữ đề đã quả; rằng Thám-hoa, Liêu bắt đặng rồi. Thống tai ngũ nội bồi-hồi; nộ phát song mâu lệ lạc 痛哉五內徘徊, 怒發雙眸淚落. Căm khuyền nhung đảng ác; giận Hồ-lỗ thị cường; chi nữa. Đái linh hồ

độc chấp sang lai; nhập trận nội phiến thời đả tử 帶靈臺獨執鎗來, 入陣內片辰打死. Chúng-tướng: Truyền tam quân chấn lữ; y nhất lệnh tiến binh 傳三軍振旅, 依一令進兵.

Bắc Thái-tử nói:

Ở lão-tướng ơi, Trước Thám-hoa đã bắt dưới cờ; sau lão-đại nộp thây trong trận. Già tua qui thuận; trẻ cũng nhiêu sinh. Nếu chẳng muốn việc lành; ắt mang chưng nạn dữ. (*Đánh nhau*)

Thượng-tướng tam-công nói:

Kim tróc đắc Hồ-nhung nhất tử 今捉得胡戎一子; hựu sát tha phiên khấu thiên viên 又殺他番寇千員.

Quân nghe ta dặn: Nhất đạo binh dẫn đáo dinh tiền 一道兵引到營前; vạn lý lộ tiến truy bắc-địch 萬里路進追北狄.

Bắc Liêu-vương lập ban:

Như ta là: Ngã bắc cảnh Liêu-vương, Liêu-vương 我北境遼王; đề binh phạt Tống cương 提兵伐宋疆. Quyết đông thành tây tựu 決東成西就; hà sầu hạ hạn thu sương, thu sương 何愁夏旱秋霜.

Tam-công lập ban:

Như ta: Thượng-tướng chức miếu-đường, miếu-đường 上相職廟堂; phỏng phạt bỉ Nhung-khương 放伐彼戎羌. Nguyện bất hoàn phiến giáp 願不還片甲; tuy tử dã hà thương, hà thương 雖死也何傷.

Bắc Liêu-vương ban rằng:

Ngô cử động thần sang, thần sang 吾果動神鎗, Tống tướng cảm tranh cường 宋將敢爭強. Xuất lực tảo phong đồn nghĩ tụ 出力掃蜂屯蟻聚; bỉ quân cốt táng vu sa tràng, sa tràng 彼軍骨葬于沙場.

Tam-công ban rằng:

Phù Tống thất điện dân an dân an 扶宋室奠民安, hà hiềm cử đỉnh bạt sơn 何嫌舉鼎拔山. Quyết trừ tha dị loại 決除他異類, hoàng kỳ tảo bảo khải hoàn, khải hoàn 黃旗早報凱還.

Liêu vương thua chạy.

Tam-công nói:

Liêu tặc dĩ nhất trận kinh-hoàng 遼賊已一陣驚惶; Tống quân khả đồng tâm truy nã 宋軍可同心追拿.

Bắc Liêu-vương nói:

Tống tướng dĩ vi tứ hạ 宋將已圍四下; cô-gia nan thoát nhất phương 孤家難脫一方. Khổ đề đương, khổ đề đương 苦抵當; nan cự địch, nan cự địch 難拒敵. Đó dã có tài họa kích; đây nguyền cũng sức tranh phong. Ta đua tài chẳng lại thời phải dùng phép mới xong, chi nữa: Dụ gã tới sơn-trung; sẽ hóa mưu thần hỏa, a.

Bắc xướng:

Đan thân độc kỵ quá thâm sơn 單身獨騎過深山, dụ địch tiền lai khóa mã an 誘敵前來跨馬鞍; cử bộ tần thôi trương mục vọng 舉步頻催張目望, Tống binh đáo thử bất sinh hoàn 宋兵到此不生還.

Tam-công bắc xướng:

Vạn khổ thiên tân trục mã đề 萬苦千辛逐馬蹄, truy tầm tặc tử đáo hà khê 追尋賊子到河溪; sinh cầm Liêu-chúa an cương vực, 生擒遼主安疆域, bất nại cao san dữ điểu đề 不奈高山與鳥啼.

Bắc Liêu-vương nói:

Ới ông Tam-công ơi! tôi đã chạy mà ông còn theo: Vật thị ngã man-di 勿視我蠻夷, khả khan ngô điệu thuật 可看吾妙術. Nay: Khẩu niệm động chân ngôn 口念動眞言, hỏa châu lai đả hạ 火珠來打下.

Tống Kỳ-quân nói:

A này: Lửa đâu rơi tứ hạ, khói dã ngất thiên-quân. Kẻ cháy tóc người bỏng lưng; kẻ cháy mày người bỏng trán. Chúng tôi đà sợ hoảng; sao ông cứ cười hoài, vậy ông?

Tam-công nói :

Là chẳng can chi : Phép lấy phép mà so ; tài lấy tài mà sánh. Đó đã cậy chưng lửa thánh ; đây há không dự bầu thần. Miệng niệm sa-bà-ha ; nghiêng bầu linh trừ hỏa. Hô thủy-xuất.

Bắc-Liêu-vương nói :

Rất lạ rất lạ ; quá kỳ quá kỳ ! Lửa đương hăng cháy đỏ tứ-vi ; nước tưới tắt không còn một đóm ! Chừ tôi biết làm sao đây ? Đây không làng không xóm ; xem những bụi những bờ. Chạy trong rừng một mỗ bơ-vơ ; Ấu là : ra ngoài nội bốn bề tỏ rõ. Chi nữa : nương theo dấu thỏ ; bước ruổi đường chim. Cái ông già này làm sao : tài pháp quán cổ kim 才法貫古今 ; thanh danh huyền vũ trụ 聲名懸宇宙, chi nữa. Ấu là : Lần noi đường cũ ; trở lại Liêu-bang.

Tam-công nói :

Liêu-vương, như ngươi : Xuống đất không đường ; lên trời thiếu cánh. Yếu-nghi tự tỉnh ; thủy đắc cầu sinh 要宜自省始得求生. Chiến-tranh khôn nỗi chiến-tranh ; cự-địch vô phương cự-địch. Bả phi đao nhất trịch 把飛刀一擲, nhân mã dĩ bị cầm 人馬已被擒. Chúng tướng : Truyền dẫn lại bản thành ; sẽ bạt đao vấn tội.

(*Hạ*)

Tam-công nói :

Quân, dẫn Liêu-hoàng-tử cùng Kim-vương đây. Như ngươi là : Biết mấy muôn nghìn sự lỗi ; dầu khi sống thác tại ta. Câu ái-tài lòng lão muốn tha ; chữ hàng-phục dạ ngươi khứng chẳng ?

Bắc-Kim-vương nói.

Thưa thượng-quan, như tôi là : Qui-thuận đành lòng khẩn khẩn ; lai-hàng dám dạ khăng khăng. Dễ đâu còn thói gió trăng ; rày đã hết lòng đen bạc. Thưa thượng-quan, mấu ri ước nên chăng : Thái-tử cấp phóng hồi Liêu-hạt, còn Thám-hoa ưng giao lại Tống-bang, nên chăng ?

Tam-công nói :

Còn Liên-vương tính làm sao ?

Kim-vương nói :

Thưa thượng-quan còn như tôi : Vàng nghìn cân bồi phí ; xin hai nước giao-hòa. Đương niên lễ cống Tống-gia 當年禮貢宋家 ; một thế nan vong sở ước 沒世難忘所約.

Tam-công nói :

Một lời đã định trước ; thiên-tứ chẳng sai sau. Giao Thám-hoa đó đã tay trao ; trả hoàng-tử đây đã mất thấy. Nghĩa lai-cống trăm năm chẳng trái ; đạo thần-lân muôn kiếp đừng sai. Ta biểu tấu chương-đài ; cho lui về cố-thổ.

(*Hạ*)

Bắc-Kim-vương Thái-tử cùng nói :

Dạ dạ, Giai tiền phủ thủ ; các hạ cúc thân 階前俯首, 閣下鞠身. Trăm năm đã chịu xưng thần ; muôn dặm trở về Liêu-địa.

Kim-vương nói :

Con ơi : Những ước mình mang lấy vạ ; hay đâu người đặng cho hòa. Cha con xum họp một nhà ; Liêu Tống dường bền nghìn thuở.

(Truyện hồi ba đã rõ ; xin kế tiến hồi tư).

(*Còn nữa*).

VĂN-UYỂN

Xuân, cưỡi ngựa đi tìm bạn

Thong-dong đường lối cũ,
Bát-ngát buổi trời xuân ;
Tiếng nhạc theo chiều gió,
Nào đâu bóng cố-nhân ?

Hạ, chơi hoa hồ sen

Lơ-lửng con chèo nhẹ,
Rập-rờn ngắn nước trong :
Vin hoa ai đó tá ?
Đương nhụy hãy còn phong ?

Thu, chơi trăng trên sông

In nước vầng trăng tỏ,
Quạt trời trận gió thu ;
Trăng sao trăng trẻ mãi,
Người cũng thế này cho.

Đông, đốt lò trầm xem sách

Đêm đông ngồi tựa án,
Cao thấp khói trầm bay ;
Lặng ngắm người kim-cổ,
Càng thêm bận dạ này.

Mùa thu chơi thuyền hồ Tây

I

Thấp-thoáng trong hoa một cánh bồng,
Trông về Trấn-quốc nước mênh-mông ;
Tám riêng tranh tưởng tình non nước,
Thử cũ còn cầm chuyện cột đồng ;
Sen trắng thu về hương vẫn đượm,
Trâu vàng ngày trước vết còn không ?
Gió mây man-mác bao tình cảm,
Hồ rộng trời cao một sắc trong.

II

Một chèo trên vũng nước mênh-mông,
Nhà cửa lâu-đài bốn mặt đông ;
Chầy giấy làng Yên đâu vắng tiếng,
Gác chuông chùa Trấn tít vời trông ;
Ngàn năm chuyện cũ chưa phai mực,
Một chuyến chơi nay luống nặng lòng ;
Xơ-xác tàu sen cơn gió thổi,
Trời thu xanh biếc nước thu trong.

DƯƠNG THIỆU-CƯƠNG

. . .

Cây mai

Rộn-rực trăm hoa chốn phố-phường,
Sao bằng Mai giữ tiết cao lương ;
Mình gầy vóc ốm xinh-xao sắc,
Bông trắng nhị vàng gói-gắm hương ;
Quen với bách tòng tranh đất tuyết,
Bạn cùng loan hạc ngắm trời sương ;
Bảng xuân riêng chiếm đầu khoa giáp,
Tô-điểm non Nam khác vẻ thường.

Cây kiền

Rừng núi đã từng đặng thảnh-thơi,
Nay làm cây kiền để người chơi ;
Gốc tàn uốn-éo tùy lòng chủ,
Nhánh-nhóc quanh-co hợp mắt đời ;
Cảnh đẹp vườn xinh ơn dẫu nặng,
Quê xưa đất cũ nghĩa đâu dời ;
Một mai thoát khỏi vòng bồn chậu,
Đất rộng, trời dài mới hả hơi.

Cây đèn

Suốt đêm soi tỏ khắp cùng nơi,
Đến sáng mới là đặng thảnh-thơi ;
Đường sá che mình con đóm đất,
Buồng the thay mặt chị trăng trời ;
Cháy tim nóng họng lo cho thế,
Mỏi cẳng chồn chân chỉ vị đời ;
Gặp hội Nguyên-tiêu thêm rõ tiết,
Lầu hồng, gác tía ngắm xem chơi

Con cua

Cậy thế nước rông, ỷ sức càn,
Vào đồng lên bộ mặt nghênh ngang ;
Láo-liên con mắt xem trên quảo,
Nguýt-ngoắc cái ngoe ngó chậm chàng ;
Thấy dạng mồi thơm thì bốc-hốt,

Coi hơi lúa tốt lại vơ-quàng ;
Những phường công-tử vô-trường ấy,
Bắt quách nó đi, bỏ xóm làng !

Tặng Trọng-Toàn Nguyễn hiền-hữu

Người Tân-trụ, kẻ Gò-công,
Văn-chương kết một dải đồng với nhau.
Kể từ nên nghĩa tương-giao,
Nặng tình bè-bạn, đậm mầu bút-nghiên.
Bút-nghiên màu đậm,
Bỗng xui nên đầm-ấm một vườn xuân;
Chẳng bõ công tưới nước vun phân,
Hoa quốc-ngữ đặng mười phần sinh-sắc.

Phượng múa rồng bay cây bút sắt ;
Vàng ghi đá tạc tấm lòng son.
Mặt mày quen tuy mới mấy trăng tròn,
Gió nam đầy nước non gần thuở trước ;
Đường học-thức hãy còn nghìn vạn thước,
Dắt tay nhau lần bước tới nơi cùng.
Chữ rằng : hữu thủy, hữu chung !

Gò-công, NGUYỄN HUỲNH-MAI

. . .

Ngán đời

Ngán-ngẩm tình đời ở thế-gian,
Thói hay tục tốt chẳng ai màng ;
Xu-danh trục-lợi bao nhiêu kẻ,
Trọng nghĩa khinh-tài được mấy trang;
Những kẻ đáng yêu thì bảo ghét,
Mấy điều rất nhục lại rằng sang ;
Mày râu chung ở trong trời đất,
Nỡ để thua người chẳng hổ-han.

Gọi đoàn

Cuộc thế trăm năm một hí-trường,
Non sông gấm vóc nay ai đương ;
Dân hàm lăm triệu dân Hồng-Lạc,
Nước bốn ngàn năm nước Việt-Thường;
Nào kẻ anh-hùng người chí-sĩ,
Nọ chàng du-tử khách ly-hương ;
Tiếng chuông cảnh-tỉnh mau mau dậy,
Đấu cật cùng nhau chống cột đường.

TRẦN ĐẠI-MINH

. . .

Tự-thuật

Đường đời trải bước lắm gay-go,
Con tạo trêu ngươi nỗi đắn-đo ;
Hi mắt xem trời trời vẫn nhỏ,
Rờ tay ướm đất đất không to ;
Chim lồng cá chậu đâu đâu tả,
Nước biếc non xanh đó đó trò ;
Cái chí trượng-phu này giữ vững,
Dầu cho đất lở chả thèm lo.

NGUYỄN VĂN-SẨM

Họa vận bài tự-thuật trên

Làm người phải đạo lắm gay-go,
Cái bước đường đời khó nỗi đo ;
Sánh với người trên còn vẫn nhỏ,
So cùng kẻ dưới cũng chưa to ;
Tung-hoành bốn bể chưa nên việc,
Tiến-thoái năm châu chẳng thấy trò ;
Thấy cuộc phong-trào càng biến đổi,
Ai người tâm chí chẳng lòng lo.

TRẦN ĐẠI-MINH

Trung-Nhật chiến-tranh

(Họa vận bài trên)

Cuộc cờ gặp phải nước gay go,
Nhật quyết mà Trung chẳng liệu đo ;
Cất miếng Mãn-châu dồn túi hẹp,
Xếp tờ vũ-trụ nhét bì to ;
Tin thầy biện-hộ đều như mộng,
Cậy bạn đồng-minh lại lắm trò ;
Vì bằng có thân thì giữ lấy,
Mạnh còn yếu mất liệu mà lo.

LƯƠNG CHÂU-TRẦN

. . .

Nhâm-thân xuân-đán đề nhà Hàm-con-cóc

Năm Thân mình những rắp phong hầu,
Hàm cóc xây lên nhấp-nhổm lầu ;
Gan tía nghiến răng lừng bể Việt,
Da vàng tắc lưỡi động trời Âu ;
Chờm tay vin nguyệt nhanh hơn thỏ,
Trừng mắt trông sao muốn nuốt trâu ;
Có lúc cậu trời oa nhảy tót,
Nhà này chàng Thúc đã nên câu.

Sắp lên đường vô Kinh nói chí mình

Già sọc như mình sống hão ư ?
Từng khôn như mại dại như lư ;
Nhà hang Hàm-cốc rồng phun nước,
Đất vượt bờ cỏ phượng cuốn thư ;
Đã lắm cỏ sành lăm ủ-mắn,
Biết bao ông sứ uầy me xử ;
Đi Kinh mình quyết còn bay nhảy,
Người dắt mình lên mình cũng ừ.

Sắp ra về dặn em gái Đinh (hai bài)

I

Ni lời em dặn với em nhà,
Đôi lúc gặp nhau chốc đã già ;
Bát máu xẻ hai dù khác mẹ,
Lòng son in một bởi chung cha ;
Thương o phận gái đành khơi cách,
Như cậu tài giai quyết rộng xa ;
Tiến-sĩ bảng trời cho chửa rõ,
Gặp nhau mừng quá đậu khôi-khoa.

II

Gặp nhau mừng quá đậu khôi-khoa,
Vì ngãi anh em khúc ruột già ;
Ghi dạ xưa kia vàng đá tạc,
Ngành đầu nay đã mái sương pha ;
Tang-bồng anh rắp còn hay lộn,
Bồ-liễu em chưa đến thướt-tha ;
Tiến-sĩ ơn trời mai mốt đăng,
Hẹn còn họp mặt buổi xem hoa.

Tái đáo Xuân kinh

(Đêm ở xe lửa)

春秋三八月過行
再度騰車上帝京
戀闕神馳文氣壯
肇天夢繞筆花生
心深朝海重門洞
路不知山一帶橫
之世之身之際遇
簡臣全在帝心靈

Ba tám đôi mùa thoáng dạo qua,
Lồng xe vô Huế ngại nào xa ;
Thần hồn luyến khuyết văn dường mạnh,
Giấc mộng nâng trời bút nảy hoa ;
Mến nước hà nài ven bể cách,
Vượt ngàn chi biết dẫy đèo pha ;
Chiếc thân gặp gỡ đời minh-thịnh,
Phận-mệnh vua còn kén chọn ta.

Qua Nghệ-an ngâm liên-chi hai bài

I

叔君重色負奇才
選妓鴻山無一佳
五夜凝神遊御苑
瓊林花待故人開

Minh ưa sắc đẹp cậy tài tình,
Qua Nghệ tìm không một ả xinh ;
Giấc mộng năm canh vô tới Huế,
Chờ nhau hẹn nở đóa hoa quỳnh.

I

瓊林花待故人開
品綠題紅訂此來
寄語花神先奏帝
調羹點許嶺頭梅

Chờ nhau hẹn nở đóa hoa quỳnh,
Vin lục chờm hồng những rắp-ranh ;
Nhắn trước thần hoa tâu Thượng-đế,
Ban chồi mơ sớm đặng pha canh.

Đêm chơi thuyền sông Hương gặp ả Túy-Liên-cô

中秋八月夜清涼
泛泛孤蓬香水香
載妓過波凌李白
酣歌對酒醉王郎
江天草石游魚戲
京國花燈走馬場
嬌艷素娥如有待
風先瓊燕醉杯將

Tháng tám đêm thu mát lạ dường,
Lênh-đênh thuyền lượn bến sông Hương ;
Nước bợm muốn hơn ông Lý Bạch,
Rượu kèo đè hẳn bác Vương-lang.
Bến pha đá cỏ nheo mừng sóng,
Thành lộn đèn hoa ngựa phóng cương ;
Mỏng-mảnh dì Nga chừng đợi khách,
Tiệc quỳnh sắp chén sẵn tay nương.

Kinh-ngụ ngâm tứ tuyệt

客抵京華月下弦
而今新月漸圓圓
手探月窟凝神想
欲上天門覽月懸

欲上天門覽月懸
月娥粧鏡待清天
朝天有路攀明月
月桂香濃撲馬鞭

月桂香濃撲馬鞭
瓊花得月吐紅鮮
與花月訂佳期近
將插花簪月鏡前

將插花簪月鏡前
恰緣水月鏡花緣
嫦宮歸去評花月
憐此花迷月夢纏

Tới Huế trăng thu chếch lưỡi liềm,
Tràng tròn nay đã sắp thòm-them ;
Yêu trăng luống hãy bay hồn tưởng,
Trời bồng trăng treo muốn ngó xem.

Trời bồng trăng treo muốn ngó xem,
Chầu trời gương dãi bóng trăng đêm ;
Vin trăng tỏ nẻo chầu trời sớm,
Roi ngựa đưa trăng quế ngát thềm.

Roi ngựa đưa trăng quế ngát thềm,
Hoa quỳnh trăng lỏ dỏ tươi thêm ;
Trăng hoa ước hẹn tin mừng sắp,
Soi mảnh gương trăng hoa giắt kèm.

Soi mảnh gương trăng hoa giắt kèm,
Duyên trăng hoa trước cũng lành êm ;
Cửa hang Hàm-cóc hoa trăng hẹn,
Trăng tưởng hoa mê bỗ giấc thèm.

NGUYỄN THÚC-KHIÊM

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Cuộc cờ thế-giới đương hãm vào nước bí

Các cường-quốc hiện nay đương ở trong một không-khí nồng-nàn khó chịu lắm. Thế-giới đương trải qua một cuộc khủng-hoảng về cả hai phương-diện vật-chất và tinh-thần. Công chuyện dồn-dập, nước cờ rối-ren, người ta không biết thế-giới rồi đây phải đi đường nào, hay là cũng cứ vật-chất lúng-túng trong cái ngõ hẻm không đường ra là nạn khủng-hoảng ấy?

Thật không có lần nào như lần này, tình-hình thế-giới chẳng khác gì một nút tơ rối, gỡ hoài không xong.

Trước hết chúng ta nên biết qua bàn cờ Âu-châu đã cuộc cờ Âu-châu đương hãm vào nước bí, tình-hình chẳng khác gì trước hồi Âu-chiến kia. Về phương-diện kinh-tế, thì các nước thi-hành chính-sách bảo-hộ mậu-dịch, tăng quan-thuế, không cho các hàng-hóa ngoại-quốc vào cạnh-tranh hàng-hóa trong nước.

Nước Anh, đầu tiên thi-hành chính-sách ấy, tuy nói mục-đích để bảo-hộ hàng-hóa vật-sản trong nước, nhưng sự thật là để đối-phó với sự phá-giá của Nga-Sô-viết. Noi theo gương nước Anh, các nước khác như Pháp, Áo, Đức, Đan-mạch (*Danemark*), Thụy-điển (*Suède*), Na-uy (*Norvège*) đều tăng quan-thuế lên để bảo-hộ quyền-lợi của mình; thành-thử Âu-châu phải trải qua cảnh-tượng chiến-tranh kinh-tế.

Trên chỗ thị-trường giao-dịch đã mất hẳn cả sự tín-nhiệm tương-quan, nước này chực rình cơ-hội mà khuynh-loát nước kia, nước kia mưu kết-liên với nước nọ mà đàn-áp nước này.

Nước Pháp đề-phòng nước Đức mà ký điều-ước bất xâm-lược với nước Nga, và nước *Pologne*; muốn cho cuộc

vận-động *Anschluss* (Đức Áo) thất-bại, thì nước Pháp lại cho Áo vay để kéo thêm vây-cánh về mình.

Ngoài ra nước Pháp lại còn đem vàng ra mua nhân-tâm ở Ba-nhĩ-cán (*Balkans*), thâu phục các nước Tiểu-đồng-minh. Thấy thế-lực của Pháp như vậy, thì Đức và Ý có lẽ nào chịu khoanh tay đâu. Cho đến nước Anh kia lâu nay đã từng về phe với Pháp mà vừa rồi trong kế-hoạch liên-tứ cũng muốn phụ-họa theo hai nước Đức, Ý mà xem xét điều-ước *Versailles* lại.

Chúng ta thấy rõ trong kế-hoạch liên-tứ, ba nước Anh, Đức, Ý liên-hợp nhau mà biệt lập nước Pháp ra vậy. Chuyện này đương còn rắc-rối lắm, nước Pháp có lẽ không dự vào đâu.

Ngoài vấn-đề liên-tứ ra lại còn những vấn-đề gì? Hội-nghị giải-binh, hội-nghị hải quân, hội-nghị kinh-tế sắp nhóm ngày 12 Juin này.

Đó là những vấn-đề khó giải-quyết lắm mà người ta sợ e những hội-nghị kia phải thất-bại.

Để riêng những vấn-đề ấy ra, lại còn vấn-đề nợ chiến-tranh nữa.

Thật là về phương-diện kinh-tế, chính-trị gì, Âu-châu cũng ở vào cảnh-tượng rắc-rối cả.

Trở về Á-châu thì lại càng thấy rắc-rối hơn nữa. Tiếng súng thần-công của Nhật bắn từ Mãn-châu cho tới Thiên-tân, Bắc-bình đã làm vang tai choáng óc chúng ta mà Hội Quốc-liên ở *Genève* vẫn không thừa-nhận đó là một cuộc chiến-tranh bao giờ.

Ở Viễn-đông lần này thời-cục nghiêm-trọng hơn khi nào hết, nghiêm-trọng đến nỗi người ta dám tiên-liệu rằng Thái-bình-dương đã sắp nổi ba đào vậy. Một chuyện làm cho thời-cục bí-beng hơn nữa là chuyện nước Nga sắp bán con đường sắt Trung-đông cho Nhật, hoặc là cho Mãn-châu-quốc. Hội Quốc-liên chưa đủ thì giờ mà xem xét chuyện nhà họ là chuyện Âu-châu, thì có đâu đi « gánh bàn độc mướn ». Vậy thì ta cũng có thể hiểu được vì sao mà Nhật thẳng tay làm tới ở Thiên-tân, Bắc-bình.

Chuyện Á-châu thì chỉ có chuyện Hoa Nhật là nguy-hiểm hơn hết, đến Mĩ-châu thì từ ngày Tổng-thống Roosevelt lên cầm quyền, ta thấy chính-cục thay đổi nhiều lắm. Điều quan-hệ thứ nhất là nước Mĩ sắp chính-thức thủ-tiêu kim-bản-vị (*étalon-or*) một việc rất có ảnh-hưởng đến giá hàng-hóa nguyên-liệu của các nước.

Nước Mĩ bị nạn khủng-hoảng dữ-dội hơn nước nào hết, cho nên cần phải lo kiếm phương-pháp giải-quyết mau: Hội-nghị kinh-tế vì đó mà sắp mở ở *Londres*.

Không phải một mình nước Mĩ mà giải quyết được, cho nên nhờ tới Âu-châu. Roosevelt bèn thủ-tiêu chính-sách Monroë mà can-thiệp vào thời-cục Âu-châu, khuyên các nước giải binh và sắp xem xét vấn-đề nợ. Đó là ở trên phía Bắc-Mĩ, còn ở dưới Nam-Mĩ thì các nước nhỏ cứ ganh ghét nhau, đánh đó hòa đó, không biết chừng nào mới xong.

Thế-giới đang bước vào một khúc cong trong lịch-sử; người ta chỉ sợ e ngoài một cuộc chiến-tranh dữ-dội ra thì không có gì giải-quyết được những vấn-đề rắc-rối ấy cả.

H. T. D.

(*Báo Công-luận*)

Thời-cục nước Tàu

Tình-hình chính-phủ Trung-ương.— Trưởng viện hành-chính Uông Tinh-Vệ vừa rồi có giải-thích về vấn-đề Trung Nhật, đại-ý nói rằng: hiện nay người nước đối với cái thái độ đối với nạn nước của Chính-phủ, tỏ ý ngờ vực, cho rằng không đánh thì hòa,

không hòa thì đánh, ngày nay chẳng hòa, chẳng đánh, như thế thật là chính-phủ chịu phép không còn xoay ra thế nào. Đối với điều đó tôi xin giải-thích một cách vắn-tắt rằng: vì không thể đánh được cho nên đề-kháng, vì không thể hòa được cho nên giao-thiệp, cái thái-độ đối-phó nạn nước của chính-phủ, không phải là không hòa không chiến, mà là vừa giao-thiệp, vừa đề-kháng.

Uông Tinh-Vệ có nói với các báo như sau này:

1o) Trong nước có đồng-tâm mới cứu được nạn nước.

2o) Trước khi kết-liễu cuộc hội-nghị *Londres* thì không thể xử xét việc phân-tranh Trung Nhật được, vì việc ấy có quan-hệ về đường quốc-tế.

3o) Chính-phủ Nam-kinh sẽ cử đến Quảng-châu hai đại-biểu để bày tỏ mọi lẽ về cái chính-sách đối với Nhật-bản.

Vương Chính Đình có tuyên-ngôn với các báo rằng: đối với việc vũ-tướng Hoàng-Phu điều-đình ở Bắc-bình để đình-chiến ở miền bắc Trung-hoa, chớ nên lấy làm lạc-quan lắm, vì tình-thế khác với tình-thế Thượng-hải năm ngoái. Cái điều-kiện có thể yêu-cầu trong việc điều-đình cuộc đình-chiến, là yêu-cầu quân Nhật rút khỏi Vạn-lý-trường-thành, nhưng thế không gọi là giải-quyết xong vấn-đề Mãn-châu. Vương nói việc phân-tranh Trung Nhật, không thể dùng binh-khí mà giải-quyết được, cần phải có liệt-cường điều-đình giúp mới xong; và phải lâu năm mới giải-quyết được; đại-khái như nước Pháp phải 50 năm mới lấy lại được *Alsace Lorraine*.

Tôn Khoa lấy làm hoài-nghi về công việc điều-đình đình-chiến. Ông nói sở-dĩ Nhật-bản chưa đánh Bắc-bình và Thiên-tân là vì có lời tuyên-bố của M. Roosevelt.

Uông Tinh-Vệ trưởng viện hành-chính, La Văn-Cán tổng-trưởng bộ Nội-vụ, Tôn Khoa trưởng viện lập-pháp, có đi Cổ-linh (Giang-tây) để hội-nghị với Tưởng Giới-Thạch về tình hình chính-trị và nhất là về việc điều-đình đình-chiến.

Tăng Trọng-Minh phó-trưởng bộ hỏa-xa là bạn riêng của Uông Tinh-Vệ có nói cứ như cuộc hội-nghị Cổ-linh thì Uông Tinh-Vệ và Tưởng Giới-Thạch hợp ý-kiến với nhau.

Uông Tinh-Vệ có tuyên-ngôn rằng: Tại cuộc hội nghị Đường-cô, chỉ bàn về việc chiến-sự thôi, và không có bó buộc về vấn-đề địa-hạt Trung-hoa, và về cái địa-vị Trung-hoa.

Về việc Nội-vụ thì Uông nói chính-phủ không những phải chống với đảng Cộng-sản. Nhưng lại chống chọi cả các sự khó khăn khác. Câu sau này là ám chỉ việc mâu-thuẫn của Quảng-châu và Phùng Ngọc-Tường.

Uông Tinh-Vệ lại tuyên-bố bày tỏ mọi lẽ nói chính-phủ xét ra cần phải điều-đình cho xong việc chiến-tranh, vì địch-quân có khí-giới hoàn-bị hơn khí giới của Trung-hoa nhiều lắm, không sao chống chọi được, và có nói tuy việc ký giao-ước đình-chiến là một việc đau đớn cho lòng ái-quốc của Trung-hoa, song giao-ước ấy không bó buộc gì chính-phủ về các vấn-đề chính-trị.

Tình-hình mặt Hoa-bắc. — Gần đây quân Nhật đã vượt qua Vạn-lý trường-thành mà lấn vào trong nội-địa nước Tàu, bao-vi khắp cả bốn mặt Bắc-bình. Hà Ứng-Khâm đóng quân ở Mật-vân là nơi phên-giậu cho Bắc-bình, thì bị quân Nhật ở Cổ-bắc-khẩu đánh vào, Mật-vân thất-thủ, chỉ còn cách Bắc-bình độ 12 dặm. Nhật lại chia hai toán quân: một toán do Hỉ-phong-khẩu đánh vào Tuân-hóa, đuổi đánh quân Tống Triết-Nguyên đến mãi Kế-huyện;

một toán đánh vào Cổ-dã Phong-nhuận, rồi kéo luôn đến Ngọc-điền. Cuối tháng này lại có tin quân Nhật đánh đến Đường-sơn, lại tiến vào đến cả Loan-đông, Loan-tây nữa. Nếu như vậy thì người Nhật muốn đánh lấy Bắc-bình thực là dễ như trở bàn tay. Tuy rằng quân Tàu cũng cố ra sức kháng-cự, như là đã mất thành Đa-luân, mà quân Phùng Ngọc-Tường cũng quyết đánh cho khôi-phục lại được ; đã mất thành Thiên-an mà quân Vương Dĩ-Triết lại phản-công mà lấy lại được ; quân Tàu mà xung-phong liều chết đánh nhau như thế, thì thiệt-hại rất nhiều. Kế-hoạch quân Nhật lại định đánh Sát-cáp-nhĩ, hiện chia ba đường : 1) Từ Đa-luân thẳng đến Độc-hạch-khẩu ; 2) Từ Đa-luân thẳng đến Cô-nguyên, quân Mãn-châu làm chủ-lực ; 3) Lợi-dụng thổ-phỉ Mông-cổ quanh đánh Khang-bảo, phía bắc Trương-gia-khẩu, để quấy rối mặt sau quân Tàu. Phùng Ngọc-Tường đã ba lần điện cho Chính-phủ Trung-ương, hai lần điện cho Diêm Tích-Sơn nói tình-thế tỉnh Sát-cáp-nhĩ rất là nguy-cấp.

Hiện nay đường trận quân Trung-hoa bắt đầu từ phía nam Ngưu-lan-sơn đến chỗ cách phía đông-bắc Bắc-bình 25 cây-số ; và đến phía đông Tung-chou. Quân Trung-hoa lui dần, mà không chắc có thể đứng lại được ở nơi xa Bắc-bình hay không? Tình-thế Bình, Tân đã nguy-ngập như thế, mà các đảng-phái thấy Tưởng Giới-Thạch ra chiều thỏa-hiệp với Nhật, một phần quân-nhân muốn cải-tạo cục-diện miền Bắc để làm trọn việc kháng Nhật, nhưng ý-kiến lại không hợp nhau, Vu Học-Trung từ sau khi Trương Học-Lương từ-chức, tuyên-ngôn chỉ theo Ngô Bội-Phu, nhưng Ngô thì định trước hãy lập chính-phủ Hoa-bắc, rồi quyết kháng Nhật cho đến cùng ; mà bọn Tôn Truyền-Phương, Từ Nhiếp-Nguyên, Vương Hoài-Khánh, thì định lập chính-phủ Hoa-bắc, ngầm thỏa-hiệp với Nhật, mượn cái danh bảo-cảnh an-dân, để hoãn sự xung-đột. Phùng Ngọc-Tường thì nóng muốn lại ra, Diêm Tích-Sơn thì vẫn giữ thái-độ trầm-tĩnh xem cuộc đời biến-đổi ra sao ; anh nào cũng chỉ tính lấy lợi mình, nên đều bị Tưởng phân-hóa. Ấy cái thời-cục miền Hoa-bắc hiện nay hỗn-loạn như thế.

Chính-phủ Nam-kinh mới rồi có phái Hoàng-Phu lên miền bắc, Uông Tinh-Vệ có điện cho Hoàng-Phu được toàn-quyền sử-lý việc ngoại-giao ; cốt khiến cho Bắc-bình và Thiên-tân được yên-ổn, để giữ vững miền Hoa-bắc. Có điều-đình về hai việc : một là điều-đình về việc đặt cuộc đình-chiến, hai là điều-đình về việc cho quân Nam-kinh rút khỏi Bắc-bình. Việc thứ nhất điều-đình chậm-chạp là vì có mấy viên tướng Trung-hoa cứ đòi chống-cự đến kỳ-cùng và không chịu tuân-lệnh của Hoàng-Phu mà cứ đánh nhau. Người Nhật thì tỏ ra cái thái-độ hòa-hiếu và đã hạ lệnh thôi đừng đánh Đông-châu và hạ Bắc-bình nữa.

Phùng Ngọc-Tường thì không đồng-ý với chính-phủ Nam-kinh về việc điều-đình với Nhật, ngày 26 Phùng đã thông-điện nhận chức Dân-chúng kháng Nhật đồng-minh-quân Tổng-tư-lệnh. Phùng có điện cho các nhà đương-cục Tây-Nam nói rằng : Chiến-cục kháng Nhật ở Hoa-bắc mà bại-hoại là vì chưa chịu đem toàn-lực quyết-chiến mà nên nỗi, quân Nhật nay đã bách đến bên ngoài Bình, Tân, lại tuyên-ngôn quyết lấy tỉnh Sát-cáp-nhĩ, có thể bắt ta phải thề ở dưới thành. Sự-thế ngày nay không thể lại mong cầu-an mãi được. Tưởng bách vì đại-nghĩa và dân-chúng thúc giục đã ra nhận chức Dân-chúng kháng Nhật đồng-minh-quân Tổng-tư-lệnh ; biên-luyện nghĩa-quân các đạo có thể được

10 vạn quân, quyết lập tức đi ngay giết giặc lấy lại sơn hà của ta, còn được hay thua không hề nghĩ đến.

Các nhà đương-cục Tây Nam đã điện biểu-đồng-tình với Phùng. Bọn Trương Tác-Tường, Vạn Phúc-Lân và các tướng-lĩnh miền Hoa-bắc ngày 30 có liên-danh phát hai bức thông-điện, hưởng-ứng bức thông-điện nhận chức của Phùng. Nhưng ngày 31 lại có bức thông-điện của Vạn Phúc-Lân, Vu Học-Trung, Thương Chấn, Tống Triết-Nguyên, Hà Tru-Quốc, Ông Chiếu-Viên hơn 40 tướng-lĩnh, không nhận là có quan-hệ với hai bức thông-điện kia, nói đó là do kẻ mạo danh phát ra, có ý ly-gián các lĩnh-tụ miền Hoa-bắc.

Phùng Ngọc-Tường đặt Tổng-bộ ở Trương-gia-khẩu cử Cát Hồng-Xương chủ-trì và ủy Đông Lân-Các làm chủ-tịch Sát-cáp-nhĩ.

Sớm ngày 31 Hoàng Phu có phái đại-biểu đến Trương-gia-khẩu yết-kiến Phùng Ngọc-Tường giải-thích cái thái-độ việc đàm-phán hưu-chiến của Chính-phủ Trung-ương, Hoàng Phu cho sự Phùng nhận chức mới ấy không đến nỗi ảnh-hưởng đến việc hưu-chiến, cái yếu-điểm bức điện của Phùng chẳng qua là nói dùng võ-lực để giữ lấy tỉnh Sát-cáp-nhĩ, rồi thu-phục các đất đã mất, người nào thực kháng Nhật ấy là bạn, người nào giả kháng Nhật ấy là thù-địch.

Hoàng Phu đã cùng với phái-bộ Nhật-bản hội-nghị ở Đường-cô, công việc giao-ước đã xong. Đó là một bản giao-ước binh-vụ tạm-thời. Đường trận của Nhật sẽ lấy những nơi sau này làm giới-hạn : Trường-bình, Shi-Nga, Đông-châu, Hưng-hà, Pao-ti, Ninh-hà, các quan Trung-hoa sẽ rút hết các đạo quân của Chính-phủ Nam-kinh đem đi đường hỏa-xa từ Bắc-kinh đến Hán-khẩu, còn quân Nhật cứ đóng ở các đồn hiện đóng bây giờ. Người Trung-hoa cam-đoan giữ trật-tự ở đàng sau các đường trận, và giữ gìn cho quân Trung-hoa không được dùng một thái-độ khiêu-chiến.

Cứ như tin tức ở Thiên-tân thì giao ước đình-chiến có 5 khoản như sau này :

1. — Quân Trung-hoa sẽ rút theo một đường đã ấn-định trước.

2. — Trong khi quân Trung-hoa rút, Nhật-bản sẽ dùng tầu bay, hoặc một cách khác để kiểm-soát.

3. — Quân Trung-hoa rút xong thì quân Nhật sẽ rút theo đường Vạn-lý Trường-thành.

4. — Lính Cảnh-sát Trung-hoa sẽ trông nom địa-hạt từ Trường-thành đến chỗ các đồn Trung-hoa.

5.— Giao-ước ký xong thì thi-hành ngay.

Quân hai bên đều đã thi-hành đúng các khoản trong giao-ước đình-chiến, đều rút lui cả. Tình-hình ở Bắc-bình mới tạm yên tĩnh.

Các quan chức tuyên-bố rằng: Trong giao-ước đình-chiến không có khoản gì bí-mật. Uông Tinh-Vệ cũng nhắc lại rằng việc ký giao-ước đình-chiến không phải là Trung-hoa bỏ các địa-hạt ở phía bắc Trường-thành. Ông nói: muốn lấy lại các địa-hạt bị mất, nước Trung-hoa không cần phải tăng số binh lính, nhưng cần phải chấn-chỉnh về tất cả các phương-diện mới được.

Uông Tinh-Vệ có phát-biểu về việc đình-chiến như sau này: Việc đàm-phán đình-chiến ở Hà-bắc lần này, chỉ bạn về quân-sự, không can-thiệp đến chính-trị, tức như các đại-biểu đều do các nhà đương-cục quân-sự ở tiền-phương phái ra, có thể chứng tỏ được, vì đại-biểu không có quyền đàm-phán về vấn-đề chính-trị. Có người bảo

trước kia vì không đề-kháng mà mất đất, nay vì đề-kháng mà mất đất, điều đó thực thế, nếu ai đã lượng tính đến cái quốc-lực hiện nay, thì đề-kháng không thể được thắng-lợi cũng tự biết rồi, biết mà còn đề-kháng, cũng chỉ là làm hết sức mình, và theo như điều mà bụng mình lấy làm phải đó thôi. Ba tháng nay, quân ta ở một giải Trường-thành, cùng quân Nhật khổ-chiến, quân Nhật cậy có những chiến-cụ rất tốt hiện-thời, như súng trái phá nặng, xe phá lũy, máy bay, đều là những cái quân ta không có, cho dù có thì cũng ít lắm và kém lắm, đều không đủ chống được, chỉ cậy có tấm lòng trung-dũng và tấm thân máu thịt của quân lính mà thôi. Trận-địa bị phá, xác thịt và sinh-mệnh cũng cùng tan, sau khi tử-thương, vì chiến-lược mà phải lui, những sự thê-thảm tráng-liệt, thực đã rõ-ràng. Gia-dĩ quân cộng-sản quấy rối ở các nơi, và những sự ngăn trở khác, quân cứu-viện không thể mỗi lúc đến được, làm cho cái kế-hoạch quân-sự đã định không thể thực-hành được, mà nhân-dân ở chiến-địa cung-ứng vất vả, và vì binh lửa mà bị điên-bái lưu-li, đó là những sự cả nước đều trông thấy. Phàm những sự hi-sinh ấy đều là tỏ ra ý-kiến quyết vì nước nhà tranh nhân-cách, vì dân-tộc cầu sinh-tồn, đến sự được hỏng nên chăng, chưa hề có nghĩ tới. Đang lúc này, quân-đội của chính-phủ, một hơi thở hãy còn, cái lòng quả-quyết hi-sinh cuối cùng tất không chịu bỏ. Cho nên đối với những điều bên ngoài nói là chịu thoái nhượng quân Nhật, chịu thừa nhận « Mãn-châu-quốc », tôi dám bảo-chứng là không có. Còn như sự hòa-hoãn về cục-bộ, không có ảnh-hưởng gì đến chủ-quyền lĩnh-thổ và cái địa-vị đã được ở trong khoảng quốc-tế. Chỉ có điều muốn cho những quân-đội chịu khó-nhọc đã lâu và những nhân-dân bị cùng-khổ được chút nghỉ-ngơi yên-ổn, thì chính-phủ quả-quyết làm đó thôi...

Việc trong nước

(Từ mồng 1 đến 31 tháng 5 năm 1933)

Cuộc cải-cách ở Triều-đình Huế. — *Ngày 2 tháng 5 năm 1933 (mồng 8 tháng 4 năm Bảo-đại thứ 8), đức Bảo-đại ý-hiệp với quan Toàn-quyền* Pasquier *chỉnh-đốn lại Chính-phủ Nam-triều ở Huế, đã tuyên-bố đạo chỉ-dụ cho năm quan Thượng-thư :* Nguyễn Hữu-Bài *Quận-công Cơ-mật viện-trưởng,* Võ Liêm *Lễ-bộ Thượng-thư,* Tôn-Thất Đàn *Hình-bộ Thượng-thư,* Phạm Liệu *Binh-bộ Thượng-thư và* Vương Tứ-Đại *Công-bộ Thượng-thư, đều về hưu-trí ; bãi chức Cơ-mật-viện-trưởng, tổ-chức một chính-phủ mới chỉ đặt có năm bộ là: 1) Bộ Lại; 2) Bộ Quốc-dân giáo-dục ; 3) Bộ Tài-chánh và Xã-hội cứu-tế ; 4) Bộ Tư-pháp ; 5) Bộ Công-tác, kiêm Mĩ-thuật và Lễ-nghi. Năm bộ ấy định bổ năm quan Thượng-thư mới như sau này :*

Quan Ngô Đình-Diệm, *hiện lãnh Tuần-vũ Bình-thuận, bổ Thượng-thư bộ Lại ;*

Quan Phạm Quỳnh *bổ Thượng-thư bộ Quốc-dân giáo-dục, vẫn kiêm chức Ngự-tiền Văn-phòng Tổng-lý ;*

Quan Hồ Đắc-Khải *hiện Tổng-đốc Bình-định, bổ Thượng-thư bộ Tài-chính và Xã-hội cứu tế ;*

Quan Bùi Bằng-Đoàn *hiện Tuần-phủ Ninh-bình (Bắc-kỳ) bổ Thượng-thư bộ Tư-pháp ;*

Quan Thái Văn-Toản, *hàm Hiệp-tá Đại-học-sĩ bổ Thượng-thư bộ Công-tác kiêm bộ Mĩ-thuật và Lễ-nghi.*

Các quan Thượng-thư mới đều định hạn bổ dụng ba năm.

Việc kén bổ các quan Thượng mới chỉ cốt chọn lấy người có đức-hạnh học-thức phẩm-giá và danh-tiếng tốt, chứ không kể gì phẩm-trật và niên-hạn.

Các quan Thượng-thư, ngoài chức-vụ ở bộ mình lại hợp lại thành một ban « Hội-đồng cải-cách » do quan Khâm-sứ Trung-kỳ chủ-tọa, quan Ngự-tiền Văn-phòng tổng-lý làm Điều-tra tổng-ủy-viên để sửa soạn các điều thực-hành sự cải-cách về hành-chính tư-pháp và xã-hội.

Lại định sẽ hiệp-ý cùng chính-phủ bảo-hộ bãi mấy chức Hội-lý các bộ đi và dự-định cử mấy quan Cố-vấn chuyên-môn thay vào.

Xử vụ cộng-sản ở Nam-kỳ.—*Ngày 2 tháng 5, tòa án Đại-hình Sài-gòn đã họp để xử 122 người can vào 7 vụ làm rối cuộc trị-an tự năm 1930 — 1931. Phiên tòa này quan chính-tòa* WEIL *làm chủ tọa, hai ông bồi-thẩm là* PIERRE *và* FILATRIAU *ông* WALRAND *là trưởng-lý, 7 vụ đem xử là ;*

1° Vụ ám-sát Hương-trưởng Hượt ở làng Tân-tạo (Ba-hom) hồi tháng giêng năm 1930 ;

2° Vụ ám-sát Hương-cả Dương và Hương-quản Mây ở làng Hữu-thanh, tháng 9, năm 1930 ;

3° Vụ mưu-sát Hương-cả Huỳnh Văn-Nam ở Đức-hòa, tháng 9 năm 1930 ;

4° Vụ lấy trộm 2 cây súng liên-thanh, 4 cây súng trường và đạn ở đồn Ô ma, tháng giêng năm 1930 ;

5° Vụ diễn-thuyết tại Nhà bè, Bếp Thọ bị giết, tháng 3 năm 1931 ;

6° Vụ giết Lê Quang-Chiêu làng Đạo-ngạn (Mĩ-thọ), tháng 4 năm 1931 ;

7° Vụ cướp tầu Nguyễn Văn-Kiệu chạy đường Trà-vinh Mĩ-tho.

Cuộc thẩm-vấn luôn mấy ngày, đến 4 giờ sáng ngày 8 tháng 5 mới tuyên-án như sau này :

8 người bị xử-tử: Huỳnh Văn-Bính, Nguyễn Văn-Tôn, Huỳnh Văn-Gon, Nguyễn Văn-Út, Đặng Văn-Cự, Phạm Văn-Cương, Đặng Văn-Lương và Lê Quang-Sung.

10 người bị khổ-sai chung-thân : Nguyễn Văn-Lang, Nguyễn Chi-Diêu, Võ Văn-Lợi, Hồ Văn-Long, Cao Văn-Tiên, Nguyễn Văn-Ngữ, Ngô Thiện, Nguyễn Hành-Thống, Hồ Văn-Mộc và Trần Văn-Khá.

7 người bị đi đầy : Dương Hạc-Đinh, Thái Văn-Chước, Nguyễn Xuân-Luyện, Ngô Gia-Tự, Nguyễn Văn-Tài, Lê văn-Hậu và Nguyễn Thái.

7 người bị 20 năm cấm-cố.

9 người bị 20 năm khổ-sai.

12 người được trắng án,

Còn những người khác đều bị án từ 5 năm khổ-sai đến 15 năm cấm-cố.

Triều-đình Huế mới đặt ba quan Cố-vấn chuyên-môn.— *Theo đạo chỉ-dụ của đức Bảo-đại ngày 2 tháng 5 về việc cải-cách trong Triều-đình Huế có định đặt các quan Cố-vấn chuyên-môn cho các Bộ. Nay đức Bảo-đại đã hiệp-ý cùng quan Khâm-sứ* THIBAUDEAU *cử ba quan Cố-vấn sau này : 1) ông* DU BASTY *nguyên Hội-lý bộ Hình, nay cử làm Cố-vấn chuyên-môn bộ Lại, bộ Tư-pháp, bộ Tài-chính và xã-hội cứu-tế ; 2) ông* DÉLÉTIE *chánh đốc-học Trung-kỳ, nay cử làm Cố-vấn chuyên-môn bộ Quốc-dân giáo-dục ; 3) ông* LAGISQUET *kỹ-sư kiến-trúc sở Công-tác, nay cử làm Cố-vấn chuyên-môn bộ Công-tác và Mĩ-thuật.*

Hai quan Giám-đốc Trung-kỳ.— *Theo chỉ-dụ đức Bảo-đại ngày 10 tháng 4 ta (4-5-1933) đã đặt hai quan Giám-đốc hành-chính và chính-trị ở xứ Trung-*

kỳ : Quan Tổng đốc Thanh-hóa TÔN-THẤT QUẢNG *giám-đốc các tỉnh miền bắc Trung-kỳ ; quan Tổng-đốc Quảng-nam* NGÔ ĐÌNH-KHÔI *giám-đốc các tỉnh miền nam Trung-kỳ. Các quan Giám-đốc sẽ thương đồng với các quan Công-sứ các tỉnh để khảo-sát các việc hành-chính và chính-trị rồi tâu lên.*

Hội-đồng Cố-vấn.— *Ngày 5 tháng 5, Hội-đồng Cố-vấn đã họp tại phủ Thống-sứ Hà-nội, do quan Thống-sứ Bắc-kỳ chủ-tọa.*

Khánh-thành nhà Chấn-hưng Mĩ-nghệ Hà-đông.— *Ngày mồng 7, tại tỉnh Hà-đông đã làm lễ khánh-thành nhà Chấn-hưng mĩ-nghệ mới làm xong ở bên ngoài đầu cầu Đơ, có bày các đồ mĩ-nghệ và làm nhiều trò vui trong 8 ngày cho công-chúng đến xem. Lễ này có quan Toàn-quyền* PASQUIER, *quan phó Toàn-quyền* GRAFFEUIL *và quan Thống-sứ* PAGÈS *đến chủ-tọa.*

Hội-đồng Bảo-hộ.— *Mồng 8, hội-đồng Bảo-hộ đã họp tại phủ Thống-sứ Hà-nội, do quan Thống-sứ* PAGÈS *chủ-tọa.*

Hội-đồng chính-phủ.— *Sáng thứ bảy 13 tháng 5 này ban thường-trực của hội-đồng chính-phủ đã họp tại phủ Toan-quyền Hà-nội do quan Toàn-quyền* PASQUIER *chủ-tọa.*

Hội-đồng Thượng-thư họp lần thứ nhất — *Hồi 3 giờ chiều thứ tư 17* Mai, *các quan Thượng-thư mới đã họp kỳ hội-đồng lần thứ nhất tại viện Cơ-mật Huế, do quan quyền Khâm-sứ Trung-kỳ* THIBAUDEAU *chủ-tọa. Hội-đồng có các quan Thượng-thư* PHẠM QUỲNH, BÙI BẰNG-ĐOÀN, THÁI VĂN-TOẢN, HỒ ĐẮC-KHẢI, NGÔ ĐÌNH-DIỆM, *và ông Viện trưởng Dân-biểu Trung-kỳ* NGUYỄN TRÁC; *có các qui-quan* COLLET *cố-vấn pháp-luật Trung-kỳ,* DÉLÉTIE *cố-vấn bộ quốc-dân giáo-dục,* DU BASTY *cố-vấn bộ Lại bộ Tư-pháp, bộ Tài-chính và xã-hội cứu-tế. Ông* HÀ VĂN-LAN *là thư-ký của Hội-đồng.*

Quan Khâm-sứ khai-mạc hội-đồng rồi đọc một bài diễn-văn, quan THÁI VĂN-TOẢN *nói đáp lại, xong thì hội-đồng giải-tán hồi 4 giờ chiều.*

Quan Thống-soái mới Đông-Pháp.— *Hồi 7 giờ sáng ngày 17 quan Thống-soái* VERDIER *đã ở chiếc tàu* « Félix Roussel » *lên đất Sài-gòn, sau cuộc đón rước ngài về bản-dinh ở phố* Pellerin.

Ngày 20, quan Thống-soái VERDIER *cùng quan Nguyên-soái* BIDON *đi Pnom-penh, tiếp quan Khâm-sứ Cao-miên, thăm các đồn binh và yết-kiến vua Cao-miên rồi về Sài-gòn.*

Ngày 22, Ngài biệt Sài-gòn đi Nha-trang để ra Huế.

Ngày 26 đã tới Huế, Ngài hội-kiến cùng quan Toàn-quyền PASQUIER *và vào yết-kiến vua Bảo-đại rồi đi Hà-nội.*

Ngày 29, quan Thống-soái đã tới Hà-nội.

Khánh-thành tấm bia kỷ-niệm quan Henri Rivière.— Hồi 5 giờ chiều 19 tháng 5 này, quan Toàn-quyền PASQUIER, *quan Thống-sứ* PAGÈS *đến viện Bảo-tàng* Louis-Finot *đã chủ-lễ khánh-thành tấm bia kỷ-niệm quan Đại-sứ* HENRI RIVIÈRE. *Ông* CŒDÈS *Đốc-học trường Viễn-đông đọc chúc-từ, quan Toàn-quyền mở bức màn phủ tấm bia kỷ-niệm, rồi ông* MASSON *đọc diễn-văn kể tiểu-sử và sự-nghiệp quan* HENRI RIVIÈRE *là quan Đại-sứ thứ nhất nước Pháp ở Bắc-kỳ từ 50 năm trước đây.*

Đông-dương Đại-hội-nghị.— *Ban Thường-trực Đông-dương Đại-hội-nghị đã họp tại phủ Toàn-quyền ngày 19* Mai *để bàn các vấn-đề sau này :*

1) Hồi lại sổ A. và C. phụ-đính với nghị-định ngày 17 tháng chạp 1932 về thuế chung các sản-vật trong cõi.

2) Đổi lại điều 13 và 18 nghị-định ngày 14 tháng chạp 1932 qui-định về các thứ dầu mỏ và chất đốt cháy.

3) Qui-định về việc thuyền-bè đi trên sông chánh trong các sông dẫn-thủy ở Thanh-hóa.

4) Đổi lại sổ dự-toán Đông-dương năm 1933.

Sổ dự-toán năm nay phải đổi lại là vì không thể theo được như số đã định trước. Bởi vậy nay sở tài-chính lại phải rút bớt các khoản chi thu đi nữa, như giảm bớt mấy sở hiện nay không thiết-yếu lắm, cho mấy hạng viên-chức sớm về hưu, giảm lương-bổng các viên chức, giảm khoản chi tiêu về công-tác vân-vân. Bởi vậy mà sổ dự-toán thường trước định là 74.713.950 đồng, nay rút xuống 69.350.438 đồng và sổ dự-toán bất-thường trước định là 3.743.540 đồng nay rút xuống 3.539.980 đồng, nghĩa là rút bớt đi được 5.567.072 đồng nữa.

Hội-đồng Chính-phủ.— Sáng thứ bảy 20 Mai, Hội-đồng chính-phủ đã họp tại phủ Toàn-quyền, do quan Toàn-quyền PASQUIER chủ-tọa.

Các vấn-đề đem bàn trong kỳ này là mấy việc đã xét tại ban Thường-trực Đại-hội-nghị cùng những việc linh-tinh khác.

Tòa Thượng-thẩm xử lại vụ hội-kín Hải-dương.—Sáng ngày 22, tòa thượng-thẩm Hà-nội đã họp để xử lại vụ hội-kín Hải-dương, quan tham-nghị COPPIN chủ-tịch. Tòa hỏi xét lại từng người rồi tuyên-án như sau này:

20 năm khổ-sai, 20 năm quản-thúc: Vũ-Vát tức Khóa-Vát. Khóa-Vát lại bị tòa kết thêm 1 năm tù về tội dùng thẻ tên người khác, nhưng hạn tù này nhập làm một với 20 năm khổ-sai.

15 năm khổ-sai, 15 năm quản-thúc: Phạm Văn-Chuyến,

7 năm khổ-sai, 10 năm quản-thúc: Bổ Văn-Tệ, Bùi Văn-Sự, Phạm Văn-Nhụ.

5 năm khổ-sai, 10 năm quản-thúc: Nguyễn-Đại, Nguyễn Văn-Tôn, Lê Quý-Niệm, Phạm Hữu-Tông, Mạc Văn-Giễn, Lê Văn-Kỳ.

5 năm khổ-sai, 5 năm quản-thúc: Trần Văn-Thân.

5 năm tù, 5 năm quản-thúc: Phạm Xuân-Độ, Nguyễn Ngọc-Diệp, Trịnh Giáp, Nguyễn Văn-Kha, Dương Xuân-Cơ, Lê Tâm.

3 năm tù, 5 năm quản-thúc: Phạm Thế-Hệ, Phạm Văn-Nhã.

2 năm tù, 5 năm quản-thúc: Phạm Huy-Lược, Mạc Văn-Được.

1 năm tù: Nguyễn Đình-Sơ.

5 năm quản-thúc: Vương Văn-Thuyết.

Trắng án: Bùi Văn-Cư, Bùi Văn-Huyến, Đỗ Văn-Nhuận, Đỗ Văn-Trạch, Nguyễn Văn-Lực.

3 năm tù án treo, 5 năm quản-thúc: Phạm Văn-Thảo.

2 năm tù án treo, 5 năm quản-thúc: Phạm Văn-Duyên, Nguyễn Văn-Thiều, Nguyễn Văn-Quyến, Nguyễn Văn-Vung, Nguyễn Ngọc-Đăng, Lê Văn-Lưu, Mạc Văn-Vênh, Mạc Văn-Bằng, Nguyễn Văn-Nhiệm (vắng mặt), Bùi Văn Khải, Nguyễn Văn-Mẫn, Nguyễn Gương, Nguyễn Văn-Phú.

Quan Toàn-quyền vô Nam.— Ngày 24 Mai, quan Toàn-quyền đã từ Hà-nội vô Huế, ngày 25 Ngài dự lễ Hưng-quốc khánh-niệm, ngày 27 đã từ Huế vô Sài-gòn.

Lễ Hưng-quốc khánh-niệm.— Ngày 25 (mồng 2 tháng 5 ta), vua Bảo-đại

làm lễ Hưng-quốc khánh-niệm tại Thế-miếu rất long-trọng, rồi thiết triều tại điện Cần-chính, có quan Toàn-quyền dự-lễ.

Nội-các mới định mỗi tháng họp hai kỳ Hội-đồng đêm. — *Tối hôm 25, các quan Thượng-thư có họp một kỳ hội-đồng tại viện Cơ-mật để xét những tập hồ-sơ mà Nội-các cũ chưa xét đến. Nội-các mới đã xét hết và xếp đặt có thứ-tự, của bộ nào giao về bộ ấy. Nội-các định từ đây mỗi tháng sẽ họp hai kỳ hội-đồng đêm vào tối thứ năm tuần lễ thứ nhì và thứ tư để xét các việc quan-trọng trước khi đệ lên Hoàng-thượng hay là quan Khâm-sứ.*

Các quan Thương-thư mới đã làm lễ cung-chức. — *Hồi 9 giờ sáng 26, tại điện Cần-chính, các quan Thượng-thư mới đã làm lễ cung-chức, đức Bảo-đại ngự đến chủ-tọa, có quan Toàn-quyền* PASQUIER, *quan Khâm-sứ* THIBAUDEAU *và đông các quan Tây Nam đến chứng-kiến.*

Quyền-hạn của các quan trong Triều-đình Huế. — *Đức Bảo-đại đã xuống một đạo Sắc-dụ định rõ quyền-hạn cho các quan trong Triều như sau này:*

Dụ ngày 29 tháng tư năm Bảo-đại thứ 8 (23 Mai 1933.)

Từ khi ta thân-lâm quốc-chánh, ta đã xét thấy sự tổ-chức và sự tác-dụng của Chính-phủ Nam-triều. Ta nhận thấy rằng mãi tới nay, trong Chính-phủ chưa có một bản luật ấn-định thể-lệ các việc hành-chánh. Vì thế, có những việc chỉ thuộc quyền các bộ thôi thì lại tấu lên cho ta xét. Chính những bộ ấy lại cũng không biết đích quyền-hạn của mình đến đâu; cho nên thường khi các bộ muốn coi mình như là những sở giữ việc chuyển-đệ các giấy má, không có trách-nhiệm và không có sáng-kiến, rồi trút hết các việc quan-trọng cho viện Cơ-mật. Cả đến viện Cơ-mật cũng chệch ra ngoài cái địa-vị chính của nó nữa. Viện ấy là một Hội-đồng mà thành ra một cơ-quan hành-chánh không có quyền-hạn phân-minh và lấn cả quyền các bộ.

Tình-trạng ấy nếu cứ để thế thì tất phương-hại cho sự tiến-hành các việc.

Vậy trước khi thực-hành những việc cải-cách mà ta đang nghiên-cứu với các quan đại-diện nước Bảo-hộ, ta tưởng phải lập ra một qui-củ trong cách làm việc để tránh những cái bất-tiện trên kia và sửa sang cái chế-độ nội-trị của Chính-phủ Nam-triều, ngõ hầu khiến cho các cơ-quan hành-chánh làm việc được trật-tự và đúng phương-pháp hơn.

Cho nên ta đã ban lệnh cho Ngự-tiền văn-phòng thương-đồng với tòa Khâm mà định ra một qui-tắc chung cho tất cả các việc hành-chánh ở trong triều.

Cái qui-tắc ấy dự-định ba trường-hợp:

1) Trường-hợp mà ta giữ lấy phần quyết-nghị, sau khi thương-đồng với tòa Khâm, hoặc do Ngự-tiền văn-phòng trực-tấu, hoặc do một bộ nào đệ lên.

2) Trường-hợp mà phần quyết-nghị đã định, sau khi hỏi ý-kiến hội-đồng các quan Thượng-thư.

3) Trường-hợp mà phần quyết-nghị thuộc về một bộ nào có quyền xét, nhưng sau phải tâu lên ngự-lãm.

Ta đã cho lập những bảng kê những việc do ta tự ý quyết-nghị và những việc phải quyết-định sau khi hỏi ý-kiến hội-đồng các quan Thượng-thư cùng là những việc do các bộ có biệt-quyền quyết-định.

Những bảng ấy ấn-định chức quyền các cơ-quan hành-chánh của chính-phủ Nam-triều.

Những bảng ấy có thể hoán-cải hoặc bổ-túc, nhưng hiện-thời thì đại khái các cơ-quan ấy phải như sau này:

I.— *Các bộ không được là những phòng giấy chuyên việc chuyển-tấu, không trách-nhiệm và không sáng-kiến như bây giờ, mà phải là những cơ-quan có trách-nhiệm có chức-quyền phân-minh và hành-động ở trong phạm-vi những chức-quyền ấy, dưới quyền kiểm-sát của Hoàng-thượng và quan Khâm-sứ.*

II.— *Viện Cơ-mật là một hội-đồng chứ không phải là một bộ ở trên các bộ khác và lấn quyền các bộ ấy. Tới nay, viện ấy dùng làm một cơ-quan tập-trung và liên-lạc các bộ, cái địa-vị ấy từ nay thuộc về Ngự-tiền văn-phòng. Viện Cơ-mật do Hoàng-thượng chủ-tọa mới thật là viện Cơ-mật theo đúng với cổ-chế. Khi nào do quan Khâm-sứ chủ tọa thì viện ấy lấy tên là Hội-đồng các quan Thượng-thư hay Hội-đồng Cải-cách và phải nghiên-cứu những việc quan-trọng do các bộ đề-xướng trước khi dâng lên Hoàng-thượng quyết-định hay chuẩn-y.*

III.— *Theo cái hiến-pháp nguyên-thủy của nước Nam, thì Hoàng-thượng có thực quyền giám-đốc các việc của Chính-phủ. Quyền giám đốc ấy, Hoàng-thượng tự đảm lấy hay trao cho các quan Thượng-thư. Trong phạm-vi lập-pháp hay hành-chánh, quyền nhà vua phát-biểu những giấy tờ sau này :*

1) Dụ.—*Là những giấy-tờ ban-hành các đạo luật cho cả nước theo, những giấy-tờ có tính-cách tư-pháp lập ra những thể-lệ đại cương và vĩnh-viễn trong phạm-vi lập-pháp và dự-định cách trừng-phạt những kẻ làm trái luật.*

2) Sắc.— *Là những giấy-tờ lập ra các thể lệ bắt buộc phải theo trong phạm-vi hành-chánh. Những giấy-tờ ấy cũng có thể dự-định cách trừng-phạt.*

3) Chỉ. — *Là những giấy-tờ thuộc về phạm-vi chính-trị để điều-lý các việc không cần phải ban tờ dụ hay tờ sắc.*

Các quan Thượng-thư là người ủy-quyền của Hoàng-thượng, trong cái giới-hạn chức quyền của mình, có thể ban-bố :

1) Những nghị-định.— *Về những việc có tính-cách chung và bắt buộc cho các viên-chức của chánh-phủ hay cho những người dân thường.*

Trong nghị-định ấy phải nói rõ chiếu-chỉ ở tờ dụ, tờ sắc, hay tờ chỉ nào.

2) Thông-tư.— *Là những huấn-lệnh cho các viên-chức của chánh-phủ về những việc thuộc quyền riêng từng bộ.*

Sau cùng, cho được thực-hành những tờ dụ, tờ sắc, và tờ chỉ của ta, lại có những điều-lệ và qui-tắc do hội-đồng các quan Thượng-thư qui-định rồi dâng lên ngự-lãm duyệt-y tại viện Cơ-mật hay ngoài viện Cơ-mật, tùy ý ta.

Những tờ dụ, sắc, chỉ điều-lệ và qui-tắc phải có chữ ký của quan Khâm-sứ rồi chánh-phủ Nam-triều mới được thi-hành.

IV.— *Cho được tôn trọng cái tinh-thần chủ-quyền của ta, về tất cả các việc đã trao cho các quan Thượng-thư. Ta vẫn có quyền xét lại trong một thời-hạn không quá sáu tháng, tính từ sau ngày ban-bố.*

Đó là vài cái tôn-chỉ ta muốn cho được tỏ rạng nên ban-bố đạo luật hành-chánh mới này. Trước khi lập ra cái mới, phải sửa-sang lại cái hiện có đã. Trước khi thực-hành những việc cải-cách lớn-lao, phải thu xếp cho chánh-phủ hiện-thời có trật-tự đã.

Ấy là cái mục-đích mà ta theo đuổi trong khi sửa-sang lại các bánh xe trong bộ máy chánh-trị của Nam-triều.

Khâm-thử

Giới-thiệu sách mới báo mới

Nho-giáo.— *Của ông Lệ-thần Trần Trọng-Kim soạn-thuật. Năm trước cuốn* Nho-giáo *thứ nhất xuất-bản, đã được công-chúng hoan-nghênh, đã ra đến*

tái-bản. Nay cuốn thứ hai và thứ ba cũng đã in xong, thế là bộ Nho-giáo đã cáo-thành cả toàn-bộ. Nước Nam ta là một nước xưa kia vốn theo Nho-giáo, trong nước dầm-thấm Nho-giáo đã mấy nghìn năm, luân-thường, phong-tục, chính-trị, lễ-phép, tập-quán, bất cứ việc gì đều là gốc ở Nho-giáo, không những là luân-lý trong gia-đình, trật-tự ngoài xã-hội, cho đến những cách cư-xử, đường giao-thiệp, kỷ-cương, chế-độ, đều gốc ở Nho-giáo mà ra, cả đến tiếng nói cũng phần nhiều là tiếng chữ nho. Nho-giáo ở nước Nam đã thành ra một cái nền-tảng vững-vàng, không thể một chốc-lát mà bỏ ngay đi được. Gần đây vận-hội mở-mang, học-thuyết phương tây mới tràn sang, làm cho lay-chuyển cả nền văn-hóa cũ; người ta chỉ choáng mắt về những tân-văn tân-thuyết, ham chuộng tân-kỳ, mới nghĩ rằng Nho-giáo của ta là phần cựu-học đã từ mấy đời triều, cho là hủ-bại, muốn bỏ hết đi cả. Nhưng không biết rằng Nho-giáo mà sinh tệ là tệ tại cái học từ-chương, Nho-giáo mà sinh hại là hại tại cái học khoa-cử, nó làm cho mờ-ám mất cả cái tinh-thần văn-hóa Nho-giáo đi, chứ Nho-giáo có tệ hại gì. Nho-giáo đã có cái công gây dựng ra nền quốc-túy quốc-hoa ở xã-hội ta khi xưa không phải là nhỏ; chỉ vì người ta không xét kỹ, mới đem cái tội hư-văn vô-dụng, văn-nhược yếu hèn mà đổ tội cho Nho-giáo, chứ thực ra là tội tại cái người học theo Nho-giáo mà sai lầm

Nay nếu không đem cái phần tinh-túy của Nho-giáo mà biểu-chương ra, thì ai còn biết đến cái tinh-thần Nho-học nó có bổ-ích cho nhân-tâm phong-tục xã-hội ta như thế nào. Vậy muốn bảo-tồn Nho-giáo, thì trước phải giảng-minh các học-thuyết về Nho-giáo, nó nguyên-ủy như thế nào, phân-phái như thế nào, phải phác họa ra một bản đồ để tả rõ ra cái chân-tướng Nho-giáo, khiến cho người sau xem nhận đó mà biết được cái tinh-thần xã-hội ta khi xưa phần nhiều bởi văn-hóa của Nho-giáo mà gây nên. Ông Trần Trọng-Kim là một nhà tinh-thâm về tây-học, mà lại tiềm-tâm nghiên-cứu đến học-thuyết Đông-phương, đã dụng công soạn thuật ra ba quyển Nho-giáo, quyển thứ nhất nói Nho-giáo đời Xuân-thu, thuật rõ về đạo đức Khổng-tử; quyển thứ hai nói Nho-giáo đời Chiến-quốc và học-thuyết của Mạnh-tử và Tuân-tử; quyển thứ ba nói Nho-giáo đời Hán trải qua những đời Tùy, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh cho đến ngày nay. Đọc qua toàn-bộ Nho-giáo này có thể biết rõ được cái uyên nguyên văn-hóa của Nho-giáo từ xưa đến nay, và học-thuyết của chư-nho trong các thời-đại, thực là một việc trước-tác rất có bổ-ích cho sự học nước nhà; bộ sách này cùng với bộ sách Mạnh-tử quốc-văn giải-thích đều là giúp ích về việc học-vấn cho các nhà tân-nho cựu-nho, ai là người đã có tâm đến văn-hóa nước nhà, mà chẳng nên xem nên đọc. Bán tại nhà Trung-Bắc tân-văn số 3 hàng Gai Hà-nội. Giá mỗi quyển: quyển nhất 1$20, nhì 1$00, ba 2$00.

Tần-cung-oán. — Của ông Phác Trung-Ngọc xuất-bản, in tại nhà in Tiếng dân Huế; một phần chữ nôm, một phần quốc-ngữ, có giải nghĩa và phê-bình. Bài Tần-cung-oán này là một thể văn tứ-lục, giống như thể phú, là một áng văn-chương kiệt-tác trong văn giới nước ta về khoảng cuối triều Lê, sách in khổ nhỏ độ hơn hai-mươi trang, giá bán 0$10.

«Poème Bouddhique». — Ông Lê Công-Đắc soạn, in tại nhà in Đông-tây Hà-nội, khổ sách 12×16 phân tây, 8 trang, giá 0$05.

« Cùng-bạn » tuần-báo. — Chủ-nhân là ông Trần Thái-Nguyên, chủ-nhiệm

là ông Nguyễn Kim-Đính, báo-quán ở đường Reims số 5 và 7, Sài-gòn. Báo xuất-bản ngày thứ bảy, giá mỗi số 0$07.

« Phần hương-hỏa » (La Part de l'Encens et du Feu.)— *Cuốn sách mới của ông phủ Dương Tấn-Tài soạn, bằng pháp-văn, mới xuất-bản ở Nam-kỳ, kê-cứu rất kỹ về một văn-đề pháp-luật, có chứng-dẫn cả lời kinh-điển các sách, và tham-khảo cả hình-thư luật-lệ tự các đời Lý, Trần, Lê ; nghị-luận rất là rõ-ràng.*

Quan Thống-đốc Nam-kỳ có ban lời khen sách ấy và giới-thiệu cho các công-sở mua để lưu ở các thư-viện cho tiện bề khảo-cứu. Ngài lại truyền cho Học-chính Nam-kỳ mỗi năm mua lấy ít cuốn để phát thưởng cho học-trò, cốt ý cho phổ-thông một vấn-đề luật xưa nay rất khó giải-quyết.

Sách « Phần hương-hỏa » thực là một việc trước-tác có giá-trị, viện Hàn-lâm khoa giáo-dục và chính-trị ở Paris đã ban cho giấy tưởng-lục, rất là xứng-đáng cái danh-giá nhà tác-giả.

Ông phủ Dương Tấn-Tài là bạn cũ của bản-chí, nên bản-chí có lời mừng ông và giới-thiệu sách « Phần hương-hỏa » cùng chư-tôn độc-giả.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mới xuất-bản :

Tuồng Lôi-xích. giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước :

1. — Văn-minh-luận 4 hào.
2. — Ba tháng ở Paris 4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp : 4 hào.
4. — L'idéal du Sage 4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp,
   Quyển thứ I 4 hào.
   Quyển thứ II 5 hào.
6. — Khảo về tiểu-thuyết 4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới 4 hào.
8. — Le Paysan Tonkinois 4 hào.
9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE 4 hào.
10. — Phật-giáo đại-quan.
    (In lần thứ hai). 5 hào.
11. — La Poésie annamite. 4 hào.
12. — Tục-ngữ ca-dao. 4 hào.

Sắp xuất-bản :

13. — Tuồng Hòa-lạc

QUỐC-NGỮ ĐÍNH-NGOA (1)

V

Ham Ham mê, ham muốn.

Am Am-luyện, am-tường, am-tất.

Hàm Hôn-hàm, bao-hàm (ngậm bọc), phẩm-hàm, hàm-súc (kín đáo), hàm răng, hàm ngựa, thư-hàm (bì thư).

Hám Hám lợi.

Ám U-ám, ám-muội, mờ-ám.

Ãm Ãm con, bồng ãm.

Hãm Vu hãm, hãm hiếp, hãm hại.

Han Hỏi han

An An nghiệp, an lặng, an bảo, bình-an.

Hàn Thợ hàn, đá hàn, nước Hàn, viện Hàn-lâm, cơ hàn (đói rét).

Hán Hán-tự hán-học, tiện-hán (đứa hèn-hạ).

Án Sa án, quan án-sát, cái hương-án.

Hạn Đại-hạn, vận-hạn, giới-hạn, quyền-hạn, hạn-chế.

Hãn Hãn hữu (hiếm có).

Hãn Hãn-vệ (ngăn ngừa), phát hãn (chảy mồ-hôi).

Hang Hang hóc, hang hố.

Ang Cái ang (đựng nước), cái ang (đựng gạo).

Hàng Họ hàng, quân hàng, hàng-hóa, hàng nhiễu, hàng-phục (chịu xuống đầu), hàng-hải (đi bể), hàng-không (tầu bay trên không), xứ Hàng-châu.

Háng Cái háng (một bộ phận trong người).

Áng Áng văn-chương, áng phong-lưu.

Hạng Hạng-liệu, vật-hạng, hóa-hạng, đẳng-hạng, ưu-hạng, thứ-hạng.

Ạng Ang ạng (lời cãi lẽ).

Hanh Hanh-thông, hanh-vận (vận đỏ), trời nắng hanh, con cá hanh.

Anh Anh em, anh-hùng anh-kiệt, anh-nhuệ, nhà trâm-anh.

Hành Hành-hạ, hành-chính, bộ-hành, hành-nhân (người đi đường), ngũ hành, củ hành.

Ánh Ánh sáng.

Hạnh Tính-hạnh, đức-hạnh, hạnh-kiểm, hạnh-phúc.

Hảnh Hanh-hảnh, (cách kiêu-ngạo).

Ảnh Chụp ảnh, chớp ảnh, ảnh-hưởng.

Hao Hao-tổn, hao phí, hao mòn, tiêu hao.

Ao Ao hồ, ao sâu, ao đột, (lóm xuống lồi lên).

Hào Mương hào, anh-hào, hùng-hào, hào kiệt, hào hiệp, hào-quang, hô-hào, đồng bạc đào.

Ào Ào-ào, (cách gió thổi).

Háo Âm hào, (tin tức).

Áo Áo quần, áo nảo.

Hảo An-hảo, hòa-hảo, tình-hảo, hảo huyền.

Ảo Ảo-thuật, (chính chữ hán, là huyễn-thuật, là phép biến-huyễn), ảo-tưởng, (chính chữ là huyễn tưởng, là tư-tưởng mơ-màng).

Hạp Khai-hạp, (mở ra khép lại).

Áp Áp-chế, áp-bức, áp triện, (đóng đồng triện vào), áp vào mà đánh.

Hát Hát xướng, hùng hát, (nhạo nạt)

Át Át-chỉ, cấm át, ướt át.

Hau Lau hau, (tính cách trẻ con).

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 180.

Hàu Con hàu, (loài có vỏ cứng, ở dưới nước).

Háu Láu háu, (cách lật-đật không lễ phép).

Hay Hay dở, hay ho, thầy thuốc hay.

Háy Lấy con mắt mà háy.

Ấy Ấy náy, (cách kiêng sợ).

Hãy Hãy khoan đã.

57e

Hắc Hắc bạch, dầu hắc, bể Hắc-hải.

Hăm Hăm nhọa.

Hầm Giận hầm-hầm.

Hầm Bờ sông hầm, (bờ giốc và sâu).

Ăn Ăn uống, ăn-năn.

Hằn Thù hằn.

Hắn (Nghĩa cũng như tiếng nó)

Hẳn Chắc hẳn, đoán hẳn, quyết hẳn.

Hăng Màu hăng, hăng-hái.

Ăng Con chó kêu « ăng-ẳng ».

Hằng Hằng-sản, (của thường), chị hằng-nga, (ở trên giăng).

Hằng Đánh hằng một tiếng.

Hắt Hắt-heo, (cách liệt nhược), hiu hắt, (cách gió thổi), hắt bát nước, (cho đổ đi).

Ắt Ắt hẳn, ắt là.

58e

Hâm Hâm-mộ, hâm cá thịt lại cho nóng.

Âm Âm-dương, âm thầm, âm iu, âm-mưu, âm-đồ,(tính toan kín đáo), âm nhạc.

Hầm Đào hầm cho sâu, dùng lửa mà hầm cau.

Ầm Tiếng sấm ầm-ầm.

Ấm Ấm lạnh, ấm áp, ấm-tử, ấm-sanh, thừa ấm, phúc-ấm.

Hầm Hầm hút.

Ẩm Ẩm thực, (ăn uống, ẩm mục, ẩm thấp.

Hân Hân-hạnh

Ân Ân nghĩa, ân tình, ân-nhân, ân-chiếu, (tờ chiếu thi ân của vua), ân oán, ân-cần, (khẩn vó), ân ưu, (lo lắng).

Hấn Hấn-đoan, (mối hiềm thù), khiêu hấn, (khiêu khích cho ra mối hiềm thù), khai hấn, (khơi mối hiềm thù).

Ấn Ấn kiếm, ấn-quan, (quan-lớn có ấn), ấn-quán, (nhà in sách), ấn phát, in sách mà phát ra), ấn định, ấn ngón tay vào.

Hận Oán hận, hiềm hận,(hiềm thù).

Ẩn Ẩn nặc, ẩn nhẫn, ẩn tế, (che lấp), ẩn núp.

Hấp Hô hấp, (thở ra thở vào), hấp thủ, (hút lấy), hấp thụ, (hút lấy chịu lấy), hấp hối, hấp tấp, (cách bức bối).

Ấp Thôn ấp, hương ấp, ấp trẻ con, (cho nó ngủ).

Hất Hất-hưởng(cách khinh thường) hất cho té ra.

Ất Giáp ất, ất-bảng (là tú-tài hay phó-bảng).

Hâu Con diều hâu.

Âu Cái âu (đựng nước) âu là... âu hẳn...âu yếm, ân sầu, châu Âu-la-ba.

Hầu Công hầu, hầu chực, hầu hạ, một cô hầu.

Ấu Đồng-ấu, ấu-trĩ, lớp ấu-học.

Hậu Hậu đãi, hậu-tình, mặt hậu (đối với mặt tiền).

Ẩu Ẩu tả.

Hây Nắng hây hây.

Hầy « Hầy » (tiếng người ta đuổi trâu bò).

Ấy Ấy là, người ấy, người kia.

59°

He	Cái he (bóng sáng một phương trời).
E	E sợ, e giè.
Hè	Cái hè nhà.
È	Nặng lè è.
Hé	Hé sáng.
Hẹ	Cây hẹ (như cây hành mà bé hơn).
Hẻ	Te hẻ (cách hở ra).
Em	Anh em.
Hèm	Cám hèm (dùng cho lợn ăn).
Ém	Ém xuống (là đặt xuống cho chặt).
Hẻm	Bờ sông hẻm (là hiểm-hóc).
Hen	Ho hen.
Hèn	Yếu hèn, hèn hạ, hèn mạt, hèn chi mà...
Én	Con chim én.
Hẹn	Hẹn hò, kỳ hẹn.
Heo	Con heo, heo hắt (giọng nói người đau ốm).
Eo	Eo-le, eo lưng, cái eo bề.
Hèo	Cái hèo tua.
Héo	Khô héo.
Éo	Uốn éo, éo néo, cây éo (cây thiên-môn).
Ẹo	Eo ẹo (tiếng hai cây bị gió thổi mà đụng nhau).
Hẻo	Hẻo lánh, con chim hẻo (chim mặt cắt).
Ẻo	Trù ẻo (rủa nộp người nào).
Hét	Hầm hét, con chim hét.
Ét	Ót ét, (tiếng bánh xe kêu).

60°

Hê	Bề hê.
Ê	Ủ ê, ê hề.
Hề	Đứa hề-đồng (người làm trò cười).
Ế	Mối hàng ế (bán không chạy) vân ế (mây mù), chướng ế (mây trong con mắt.
Hệ	Quan-hệ, hệ-trọng.
Hề	Hề hả (tươi cười).
Hễ	Hễ mà... hễ thấy việc thì phải làm.
Hếch	Hếch hác (cách lắc láo).
Ếch	Con ếch, (như con nhái mà lớn hơn).
Êm	Êm ái, êm đềm.
Hến	Con hến (loài sò ở dưới nước).
Ên	Ủn ên (cách trì-chậm không lanh chạy).
Ệnh	Ệnh-ạng (tiếng nói to).
Hết	Hết rồi.
Hều	Hều-hảo (cách rộng-rãi tử-tế).

61°

Hi	Hi-vọng (trông mong) hi-sinh (liều mình) cười hi hi.
Y	Y ỷ, y a (nói a dua dựa theo người ta), y thuật (nghề làm thuốc) y-phục.
Ỳ	Nằm ỳ ra.
Hí	Du hí, hi hước (chơi cợt).
Ý	Chú-ý, ý-tưởng, ý-nghĩa, ý-tứ.
Hỉ	Hoan hỉ (hỉ mũi).
Ỷ	Ỷ y (nương tựa) ỷ lại (nương nhờ) ỷ mình có tài, một cái ghế ỷ.
Hia	Đôi hia dùng đi dưới chân).
Ỉa	(Đi tả).
Ích	Ích lợi, công ích, tư ích.
Hịch	Tờ hịch (dùng để truyền-bá cho người ta đều biết để đi đánh một đảng phái nào), truyền hịch.
Ịch	Nặng ình ịch.
Yêm	Yêm trì (lâu chậm), yêm trệ (lâu chậm), yêm lưu.

Hiềm	Hiềm oán, hiềm hận, hiềm thù, hiềm vì chưng.
Hiếm	Hiếm hoi, đồ qui vật rất hiếm.
Yếm	Yếm bạc (chán chường và khinh dể), cái yếm (của đàn bà dùng che trước ngực).
Hiềm	Hiềm-trở, hiềm hóc, tâm địa độc hiềm.
Yềm	Yềm trừ, trấn yềm.
Hiên	Hiên-ngang (cách người hào-hoa), cái mái hiên, cây rau hiên.
Yên	Yên hàn, bình yên, yên ổn, yên giấc ngủ.
Hiền	Hiền lành, hiền hậu, hiền hòa, hiền-thê (người vợ giỏi), hiền-thần (ông quan giỏi), hiền triết.
Hiến	Cống hiến, văn hiến.
Yến	Ăn yến, tiệc yến, yến lạc (vui mừng), con chim yến.
Hiện	Phát hiện, hiện hình ra, hiện thời (lúc bây giờ), hiện-tình (tình cảnh trước con mắt), hiện-trạng (tình trạng trong lúc bây giờ).
Hiển	Hiển hách, hiển đạt, vinh hiển, hiển vinh, hiển dương (rạng danh tiếng cho cha mẹ).
Hiềng	Hiềng hiềng (cách người đi nghẻo cổ).
Yềng	Con chim yềng (hay nói).
Hiếp	Hiếp đáp, hà-hiếp, hiếp-chế.
Hiệp	Hiệp-thế (ỷ thế), hào hiệp (người anh hào ngay thẳng), hiệp-sĩ (người anh-hùng hay đi giết những người làm bậy), kiếm hiệp (người hiệp-sĩ giỏi nghề gươm).
Hiệt	Điêu-hiệt (điêu giảo), hiệt-lại (một người nha lại điêu giảo).
Yết	Bái yết, yết-kiến, hậu yết (chực hầu mà ra mắt), chiêm yết (vào yết kiến vua), niêm yết (dán bài yết thị), cái yết hầu.
Hiêu	Trần hiêu (bụi bặm).
Yêu	Con yêu, yêu ma, yêu mến, thương yêu, yêu cầu, yêu thỉnh (cầu xin).
Hiếu	Hiếu đễ, hiếu thảo, hiếu thuận, hiếu sắc (ưa sắc gái), hiếu-tử (người con có hiếu).
Yếu	Hèn yếu, yếu ớt, yếu-nhân (người quan-hệ trong một đảng phái), yếu-điểm (chỗ quan-hệ hơn cả), yếu khuyết (một chức quan quan-hệ).
Hiệu	Hiệu lệnh, thành hiệu, kiến hiệu, thu hiệu, hiệu-quả (sự kết-quả sau khi thành-hiệu), hiệu-lực (rán sức mà đền tội).
Hiểu	Hiểu thị, hiểu cáo, hiểu khuyến.
Yểu	Chết yểu, non yểu, yểu điệu.

62°

Ho	Ho hen, con chim đo ho.
O	O cháu.
Hò	Hò hát, hò hét, hò con trâu đứng lại.
Ó	Con chim diều ó, tiếng kêu ó lên (khi bị người ta giết).
Hỏ	Ngồi chỏ-hỏ.
Hoa	Bông hoa, văn hoa, hoa mỹ, hào hoa (cách xa xỉ), nước Trung-hoa (nước Tàu), Hoa-nhân (người nước Tàu), hoa-văn (chữ nước Tàu).
Oa	Khóc oa oa, bà Nữ Oa.
Hòa	Hòa thuận, hòa bình, hòa hưu, hòa nhã, tỉnh Khánh-hòa.
Òa	Khóc òa lên.
Hóa	Tài hóa (của cải) hóa-hạng, hóa vật, biến hóa, hóa-học (mộ môn học biến hóa các vật chất).

Óa Chạy óa vào.

Họa Họa phúc, tai họa, họa địa-đồ, họa may chi...

Hỏa « Lửa » hỏa-tai, hỏa-hoạn, hỏa-tinh, hỏa-tốc.

Ỏa (Ỏa) (tiếng quở sẹ sẹ).

Hoai Hoai nát.

Oai Oai nghiêm, oai vệ, oai quyền, oai thế.

Hoài Cảm hoài, hoài nghi, hoài vọng, thương nhớ hoài hoài,

Hoại Hủy hoại, phá hoại, bại-hoại.

Oam Tốt oam, cây bồ oam xuống.

Hoan Hoan-hỷ, hoan-nghênh.

Oan Oan-khổ, oan-khuất, oan-uổng, oan-nghiệt, oan-gia, oan-tình.

Hoàn Tuần-hoàn (sự xây vòng quanh) lai-hoàn (trả lại) hoàn-cầu (quanh quả địa-cầu), hoàn-cảnh (cái tình cảnh quanh mình).

Hoán Luân-hoán (thay đổi xoay vần) hoán-cải, hoán-bổ (bổ đi chức khác).

Oán Oán-hận, oán-trách, thù-oán, hiềm-oán, kiết oán, báo oán, ân oán.

Hoạn Tai hoạn, bệnh hoạn, hoạn nạn, hoạn-trường, (trong đám quan viên), hoạn-tình, (tình cảnh làm quan) hoạn-nghiệp (nghề nghiệp làm quan), hoạn du (lấy sự làm quan để làm du-lịch).

Hoãn Trì hoãn, triền hoãn.

Oản Xôi oản.

Hoang Đất hoang, ruộng hoang, hoang phế, hoang phí, hoang-đãng, hoang chơi, hoang-đản (chuyện bày đều), hoang-đường (lời nói đặt bày), hoang-thai (không chồng mà chửa).

Oang Tiếng la oang lên.

Hoàng Hoàng - đế, hoàng - thượng hoàng-hậu, hoàng-gia, hoàng kim (vàng), hoàng-chủng (giống da vàng), trang hoàng, đường hoàng.

Hoạng Con hoạng (loài thú ở núi).

Oạng Nước đồ oạng ra.

Hoảng Hoảng hồn, hoảng hốt, khủng-hoảng (trợ trệt).

Hoi Hiếm-hoi.

Oi Cái oi (đựng cá), cây bị oi nước mà chết.

Hói Cái hói (có nước).

Ói Nhiều ói, ăn no ói ra.

Hỏi Hỏi han, hỏi thăm, hỏi dạm.

Ỏi Yêng ỏi (cách la khóc của trẻ con) om ỏi.

Hom Một nước sơn hom.

Om Om sòm, om ỏi.

Hòm Rương hòm, cái hòm (chôn người chết).

Òm Òm hơi lại.

Hóm Con mắt hóm.

Hỏm Sâu hỏm vào.

Ỏm Ỏm tai, ỏm óc

Hòn Hòn đạn, hòn cù-lao.

Ón Ón lại (cách nước đọng lại một chỗ).

Ong Con ong, (có mật).

Hòng Toan hòng.

Hóng Hóng mát hóng gió.

Óng Ong óng (tiếng loài trùng kêu).

Họng Cổ họng, cắt họng.

Hỏng Thi hỏng, hỏng trớt, công việc hỏng.

Ỏng Ong ỏng (cách nước da xanh vàng).

Hóp Thở hoi hóp, cây hóp (loài cây tre).

Óp Con cua óp (ít thịt).

Họp Nhóm họp, hội họp, xum họp.

Ọp Ọp ẹp (cách rếu-ráo gần gẫy).

Hót Ninh hót, hót cỏ, con khướu hót, con vượn hót.

Ót Ót ét (tiếng hai vật gì cọ nhau mà sinh ra).

63e

Hô Hô-hoán, hô-hào, hàm răng hô, hô hổng.

Ô Ô-nhục, ô-my, cái ô che đầu (cái dù), cái ngăn ô.

Hồ Giang-hồ, hồ đầm, hồ cháo, hàm hồ, con hồ (con cáo).

Ồ Khóc ồ ồ, nước chảy ồ ồ.

Hố Khe hố, hang hố.

Ố Tỳ ố, la ố lên.

Hộ Hộ-khẩu (kể đầu người), dân-hộ, bộ hộ, môn hộ (cửa ngõ), phù hộ, giúp hộ, hồi hộ (binh vực), quân hộ-tùng, hộ-giá (đi hầu vua).

Hồ Hồ-lang, thẹn hồ, xấu hồ, hồ ngươi, hồ-phách.

Ồ Ồ con chim.

Hốc Hốc trán, tốc hốc (cách chống trải).

Ốc Ốc-ác, gia-ốc, trường-ốc.

Hộc Cái hộc (để lường lúa), hộc huyết ra.

Hôi Hôi thối, hôi hám, mồ hôi.

Ôi Than ôi, thương ôi, hỡi ôi.

Hồi Khứ hồi (đi và về), một hồi (một chặp), một hồi trống, cái hồi nhà, đạo Hồi.

Hối Giáo-hối, huấn-hối, hối-hận, hối-giục, hối-hỏa.

Hội Hội-hè, hội họp, hội-ngộ, hội viên, đảng-hội, cơ-hội.

Hồi Cơm hồi ra.

Ồi Một quả ồi.

Hôm Chiều hôm, hôm sớm.

Ôm Ôm cầm, ôm lấy nhau.

Ốm Đau ốm, yếu ốm, gầy ốm.

Hồm Chôm hồm (cách nằm khum), hô-hồm (cách thưa hở không khít nhau).

Hôn Hôn-ám, hôn-nhân (là thông-gia), kết-hôn (kết làm thông-gia), đính-hôn (ước làm thông-gia), hôn-nghị (tình thông-gia), buổi hoàng-hôn, ôm mà hôn, con hôn (như con rùa).

Ôn Ôn-hòa, ôn-tồn, ôn-dịch, ôn-khí, học ôn lại.

Hồn Hồn-phách, hồn vía, âm-hồn, hồn-hậu, hồn-hàm.

Ồn Ồn-ào, tiếng la nghe «ồn».

Ồn Yên-ồn, ồn-thỏa, người ồn-bà (cô đỡ).

Hỗn Hỗn hào.

Hông Hông lên trên lửa, cái hông (một bộ-phận trong con người).

Ông Ông bà, ông cháu.

Hồng (đỏ), má hồng, hồng-nhan, khách hồng-quần (đàn bà hay mặc quần đỏ), quan hồng lô, một quả hồng.

Hống Hống hát (nhọa nạt).

Ống Cái ống tròn.

Hổng Lỗ hổng, tông-hổng (cách thưa hở).

Hộp Cái hộp (đựng đồ), khay hộp.

Hốt Hoảng hốt, lượm hốt, hốt-nhiên (cách bất-thình-lình), cái hốt (để cầm tay khi lạy vua).

Hột Hột gạo, hột lúa.

64e

Hơ Hơ lửa, hơ hám, bơ hơ (cách hỏng mất phần).

Ơ	Thờ-ơ, tiếng gọi «ơ người nào».
Hờ	Hững-hờ, hờ hỏng.
Ờ	(Ờ một tiếng sau khi nghĩ lại đến việc gì), «ờ hay».
Hớ	Hớ hết
Hở	Hở hang, thưa hở.
Ở	Ăn ở, ở trong nhà, đứa ở.
Hơi	Hơi hám, thở hơi ra, tốt hơi hơi.
Ơi	Ơi, (tiếng đáp lại).
Hời	Người Hời (người Chiêm-thành).
Hợi	Năm tuất, năm hợi.
Hỡi	Hỡi ôi, hỡi người kia.
Hờm	Bệnh ghẻ hờm.
Hởm	Chơm hởm.
Hơn	Giỏi hơn người, hơn thua, hơn kém.
Ơn	Ơn ợt (nước da người bệnh), ơn nghĩa (ân nghĩa).
Hờn	Giận hờn.
Hớn	Hớn hở (cách vui mừng).
Ớn	Ơn ớn (cách trong mình muốn đau), nhiều ớn ra.
Hớp	Một hớp nước.
Hợp	Hợp lực, hợp ý, hợp-tác (chung sức lại mà làm việc), hội hợp, hợp tan.
Hớt	Nói hớt, hớt lấy trên mặt, cắt hớt đầu ngọn.
Ớt	Quả ớt.

65.

Hu	Hu hồn, hu con chó.
U	U mê, u-ám, u tịch, thanh u, cây u lên, cây mu-u, con bò u.
Ù	Chạy ù.
Hú	Hú hí (cách béo), chim tu-hú.
Ú	Mặt béo ú.
Ụ	Ụ đất (đắp cao lên).
Hủ	Hủ lậu, hủ mục, hủ bại.
Ủ	Ủ dột, ủ ê.
Hũ	(Cái hũ đựng rượu).
Úa	Vàng úa.
Huân	Huân-lao (công khó), huân-chương (cái mề đay).
Huấn	Huấn giáo, huấn luyện, huấn hối, quan huấn-đạo.
Uần	Uần-súc, uần-tạ (học lực rộng rãi và sâu xa).
Huất	Huất tay, huất cờ, huất roi.
Uất	Uất kết, uất ức.
Húc	Húc bạng, húc chạm.
Úc	Béo chúc úc, con cá úc.
Ục	Ục ịch (tiếng lợn kêu).
Huê	Văn huê, bông huê, huê nguyệt.
Huề	Đề huề (cắp cầm), huề thuận (tức hòa thuận).
Huế	Kinh thành Huế (là thành Thuận-hóa).
Uế	Ô uế, uế tạp.
Huệ	Ân huệ, lan huệ.
Huếch	Huếch hoác.
Hui	Hui cho cháy (cũng gọi rằng thui).
Úi	Bệnh úi.
Hủi	Phong hủi.
Ủi	Giặt ủi, yên-ủi.
Hum	Nằm chùm hum.
Um	Khói lên um.
Hùm	Con hùm, con tôm hùm.
Úm	Úm trớ (đọc câu chú).
Hũm	Hũm vào (lóm vào trong thịt).
Un	Un hĩa lên.
Hùn	Hùn tiền vào, một hùn gió.
Ụn	Ngồi chun ụn.
Hung	Cát hung (tốt và xấu), hung hăng, hung tợn, hung ác,

hung dữ, hung thủ (đứa giết người), con bọ hung.

Ung Ung dung (khoan thai), cái mụt ung, trứng gà ung.

Hùng Anh hùng, hùng hào, hùng kiệt, hùng vĩ (mạnh mẽ tốt đẹp), con hùng (tức con gấu).

Húng Húng hách, húng hát (nộ nạt).

Úng Chua úng.

Hung Lỗ hủng, hố hủng.

Ủng Ủng tắc, ủng trệ, đôi ủng (là đôi hia), ủng hộ.

Uôm Luồn uôm (tiếng la của nhiều người).

Uốn Uốn éo, uốn nắn.

Huống Tình huống (tình cảnh), cảnh huống (tình cảnh), hoạn huống (tình-cảnh làm quan), lữ huống (tình-cảnh khi ở đất khách), huống chi là...

Uống Uống nước.

Húp Húp nước,

Úp Úp nắp lại, lật úp lại.

Hụp Hụp xuống nước.

Ụp Nhảy ụp xuống.

Hút Hầm hút, hút thuốc, hút hơi vào.

Út Em út

Hụt Hụt ngắn đi.

Huy Huy chương (cái mề-đay), huy-hiệu (danh hiệu tốt).

Uy Uy-nghiêm, uy-vệ, uy-nghi, uy-lực.

Húy Tên húy (lức tên kiêng), ngày húy-nhật.

Úy Úy khiếp, quan đại-úy, quan vệ-úy.

Hủy Hủy hoại, phá hủy.

Ủy Ủy-quyền, ủy-viên, yên-ủy.

Huyên Huyên-náo, huyên-truyền, huyên-đường (nhà huyên là mẹ).

Uyên Uyên thâm (là sâu sắc), chim uyên-ương.

Huyền Sắc huyền, huyền-chức (treo chức vị mà không làm việc), huyền-khuyết, (chức vị khuyết mà chưa điền), huyền viễn, huyền cách (xa cách), đèn huyền đăng.

Uyển Uyển từ (ngọt lời), uyển-chuyển (cách nói dịu-dàng).

Huyễn Huyễn hoặc, huyễn-tượng (cảnh tượng mơ-màng), huyễn-tưởng (tư-tưởng mơ-màng).

66e

Hư Hư hại, hư hao, hư vô, hư không, con người hư (không giỏi).

Ừ (Ừ) (tiếng đáp lại với người bề dưới).

Ứ Ứ huyết, thuốc trục ứ.

Hử Ư hử (cách giả lời bằng từ chối).

Ưa Mắt ưa, duyên ưa.

Hứa Hứa với ai một lời gì, hứa gả con cho người.

Ứa Chười ứa, ứa nước mắt ra, ứa máu ra.

Ựa Ựa hơi ra.

Ức Oan ức, khổ ức, ức tình, ức hiếp, cái ức, (ở trước bụng).

Hưng Chấn hưng, hưng khỉ (làm cho nổi dậy), hưng lợi, hưng công (bày công việc làm ra).

Ưng Ưng ý, ưng bụng, con chim ưng

Hứng Thú hứng, nổi hứng lên.

Ứng Ứng đối, ứng-đáp, hô-ứng (kêu đi đáp lại), thù ứng (sự giao-thiệp với đời),

Hững Hững hờ.

Hước Hi hước.

(Còn nữa)